

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC
(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

HÀ NỘI, THÁNG 9/2024

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC
(Theo Quyết định số 1339/QĐ-ĐHSPHN ngày 03 tháng 05 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đức Sơn	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Nguyễn Văn Trào	PGS.TS, P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Đặng Ngọc Quang	GS.TS, Trưởng khoa	Phó Chủ tịch HĐ Thường trực	
4	Dương Giáng Thiên Hương	PGS.TS, GĐ TTĐBCL	Thư ký HĐ	
5	Nguyễn Văn Hiền	PGS.TS, Chủ tịch HĐT	Thành viên	
6	Trần Bá Trình	TS, TP Đào tạo	Thành viên	
7	Khuất Tuệ Minh	ThS, P. TP KHTC	Thành viên	
8	Bùi Thị Hà Giang	TS, Bí thư Đoàn TN	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Thu Hà	PGS.TS, P. Trưởng khoa	Thành viên	
10	Phạm Thị Bình	TS, Trưởng BM	Thành viên	
11	Lê Thị Hồng Hải	PGS.TS, GVCC	Thành viên	
12	Dương Quốc Hoàn	PGS.TS, P. Trưởng khoa	Thành viên	
13	Đỗ Thị Quỳnh Mai	TS, P. Trưởng BM	Thành viên	
14	Nguyễn Văn Hải	TS, P. Trưởng BM	Thành viên	
15	Phạm Trung Quốc Anh	Sinh viên K71	Thành viên	

DANH SÁCH BAN THƯ KÝ
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC
(Theo Quyết định số 1339/QĐ-ĐHSPHN ngày 03 tháng 05 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Dương Giáng Thiên Hương	PGS.TS, GD TTĐBCL	Trưởng Ban	
2	Dương Thị Tuyết Nhung	ThS, TTĐBCL	P. Trưởng Ban	
3	Trần Thị Dung	ThS, KTV P. KHTC	Thành viên	
4	Nguyễn Thị Kim Giang	TS, GVC	Thành viên	
5	Lê Văn Khu	PGS.TS, GVCC	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Thanh Chi	PGS.TS, Trưởng BM	Thành viên	

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC

*(Theo Quyết định số 1339/QĐ-ĐHSPHN ngày 03 tháng 05 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
Nhóm 1 Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nguyễn Thị Thu Hà	PGS.TS, P. Trưởng khoa	Trưởng nhóm	
	Nguyễn Thị Kim Giang	TS, GVC	Thư ký	
	Đường Khánh Linh	TS, P. Trưởng Bộ môn	Ủy viên	
	Vũ Thị Hương	TS, GV	Ủy viên	
Nhóm 2 Tiêu chuẩn 4, 5, 11	Phạm Thị Bình	TS, Trưởng Bộ môn	Trưởng nhóm	
	Nguyễn Mậu Đức	PGS.TS, GVCC	Thư ký	
	Nguyễn Thị Bích Việt	TS, P. Trưởng Bộ môn	Ủy viên	
	Phùng Thị Lan	TS, Trưởng Bộ môn	Ủy viên	
Nhóm 3 Tiêu chuẩn 6, 7	Lê Thị Hồng Hải	PGS.TS, GVCC	Trưởng nhóm	
	Nguyễn Thị Mơ	TS, GVC	Thư ký	
	Đinh Thị Hiền	PGS.TS, GVCC	Ủy viên	
	Trần Thế Nga	TS, GV	Ủy viên	
Nhóm 4 Tiêu chuẩn 8, 9	Dương Quốc Hoàn	PGS.TS, P. Trưởng khoa	Trưởng nhóm	
	Lê Văn Khu	PGS.TS, GVCC	Thư ký	
	Nguyễn Tiên Dũng	TS, GVC	Ủy viên	
	Ngô Tuấn Cường	PGS.TS, GVCC	Ủy viên	
Nhóm 5 Tiêu chuẩn 10; Phần khái quát, phần kết luận chung và phần CSDL kiểm định	Đỗ Thị Quỳnh Mai	TS, P. Trưởng Bộ môn	Trưởng nhóm	
	Nguyễn Thị Thanh Chi	PGS.TS, Trưởng Bộ môn	Thư ký	
	Vũ Quốc Trung	PGS.TS, Trưởng Bộ môn	Ủy viên	
	Phạm Thanh Nga	TS, GV	Ủy viên	

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	9
DANH MỤC BẢNG.....	11
DANH MỤC HÌNH.....	12
PHẦN I. KHÁI QUÁT	13
1.1. Đặt vấn đề.....	13
<i>1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....</i>	<i>13</i>
<i>1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá</i>	<i>14</i>
1.2. Tổng quan chung	16
<i>1.2.1. Thông tin chung về Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN)</i>	<i>16</i>
<i>1.2.2. Thông tin về khoa đào tạo</i>	<i>18</i>
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	22
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	22
<i>Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.....</i>	<i>22</i>
<i>Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.....</i>	<i>25</i>
<i>Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai...28</i>	<i>28</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	31
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	32
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	<i>32</i>
<i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật</i>	<i>36</i>
<i>Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....</i>	<i>39</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	41
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	42
<i>Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra</i>	<i>42</i>
<i>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng</i>	<i>43</i>
<i>Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp</i>	<i>50</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	52
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	53
<i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....</i>	<i>53</i>
<i>Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....</i>	<i>57</i>
<i>Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.....</i>	<i>60</i>

Kết luận về Tiêu chuẩn 4	63
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	64
<i>Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....</i>	<i>64</i>
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.</i>	<i>67</i>
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.</i>	<i>70</i>
<i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập</i>	<i>72</i>
<i>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập</i>	<i>74</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	77
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	79
<i>Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>79</i>
<i>Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>81</i>
<i>Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....</i>	<i>85</i>
<i>Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá</i>	<i>86</i>
<i>Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	<i>89</i>
<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>92</i>
<i>Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>95</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	100
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	102
<i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i>	<i>102</i>
<i>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai</i>	<i>106</i>
<i>Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá ..</i>	<i>107</i>
<i>Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	<i>109</i>

<i>Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ công đồng.....</i>	<i>111</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	114
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	115
<i>Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng được công bố công khai và được cập nhật.....</i>	<i>115</i>
<i>Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá</i>	<i>118</i>
<i>Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học</i>	<i>129</i>
<i>Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học</i>	<i>136</i>
<i>Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....</i>	<i>141</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	145
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	146
<i>Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>146</i>
<i>Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>147</i>
<i>Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</i>	<i>150</i>
<i>Tiêu chí 9.4: Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</i>	<i>152</i>
<i>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật</i>	<i>153</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	156
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	157
<i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học</i>	<i>157</i>
<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>159</i>
<i>Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra</i>	<i>163</i>
<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng và cải tiến việc dạy và học.....</i>	<i>169</i>
<i>Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến</i>	<i>172</i>
<i>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>181</i>

Kết luận về Tiêu chuẩn 10	187
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	189
<i>Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>189</i>
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>198</i>
<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>203</i>
<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>208</i>
<i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>210</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 11	216
PHẦN III. KẾT LUẬN	217
3.1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT	217
3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT	220
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	221
3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT	223
PHẦN IV. PHỤ LỤC	226
1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	226
2. Các tư liệu, tài liệu liên quan	248

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

TT	CHỮ CÁI VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
1.	BCN	Ban chủ nhiệm
2.	CĐR	Chuẩn đầu ra
3.	CLC	Chất lượng cao
4.	CNSPHH	Cử nhân Sư phạm Hóa học
5.	CNTT	Công nghệ thông tin
6.	CTCT&HSSV	Công tác Chính trị và Học sinh - Sinh viên
7.	CTDH	Chương trình dạy học
8.	CTĐT	Chương trình đào tạo
9.	CVHT	Cổ vấn học tập
10.	ĐHSPHN	Đại học Sư phạm Hà Nội
11.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
12.	GS	Giáo sư
13.	GV	Giảng viên
14.	GVTH	Giáo viên thực hành
15.	KHHH	Khoa học hóa học
16.	KHCN	Khoa học Công nghệ
17.	KH-TC	Kế hoạch - Tài chính
18.	KTX	Kí túc xá
19.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
20.	NCS	Nghiên cứu sinh
21.	NCV	Nghiên cứu viên
22.	NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
23.	PGS	Phó Giáo sư
24.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
25.	PTH	Phòng thực hành
26.	PTN	Phòng thí nghiệm
27.	SV	Sinh viên
28.	TC	Tín chỉ
29.	THPT	Trung học phổ thông
30.	TĐTBCCN	Tổng điểm trung bình chung cả năm

TT	CHỮ CÁI VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
31.	ThS	Thạc sĩ
32.	TS	Tiến sĩ
33.	TT ĐBCL	Trung tâm Đảm bảo chất lượng
34.	TT TT-TV	Trung tâm Thông tin - Thư viện

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC HÌNH

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT). Báo cáo tự đánh giá gồm có ba phần: Phần I. Khái quát; Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và Phần III. Kết luận.

Cụ thể như sau:

- Phần I. Khái quát

Phần *Khái quát* giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Phần Khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Khoa Hóa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Trường ĐHSPhN).

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần *Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí* trình bày báo cáo tự đánh giá CTĐT đại học ngành Sư phạm Hóa học theo 11 tiêu chuẩn (TC), 50 tiêu chí ban hành kèm thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Phần II của báo cáo TĐG được trình bày theo đúng trình tự: Mô tả, Điểm mạnh, Điểm tồn tại, Kế hoạch hành động và Tự đánh giá của từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: (TC1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; (TC2) Bản mô tả CTĐT; (TC3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (TC4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (TC5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (TC6) Đội ngũ GV (GV), nghiên cứu viên (NCV); (TC7) Đội ngũ nhân viên (NV); (TC8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (TC9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (TC10) Nâng cao chất lượng; (TC11) Kết quả đầu ra.

- Phần III. Kết luận

Phần Kết luận của báo cáo mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT, đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Cuối phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học của Trường ĐHSPhN.

- Phần IV. Phụ lục

Phần Phụ lục gồm có Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT; Các quyết định và văn bản liên quan khác; Danh mục minh chứng.

Giải thích cách mã hóa minh chứng trong báo cáo:

Mã hóa các thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức: Hn.ab.cd.ef. Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, , vv.)

Ví dụ, H1.01.01.01: là MC thứ nhất tiêu chí 1 của tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.02.04: là MC thứ 4 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT theo mục tiêu và CĐR của ngành đào tạo.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

- Mục đích tự đánh giá

Mục đích của đợt tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học là nhằm nhìn nhận lại toàn diện các mặt hoạt động của Khoa Hóa học trong 5 năm qua (2019-2024). Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Khoa Hóa học xác định rõ những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại và đề ra kế hoạch hành động để duy trì, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa. Cụ thể:

+ Nâng cao chất lượng của CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học bằng việc tự rà soát và đánh giá thực trạng của chương trình tại thời điểm tự đánh giá, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến và hoàn thiện hơn chất lượng chương trình; đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

+ Tự đánh giá CTĐT là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), dịch vụ xã hội.

+ Nhà trường, Khoa và các cán bộ viên chức biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT; từ đó có hướng giải quyết nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình, để đào tạo ra các giáo viên trung học phổ thông (THPT), trung học cơ sở (THCS) dạy môn Hóa học đáp ứng nhu cầu của xã hội, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường và Khoa Hóa học.

- Quy trình tự đánh giá

Khoa tổ chức tự đánh giá theo quy trình chuẩn được hướng dẫn trong các văn bản cập nhật về đánh giá chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT. Cụ thể, để triển khai công tác

tự đánh giá, Khoa đã tiến hành xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng Tự đánh giá, thành lập Ban Thư ký và 5 nhóm công tác chuyên trách. Các nhóm chuyên trách được giao nhiệm vụ cụ thể và tiến hành công việc theo lịch trình và kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt.

Khoa đã tổ chức nhiều cuộc họp, thông báo rộng rãi kế hoạch tự đánh giá của Khoa đến toàn thể cán bộ viên chức, SV (SV) và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ môn, tổ chức đoàn thể, văn phòng, giáo vụ, vv. để cùng phối hợp thực hiện. Chuyên gia tư vấn của Trung tâm đảm bảo chất lượng (TT ĐBCL) đã hướng dẫn các kỹ thuật thu thập minh chứng, kỹ thuật viết báo cáo tiêu chí cho tất cả các thành viên tham gia nhóm chuyên trách. Mười một tiêu chuẩn tự đánh giá được phân công cụ thể cho 5 nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm, dưới sự hỗ trợ trực tiếp của thư ký 2 là chuyên viên của TT ĐBCL. Các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin qua các văn bản lưu trữ, qua khảo sát GV, SV, cán bộ quản lý để có được các minh chứng phù hợp và viết báo cáo tự đánh giá từng tiêu chuẩn, tiêu chí đã được phân công; đồng thời mã hóa tất cả các minh chứng theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Từ báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn của 5 nhóm công tác, Thư ký tiến hành tổng hợp và biên tập thành báo cáo tự đánh giá tổng thể cấp Khoa để trình Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa. Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Hóa học họp, đánh giá tiến độ công tác tự đánh giá CTĐT của Khoa. Các nhóm chuyên trách báo cáo các kết quả viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.

Ban thư ký và các nhóm công tác họp với nhóm chuyên gia của TT ĐBCL của Trường để hoàn thiện các báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn. Trên cơ sở các ý kiến góp ý của TT ĐBCL, Khoa tiến hành hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học. Công bố báo cáo cho các bên liên quan trong Trường đọc và góp ý kiến, hoàn thiện lần cuối báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học và đăng ký đánh giá ngoài.

- Phạm vi tự đánh giá

Trường ĐHSPHN thực hiện tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng trong trường, đội ngũ nhân sự, sinh viên đã tốt nghiệp và đang theo học CTĐT ngành Hóa học tại trường, nhà tuyển dụng lao động qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây từ 2019 - 2024.

- Phương pháp tự đánh giá

Các phương pháp chính được sử dụng để tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá là thống kê, đối sánh, phân tích và tổng hợp. Cụ thể, các nhóm chuyên trách đã tiến hành (1) Mô tả và phân tích các hoạt động của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học theo đúng nội hàm tiêu chí; (2) Thống kê và đối sánh với các CTĐT khác của Trường và/hoặc các CTĐT cùng ngành của các trường đại học khác; (3) Căn cứ vào kết quả phân tích về thực trạng của CTĐT để chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng của từng tiêu chí.

- Công cụ tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học được dựa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí và các tài liệu hướng dẫn đánh giá CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH) số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 và Công văn số 285/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý Chất Lượng - Bộ GD&ĐT về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

Mỗi tiêu chí được viết theo trình tự: mô tả thực trạng của CTĐT; phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những tồn tại; lên kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và khắc phục tồn tại trong thời gian tới.

- Sự tham gia của các bên liên quan

Tự đánh giá là quá trình phức tạp, liên quan đến nhiều bên. Vì vậy, Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học được thành lập theo Quyết định số 1399/QĐ-ĐHSPHN ngày 03/05/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN gồm có đầy đủ các bên liên quan: Ban Giám hiệu Nhà trường, cán bộ, GV của Khoa Hóa học, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Cụ thể Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, Phòng Đào tạo cung cấp các minh chứng về CTĐT, Phòng Hành chính Đối ngoại cung cấp minh chứng về các quyết định của Trường, các công văn, vv. ; Phòng Kế hoạch Tài chính thực hiện các công tác liên quan tới kinh phí cho các hoạt động liên quan đến tự đánh giá; Phòng Tổ chức Cán bộ cung cấp minh chứng các quyết định về cán bộ, TT ĐBCL cung cấp các minh chứng về đảm bảo chất lượng, Khoa Hóa học tiến hành viết báo cáo tự đánh giá và thu thập, tìm kiếm các minh chứng liên quan đến Khoa. Ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, sự phản hồi của SV, các cựu SV cũng là các thông tin rất quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Thông tin chung về Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN)

Trường ĐHSPHN được thành lập vào ngày 11 tháng 10 năm 1951 tại Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT). Theo đó, Trường là một trong những cơ sở GDĐH đầu tiên của nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Trải qua 70 năm xây dựng và phát triển, đi cùng với lịch sử hào hùng của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các thế hệ thầy và trò Nhà trường đã góp phần không nhỏ trong việc hình thành và phát triển ngành sư phạm Việt Nam, phát triển sự nghiệp GD&ĐT đất nước. Lịch sử của Trường ĐHSPHN là lịch sử của tinh thần “Mô phạm - Sáng tạo Cống hiến” và được kết tinh thành những giá trị cốt lõi của Nhà trường. Những bước trưởng thành của Nhà trường luôn có sự quan tâm, ủng hộ của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lãnh đạo Bộ GD&ĐT, lãnh đạo các cấp và nhân dân các địa phương. Nhà trường đã vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm nhiều lần. Lời căn dặn của Người (trong bài nói chuyện nhân dịp đón Tổng thống Cộng hòa Mali về thăm Trường, năm 1964) “...Làm thế nào để

Nhà trường này chẳng những là trường sư phạm mà còn là trường mô phạm của cả nước” đã trở thành niềm tự hào và mục tiêu phấn đấu không biết mệt mỏi của lớp lớp các thế hệ cán bộ và SV Nhà trường trong suốt quá trình xây dựng và phát triển.

Ngày 12 tháng 10 năm 1999, Trường ĐHSPHN đã được Chính phủ định hướng xây dựng thành một trong hai trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia (tại Quyết định số 201/1999/QĐ-TTg).

Sứ mạng của Trường hiện nay là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và trên đại học, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội; NCKH cơ bản, khoa học giáo dục (KHGD) và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ (KHCN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Trường có vai trò nòng cốt cho hệ thống các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng GV và cán bộ quản lý giáo dục, phát triển các CTĐT, biên soạn chương trình, giáo trình, sách giáo khoa cho các bậc học, tư vấn các cấp quản lý xây dựng chính sách giáo dục. Nhà trường xác định tầm nhìn của mình là: “Đến năm 2030 Trường ĐHSPHN sẽ là trường đại học nghiên cứu có uy tín trong khu vực và trên thế giới. Trường ĐHSPHN là một trong những trung tâm đào tạo và NCKH hàng đầu của quốc gia; là nơi tập trung các chuyên gia, GV trình độ cao; có các CTĐT liên kết quốc tế có uy tín trên thế giới; có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại với các dịch vụ hoàn hảo”.

Hiện nay, Trường ĐHSPHN có 648 giảng viên, 129 giáo viên và 259 viên chức hành chính. Trong đó có 10GS, 126 PGS và 436 TS (bao gồm cả GS và PGS). Trường có 24 khoa đào tạo. Trường có 4 trường trực thuộc: Trường THPT Chuyên ĐHSP HN; Trường THPT&THCS Nguyễn Tất Thành, Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành và trường Mầm non Búp sen xanh; có 3 Viện nghiên cứu là Viện Khoa học tự nhiên, Viện Khoa học Xã hội; viện GD&ĐT Quốc tế; hơn 30 trung tâm nghiên cứu và chuyển giao KHCN và khoa học giáo dục trực thuộc.

Trường có 39 CTĐT hệ chính quy, trong đó: 24 CTĐT giáo viên, 7 CTĐT cử nhân khoa học ngoài sư phạm, 7 CTĐT cử nhân sư phạm CLC; 42 CTĐT không chính quy (đào tạo tại chức và đào tạo từ xa), trong đó: 38 CTĐT giáo viên phổ thông, 4 CTĐT cử nhân khoa học ngoài sư phạm; 1 CTĐT cử nhân (Ngôn Ngữ – Văn hóa Việt Nam) liên kết với nước ngoài.

Với mục tiêu từng bước xây dựng Trường ĐHSPHN thực sự trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia, Nhà trường đã và đang tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ xây dựng đội ngũ; đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo và kiểm tra đánh giá cho đến đổi mới tư duy, phương thức quản lý; tổ chức NCKH gắn với thực tiễn của đất nước và tập trung mọi nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất khang trang, hiện đại. Mục tiêu của Nhà trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện đồng bộ: từ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động của Nhà trường theo nhiệm vụ năm học, nhiệm vụ trung và dài hạn, có sự góp ý rộng rãi và đồng thuận trong tập thể trường. Truyền thống 70 năm “Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên

phong” của Nhà trường sẽ tiếp tục được phát huy, song hành mãi cùng với sự nghiệp phát triển đất nước Việt Nam giàu đẹp.

Về chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL, Nhà trường đã từng bước hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong để xây dựng các kế hoạch và triển khai các hoạt động ĐBCL. TT ĐBCL (trước đây là TT ĐBCL và khảo thí) là đơn vị phụ trách thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (cựu SV, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, vv.) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường và Khoa trong công tác đảm bảo chất lượng.

1.2.2. Thông tin về khoa đào tạo

Khoa Hoá học ra đời cùng với sự thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường ĐHSP Hà Nội), theo Nghị định số 276-NĐ, ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục, với nhiệm vụ ban đầu là đào tạo giáo viên khoa học Hoá học, phục vụ cho sự nghiệp giáo dục trong cả nước, và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học công nghệ và khoa học giáo dục. Từ ban Hóa-Vạn ban đầu chỉ có một vài cán bộ giảng dạy, đến nay Khoa Hóa học đã trở thành trung tâm đào tạo giáo viên Hóa học lớn nhất của cả nước. Hiện tại, Khoa có 48 cán bộ trong đó có 39 GV (1GS, 16 PGS, 20 TS và 2 ThS), 07 giáo viên thực hành (01 TS, 06 ThS) và 2 chuyên viên. Đội ngũ cán bộ của Khoa đang ở giai đoạn cơ cấu cán bộ vàng với độ tuổi trung bình 45 tuổi, cơ cấu giới tính phù hợp với tỉ lệ cán bộ nam:nữ = 23:25. Đây là lực lượng cán bộ có trình độ năng lực chuyên môn cao, sẵn sàng đáp ứng được các yêu cầu của GDDH trong thời kỳ đổi mới. Hiện tại khoa có 6 bộ môn: Hóa Vô cơ, Hóa Hữu cơ, Hóa lí thuyết và Hóa lí, Hóa Phân tích, Hóa Công nghệ - Môi trường và Phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, khoa còn 01 Trung tâm Phân tích và chuyển giao công nghệ cùng các phòng thí nghiệm nghiên cứu.

Hiện nay Khoa có 04 hệ đào tạo cử nhân là: CNSP Hóa học, CNSP Hóa học CLC, CNSP Hóa học đào tạo bằng tiếng Anh và Cử nhân Hóa học. Khoa Hóa học là một trong những cơ sở đào tạo đầu tiên của Việt Nam triển khai chương trình đào tạo sau đại học từ năm 1980. Các chương trình đào tạo sau đại học được phát triển dựa trên thế mạnh truyền thống của khoa về hoạt động nghiên cứu và học tập với nhiều giảng viên có trình độ cao tốt nghiệp tại nhiều quốc gia có nền khoa học phát triển và sự hợp tác chặt chẽ trong đào tạo và nghiên cứu với các trường Đại học, các Viện nghiên cứu tiên tiến trên thế giới như ĐH Murdoch (Australia), Đức, Nhật Bản, Seoul University (Hàn Quốc), Đại học Chung Cheng, Đại học Chiao-Tung (Đài Loan), KU Leuven Bỉ, ISUCT (LB Nga), Universiti Tunku Abdul Rahman (Malaysia). Hiện nay, Khoa có 06 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ (Hóa học vô cơ, Hóa học hữu cơ, Hóa lí thuyết và hóa lí, Hóa học Phân tích, Hóa Công nghệ - Môi trường và Lí luận và Phương pháp dạy học môn Hóa học) và 05 chương trình đào tạo tiến sĩ (Hóa học vô cơ, Hóa học hữu cơ, Hóa lí thuyết và hóa lí, Hóa học Phân tích và Lí luận và Phương pháp dạy học môn Hóa học). Ngoài ra, Khoa cũng đào tạo nâng chuẩn giáo viên Hóa học THCS từ trình độ Cao đẳng lên Đại học bằng các hình thức liên thông, từ xa, tại chức. Cho đến nay, Khoa đã đào tạo được khoảng 15 nghìn sinh viên, học

viên tốt nghiệp, 130 tiến sĩ, hơn 2000 thạc sĩ.

Bên cạnh hoạt động đào tạo, Khoa Hóa học luôn là một trong những đơn vị có đóng góp lớn vào thành tích nghiên cứu khoa học của trường ĐHSPHN. Trong 5 năm qua (2019-2024) đã có 98 đề tài các cấp được nghiệm thu thành công (trong đó có 15 đề tài cấp Nhà nước, 64 đề tài cấp Bộ, 19 đề tài cấp cơ sở); 358 bài báo khoa học đã được công bố trên các tạp chí, hội thảo (175 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 154 bài trên các tạp chí trong nước và 29 bài tại các hội thảo trong nước và quốc tế). Khoa có 3 bộ môn và 3 cá nhân được trao tặng giải thưởng khoa học công nghệ cấp Trường. Số lượng sinh viên đạt giải nhất, nhì cấp Bộ về NCKH, giải thưởng Eureka luôn nằm trong top dẫn đầu của Trường ĐHSPHN. Năm 2022, Khoa Hóa học vinh dự được trao tặng Bằng khen Bộ Trưởng dành cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Khoa hiện nay đang liên kết, hợp tác chặt chẽ trong nghiên cứu khoa học với các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong nước và trên thế giới như: Mỹ, Pháp, Đức, Thái Lan, Philipin, Nhật Bản, Ba Lan, Đài Loan, Hàn Quốc, Bỉ, Nga, các Viện Kỹ thuật Nhiệt đới, Viện Hóa học, Viện Hóa các hợp chất thiên nhiên thuộc Viện Hàn Lâm và KHCN Việt Nam.

Ngoài giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các cán bộ giảng viên Khoa Hóa học tích cực tham gia các công tác biên soạn giáo trình giảng dạy cho các trường ĐHSP, CĐSP, sách giáo khoa Hóa học cho các bậc THPT và THCS, bồi dưỡng thường xuyên giáo viên Hóa học THPT, THCS, cán bộ giảng dạy Cao đẳng, Đại học môn Hóa học trên toàn Quốc, tham gia tích cực các công tác tập huấn, bồi dưỡng về xây dựng chương trình, đề thi, kiểm tra đánh giá cho giáo viên trên toàn quốc do BGDDT triển khai. Đặc biệt, Khoa Hóa học là đơn vị được BGDDT và Trường ĐHSPHN giao nhiệm vụ tập huấn học sinh giỏi Hóa học Việt nam tham dự các kỳ thi Olympic Hóa học Quốc tế đạt thành tích xuất sắc trong 5 năm gần đây với 17 HCV, 03 HCB và liên tục nằm trong top 2-3 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự.

Trải qua 73 năm xây dựng và phát triển, Khoa Hóa học – Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội đã được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý. Khoa là một trong hai khoa đầu tiên của cả nước trong khối các Trường Đại học và Cao đẳng được tặng danh hiệu Tập thể học sinh Xã hội Chủ nghĩa. Trong lịch sử xây dựng và phát triển của Khoa Hóa học, có 03 Thầy Cô đã được vinh danh NGND, 07 Thầy Cô được vinh danh NGUT, 09 Nhà giáo được tặng thưởng Huân chương lao động, 09 Nhà giáo được nhận Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, 86 Thầy Cô được trao tặng huy chương Vì sự nghiệp giáo dục và rất nhiều các Thầy Cô được tặng thưởng Bằng khen của Bộ Trưởng BGD và ĐT. Với những thành tích đạt được, Khoa Hóa học Trường ĐHSP HN đã vinh dự được nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba năm 1981, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2001 và Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2021 nhân dịp kỉ niệm 70 năm thành lập.

Thực hiện kế hoạch tự đánh giá CTĐT được ban hành kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-ĐHSPHN ngày 03/05/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN, Khoa Hóa học thực hiện tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học. Với mục đích xác định mức độ đáp ứng CTĐT so với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình

theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí để nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT. Công tác tự đánh giá CTĐT sẽ giúp Khoa Hóa học tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT: thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT, làm căn cứ để Khoa tiến hành điều chỉnh các nguồn lực, xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng tới các tiêu chuẩn cao hơn về chất lượng giáo dục.

Từ khi thành lập Khoa Hóa học, CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học bắt đầu đào tạo lớp sinh viên đầu tiên theo phương thức đào tạo niên chế. Từ năm học 2009 - 2010, CTĐT này được điều chỉnh từ phương thức đào tạo niên chế sang phương thức đào tạo tín chỉ. Theo đó, SV tích lũy đủ từ 130 tín chỉ và đảm bảo đủ các điều kiện theo Quyết định số 1111/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 4/4/2013 sẽ được công nhận tốt nghiệp. Năm 2014, Nhà trường và Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học theo hướng giảm thời lượng khối kiến thức chung từ 33 TC xuống 20 TC, tăng thời lượng khối kiến thức chuyên ngành từ 69 TC lên 75 TC, tăng thời lượng khối kiến thức rèn luyện sư phạm từ 26 TC lên 34 TC; giảm khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn tương đương từ 10 TC xuống còn 6 TC. CTĐT năm 2014 cũng được điều chỉnh theo hướng tăng thời lượng thực địa, tích hợp nội dung kiến thức, tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, quy định số TC bắt buộc là 135 TC.

CTĐT đại học ngành Sư phạm Hóa học năm 2020 được chỉnh sửa theo CDR chung của Nhà trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên Hóa học cũng như nhu cầu học văn bằng kép của SV. Theo đó, tổng số TC cho CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học là 136 TC, trong đó khối học văn chung là 35 TC (chiếm tỉ lệ khoảng 26 %), khối học văn chuyên ngành là 66 TC (khoảng 48 %), khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm là 35 TC (khoảng 26 %, thời lượng cho thực tập sư phạm đã tăng 01 TC so với CTĐT năm 2014). Trong CTĐT năm 2020 được xây dựng theo mạch kiến thức tham khảo từ chương trình GDPT 2018 môn Hóa học và xuất hiện một số môn học mới như Hóa học xanh, Hóa học sự sống. Các học phần tự chọn được tăng cường trong CTĐT năm 2020 để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, mong muốn của SV và cựu người học. CTĐT năm 2020 tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa vào năm 2022 sau 2 năm thực hiện để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh, từ đó tối ưu hóa dần CTĐT và nâng cao chất lượng đào tạo.

Tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học là cơ sở để Trường ĐHSPHN và Khoa Hóa học cải tiến chất lượng của chương trình đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội; tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch đồng thời là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài CTĐT của Nhà trường.

Trước sự cạnh tranh của các trường đào tạo Cử nhân Sư phạm Hóa học trong cả nước, Nhà trường phải quyết tâm trong việc nâng cao chất lượng của các ngành đào tạo, đặc biệt là đối với CTĐT cử nhân Sư phạm Hóa học. Hoạt động đảm bảo chất lượng là một hoạt động mang tính quyết định, đã và đang được thực hiện một cách hiệu quả tại Khoa Hóa học, Trường ĐHSPHN. Khoa đã có những chiến lược và kế hoạch cụ thể để nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế như sau:

- Về công tác tư tưởng, chính trị: 100% cán bộ viên chức chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần hợp tác đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, đây sẽ là yếu tố góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của Trường giao, nhằm tạo môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.

- Về giảng dạy: Nâng cao chất lượng giảng dạy cả về kiến thức, kỹ năng. Hoàn chỉnh và bổ sung các giáo trình theo hướng tăng cường phần bài tập, tài liệu tham khảo, sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học hiện đại để SV có tài liệu học tập và nghiên cứu đáp ứng kịp thời yêu cầu đào tạo TC. Tổ chức tuyển chọn, bồi dưỡng tốt cho đoàn SV tham gia thi Olympic Hóa học toàn quốc đạt thành tích cao.

- Công tác NCKH: Tăng cường NCKH, khuyến khích cán bộ và SV tham gia các đề tài nghiên cứu các cấp. Các môn học đều phải có đề tài NCKH và hướng dẫn SV NCKH. Khoa khuyến khích hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh với các GV đầu ngành, có khả năng NCKH cũng như kinh nghiệm và đạt kết quả cao trong NCKH. Các nhóm nghiên cứu mạnh, liên môn là tiền đề cho việc thực hiện các nghiên cứu đỉnh cao, mũi nhọn và đây là các hướng nghiên cứu chính của Khoa.

- Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ: Khuyến khích và tạo điều kiện cho CB không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm. Khoa cũng chủ động trong việc tìm nguồn cán bộ có trình độ tiến sĩ để đáp ứng công việc giảng dạy và nghiên cứu, tránh trường hợp thiếu hụt về cán bộ trong từng giai đoạn. Với việc xây dựng đề án vị trí việc làm, Khoa có kế hoạch quy hoạch cán bộ để có thể đảm nhiệm hai nhiệm vụ chính là giảng dạy và NCKH.

Việc tự đánh giá của Khoa và đánh giá ngoài của Trường đã có tác động tích cực đến các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đến Khoa Hóa học. Trước hết, các hoạt động đều được thực hiện theo đúng qui trình, qui định chuẩn, được ghi lại ở dạng văn bản để tiện đối chiếu, so sánh và đánh giá kết quả thực hiện (cũng là minh chứng cho sau này). Điều này có tác động sâu rộng đến các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường và Khoa. Các cán bộ ý thức được vai trò và trách nhiệm cũng như dẫn dắt cách thực hiện các hoạt động dạy, học, NCKH và các công tác khác. Cơ sở vật chất được đầu tư, các phòng học được trang bị điều hoà, máy chiếu giúp nâng cao chất lượng dạy và học. Môi trường cảnh quan thay đổi theo hướng tích cực: Kí túc xá SV được xây dựng lại với chất lượng tốt hơn, SV có nhiều hơn không gian để học tập và vui chơi. Cuối cùng, chế độ lương thưởng được cải tiến rõ nét: thu nhập theo hoạt động, đóng góp của từng người, từng đơn vị nhằm động viên khuyến khích sự đóng góp tương xứng với thành quả và sự cố gắng của mỗi cá nhân và tập thể.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Trường ĐHSPHN có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và toàn xã hội; nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng thuộc các lĩnh vực khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn đạt trình độ tiên tiến; là cơ sở đào tạo giáo viên có chất lượng tốt nhất của cả nước; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế

Chương trình chi tiết giáo dục đại học đào tạo cử nhân sư phạm Hóa học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung giáo dục đại học ngành Sư phạm Hóa học trình độ đại học, ban hành theo quyết định số 6134/QĐ_ĐHSPHN ngày 11 tháng 12 năm 2020, được rà soát, bổ sung chỉnh sửa theo QĐ số 6112/QĐ-ĐHSPHN ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H1.01.01.01].

Mục tiêu của CTĐT cử nhân sư phạm Hóa học phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường; phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và CTĐT phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT được xây dựng đáp ứng yêu cầu của CDR là *đào tạo cán bộ có đủ năng lực làm giáo viên dạy học Hóa học, giáo viên cốt cán trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng và đại học; cán bộ nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu khoa học, viện nghiên cứu, cơ sở sản xuất thuộc ngành Hóa học, Môi trường, cơ sở sản xuất kinh doanh có liên quan đến lĩnh vực Hóa học.* SV tốt nghiệp cử nhân sư phạm Hóa học có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ hóa học.

Mục tiêu và CDR của CTĐT cũng nhận được sự đồng thuận và nhất trí cao của Trường và Khoa.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng:

Mục tiêu của CTĐT cử nhân sư phạm Hoá học (CNSPHH) được các GV Khoa Hoá học cùng nhau xác định và xây dựng dựa trên cơ sở mục tiêu giáo dục đại học và triết lý giáo dục của Nhà trường. Mục tiêu chung của CTĐT đại học ngành Hoá học ban hành theo quyết định số 6134/QĐ_ĐHSPHN của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội ngày 11 tháng 12 năm 2020 [H1.01.01.01] và được xác định rõ ràng, cụ thể là: *Đào tạo cử nhân sư phạm Hoá học đáp ứng đầy đủ khung chuẩn đầu ra của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về phẩm chất và năng lực của người học; Đào tạo giáo viên môn Hoá học đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học 2018 nói riêng; Đáp ứng được vị trí, khả năng công*

tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, bao gồm: Có khả năng dạy học môn Hoá học ở trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, đặc biệt là dạy học môn Hoá học ở các trường trung học phổ thông chuyên. Có khả năng dạy học môn Hoá học ở trường Cao đẳng và Đại học. Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ [H1.01.01.01].

Mục tiêu của CTĐT CNSPHH được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và kế hoạch phát triển của Trường ĐHSPTH được công bố năm 2016 và năm 2019 [H1.01.01.02]. Mục tiêu của CTĐT ngành Hoá học góp phần thực hiện sứ mạng của Trường ĐHSPTH là “đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao” và tầm nhìn được Trường ĐHSPTH xác định “đến năm 2030, Trường ĐHSPTH sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế” [H1.01.01.02].

Mục tiêu của CTĐT được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học qui định ở Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 16/06/2005 [H1.01.01.03] “Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân” và Luật GDĐH 08/2012/QH13 ban hành 18 tháng 6 năm 2012 [H1.01.01.04] “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”. “Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo” và đáp ứng những thay đổi trong chương trình giáo dục phổ thông mới được công bố năm 2018 [H1.01.01.05].

Sự phù hợp với Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học ở chỗ là mục tiêu CTĐT CNSPHH hướng tới bảo đảm người học có phẩm chất chính trị đạo đức và có kiến thức chuyên môn, có năng lực và các kỹ năng NVSP và về kỹ năng chuyên ngành Hoá học. Các mục tiêu về có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân và có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo cũng đã được đề cập trong mục tiêu cụ thể của CTĐT [H1.01.01.01], [H1.01.01.02].

Từ mục tiêu chung của chương trình đã được cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể là các CDR và năng lực người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình và tốt nghiệp. Việc thiết kế các học phần trong CTĐT cũng rất chặt chẽ và khoa học thể hiện ở việc lựa chọn các học phần để đáp ứng CDR tương ứng, đáp ứng mục tiêu của CTĐT. Sau khi hoàn thành chương trình, SV tốt nghiệp được cấp Bằng cử nhân, đạt chuẩn giáo viên

THPT, có thể giảng dạy môn Hoá học ở trường THCS và THPT. CTĐT cũng thể hiện được mối quan hệ giữa CĐR với các hình thức dạy học; CĐR với đánh giá kết quả học tập của người học thông qua ma trận kỹ năng [H1.01.01.06].

Sau khi hoàn thiện khung CTĐT theo CĐR, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp thêm của GV và chuyên gia, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng. Mục tiêu của CTĐT được xây dựng trên cơ sở đóng góp ý kiến của Ban chủ nhiệm (BCN) khoa, hội đồng khoa học và đào tạo của khoa và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan, khảo sát nhu cầu của thị trường lao động nên đáp ứng yêu cầu của xã hội [H1.01.01.07].

So với phiên bản của các CTĐT trước đó thì các mục tiêu của chương trình và mục tiêu cụ thể của CTĐT 2020 đã được điều chỉnh theo hướng nhằm đào tạo ra thể hệ giáo viên đủ các phẩm chất, năng lực đáp ứng khung chương trình giáo dục phổ thông 2018 tổng thể và chương trình môn học Hoá học do BGD&ĐT công bố. Ngoài ra, quá trình cập nhật, hoàn thiện nội dung CTĐT 2020 có sự tham khảo kết quả phỏng vấn các nhà tuyển dụng, các góp ý của giáo viên các trường phổ thông - nơi giảng dạy môn Hoá học, cựu sinh viên khoa Hoá học [H1.01.01.07]. Cụ thể năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn đã được bổ sung, cập nhật và thể hiện rõ trong mục tiêu của CTĐT CNSPHH năm 2020 và được cập nhật bổ sung mới nhất năm 2022 [H1.01.01.08].

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu của CTĐT CNSPHH rất rõ ràng, phù hợp sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu CTĐT được rà soát và điều chỉnh đã dựa trên ý kiến của các nhà khoa học và GV, chuyên gia, SV và SV tốt nghiệp, đặc biệt là dựa trên ý kiến của người sử dụng lao động và các nhà tuyển dụng.

3. Tồn tại:

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT còn chưa thường xuyên và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu CTĐT	GV, Bộ môn và Hội đồng khoa học Khoa TT ĐBCL	Giai đoạn 2025-2027
2	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.	GV, Bộ môn, Hội đồng khoa học Khoa TT ĐBCL	Giai đoạn 2025-2027

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng:

CĐR của CTĐT là cam kết của Nhà trường về năng lực và chất lượng đào tạo để xã hội giám sát, công khai để người học biết được các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành và tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động [H1.01.01.02].

CĐR của CTĐT CNSPHH được mô tả rõ ràng trong CTĐT năm 2020 gồm 4 tiêu chuẩn, thể hiện ở 23 tiêu chí được xác định cụ thể, rõ ràng với 2 nhóm tiêu chuẩn [H1.01.02.01]: Nhóm CĐR về phẩm chất; Nhóm CĐR về Năng lực chung với 3 tiêu chuẩn: Năng lực chung, Năng lực sư phạm, Năng lực khoa học ngành Sư phạm Hoá học.

Mỗi nhóm CĐR tiếp tục được xác định cụ thể ở 3 cấp độ: Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo. Trong đó:

Nhóm CĐR 1: gồm 1 tiêu chuẩn, 6 tiêu chí, 20 chỉ báo

Nhóm CĐR 2: gồm 3 tiêu chuẩn, 18 tiêu chí, 81 chỉ báo. Cụ thể: (Bảng 1.1)

+ 6 tiêu chí hướng tới các phẩm chất gồm (CĐR 1, 2, 3, 4, 5, 6)

+ 6 tiêu chí hướng tới hình thành năng lực chung cho sinh viên (CĐR 7, 8, 9, 10, 11, 12).

+ 5 tiêu chí hướng tới các năng lực sư phạm cần thiết cho sinh viên (CĐR 13, 14, 15, 16, 17)

+ 6 tiêu chí hướng tới năng lực đặc thù ngành Hoá học (CĐR 18, 19, 20, 21, 22, 23).

Các tiêu chuẩn trong CĐR được thiết kế theo logic từ những phẩm chất, năng lực chung có tính phổ phát đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại đến các năng lực sư phạm của nhà giáo dục và năng lực chuyên ngành Hoá học. Các phẩm chất, năng lực chung như trung thực, trách nhiệm, ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời... cùng đó là các năng lực của con người mới thế kỷ 21 như giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tư duy phản biện, năng lực tự chủ và thích ứng với sự thay đổi để đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội hiện đại, thay đổi nhanh chóng. Tiêu chuẩn năng lực chuyên ngành đã được thiết kế các chỉ báo và cả biểu hiện cụ thể, thể hiện những năng lực phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của đội ngũ giáo viên làm việc trong lĩnh vực Hoá học.

Bảng 1.1.1 Chuẩn đầu ra ngành sư phạm Hoá học

Nhóm tiêu chuẩn	Tiêu chí
Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất	Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước (với 3 chỉ báo) Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh (3 chỉ báo) Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học (3 chỉ báo) Trung thực và đáng tin cậy (3 chỉ báo)

Nhóm tiêu chuẩn	Tiêu chí
	Trách nhiệm và tận tâm (5 chỉ báo) Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời (3 chỉ báo)
Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung	Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi (5 chỉ báo) Năng lực giao tiếp và hợp tác (9 chỉ báo) Năng lực lãnh đạo (3 chỉ báo) Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (6 chỉ báo) Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội (3 chỉ báo) Năng lực tư duy phản biện (3 chỉ báo)
Tiêu chuẩn 3: Năng lực sư phạm	Năng lực dạy học (9 chỉ báo) Năng lực giáo dục (9 chỉ báo) Năng lực định hướng sự phát triển học sinh (3 chỉ báo) Năng lực hoạt động xã hội (3 chỉ báo) Năng lực phát triển nghề nghiệp (4 chỉ báo)
Tiêu chuẩn 4: Năng lực khoa học ngành Sư phạm Hoá học	Năng lực đặc thù của Khoa học Hoá học (6 chỉ báo) Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức KHĐL để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Hoá học trong Chương trình GDPT (3 chỉ báo) Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học Hoá học vào thực tiễn (5 chỉ báo) Năng lực nghiên cứu Khoa học Hoá học và Khoa học giáo dục Hóa học (5 chỉ báo) Năng lực nghiên cứu Khoa học Hoá học và Khoa học giáo dục Hoá học (2 chỉ báo) Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn (3 chỉ báo)

Việc xây dựng CĐR với 3 cấp độ, cấp độ nhỏ nhất là các chỉ báo cho thấy CĐR của CTĐT được thiết kế rõ ràng đảm bảo có thể dễ dàng quan sát cũng như đo lường và đánh giá được. Điều này được thể hiện cụ thể trong bảng ma trận kỹ năng, đảm bảo rằng tất cả CĐR được đánh giá trong từng học phần thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H1.01.02.03]. CĐR cũng đã nêu rõ những yêu cầu chung (6 tiêu chí về phẩm chất và 6 tiêu chí về các năng lực chung) cho sinh viên và các yêu cầu chuyên biệt (5 tiêu chí về năng lực sư phạm và 6 tiêu chí về năng lực ngành đặc thù) để thể hiện được các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mình. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời [H1.01.01.08].

Ngoài ra, CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu đào tạo vì đã phản ánh được các yêu cầu chung và chuyên biệt của ngành đào tạo về kiến thức và kỹ năng bao gồm: kiến thức

về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Hoá học, kiến thức về NVSP, trình độ tin học và ngoại ngữ tốt đủ khả năng sử dụng trong dạy học, đọc tài liệu và nghiên cứu chuyên ngành. Ngoài những yêu cầu về kiến thức như: tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, vv. yêu cầu về kỹ năng cứng: kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, các kỹ năng thực hành Hoá học, khả năng tư duy sáng tạo trong công tác, vận dụng được các kiến thức đã học để giảng dạy và giải quyết, ứng dụng trong thực tiễn; hình thành phẩm chất cơ bản của người giáo viên, yêu nghề và có trách nhiệm cao với nghề nghiệp, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, CTĐT còn thể hiện rõ yêu cầu về kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, vv [H1.01.01.08]. Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPTN đã ban hành rất rõ ràng, đầy đủ [H1.01.02.02], đây cũng một trong những cơ sở để xây dựng, chỉnh lý và hoàn chỉnh lại CDR của CTĐT CNSPHH .

Quy định chuẩn về ngoại ngữ trong quyết định về việc ban hành chương trình giáo dục đại học đào tạo theo hệ thống TC của Trường ĐHSPTN [H1.01.02.03] cũng được coi là một trong những cơ sở để xây dựng CDR của CTĐT CNSPHH đã được thể hiện trong bản mô tả đề cương CTĐT và bản mô tả đề chương môn học/học phần [H1.01.01.06].

CDR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập và các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy. CDR được thiết kế phù hợp với các năng lực, phẩm chất mà người giáo viên Hoá học bậc phổ thông cần phải được trang bị trong hoàn cảnh thay đổi khung chương trình tổng thể năm 2018 nói chung và chương trình môn học nói riêng. Các CDR này được xác định theo các tiêu chí, chỉ báo rõ ràng mà người học phải đạt được khi kết thúc khóa học để thuận lợi cho việc đánh giá và đo lường. CDR được bổ sung và cập nhật, trên cơ sở tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan về CTĐT và CDR đã giúp đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT, phương pháp tổ chức đào tạo và đào tạo sinh viên ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường. CDR và CTĐT CNSPHH được rà soát theo kế hoạch của Nhà trường [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], nhằm đảm bảo CDR được xây dựng với mục tiêu: công khai về năng lực đào tạo và các điều kiện ĐBCL đào tạo; thực hiện cam kết về sản phẩm đầu ra để xã hội biết và giám sát. Cam kết về những phẩm chất & năng lực sau khi tốt nghiệp, cũng như công việc mà người học có thể đảm nhận.

2. Điểm mạnh:

CDR của CTĐT bao quát được các yêu cầu chung của bậc giáo dục đại học mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và yêu cầu riêng biệt dành cho SV CNSPHH.

3. Tôn tại:

CDR còn khá dài, các phát biểu về chuẩn đầu ra đôi chỗ chưa được gãy gọn, súc tích.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xem xét để điều chỉnh CĐR cho cô đọng, chỉnh sửa các phát biểu cho súc tích.	Hội đồng khoa học Khoa Hoá học	Giai đoạn 2025-2027
2	Phát huy điểm mạnh	CĐR đáp ứng đầy đủ và rõ ràng các yêu cầu chung giáo dục đại học và yêu cầu riêng biệt dành cho SV CNSPHH	GV, Hội đồng khoa học Khoa Hoá học	Giai đoạn 2025-2027

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng:

CĐR của CTĐT mới nhất được xây dựng năm 2020 với sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan bao gồm Hội đồng khoa học và đào tạo khoa, các GV, SV cuối khóa, cựu SV, đại diện của một số trường phổ thông, là nơi tiếp nhận SV ngành sư phạm hóa sau khi tốt nghiệp [H1.01.03.01]. CĐR chung được qui định trong Luật Giáo dục Đại học [H1.01.01.03] và trong văn bản qui định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông của Bộ GD&ĐT [H1.01.02.01]. Do vậy, CĐR đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

Trong quá trình đào tạo, Khoa cũng thường xuyên quan tâm đến tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp trong các năm, việc lấy ý kiến của các bên liên quan trong đó có cựu sinh viên và các cơ sở tuyển dụng nhân lực là căn cứ giúp Khoa và Nhà trường nắm bắt và điều chỉnh các vấn đề trong CTĐT để có thể đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, việc làm hiện nay. Các báo cáo khảo sát về hiệu quả và chất lượng sinh viên vừa tốt nghiệp trong các năm để từ đó thu thập các thông tin phản hồi về chất lượng sinh viên và các nội dung chuyên môn khác [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. Các thông tin phản hồi thu được là cơ sở để khoa rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT trong năm 2020 sao cho phù hợp và đáp ứng tốt các yêu cầu của giáo viên phổ thông [H1.01.02.01].

CĐR của CTĐT năm 2020 được rà soát nhằm đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, sự thay đổi trong giáo dục, nhu cầu thị trường lao động và phù hợp với xu thế phát triển giáo dục tiến bộ quốc tế, trên cơ sở những căn cứ trên khung trình độ quốc gia, đồng thời tham chiếu với năng lực giáo viên theo chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông và nội dung của chương trình tổng thể giáo dục phổ thông năm 2018, đóng góp ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.01.01.08]. Ví dụ: Từ kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên mức độ cần thiết về phẩm chất và năng lực mà người tốt nghiệp CTĐT Cử nhân sư phạm Hoá học cần đạt được, các ý kiến góp ý cần bổ sung từ phía cựu sinh viên trong xây dựng CĐR

về phẩm chất, năng lực ngành SPHH năm 2020 [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.01.08]. Tiến hành khảo sát và lấy ý kiến đóng góp từ phía các nhà tuyển dụng (đại diện giáo viên một số trường phổ thông nơi tiếp nhận sinh viên ngành Hoá học sau tốt nghiệp) [H1.01.03.06], [H1.01.03.07], những ý kiến của các nhà tuyển dụng đã được ghi nhận trong CDR như sinh viên tốt nghiệp cần có những năng lực chung và năng lực chuyên môn chuyên biệt (6 tiêu chí về năng lực chung và 6 tiêu chí về năng lực chuyên biệt) để từ đó thực hiện được các kĩ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm bổ trợ... Bên cạnh đó, CDR cũng thể hiện rõ mong đợi của nhà tuyển dụng trong việc sinh viên cần có phẩm chất, thái độ tích cực và đạo đức nghề nghiệp.

Các ý kiến đóng góp về xây dựng CDR của các nhà tuyển dụng đã được Hội đồng khoa học và đào tạo tiếp thu để xây dựng và hoàn thiện thêm CTĐT ngành CNSPHH, cụ thể CDR của CTĐT được xây dựng mới 2022 dựa trên 4 tiêu chuẩn, 23 tiêu chí, 100 chỉ báo. CDR bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.02.03], [H1.01.03.05], [H1.01.03.08].

Sau khi được hội đồng chuyên môn cấp khoa [H1.01.03.9], cấp trường nghiệm thu và được Trường ĐHSPTH phê chuẩn, ra quyết định thực hiện, CDR của CTĐT mới nhất, vừa được cập nhật bổ sung vào năm 2022 đã được công bố công khai và rộng rãi trên website Nhà trường và Khoa [H1.01.03.10]; được giới thiệu trực tiếp cho SV mới nhập học vào dịp sinh hoạt chính trị đầu khóa, ngày hội “Open day” và ngày hội việc làm do Trường và Khoa tổ chức [H1.01.03.11]. Ngoài ra, CDR và CTĐT còn được in trong Sổ tay SV và được các GV giới thiệu khi bắt đầu các môn học, được quán triệt thường xuyên bởi hệ thống cố vấn học tập (CVHT) và quản lý SV [H1.01.03.12].

2. Điểm mạnh:

CDR CTĐT ngành CNSPHH được rà soát, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan và công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất cùng với CTĐT. Khoa đã xây dựng được kênh thông tin riêng như website của Khoa cả phiên bản Tiếng Việt và Tiếng Anh để công khai CDR, CTĐT tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

3. Tồn tại:

Việc trao đổi, hợp tác, phản hồi của các bên liên quan về CDR chưa được tiến hành đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh hơn nữa việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên góp ý cho CDR của CTĐT.	Khoa Hoá học và TT ĐBCL	Giai đoạn 2025-2027

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật, điều chỉnh và công bố trên website CDR, CTĐT để người học và các đơn vị sử dụng lao động có thể nắm bắt, phản hồi góp ý.	Khoa Hoá học	Giai đoạn 2025-2027

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chuyên biệt về đào tạo cử nhân sư phạm Hoá học, phù hợp với mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến 2030.

CĐR của CTĐT đã bao quát được các yêu cầu chung của bậc giáo dục đại học mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và bao gồm các điểm riêng biệt cho SV cử nhân sư phạm Hóa học.

CĐR được định kỳ rà soát, chỉnh sửa theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Tồn tại chủ yếu: Chưa lấy ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT. Mô tả CĐR chưa thật sự chi tiết, đo lường được bằng các phương pháp khác nhau.

Kế hoạch cải tiến: Năm học 2024 – 2025 và năm học 2025-2026, lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT để rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT. Khoa sẽ hoàn thiện qui trình và tiến hành khảo sát nhu cầu xã hội đối với CTĐT cử nhân sư phạm Hóa và khảo sát đánh giá CĐR của CTĐT từ các bên liên quan.

Đánh giá tiêu chuẩn 1

Tiêu chuẩn 1	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 1.1					X		
Tiêu chí 1.2					X		
Tiêu chí 1.3				X			
Điểm tiêu chuẩn	4,67						

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT CNSPHH là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về CTĐT CNSPHH cho người học và người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lý, học sinh trong hoạt động tuyển sinh, các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT CNSPHH được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Trường ĐHSPHN gồm đầy đủ các thông tin: mã ngành, loại hình đào tạo, thời gian đào tạo, khung quy định khối lượng kiến thức tích lũy, tiêu chí tuyển sinh, mục tiêu đào tạo, cấu trúc CTĐT, CDR của toàn bộ chương trình và của từng môn học cụ thể, mô tả vắn tắt các môn học. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CDR, tạo điều kiện cho người học và người dạy cũng như các nhà quản lý dễ dàng triển khai thực hiện cũng như cải tiến CTĐT.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT CNSPHH năm 2020 được ban hành theo quyết định số 6134/QĐ_ĐHSPHN của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội ngày 11 tháng 12 năm 2020 [H2.02.01.01] được rà soát, bổ sung chỉnh sửa theo QĐ số 6112/QĐ-ĐHSPHN ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Bản mô tả CTĐT CNSPHH giới thiệu đầy đủ các thông tin về CTĐT bao gồm các nội dung:

Giới thiệu chung: Phần này giới thiệu các thông tin chung về CTĐT: tên chương trình: chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm, trình độ đào tạo: đại học, ngành đào tạo: cử nhân Sư phạm Hóa học; mã ngành: 7.14.02.12; loại hình đào tạo: chính quy; thời gian đào tạo: 4 năm; khối lượng kiến thức phải tích lũy: 136 tín chỉ (chưa kể phần nội dung về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng); đối tượng tuyển sinh: theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: theo thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.02.01.01], [H2.02.01.02].

Mục tiêu của CTĐT: đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về phẩm chất và năng lực của người học [H2.02.01.04], yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình môn Hóa học 2018 nói riêng và vị trí, khả năng công tác, học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp [H2.02.01.05], [H2.02.01.06].

Chuẩn đầu ra: những yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung, năng lực sư phạm, năng lực khoa học ngành Sư phạm Hóa học [H2.02.01.07].

Nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo: chương trình đào tạo cấu trúc gồm 3 khối học vắn (bảng 2.1.1) [H2.02.01.08]:

Bảng 2.1.1. Phân bố các khối học vấn theo năm học

Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
Khối học vấn chung	Khối học vấn ngành		Khối học vấn đào tạo và rèn luyện NLSP (bao gồm cả thực tập sư phạm)
25%	50%		25%

Khối học vấn chung bao gồm khối học vấn chung của cả Trường và khối học vấn chung của cả nhóm ngành Khoa học Tự nhiên: 35 TC chiếm 25% nội dung CTĐT. Các học phần đào tạo của khối học vấn chung chủ yếu được tập trung vào năm thứ 1.

Khối học vấn ngành Hóa học: 66 TC chiếm ~50% nội dung CTĐT. Các học phần đào tạo chuyên ngành được trải đều trong năm học thứ 2 và thứ 3. Chương trình thể hiện rất tốt sự cập nhật kiến thức và xuất hiện những môn học mới, phù hợp với định hướng phát triển của chương trình tổng thể 2018, đặc biệt là Chương trình Hóa học, thể hiện rõ nội dung mạch của Chương trình ngành Hóa:

Môn học mới:

+ Hóa học chung như: Thực hành Hóa lí và Vô cơ...

+ Hóa học ứng dụng: Hóa học xanh, Hóa học sự sống, Thực hành hóa học tính toán...

Giảng viên các Bộ môn khác nhau đều đóng góp giảng dạy (Bộ môn Phân tích, Bộ môn Hóa Lí, Bộ môn Hữu cơ)

Tổng số Tín chỉ chương trình cũ 130TC; chương trình mới: 136TC. Sau khi cập nhật và chỉnh sửa có bỏ những môn học không còn phù hợp như: Hóa Nông học; Hóa Kỹ thuật... Đồng thời bổ sung các môn mới như: Hóa học xanh, Hóa học sự sống...

+ Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 35 TC tương ứng ~25% nội dung CTĐT. Sinh viên học khối kiến thức này chủ yếu vào năm thứ 4 (bao gồm cả 10 tuần Thực tập Sư phạm).

Định hướng về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục: CTĐT nêu rõ: tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; chuyển từ cách học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý đến các hoạt động xã hội, trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học; khuyến khích và rèn luyện năng lực tự học, tạo cơ sở để học tập suốt đời, tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực; vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, hợp lý, phù hợp với nội dung, đối tượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học. Quán triệt tinh thần “lấy người học làm trung tâm”, phát huy tính chủ động, tích cực, tự giác của người học, tổ chức quá trình dạy học theo hướng kiến tạo, trong đó người học được tham gia tìm tòi, phát hiện, suy luận giải quyết vấn đề; tăng cường tính tương tác, sự tham gia và hợp tác trong dạy học.

Việc đánh giá chất lượng giáo dục trong chương trình đào tạo tuân thủ theo đúng Khung chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo cũng như Khung chuẩn đầu ra của từng học phần với nhiều phương pháp đánh giá, chú trọng hơn đánh giá quá trình, đánh giá các thành

phần của quá trình, đánh giá đúng được năng lực người học. Khuyến khích sinh viên biết tự đánh giá việc học. Vận dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá quá trình, đánh giá định kì), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trải nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn, vv.) và vào những thời điểm thích hợp. Đánh giá năng lực người học thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập của người học như tham gia các hoạt động trên lớp (nghe giảng ghi chép; tham dự giờ đầy đủ; tích cực tham gia trình bày, trao đổi tại các hội thảo); mức độ hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài tập lớn, bài thi giữa kì, bài thi cuối kì.

Điều kiện thực hiện chương trình: Khoa Hóa học có đội ngũ GV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng đảm nhiệm giảng dạy các học phần cụ thể trong CTĐT. Cơ sở vật chất đầy đủ phục vụ giảng dạy, học tập, đặc biệt phục vụ công tác dạy học theo CTĐT.

Đề cương chi tiết các học phần: bản mô tả CTĐT có đề cương chi tiết của 33 học phần theo 3 khối học vấn. Các thông tin về đề cương bao gồm tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, học phần tiên quyết, bộ môn phụ trách, GV giảng dạy, vv.

Bản mô tả CTĐT năm 2020 so với CTĐT năm 2014 có nhiều thay đổi, khác biệt thể hiện sự phát triển của CTĐT.

Bảng 2.1.2. Bảng đối sánh chương trình đào tạo

	Chương trình 2014	Chương trình 2020
Tổng số tín chỉ	130	136
Mục tiêu	Có những kiến thức chung về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; hiểu và nắm vững các kiến thức chuyên sâu về hoá học cơ bản ở bậc đại học	Phát triển năng lực người học, trang bị tích hợp ba mạch kiến thức theo Chương trình Hóa học 2018: cơ sở Hóa học chung, Hóa học Vô cơ, Hóa học Hữu cơ
Điều chỉnh môn học	- Thay thế các môn như Hóa Nông học; Hóa Kỹ thuật... bằng các môn: Hóa học xanh; Hóa học sự sống...	

Các thông tin chung trong nội dung CTĐT năm 2014 khá ít, thiếu một số thông tin cơ bản như loại hình đào tạo, thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, vv. CTĐT 2014 cũng không có các thông tin về định hướng về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục; điều kiện thực hiện chương trình [H2.02.01.01]. Khung chương trình đào tạo năm 2014 yêu cầu sinh viên phải tích lũy 135 TC, gồm 4 khối học vấn: khối kiến thức chung: 20 tín chỉ, tương đương 14,8%, khối kiến thức chuyên ngành: 75 tín chỉ, chiếm 55,6%, khối kiến thức đào tạo năng lực sư phạm: 34 tín chỉ, tương đương 25,2%, khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương: 6 tín chỉ, chiếm 4,4%. Khung chương trình năm 2020 có khối học vấn chung tăng lên và bao gồm cả khối học vấn chung của Trường và khối học vấn chung của cả nhóm ngành Khoa học Tự nhiên; khối

học vấn chuyên ngành giảm đi. Sự thay đổi này phù hợp với khung chương trình đào tạo của Trường ĐHSPHN.

Chuẩn đầu ra của CTĐT 2014 được xây dựng theo các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H2.02.01.07]. Trong CTĐT năm 2020 trước yêu cầu về đổi mới giáo dục đào tạo và để phù hợp với mục tiêu của chương trình giáo dục tổng thể và chương trình giáo dục Hóa học các cấp, chuẩn đầu ra ngành sư phạm Hóa học được xây dựng theo các tiêu chí về phẩm chất và năng lực. Theo đó sinh viên cần phải đạt được 6 phẩm chất (yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh, yêu nghề và tự hào về nghề dạy học, trung thực và đáng tin cậy, trách nhiệm và tận tâm, ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời) và các năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực khoa học ngành Sư phạm Hóa học [H2.02.01.07]. CĐR trong CTĐT năm 2020 cụ thể, chi tiết và cập nhật hơn những yêu cầu về mục tiêu của chương trình giáo dục năm 2018 và là kết quả của quá trình xây dựng, rà soát, hoàn thiện CĐR của Trường ĐHSPHN và của Khoa Hóa học [H2.02.01.09, H2.02.01.10].

Bản mô tả CTĐT CNSPHH năm 2020 không những có ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần cho CĐR của CTĐT mà còn có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, ma trận giữa mục tiêu học phần và CĐR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR. Điều này giúp GV nhìn thấy rõ mối quan hệ của mục tiêu đào tạo, CĐR với từng nội dung, phương pháp giảng dạy – phương pháp kiểm tra đánh giá trong môn học mình đảm nhận, góp phần quan trọng để GV nâng cao ý thức thực hiện mục tiêu chương trình và CĐR. người học từ đó cũng có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT CNSPHH [H2.02.01.01].

Bản mô tả CTĐT năm 2020 được hoàn thiện trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CTĐT năm 2016, 2018 và kết quả khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo năm 2019 [H2.02.01.11]; hoạt động rà soát, điều chỉnh chương trình trong các năm 2014 và 2018.

Trong quá trình thực hiện Chương trình, đơn vị ghi những khó khăn, hạn chế phát sinh, và định kỳ cập nhật, bổ sung, sửa đổi để cải tiến chất lượng. QĐ ban hành chương trình chỉnh sửa được rà soát, bổ sung chỉnh sửa theo QĐ số 6112/QĐ-ĐHSPHN ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H2.02.01.01].

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT CNSPHH đã cung cấp đầy đủ thông tin cơ bản, cần thiết nhất của một CTĐT. Bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên đáp ứng mục tiêu của chương trình giáo dục các cấp 2018. Bản mô tả CTĐT cũng được bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu đào tạo, điều chỉnh các CĐR, không chỉ có ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần cho CĐR của CTĐT mà còn có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, ma trận giữa mục tiêu học phần và CĐR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR đã giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT CNSPHH.

3. Tồn tại:

Quá trình điều chỉnh, cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT khác nhưng chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác một cách chi tiết.	Khoa Hóa học, TT ĐBCL	Theo định kì 2 năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường rà soát, cập nhật và bổ sung CTĐT thường xuyên nhằm giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất, năng lực và phát huy tiềm năng của người học.	Khoa Hóa học	Theo định kì 2 năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT CNSPHH năm 2020 và sau đó được rà soát, điều chỉnh năm 2022 đã có đầy đủ đề cương các học phần. Đề cương học phần được thiết kế và áp dụng cho khóa học theo học chế TC. Ngành SPHH đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy định dựa vào cấu trúc, nội dung CTĐT. Đề cương các học phần thuộc CTĐT được xây dựng dựa trên Chương trình khung đào tạo hệ đại học ngành SPHH [H2.02.01.01] và đạt yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.08]. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần, trong đó 100% đề cương môn học đầy đủ các thông tin sau [H2.02.02.01]:

1) Thông tin chung gồm: tên học phần tiếng Việt và tiếng Anh; mã học phần; số TC; học phần tiên quyết; bộ môn phụ trách; thông tin của GV giảng dạy.

2) Học liệu gồm: giáo trình, tài liệu tham khảo bắt buộc và tài liệu tham khảo tự chọn (sách, bài báo/tạp chí, bài hội thảo/hội nghị, đề tài khoa học, luận văn, luận án, kỷ yếu hội nghị, vv.); website tham khảo nếu có.

3) Mô tả mục tiêu của học phần.

4) CĐR của học phần: cụ thể hóa CĐR của CTĐT và có ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học. Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

5) Nội dung, phương pháp giảng dạy (PPGD), phương pháp kiểm tra, đánh giá:

1.1. Nội dung của học phần:

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian			
			Số tiết trên lớp			Tự học có hướng dẫn
			Tổng	Lý thuyết	Bài tập/Thảo luận	
Chương 1						
Chương 2						
Chương 3...						
Tổng						

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

1.2. Nội dung chi tiết, PPGD: nêu rõ từng chương, mục, có thể chi tiết đến 3 cấp

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với SV
		Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận			
Chương 1.						
1.1.						
1.2.						

1.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Hình thức, tỷ trọng đánh giá.

Hình thức đánh giá	Tỷ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kỳ	20
Kiểm tra cuối kỳ	60

Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập. Tiêu chí đánh giá: yêu cầu chung đối với các bài tập, bài tập nhóm, bài tập lớp, thi kết thúc học phần.

6) Chính sách đối với học phần.

Đề cương các học phần năm 2020 so với năm 2014 chi tiết hơn và đã cập nhật, bổ sung [H2.02.02.01]. Các học phần đã hướng đến mục tiêu phát triển các phẩm chất và năng lực cho SV, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục. Các chuẩn đầu ra được xác định một cách cụ thể và có các ma trận: ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương

trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học; ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần; ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần; ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập. Nội dung trong các học phần cũng được cụ thể hóa hơn trong từng buổi học với việc phân chia rõ ràng thời lượng lý thuyết và thực hành. Lần đầu tiên các phương pháp giảng dạy được đưa vào tương ứng với từng nội dung và tài liệu SV cần tham khảo.

Với những thông tin và cách mô tả như trên, cả GV và SV đều nắm vững những nội dung và mức độ yêu cầu cũng như các hướng dẫn cần thiết để thực hiện một cách chủ động các hoạt động dạy và học đảm bảo đạt CĐR mong muốn.

Đề cương chi tiết có đầy đủ mọi thông tin cần thiết giúp cho các đơn vị chức năng dễ dàng trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo đáp ứng các yêu cầu của môn học, đồng thời giúp cho các bên liên quan có thông tin đầy đủ và minh bạch về môn học để giám sát quá trình đào tạo của chương trình.

Tất cả đề cương môn học/học phần được rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật tại các Bộ môn, có kiểm tra, giám sát từ Hội đồng Khoa học của Khoa Hóa học và BCN Khoa trên cơ sở lấy kiến đóng góp của các bên liên quan, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu [H2.02.02.02].

2. Điểm mạnh:

Tất cả đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. Trong mỗi đề cương chi tiết học phần đều có ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR của CTĐT; ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần; ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần; ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, PPGD, học tập.

Đề cương chi tiết được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung.

3. Tồn tại:

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV về đề cương chi tiết chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV về đề cương chi tiết sau mỗi năm học để điều chỉnh kịp thời	Khoa Hóa học	Hàng năm, từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Đề cương chi tiết mỗi học phần có ma trận quan hệ giữa năng lực và nội dung đào tạo.	Khoa Hóa học	Hàng năm, từ năm học 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
		Rà soát, cập nhật đề cương chi tiết các học phần hằng năm, truyền thông rộng rãi đến từng SV và GV để thực hiện		

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng:

Bản mô tả CTĐT cùng với đề cương chi tiết các học phần sau khi phê duyệt được công bố công khai cho người học và các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau: tư vấn tuyển sinh trực tuyến, công bố công khai trên website của Nhà trường, website của Khoa Hóa học, giới thiệu cho các SV vào đầu khóa học, vv... CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được giới thiệu với các bên liên quan thông qua các tài liệu như cẩm nang học sinh, sinh viên; thông báo cho của Nhà trường. 100% đề cương các môn học/học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau như trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học [H2.02.03.01, H2.02.03.02, H2.02.03.03, H2.02.03.04]. Đề cương chi tiết của học phần cũng được GV cung cấp và giới thiệu cụ thể cho SV vào các buổi dạy đầu tiên của học phần, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và nội dung của hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần mà mình cần đạt.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần cũng được giới thiệu đến các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, các nhà khoa học, vv. dưới dạng tài liệu quảng bá, các bản tin, website của khoa, vv. thông qua khảo sát điều tra [H2.02.03.02]. Bằng nhiều hình thức như vậy các bên liên quan trong và ngoài Nhà trường có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần một cách dễ dàng. Cũng bằng các hình thức này, Nhà trường có thể tiếp cận một cách thuận tiện cho việc lấy góp ý phản hồi về CTĐT nhằm đáp ứng thực tiễn giảng dạy, yêu cầu của xã hội và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng đào tạo, Trung tâm ĐBCL, trưởng các Khoa, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT.

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết các học phần đều được công khai, cho phép người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Trong các hình thức công bố công khai trên, hình thức đưa thông

tin lên website giúp các bên liên quan tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng. Các ý kiến phản hồi đều được ghi nhận và tiếp thu.

3. Tồn tại:

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các trường phổ thông – nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành SPHH còn chưa hiệu quả. Tài liệu quảng bá về CTĐT chưa có bản bằng tiếng Anh.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hoạt động nhằm truyền thông về CTĐT ngành SPHH theo tiếp cận mới đến các trường phổ thông. Bổ sung tài liệu về CTĐT bằng tiếng Anh.	Khoa Hóa học	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Giới thiệu cụ thể, chi tiết CTĐT và các học phần đến từng GV, SV. Tiếp tục công khai CTĐT đến các cựu SV, các nhà quản lí giáo dục, tranh thủ sự tham gia kiến của các bên liên quan để tiếp tục, điều chỉnh phát triển CTĐT.	Khoa Hóa học	Thực hiện trong các năm học

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn: Bản mô tả CTĐT CNSPHH có đầy đủ thông tin và cập nhật giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT hướng tới mục tiêu giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất, năng lực và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi người học. Bản mô tả CTĐT CNSPHH và 100% đề cương chi tiết các học phần không những có ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần cho CĐR của CTĐT mà còn có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, ma trận giữa mục tiêu học phần và CĐR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tồn tại chủ yếu: việc lấy ý kiến phản hồi của SV về đề cương chi tiết chưa thường xuyên; tài liệu quảng bá về CTĐT chưa có phiên bản tiếng Anh.

Đánh giá tiêu chuẩn 2

Tiêu chuẩn 2	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 2.1					X		
Tiêu chí 2.2				X			
Tiêu chí 2.3				X			
Điểm tiêu chuẩn	4,33						

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH cử nhân Sư phạm Hóa học được xây dựng dựa vào CĐR. CTDH được phát triển theo cấu trúc nhất quán, trình tự logic, nội dung tương đối cập nhật và có tính tích hợp. Nội dung của CTDH có cấu trúc hợp lý về các khối kiến thức, chú trọng đến sự cân đối giữa các nội dung và đảm bảo tính khoa học, phù hợp với mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường. Các học phần trong chương trình đảm bảo triết lý sư phạm, có tính tích hợp, liên thông, liên ngành, trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của CĐR và bảo đảm được độ sâu rộng của kiến thức.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH của hệ đào tạo cử nhân sư phạm hóa học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp thông qua các môn học ở bậc đại học [H3.03.01.01, H3.03.01.02] được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và đáp ứng yêu cầu mục tiêu đào tạo quy định tại Luật giáo dục đại học [H3.03.01.03] đồng thời tuân thủ quy trình thiết kế đã được hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H3.03.01.04]. CTDH CNSPHH được thiết kế bao gồm 135 TC gồm 3 khối kiến thức: Khối học vấn chung (25%); Khối học vấn ngành (50%), Khối học vấn đào tạo và rèn luyện NLSP (25%). [H3.03.01.05].

Các học phần ở các khối kiến thức này đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kiến thức của CĐR, cấu trúc các học phần trong CTDH thể hiện tỷ lệ cân đối, logic với cấu phần của CĐR (CĐR chung, CĐR chuyên ngành, kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, thái độ, tự chủ và nghề nghiệp). Đặc biệt những học phần trong khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm và khối kiến thức chuyên ngành Hóa học đều đáp ứng yêu cầu kỹ năng của CĐR đó là: (1) Có kỹ năng thực hành và ứng dụng các thành tựu khoa học Hóa học vào thực tiễn sản xuất, đời sống và dạy cho học sinh những điều đó; (2) Có các kỹ năng dạy học như kỹ năng phân tích bài giảng, soạn giáo án, tổ chức thực hiện giờ dạy trên lớp và ngoài giờ học, đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, vv [H3.03.01.02].

Theo đó SV khi tốt nghiệp ngoài đáp ứng yêu cầu kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp tối thiểu theo quy định trong CĐR, còn phải đáp ứng yêu cầu chuyên biệt của giáo viên hoá học đó là có các kỹ năng về thực hành Hoá học thông qua các môn học thực hành, có khả năng tự nghiên cứu; sử dụng tốt ngoại ngữ; vi tính, công nghệ; tự tin trong môi trường làm việc có cạnh tranh [H3.03.01.01]. Việc thiết kế các học phần trong CTDH được thực hiện một cách khoa học và chặt chẽ, thể hiện ở việc lựa chọn các học phần để đáp ứng CĐR tương ứng [H3.03.01.01], [H3.03.01.02].

Để đảm bảo đánh giá kết quả học tập của người học đạt CĐR, mỗi đề cương chi tiết học phần và kế hoạch dạy học của học phần đều đã quy định rõ về quy trình kiểm tra, đánh

giá với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong học phần mà SV đã được học [H3.03.01.05, H3.03.01.06, H3.03.01.07]. Các điều kiện tiên quyết đối với người học, việc xác định tổ hợp các PPGD, kiểm tra đánh giá đều đảm bảo đạt CĐR và có sự tương thích giữa PPGD và hình thức kiểm tra đánh giá. CTĐT CNSPHH năm 2020 không những có ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần cho CĐR của CTĐT mà còn có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, ma trận giữa mục tiêu học phần và CĐR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR [H3.03.01.08].

Trong từng giai đoạn, CTĐT đã được chỉnh sửa để phù hợp với CĐR của nhà trường. CTĐT 2014 được xây dựng theo các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H3.03.01.09]. Trước yêu cầu về đổi mới giáo dục đào tạo và để phù hợp với mục tiêu của chương trình giáo dục tổng thể 2018 và chương trình giáo dục môn Hóa học. CĐR trong CTĐT năm 2020 đã được điều chỉnh, cập nhật những yêu cầu về mục tiêu của chương trình giáo dục năm 2018 từ đó đã bổ sung hoàn thiện CĐR của Trường ĐHSPHN và của Khoa Hóa học [H3.03.01.10, H3.03.01.11].

2. Điểm mạnh:

CTDH của hệ CNSPDL được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CĐR. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm của CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR.

3. Tồn tại:

Do CTDH mới được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực nên một vài học phần ma trận đóng góp vào CĐR còn chưa hợp lý.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát CTDH theo CĐR để điều chỉnh ma trận đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT đảm bảo mức độ đóng góp hợp lý hơn	Khoa Hóa học	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	CTĐT luôn bám sát CĐR Trường, khung trình độ quốc gia Việt Nam	Phòng đào tạo và Khoa Hóa học	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng:

Tất cả các học phần của CTDH CNSPHH đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR [H3.03.01.01, H3.03.01.05,

H3.03.02.01]. Các học phần trong CTDH cũng xác định được các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp, có các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học tương thích nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.01.02, H3.03.01.05, H3.03.02.02].

Hầu hết các học phần trong CTDH đều góp phần giúp rèn luyện năng lực học tập, năng lực giao tiếp, năng lực thích ứng với môi trường cho SV từ đó giúp hình thành nhóm năng lực phát triển cá nhân tạo nền tảng cho việc học tập suốt đời và xây dựng bản sắc cá nhân theo CĐR. Sự đóng góp của mỗi học phần cho các nhóm năng lực nghề theo CĐR có sự khác nhau, có những học phần có đóng góp lớn cho phát triển nhóm năng lực sư phạm, có những học phần lại có đóng góp lớn cho phát triển nhóm năng lực NCKH hay nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội [H3.03.02.01]. CĐR của mỗi học phần đạt được CĐR của ngành học thông qua ma trận tích hợp kiến thức kỹ năng của chương trình [H3.03.01.02, H3.03.02.01].

Cụ thể sự đóng góp của các học phần trong khối kiến thức chuyên ngành với CĐR được thể hiện ở Bảng 3.2.1.

Bảng 3.2.1. Ma trận quan hệ giữa nội dung đào tạo ngành Hóa học với CĐR

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Cơ sở hóa học chung (theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Hóa hữu cơ và Hóa Vô cơ (theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Các môn tích hợp và ứng dụng (Hóa sự sống, Hóa môi trường) (theo thứ tự tăng dần)				
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.1	1.1.1					5					5					5
		1.1.2					5					5					5
		1.1.3					5					5					5
	Tiêu chí 1.2	1.2.1			3					3					3		
		1.2.2			3					3					3		
		1.2.3			3					3					3		
	Tiêu chí 1.3	1.3.1			3					3					3		
		1.3.2			3					3					3		
		1.3.3			3					3					3		
	Tiêu chí 1.4	1.4.1			3					3					3		
1.4.2						5					5					5	

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Cơ sở hóa học chung (theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Hóa hữu cơ và Hóa Vô cơ (theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Các môn tích hợp và ứng dụng (Hóa sự sống, Hóa môi trường) (theo thứ tự tăng dần)				
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
		1.4.3					5					5					5
	Tiêu chí 1.5	1.5.1				4					4					4	
		1.5.2					5					5					5
		1.5.3					5					5					5
		1.5.4			3						3				3		
		1.5.5			3						3				3		
	Tiêu chí 1.6	1.6.1				4					4					4	
		1.6.2				4					4					4	
		1.6.3				4					4					4	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.1	2.1.1				4					4					4	
		2.1.2				4					4					4	
		2.1.3				4					4					4	
		2.1.4				4					4					4	
		2.1.5				4					4					4	
	Tiêu chí 2.2	2.2.1				4					4					4	
		2.2.2			3						3				3		
		2.2.3			3						3				3		
		2.2.4			3						3				3		
		2.2.5				4					4				4		
		2.2.6				4					4				4		
		2.2.7				4					4				4		
		2.2.8			3						3				3		
	Tiêu chí 2.3	2.3.1			3						3				3		
2.3.2				3						3				3			

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Cơ sở hóa học chung (theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Hóa hữu cơ và Hóa Vô cơ (theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Các môn tích hợp và ứng dụng (Hóa sự sống, Hóa môi trường) (theo thứ tự tăng dần)				
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
		2.3.3			3				3					3			
	Tiêu chí 2.4	2.4.1				5				5					5		
		2.4.2				5				5					5		
		2.4.3				5				5					5		
		2.4.4				5				5					5		
		2.4.5				5				5					5		
		2.4.6				5				5					5		
	Tiêu chí 2.5	2.5.1			3				3					3			
		2.5.2			3				3					3			
		2.5.3			3				3					3			
	Tiêu chí 2.6	2.6.1				4				4					4		
		2.6.2				4				4					4		
		2.6.3					5				5					5	
Tiêu chuẩn 3	Tiêu chí 3.1	3.1.1			3					3					3		
		3.1.2			3					3					3		
		3.1.3			3					3					3		
		3.1.4			3					3					3		
		3.1.5			3					3					3		
		3.1.6			3					3					3		
		3.1.7			3					3					3		
		3.1.8			3					3					3		
		3.1.9			3					3					3		
	Tiêu chí 3.2	3.2.1			3					3					3		
		3.2.2			3					3					3		

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Cơ sở hóa học chung (theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Hóa hữu cơ và Hóa Vô cơ (theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Các môn tích hợp và ứng dụng (Hóa sự sống, Hóa môi trường) (theo thứ tự tăng dần)				
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
		3.2.3			3				3					3			
		3.2.4			3				3					3			
		3.2.5			3				3					3			
		3.2.6			3				3					3			
		3.2.7			3				3					3			
		3.2.8			3				3					3			
		3.2.9			3				3					3			
	Tiêu chí 3.3	3.3.1			3				3					3			
		3.3.2			3				3					3			
		3.3.3			3				3					3			
	Tiêu chí 3.4	3.4.1				4				4					4		
		3.4.2				4				4					4		
		3.4.3				4				4					4		
	Tiêu chí 3.5	3.5.1				4				4					4		
		3.5.2				4				4					4		
		3.5.3				4				4					4		
		3.5.4				4				4					4		
Tiêu chuẩn 4	Tiêu chí 4.1	4.1.1					5				5					5	
		4.1.2					5				5					5	
		4.1.3					5				5					5	
		4.1.4					5				5					5	
		4.1.5					5				5					5	
	Tiêu chí 4.2	4.2.1				4					4					4	
		4.2.2				4					4					4	

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Cơ sở hóa học chung (theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Hóa hữu cơ và Hóa Vô cơ (theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Các môn tích hợp và ứng dụng (Hóa sự sống, Hóa môi trường) (theo thứ tự tăng dần)				
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
		4.2.3				4				4					4		
		4.2.4				4				4					4		
	Tiêu chí 4.3	4.3.1				4				4					4		
		4.3.2				4				4					4		
		4.3.3				4				4					4		
		4.3.4				4				4					4		
	Tiêu chí 4.4	4.4.1			3				3					3			
		4.4.2			3				3					3			
		4.4.3			3				3					3			
		4.4.4			3				3					3			
	Tiêu chí 4.5	4.5.1			3				3					3			
		4.5.2			3				3					3			
	Tiêu chí 4.6	4.6.1			3				3					3			
		4.6.2			3				3					3			
		4.6.3			3				3					3			

Những học phần trong 66 TC cho khối kiến thức chuyên ngành Hóa học như học phần: Những nguyên lí cơ bản trong hoá học 1, Những nguyên lí cơ bản trong hoá học 2; Hoá lí 1 (Nhiệt động lực học hoá học); Hoá lí 2 (Động hoá học và hoá keo); Hoá lí 3 (Điện hoá học); Hoá lí 4 (Hoá lượng tử); Hoá vô cơ 1 (Các nguyên tố nhóm A); Hoá vô cơ 2 (Các nguyên tố nhóm B); Hữu cơ 1 (Đại cương và Hidrocarbon); Hữu cơ 2 (Hợp chất hữu cơ có nhóm chức); Hữu cơ 3 (Amines, dị vòng,...); Hoá học Phân tích (Cơ sở Hoá học phân tích; Phân tích công cụ); Hoá học sự sống; Hoá môi trường và các học phần tự chọn trong phần kiến thức chuyên ngành Hóa học đóng góp lớn cho rèn luyện năng lực tự học, năng lực chuyên ngành, năng lực NCKH và năng lực phát triển nghề [H3.03.01.03, H3.03.02.01].

Các học phần như: Giáo dục học, Lý luận dạy học, Giao tiếp sư phạm, Đánh giá trong giáo dục, Thực hành kĩ năng giáo dục, Xây dựng kế hoạch dạy học môn Hóa học, Tổ chức

dạy học môn Hóa học, Lí luận và phương pháp dạy học môn Hóa học, Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Hóa học, vv. góp phần lớn trong việc rèn luyện các năng lực thuộc nhóm năng lực sư phạm (như năng lực chuyên ngành, năng lực định hướng phát triển của học sinh, năng lực dạy học và giáo dục) và các năng lực thuộc nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội. Học phần Phương pháp NCKH Hóa học sẽ góp phần lớn cho phát triển năng lực NCKH cho người học [H3.03.01.03, H3.03.02.01].

Sự phối hợp của tất cả các học phần trong CTDH sẽ giúp SV hình thành được các năng lực cần thiết cho định hướng nghề dạy học Hóa học theo CĐR. Không chỉ tương thích về nội dung, tất cả các học phần trong CTDH CNSPHH đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Quá trình kiểm tra, đánh giá với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo bám sát với nội dung kiến thức trong học phần và yêu cầu của CĐR [H3.03.01.05, H3.03.02.01].

Định kỳ khoa Hóa học tiến hành lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lí, SV, cựu SV, giáo viên giảng dạy Hóa học ở trường phổ thông về nội dung các học phần trong CTDH, để từ đó có cơ sở chỉnh sửa CTDH ở mỗi học phần cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế [H3.03.02.03]. Nội dung những ý kiến góp ý của các bên liên quan và những điều chỉnh của CTDH qua các năm.

2. Điểm mạnh:

Mỗi học phần trong CTDH khi được xây dựng đều dựa vào CĐR chương trình cử nhân sư phạm Hóa học .

3. Tồn tại:

Việc xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV trong một số học phần thuộc CTDH còn chưa thực sự phù hợp với yêu cầu của CĐR.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cho một số học phần phù hợp hơn với yêu cầu của CĐR	Khoa Hóa học	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Mỗi học phần đáp ứng yêu cầu CĐR	Khoa Hóa học	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH cử nhân Sư phạm Hóa học được thiết kế bao gồm danh sách các học phần với các thông tin cơ bản cần thiết như tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, bộ môn phụ trách và được học vào học kỳ nào [H3.03.01.02], [H3.03.01.08]. Các học phần trong CTDH thiết kế theo cấu trúc nhất quán, trình tự logic, nội dung tương đối cập nhật và có tính tích hợp đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành giúp cho chương trình trở thành một khối thống nhất.

100% các môn học/học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, thể hiện rõ các học phần cơ bản, học phần cơ sở, điều kiện tiên quyết, thời lượng cho mỗi học phần, thời điểm/học kì thực hiện... [H3.03.01.02] giúp người học có được cái nhìn tổng quát về ngành học cũng như có sự phân bổ hợp lý về thời gian, cách thức lựa chọn môn học trong từng học kì. Hội đồng Khoa học của Khoa có nhiệm vụ thẩm định, góp ý, phê duyệt và giám sát việc thực hiện chương trình dạy học [H3.03.03.01].

Trình tự các học phần, còn gọi là cây đào tạo của CTDH cử nhân SP Hoá được xây dựng logic, bố trí hợp lý và cân đối giữa các khối kiến thức chung, chuyên ngành và kỹ năng mềm đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa đào tạo kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề, giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành. Việc thiết kế các học phần trong CTDH chặt chẽ và khoa học thể hiện ở việc lựa chọn các học phần để đáp ứng CDR tương ứng [H3.01.01.08]. SV được tham gia NCKH từ sớm giúp cho việc biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, nhờ vậy, trong những năm qua, khoa Hóa học được đánh giá là khoa có phong trào SV NCKH tốt, nhiều SV đạt giải cao trong các cuộc thi NCKH cấp Khoa, Trường ĐHSPTN và Bộ GD&ĐT [H3.03.03.02].

Nhà trường luôn luôn chú trọng rà soát, cập nhật bổ sung, chỉnh sửa CTDH, định kỳ Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa và trường tổ chức hội nghị đào tạo nhằm rà soát CTDH và CTDH cử nhân sư phạm hóa học để thường xuyên cập nhật, bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế và nguồn nhân lực [H3.03.03.03, H3.03.03.04]. CTDH CNSPHH được định kì rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. Để nâng cao chất lượng của CTDH, Khoa Hóa học định kì tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến góp ý của người học, cựu SV, giáo viên Hóa học, GV, cán bộ tuyển dụng về CTDH, từ đó có những chỉnh sửa, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế [H3.03.03.05]. Cụ thể là: Năm 2020, CTDH có sự thay đổi lớn về số TC và thời lượng các khối kiến thức so với chương trình ban hành năm 2015 [H3.03.03.06].

Bên cạnh các kiến thức cốt lõi, nền tảng thì chương trình mới đã cập nhật bổ sung các môn học mới mang tính hiện đại, hội nhập và thực tiễn cao. Nhiều chuyên đề có tính liên ngành, bao phủ các hướng nghiên cứu mới như Hóa học xanh, Năng lượng xanh, Hóa học sự sống,... [H3.03.01.02].

Khi điều chỉnh CTDH trường đã tổ chức nghiên cứu, tham khảo CTDH của các trường sư phạm trong nước và trên thế giới [H3.03.03.07]. Việc điều chỉnh CTDH còn tham khảo ý kiến phản hồi của SV và SV cuối khóa sắp tốt nghiệp [H3.03.03.08; H3.03.03.09]. Trên cơ sở ý kiến phản hồi của SV và SV sắp tốt nghiệp, Nhà trường đã tăng tỉ trọng về thời lượng và chú trọng nâng cao về năng lực và kỹ năng nghề nghiệp cho SV, tăng thời lượng SV xuống trường phổ thông kết hợp với rèn luyện kỹ năng tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm của trường [H3.03.01.02].

2. Điểm mạnh:

CTDH CNSPHH có cấu trúc, trình tự logic, tất cả các học phần đều được bố trí hợp lí. CTDH được định kì rà soát, điều chỉnh, bổ sung 2 năm một lần nhằm cập nhật nội dung kiến thức và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3. Tồn tại:

Việc cập nhật các CTDH tiên tiến của khu vực và trên thế giới của chương trình còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Cần cập nhật thêm các CTDH của các trường ĐH uy tín trong khu vực và trên thế giới trước khi điều chỉnh CTDH.	Phòng Đào tạo Khoa Hóa học	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Cấu trúc, trình tự logic, nội dung của CTDH hợp lí, liền mạch	Phòng Đào tạo Khoa Hóa học	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn: CTDH của hệ cử nhân sư phạm hóa học được xây dựng dựa trên CĐR. Mỗi học phần trong CTDH khi được xây dựng đều dựa vào CĐR chương trình cử nhân sư phạm Hóa học. CTDH cử nhân của Khoa hóa học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

Tồn tại chủ yếu: Chưa có khảo sát phản hồi của SV về mức độ hài lòng đối với CTDH của hệ cử nhân sư phạm hóa học đáp ứng với CĐR. Ma trận đóng góp của một số học phần vào CĐR còn chưa hợp lý. Tính tích hợp, cập nhật các CTDH tiên tiến của khu vực và trên thế giới của chương trình chưa cao.

Kế hoạch cải tiến chất lượng: Nhà trường sẽ khảo sát phản hồi của SV về mức độ hài lòng đối với CTDH cử nhân sư phạm hóa học. Khoa sẽ bổ sung, chỉnh sửa để ma trận các môn học phù hợp với CĐR, nâng cao tính tích hợp, cập nhật của CTDH và tiến tới xây dựng, chỉnh sửa CTDH đáp ứng các yêu cầu liên thông với CTDH của khu vực và quốc tế.

Đánh giá tiêu chuẩn 3

Tiêu chuẩn 3	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 3.1					X		
Tiêu chí 3.2				X			
Tiêu chí 3.3				X			
Điểm tiêu chuẩn	4,33						

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy học quyết định chất lượng giáo dục và cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục. Tiếp cận dạy học nội dung sẽ hướng tới yêu cầu về nội dung nên định hướng đào tạo thường nặng về lí thuyết, mang tính “hàn lâm”, đây là xu hướng tiếp cận trước đây. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học hiện nay của Trường ĐHSPHN nói chung và Khoa Hóa học nói riêng là phương pháp tiếp cận theo chuẩn đầu ra là năng lực và phẩm chất. Đây là hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu của đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Tiếp cận Chuẩn đầu ra theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực sẽ quy định việc thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp, quy định các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học được quy định và công bố trong triết lí giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, của Khoa.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của Trường ĐHSPHN thống nhất với phương pháp tiếp cận trong dạy và học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã nhất quán triển khai phương pháp tiếp cận này đến tất cả các khoa, các đơn vị đào tạo trong đó có khoa Hóa học hướng pháp tiếp cận này là định hướng xuyên suốt toàn bộ hoạt động đào tạo của khoa từ xây dựng chương trình, tổ chức các hoạt động dạy học cho đến kiểm tra đánh giá và các hoạt động hỗ trợ khác.

Tiêu chí 4.1. Triết lí giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng:

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPHN được tuyên bố rõ ràng trong Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSPHN trọng điểm đến năm 2015, đó là “*Xây dựng Trường ĐHSPHN thành trường đại học trọng điểm của cả nước, để đào tạo đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ đại học và sau đại học chất lượng cao, đạt chuẩn trình độ giáo dục đại học của các nước trong khu vực và trên thế giới; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, NCKH và sản xuất; thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, các nhiệm vụ ưu tiên, trọng điểm của nhà nước, đặc biệt là khoa học giáo dục, làm nòng cốt thúc đẩy sự phát triển của hệ thống sư phạm trong hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần tích cực phát triển sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” [H4.04.01.01]. Năm 2019, trong Kế hoạch chiến lược của Trường ĐHSPHN giai đoạn 2017 - 2022, tầm nhìn 2030, Nhà trường đã xác định Mục tiêu chung là: *Xây dựng trường ĐHSPHN trở thành trường Đại học sư phạm “chuẩn mực, sáng tạo và tiên phong” trong đào tạo giáo viên, chuyên gia và lãnh đạo giáo dục, các nhà nghiên cứu chất lượng cao ở cấp quốc gia và khu vực, năng lực NCKH công nghệ (đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học cơ bản) đạt tầm khu vực và quốc tế* [H4.04.01.03].

Triết lí giáo dục của Trường ĐHSPHN sau khi được đưa ra góp ý và chỉnh sửa thì được ban hành theo quyết định số 930 ngày 06/05/2020 với nội dung là *đào tạo nhà giáo*

xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng hướng tới mục tiêu đào tạo những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu con người, có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới, có năng lực phản biện khoa học; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại [H4.04.01.06].

Mục tiêu giáo dục được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường, được tất cả các cán bộ, GV, người học của Trường hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.10]. Mục tiêu giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong các Chương trình môn học của các khoa, các ngành. Mục tiêu đào tạo của ngành cử nhân SP Hóa học [H4.04.01.13] như sau:

1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên Hóa học chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới – đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục và đào tạo của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về phẩm chất

- Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.
- Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh.
- Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học.
- Trung thực và đáng tin cậy.
- Trách nhiệm và tận tâm.
- Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

2.2. Về năng lực chung

- Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Năng lực lãnh đạo.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực nhận thức về văn hóa - xã hội. Năng lực phản biện.

2.3. Về năng lực sư phạm

- Năng lực dạy học.
- Năng lực giáo dục.
- Năng lực định hướng sự phát triển của học sinh.
- Năng lực hoạt động xã hội.
- Năng lực phát triển nghề nghiệp.

2.4. Về năng lực chuyên ngành

- Sử dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học ngành hoặc liên ngành để giải thích Chương trình giáo dục phổ thông.

- Sử dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học hay liên ngành vào thực tiễn.

- Nghiên cứu khoa học ngành và Khoa học giáo dục ngành.

- Sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

- Sử dụng CNTT & TT trong hoạt động chuyên môn

Quan điểm tiếp cận về phương pháp dạy và học của CTĐT của Khoa cũng được nêu rõ trong CTĐT ngành SPHH [H4.04.01.13], trong đó sự thống nhất giữa triết lý giáo dục với chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và các hoạt động được thể hiện rất rõ ràng (Xem Bảng 4.1.1).

Bảng 4.1.1. Sự thống nhất giữa triết lý giáo dục với chuẩn đầu ra của chương trình, chương trình đào tạo và các hoạt động

Triết lý giáo dục		CDR	Chương trình/hoạt động
Nhà giáo xuất sắc	Giỏi về chuyên môn, sáng tạo trong nghề nghiệp, mẫu mực về phẩm chất và lối sống	Tiêu chuẩn 3	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo - Phương pháp dạy và học: dạy học theo dự án/ dạy học giải quyết vấn đề/ seminar; tự học/ làm việc nhóm - Các hoạt động ngoại khóa: câu lạc bộ nghiệp vụ sư phạm; hoạt động của hội sinh viên, đoàn thanh niên - Thực hành nghề: thực tập tại trường phổ thông
Có Tinh thần nhân văn	Xây dựng một xã hội học tập bình đẳng	Tiêu chí 1.1, 1.2	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp dạy và học: dạy học theo dự án/ dạy học giải quyết vấn đề/ seminar; tự học/ làm việc nhóm - Các hoạt động ngoại khóa: câu lạc bộ nghiệp vụ sư phạm; hoạt động của hội sinh viên, đoàn thanh niên - Các hoạt động xã hội: hoạt động tình nguyện (dạy học, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi,...)

Triết lí giáo dục		CDR	Chương trình/hoạt động
Có tư duy hiện đại	Tư duy mở, cập nhật và sáng tạo	Tiêu chuẩn 2	- Chương trình đào tạo - Phương pháp dạy và học: dạy học theo dự án/ dạy học giải quyết vấn đề/ sminar; tự học/ làm việc nhóm - Các hoạt động ngoại khóa: câu lạc bộ nghiệp vụ sư phạm; hoạt động của hội sinh viên, đoàn thanh niên
Vì sự phát triển cộng đồng	Cống hiến cho đất nước và nhận loại	Tiêu chí 1.3-1.5, Tiêu chí 2.3, 2.5, Tiêu chí 3.4	- Phương pháp dạy và học: dạy học theo dự án/ dạy học giải quyết vấn đề/ seminar; tự học/ làm việc nhóm - Các hoạt động xã hội: hoạt động tình nguyện (dạy học, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi,...)

Mục tiêu giáo dục của Trường được phổ biến tới các bên liên quan thông qua trang web của Trường [<https://hnue.edu.vn/gioithieu/trietlygiaoduc>]; phổ biến tới SV ngay từ khi bước vào trường trong “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” để giới thiệu, phổ biến cho SV về mục tiêu đào tạo cũng như các kỹ năng cần thiết cho người học hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.12]. Ngoài ra, sinh viên có tìm thấy thông tin trong sổ tay SV trong đó mục tiêu giáo dục được phổ biến cho SV học tập tại trường ĐHSPHN, SV được giới thiệu, cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu giáo dục cũng như CTĐT ngay từ khi nhập học. [H4.04.01.11]. Bên cạnh đó, qua ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động), thấy có phản hồi tích cực về triết lý giáo dục cũng như mục tiêu rõ ràng của CTĐT [H4.04.01.07].

2. Điểm mạnh:

Trường có văn bản tuyên bố chính thức về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục. Mục tiêu giáo dục của Trường và mục tiêu đào tạo của ngành SP Hóa học được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học. Mục tiêu giáo dục của nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan thông qua website của Trường.

3. Tồn tại:

Mục tiêu đào tạo của ngành Sư phạm Hóa học chưa được phổ biến thường xuyên tới các nhà tuyển dụng, và xã hội bao gồm cả phụ huynh và cựu người học.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Phổ biến mục tiêu đào tạo cử nhân Sư phạm Hóa học tới xã hội bao gồm cả phụ huynh, cựu người học, nhà tuyển dụng một cách thường xuyên hơn. Lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật mục tiêu đào tạo.	Phòng Hành chính - Đối ngoại và các Khoa	Từ năm học 2023 - 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tuyên truyền văn bản về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan một cách rõ ràng	Tất cả các Khoa và các ngành đào tạo	Từ năm học 2023 - 2024

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, các bộ môn trong Khoa và mỗi GV đều xây dựng hoạt động dạy học/ phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp để đạt được CDR. Nhà trường chỉ đạo nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu nhằm phát huy tính tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của SV như cho SV làm bài tập/ đề án môn học, tham gia NCKH, v.v... Các phương pháp dạy học thường được các bộ môn sử dụng trong dạy học cho SV là: dạy học trải nghiệm, dạy học tình huống, dạy học nhóm, dạy học dự án, dạy học thực hành, dạy học nêu vấn đề/ giải quyết vấn đề, v.v... SV được hướng dẫn các phương pháp tự học, thảo luận nhóm, NCKH, vv. [H4.04.02.06] [H4.04.02.07]. Trong CTĐT đã xác định các nhóm phẩm chất, năng lực sư phạm, năng lực chung, đặc biệt năng lực chuyên ngành bao gồm: Sử dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học ngành hay liên ngành để giải thích Chương trình giáo dục phổ thông; Sử dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học ngành hay liên ngành vào thực tiễn; nghiên cứu khoa học và khoa học giáo dục; sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; Sử dụng CNTT & TT trong hoạt động chuyên môn [H4.04.02.01]. Bên cạnh nội dung dạy học, các phương pháp dạy học góp phần phát triển các năng lực khác nhau, ví dụ, dạy học thực hành kết hợp dạy học nhóm góp phần phát triển năng lực sư phạm, năng lực chung, sử dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học ngành và liên ngành vào thực tiễn.

Ví dụ dạy học nội dung ở bảng 4.2.1 thuộc học phần “Thực hành dạy học tại trường sư phạm (3 tín chỉ)”

**Bảng 4.2.1. Nội dung sử dụng minh họa thuộc học phần
“Thực hành dạy học tại trường sư phạm”**

Mục/ bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian				Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu SV chuẩn bị (tự học có hướng dẫn)
			LT	BT	TL	TH			
Chương 2: Tổ chức dạy học Hóa học									
2.2	<i>Phân tích giờ dạy qua dự giờ, video dạy học minh họa</i>	6	0	0	1	5	Vận dụng phương pháp dạy học nhóm; dạy học thực hành để tổ chức thảo luận và đánh giá giờ dạy học minh họa.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	- Xem video và nghiên cứu kế hoạch dạy học minh họa

GV tổ chức dạy học nội dung này như sau:

Bước 1: GV chia nhóm SV, yêu cầu nhóm nghiên cứu yêu cầu cần đạt, nội dung của bài học có trong video minh họa. Thảo luận các công việc giáo viên cần phải chuẩn bị, phải làm khi dự giờ.

Bước 2: GV yêu cầu SV đóng vai GV phổ thông ngồi dự giờ tiết học minh họa qua việc xem video (Thực hành dự giờ).

Bước 3: GV yêu cầu các nhóm SV nghiên cứu kế hoạch của bài dạy minh họa kết hợp với tiến trình các hoạt động giáo viên trong video đã thực hiện để đánh giá giờ dạy minh họa (trong mỗi hoạt động dạy trong video SV cần chỉ ra cách tổ chức hoạt động đã đáp ứng được yêu cầu cần đạt chưa? Phát huy được tính tích cực của HS như thế nào? GV sử dụng phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, đánh giá... như thế nào? Đề xuất cách tổ chức dạy học hoạt động đó hiệu quả hơn).

Bước 4: GV gọi một nhóm lên trình bày sản phẩm (theo thứ tự các hoạt động, kết thúc một hoạt động dạy học các nhóm khác nhận xét và bổ sung).

Hàng năm, các giáo viên thường xuyên cập nhật nội dung bài dạy powerpoint để phù hợp với đối tượng sinh viên, đổi mới phương pháp dạy học [H4.04.02.02]; SV được tiếp cận kết quả học tập qua phần mềm, qua cố vấn học tập để có thể kịp thời cố gắng trong học tập để đạt kết quả cao nhất [H4.04.02.03].

Để nâng cao chất lượng dạy học, hàng năm, các bộ môn tổ chức họp và seminar thảo luận về phương pháp dạy học các nội dung dạy học, tổ chức dự giờ và rút kinh nghiệm giờ giảng nhằm lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp cho từng nội dung, học phần trong CTĐT [H4.04.02.04]; [H4.04.02.05].

Các GV hướng dẫn SV chủ động tự học, tự nghiên cứu, tự lựa chọn phương pháp học tập phù hợp với nhu cầu và năng lực của bản thân người học và phù hợp đáp ứng CDR. Từ đó, SV tự học, tự thiết kế các sản phẩm học tập đa dạng như các powerpoint, các bài thực hành, sơ đồ tư duy, bài tập lớn, v.v... để SV không chỉ hình thành kiến thức, kỹ năng cần thiết thuộc chuyên môn mà còn có những kỹ năng mềm cần thiết phục vụ cho ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học giúp bài dạy được sinh động, dễ hiểu hơn [H4.04.02.06].

NCKH của SV cũng là những hoạt động quan trọng nhằm đảm bảo mục tiêu của CTĐT CNSPDL. Cuối mỗi năm học, khoa tổ chức Hội nghị NCKH SV vào khoảng tháng 4 nhằm lựa chọn những báo cáo tốt gửi lên Trường để tham gia Hội nghị NCKH SV cấp Trường [H4.04.02.07].

Bên cạnh đào tạo kiến thức chuyên ngành, việc thực tập sư phạm tại các trường phổ thông là cơ hội quan trọng giúp phát triển năng lực chuyên môn và nghề nghiệp, vận dụng những kiến thức được học trong môi trường thực tế giúp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng [H4.04.01.10].

Thông qua các báo cáo khảo sát SV định kỳ hàng năm và SV năm cuối sắp tốt nghiệp cho thấy hầu hết người học hài lòng với các phương pháp dạy học được sử dụng trong CTĐT cử nhân Sư phạm. Kết quả khảo sát SV cuối khóa định kỳ hàng năm về CTĐT, trong đó có khảo sát việc có hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT qua các năm cho kết quả hầu hết SV hài lòng với các phương pháp dạy học trong CTĐT Sư phạm Hóa học [H4.04.02.08] [H4.04.02.09].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CDR.

3. Tồn tại:

Còn một số sinh viên còn tiếp cận chậm với phương pháp dạy học tích cực.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng nhóm SV học tập hiệu quả cả trên lớp học và ở nhà, SV giỏi giúp đỡ SV chưa giỏi.	Cố vấn học tập	Từ năm học 2023 - 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức seminar cho GV và SV, duy trì việc dạy mẫu và dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy	Tất cả các GV, bộ môn	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng:

Trong CTĐT [H4.04.03.05] đã xác định rõ các CDR và hàng năm được chỉnh sửa cho phù hợp, trong đó, đối với SV CNSP Hóa học, bên cạnh năng lực dạy học, một số các kỹ năng quan trọng cần đạt được như kỹ năng tự học, kỹ năng NCKH, giải quyết vấn đề, kỹ năng thực hành, vv. Các đề cương chi tiết các học phần đều được xây dựng hướng tới các năng lực và kỹ năng này.

100% đề cương chi tiết các môn học/học phần trong CTĐT 2020 và sự điều chỉnh CTĐT hàng năm [H4.04.03.05] mô tả rõ việc phân bổ thời gian tự học theo tiêu chí là số thời gian tự học tương đương số thời gian học trên lớp như bảng 4.3.1 (cụ thể môn 3 tín chỉ thời gian học trên lớp là 45 tiết thì thời gian tự học là 45 tiết).

Bảng 4.3.1: Bảng nội dung và phân bổ thời gian của học phần

Buổi	Nội dung giảng dạy	Số tín chỉ	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có hướng dẫn
			Lí thuyết	Thực hành, thảo luận	
1 - 2	Một số khái niệm cơ bản về môi trường	0,4	5	1	6
3 - 7	Hoá học của khí quyển; Nước trong môi trường; Hoá học của nước, sự ô nhiễm môi trường	1,0	12	3	12
8 - 10	Phương pháp xác định các tác nhân gây ô nhiễm nước; Môi trường địa quyển	0,6	7	2	12

11 - 13	Biện pháp kiểm soát ô nhiễm đất; Độc hoá học; các phương pháp xử lý bụi	0,6	8	1	12
14 - 15	Các phương pháp xử lý khí thải; Các phương pháp xử lý nước; Các phương pháp xử lý chất thải rắn	0,4	5	1	18
Tổng cộng		3	37	8	45

Mặc khác việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập trong mỗi môn học cũng hướng tới phát triển năng lực tự học của người học cũng được thể hiện trong CTĐT [H4.04.03.05]. Bên cạnh những phương pháp dạy học truyền thống trong CTĐT giáo viên đã tích cực sử dụng và sử dụng thành thạo các phương pháp dạy học tích cực bao gồm: phương pháp trực quan (sử dụng mô hình, biểu đồ, tranh ảnh, video,..), dạy học thực hành dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học nhóm, dạy học tình huống vv. Các hoạt động dạy học trong CTĐT đảm bảo cho SV rèn luyện được các kỹ năng như kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng NCKH, vv...Kết quả của việc sử dụng những phương pháp tích cực đó là sản phẩm học tập của người học rất đa dạng như: sơ đồ, bài trình bày canva/powerpoint, vv... [H4.04.03.06]. Ngoài ra, hàng năm, Khoa tổ chức cho SV năm thứ 3 đi thực tế [H4.04.03.02]; việc đi thực tế sẽ giúp người học thấy được tầm quan trọng của việc vận dụng kiến thức được học vào thực tiễn từ đó có động lực học tập không ngừng.

Về kỹ năng dạy học và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp trong CTĐT có 22 TC không chỉ giúp người học được tiếp cận kiến thức mà còn có kỹ năng tự học, tự rèn luyện [H4.04.02.01]; [H4.04.03.03]. Ngoài ra, mỗi năm Trường và Khoa tổ chức tuần lễ NVSP vào dịp 20/11 nhằm rèn luyện cho SV kỹ năng nghề nghiệp, ở Tuần lễ này Trường và Khoa thường tổ chức các buổi học về NVSP, tổ chức thi các kỹ năng vẽ bảng, sáng chế đồ dùng dạy học, thi tình huống sư phạm, thi thiết kế video, vv. [H4.04.03.04].

Kế hoạch dạy học được công bố cụ thể cho SV đăng kí giúp SV biết cách sắp xếp thời gian hợp lí, phù hợp năng lực của bản thân để không chỉ đạt kết quả học tập tốt mà còn có thể tham gia NCKH. Hoạt động NCKH giúp SV tự học rất nhiều mới có thể tạo ra được sản phẩm NCKH có chất lượng [H4.04.03.07]. Kết quả khảo sát SV hàng năm và SV cuối khóa về CTĐT, trong đó có khả năng rèn luyện các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học cho kết quả hầu hết SV hài lòng với các phương pháp dạy học trong CTĐT [H4.04.03.08].

2. Điểm mạnh:

Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Hệ thống đào tạo trực tuyến được Nhà trường quan tâm phát triển và áp dụng vào giảng dạy thực tế đặc biệt khi dịch covid xảy ra nặng nề làm ảnh hưởng nhiều đến việc lên lớp của thầy và trò.

3. Tồn tại:

Ở một số môn chung, kiến thức chủ yếu là lí thuyết và dạy học lớp học đông nên chưa thể hiện được việc sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học mà giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan. Hệ thống các bài giảng điện tử còn chưa phong phú để hỗ trợ người học.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khắc phục việc sử dụng các phương pháp dạy học thụ động, tăng cường tính chủ động ở một số môn chung.	Khoa Hóa học, các bộ môn	Từ năm học 2023 - 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và thực hiện các phương pháp dạy học tích cực và đa dạng	Các giảng viên	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Trường có văn bản tuyên bố về mục tiêu giáo dục và triết lí giáo dục của Trường; Mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT CNSPĐL. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CĐR. Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tuy nhiên, việc tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường chưa được thực hiện thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà tuyển dụng và với xã hội, phụ huynh và người học. Chương trình còn bắt buộc SV lên lớp vẫn còn nhiều, chưa xây dựng các nội dung dạy học online.

Đánh giá tiêu chuẩn 4

Tiêu chuẩn 4	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 4.1					X		
Tiêu chí 4.2				X			
Tiêu chí 4.3				X			
Điểm tiêu chuẩn	4,33						

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Trong CTĐT, đánh giá kết quả học tập của người học là một phần quan trọng, cung cấp mức độ đạt được của người học so với CĐR của CTĐT. Từ đó các bên liên quan có biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học. Để đánh giá kết quả học tập khách quan, công bằng, Nhà trường đã xây dựng Quy trình đánh giá và các quy định về khiếu nại, phúc khảo và phổ biến cho SV được biết ngay từ năm thứ nhất và dễ dàng tiếp cận. Ở khoa Hóa học, việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thông qua việc đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và CĐR học phần và CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế theo các phương pháp và công cụ phù hợp với mức độ đạt được CĐR, các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập, người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Với những đặc điểm của việc đánh giá kết quả học tập như vậy giúp cho người học có được sự chủ động trong học tập, từ đó kết quả học tập sẽ cao và toàn diện hơn.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Quá trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học đã xác định kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học một cách rõ ràng.

Đánh giá đầu vào được thể hiện trong thông tin tuyển sinh hàng năm. Trường ĐHSPHN xây dựng Đề án tuyển sinh và công bố công khai trên website của Trường và qua các thông báo tờ rơi, các hội thảo, hội nghị, v.v... Đề án quy định về các phương án tuyển sinh và những lưu ý về tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu cho từng tổ hợp và phương thức xét tuyển [H5.05.01.01]. Kết quả tuyển sinh được công bố công khai trên website của Trường.

Đánh giá kết quả người học đạt được CĐR được quy định cụ thể trong Quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN và Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Trường ĐHSPHN [H5.05.01.02; H5.05.01.03]. Trong đó thông báo rõ các thông tin cụ thể liên quan đến người học bao gồm: Thời gian và hình thức thi, trách nhiệm của người học trong khi thi, quy định về khiếu nại điểm, phúc khảo bài thi, các hình thức xử lý kỉ luật SV vi phạm quy chế thi [H5.05.01.02]. Đối với từng môn học cụ thể, các quy định về kiểm tra đánh giá chuyên cần, giữa kì, cuối kì cũng được quy định cụ thể đề cương chi tiết các môn học trong chương trình đào tạo và thông báo cho người học ngay từ đầu mỗi học kì [H5.05.01.04]. Quy định về đánh giá học phần đã chỉ rõ: đánh giá chuyên cần chiếm 10%, đánh giá thường xuyên 30% và cuối kì 60%. Từ quy định về đánh giá học phần của Nhà trường, các Khoa và bộ môn xây dựng các hình thức và phương pháp đánh giá chuyên cần

(tỉ lệ % thời gian có mặt tương ứng với điểm số), kiểm tra giữa kì, cuối kì và các cách thức thi, tổ hợp phương pháp (viết, vấn đáp, thực hành, v.v...), công cụ đánh giá (trắc nghiệm, tự luận, phiếu đánh giá...). Điều này được thể hiện trong CTĐT và cập nhật trong Kế hoạch năm học [H5.05.01.05].

Quy định về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần được thông báo cho người học ngay từ đầu khóa học ở Quy chế đào tạo trong sổ tay SV [H5.05.01.06].

Về cách thức ra đề, tiêu chí chấm thi các học phần lý thuyết, thực hành, đề thi tốt nghiệp cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp phù hợp với yêu cầu của CĐR, Khoa Hóa học thực hiện theo Quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường [H5.05.01.02]. Điều này thể hiện rõ trong các đề thi, bài luận, đáp án, hướng dẫn chấm các bài thi giữa kì và cuối kì của khoa. Việc kiểm tra đánh giá được khoa thực hiện nghiêm túc, chủ động và đảm bảo tiến độ: cách thức ra đề thi, hình thức đề thi theo mẫu của trường, nội dung đề thi phải nằm trong khối lượng kiến thức kỹ năng đã giảng dạy, phù hợp với nội dung đã quy định trong CTĐT, đảm bảo phân loại được kết quả học tập, v.v... Ngoài ra, khoa còn yêu cầu: Đề thi cần nộp cho trưởng bộ môn và khoa duyệt trước khi sao in đề thi, khoa bảo mật đề thi an toàn tuyệt đối. Từ năm 2023 nhiều môn học đã được xây dựng ngân hàng đề thi và sử dụng trong thi hết học phần theo hướng dẫn quy trình xây dựng ngân hàng đề thi của trường.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR.

Đối với kiểm tra giữa kì, các học phần đều kết hợp các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau để đạt CĐR. Một số học phần của các bộ môn yêu cầu SV làm bài tập lớn, dự án, thuyết trình, sản phẩm đồ án v.v... vừa đánh giá được mức độ đạt được CĐR vừa phát triển ở SV các năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. [H5.05.01.07, H5.05.01.08, H5.05.01.11]. Đối với kiểm tra cuối kì của các môn lý thuyết, hình thức chủ yếu là tự luận. Với các môn thực hành thí nghiệm, hình thức thi là làm thí nghiệm và trả lời phỏng vấn. Với hình thức thi tự luận, đề thi kiểm tra cả kiến thức và kỹ năng của học phần. Đề thi trải đều nội dung của các chương để đảm bảo SV phải có ý thức học tất cả các nội dung, không học tủ. Các bài tiểu luận, sản phẩm học tập, bài thực hành của SV đều có phiếu đánh giá theo tiêu chí cụ thể. Như vậy, hình thức, cách thức đánh giá SV khá đa dạng, linh hoạt và qua đó, GV đánh giá được SV theo CĐR. [H5.05.01.08, H5.05.01.09].

Đối với học phần Thực hành dạy học tại trường sư phạm, CĐR là SV có tình yêu nghề, có ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời, hình thành được các năng lực sư phạm, năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn, kiến thức sư phạm vào thực tiễn và sử dụng được công nghệ thông tin để thiết kế nhiều dạng bài dạy hóa học. Do đó, hình thức thi cuối kì thông qua các sản phẩm là kế hoạch bài dạy, video bài giảng (SV thiết kế kế hoạch bài dạy và thực hiện dạy trực tiếp trên lớp học giả định, có ghi lại hình và tiếng). Các sản phẩm này được đánh giá theo các tiêu chí chi tiết về KHBD (xác định mục tiêu, lựa chọn phương

pháp, kĩ thuật dạy học, lựa chọn phương tiện dạy học, thiết kế các hoạt động học,...), về kĩ năng tổ chức thực hiện (chuyển giao nhiệm vụ, quan sát, quản lí hỗ trợ học sinh,...) [H5.05.01.08, H5.05.01.09].

Hoạt động NCKH của SV cũng được tiến hành đánh giá chặt chẽ theo các tiêu chí thống nhất và quy đổi thành điểm cộng cho môn học thuộc học kì SV tiến hành nghiên cứu với môn học thuộc tổ bộ môn thực hiện nghiên cứu [H5.05.01.10].

Đối với thực tập sư phạm, Trường ĐHSPTN và Khoa Hóa học có các văn bản hướng dẫn, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập cụ thể. Ngành sư phạm Hóa học thực tập tại các trường Trung học phổ thông. Thời gian thực tập sư phạm của 1 khóa đào tạo là 10 tuần, chia thành 2 đợt liên tiếp nhau. Mỗi đợt thực tập có yêu cầu khác nhau về thực hiện nhiệm vụ thực tập giáo dục và giảng dạy. Kết quả thực tập của SV được đánh giá theo tiêu chí và có phiếu tổng hợp sau mỗi đợt [H5.05.01.12].

Việc đánh giá kết quả của từng học phần được quy định cụ thể. Điểm chuyên cần được đánh giá theo ba mức điểm là 0, 5 và 10, căn cứ vào việc tham gia đầy đủ, có tinh thần tích cực trong các buổi học trên lớp và chuẩn bị bài đầy đủ ở nhà. Điểm giữa kì được tính bằng trung bình cộng của các bài kiểm tra bộ phận. Đa số các học phần đều tính điểm giữa kì ở nội dung thực hành, rèn luyện kĩ năng do đó, phát triển được năng lực thực hành và vận dụng của SV [H5.05.01.13].

Theo kết quả Khảo sát ý kiến của SV về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá đạt kết quả tương đối tốt [H5.05.01.14].

2. Điểm mạnh:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện đúng quy định của khoa và trường, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá khá đa dạng, linh hoạt theo tình hình cụ thể của hình thức đào tạo hóa và phù hợp với mỗi học phần, do vậy GV có thể đánh giá được mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

3. Tồn tại:

Phần mô tả phương pháp kiểm tra đánh giá trong chương trình chi tiết ở một số môn học chưa được rõ ràng về thời gian đối với bài thi.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Cụ thể hóa thời gian cho bài thi ở mỗi môn học.	Khoa Hóa học, các bộ môn	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các kì kiểm tra khách quan, công bằng, nghiêm túc. Tăng cường đánh giá qua sản phẩm, dự án,... đáp ứng CĐR	Khoa Hóa học, các bộ môn	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được thể hiện rõ trong các quyết định, quy chế đào tạo và tài liệu hướng dẫn. Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường đã quy định việc đánh giá học phần, tổ chức kì thi kết thúc học phần, ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần, điểm trung bình chung; cơ chế phản hồi kết quả học tập, quy định về việc làm, chấm khóa luận tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp [H5.05.02.01, H5.05.02.02].

Về đánh giá học phần, yêu cầu phải nghiêm túc, khách quan, tin cậy, trung thực và công bằng. Việc đánh giá kết quả học tập phải dựa trên CDR của học phần, chú trọng đánh giá quá trình nhằm kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của SV. Cụ thể như sau:

- Tổ chức kì thi: Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần là vào cuối mỗi học kì. Thời gian thi được thông báo vào đầu năm học trong Kế hoạch đào tạo năm học do Hiệu trưởng phê duyệt [H5.05.02.03]. Lịch thi được cập nhật trên trang quản lý đào tạo của mỗi SV, do đơn vị quản lý đào tạo và giáo vụ khoa cập nhật. Trong thời kì học và thi online, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh Covid-19. Các hướng dẫn này được đăng công khai trên trang đào tạo để SV dễ dàng truy cập [H5.05.02.04, H5.05.02.05].

- Điểm học phần gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên (giữa kì) và điểm thi kết thúc học phần. Điểm chuyên cần có 3 mức điểm là 0, 5 hoặc 10; trọng số 0,1. Điểm kiểm tra giữa kì có trọng số 0,3. Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6. Các học phần thực hành được đánh giá bằng điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học kì. Phương pháp, hình thức đánh giá, trọng số được quy định trong đề cương chi tiết của từng học phần và được GV phụ trách lớp thông báo cho SV khi bắt đầu học phần [H5.05.02.06].

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần là: Điểm chuyên cần: ≥ 5 , Điểm kiểm tra bộ phận: ≥ 3 . Trước kì thi 2 tuần, căn cứ danh sách SV đủ điều kiện thi, khoa lập danh sách phòng thi và thông báo cho SV trước ngày thi ít nhất 05 ngày làm việc.

- Cách tính điểm học phần: Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo thang điểm 4 của các học phần đã được tích lũy (đạt điểm A, B, B+, C, C+, D, D+ theo thang điểm chữ) tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kì.

Quyết định số 1067/QĐ-ĐHSPHN ngày 14 tháng 5 năm 2020 về quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường

ĐHSPHN xác định rõ: (1) Thời gian thi kết thúc học phần được thực hiện vào cuối kì và được thông báo trong kế hoạch đào tạo năm học do Hiệu trưởng phê duyệt vào đầu năm học; (2) Hình thức thi gồm: thi viết, thực hành, vấn đáp, viết tiểu luận, bài tập lớn, làm đề án môn học, thi trên máy tính; (3) Quy định về khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi: Thí sinh làm đơn phúc khảo gửi TT ĐBCL của Trường đối với môn chung và gửi Khoa đối với môn chuyên ngành, chậm nhất 07 ngày sau khi nhận đơn phúc khảo, TT ĐBCL và Khoa phản hồi thông tin cho SV biết kết quả. Theo hướng dẫn số 615 ngày 19 tháng 12 năm 2022 bổ sung mỗi học phần quy định một hình thức thi phù hợp hoặc kết hợp giữa các hình thức. Hình thức thi được Hiệu trưởng phê duyệt trong Đề cương chi tiết của học phần và được giảng viên phụ trách lớp học phần công bố công khai cho SV khi bắt đầu học phần; khi cần thay đổi hình thức thi, vào đầu học kì, khoa/ nhóm giảng viên dạy môn chung có thể đề nghị bằng văn bản gửi Trung tâm ĐBCL để tổng hợp báo cáo Ban Giám hiệu xem xét, phê duyệt [H5.05.02.02].

Đối với trọng số điểm trong từng học phần: Tất cả các học phần đều quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: Điểm chuyên cần: 10%, kiểm tra thường xuyên (giữa kì): 30%, điểm thi hết học phần 60%. Điểm kiểm tra bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0-10), làm tròn đến một chữ số thập phân [H5.05.02.02].

Hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể và công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học/ kỳ học/ học phần. Cụ thể: Các quy định về kiểm tra - thi phần lý thuyết, thực hành, đề thi tốt nghiệp cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp được quy định rõ ràng và công bố công khai cho người học thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, thông qua sổ tay SV. Khoa đã tổ chức các buổi gặp mặt cho SV khóa mới và giáo vụ, cố vấn học tập thông báo các quy định kiểm tra đánh giá cũng như giải đáp các thắc mắc của SV để người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của mình. [H5.05.02.07].

Thời gian thi được Nhà trường thông báo trong các kế hoạch thi kết thúc học phần sau mỗi học kì [H5.05.02.08]. Căn cứ vào đó, khoa lên lịch thi các môn chuyên ngành. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho SV để có tâm thế và ôn tập, nhất là đối với SV đang học song ngành thứ 2, cùng tham gia thi ngành 2, khoa Hóa học có những thông báo thời gian thi môn chuyên ngành dự kiến, và khoa có thể chủ động điều chỉnh lịch thi (ví dụ: tổ chức ca thi sớm hơn, để SV kịp thi ca thứ 2) [H5.05.02.08]. Lịch thi được thông báo trước cho SV trên các nhóm của SV trước 20 ngày. Sau khi tất cả SV không có vướng mắc về thời gian thi, lịch thi cuối cùng sẽ được công bố cho SV toàn khoa theo các kênh điện tử và dán ở bảng tin của khoa để tất cả SV được biết. Quy trình ra đề, chấm thi đảm bảo tính bảo mật, công bằng và minh bạch. Khoa đã thực hiện nghiêm túc theo quy định của Trường về kiểm tra, đánh giá [H5.05.02.01]. Cụ thể: Đối với những môn thi không thi theo ngân hàng đề thi Đề thi được gửi trước ngày thi theo lịch 1 tuần. Đề thi được đưa cho Trưởng bộ môn duyệt, sau đó niêm phong gửi BCN khoa, BCNK mở niêm phong duyệt đề thi và in đề theo

số lượng SV dự thi. Đối với những đề thi đã có ngân hàng đề thi BCNK sẽ là người bốc ngẫu nhiên (những đề đã thi sẽ được loại khỏi ngân hàng đề), đề thi được thu lại để bảo mật khi số lượng đề thi chưa đủ lớn.

Nghiệp vụ sư phạm và các hoạt động tập thể được Trường và Khoa quy định rõ ràng. Từ đầu năm học SV đã được thông báo về tuần nghiệp vụ sư phạm sẽ được tổ chức vào tháng 11. Khoảng tháng 10, Trường có thông báo về kế hoạch tổ chức tuần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm [H5.05.02.09]. Khoa sẽ căn cứ vào lịch của Trường và xây dựng kế hoạch tuần NVSP. Các hoạt động, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của SV được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể [H5.05.02.10].

Việc thông báo kết quả SV đăng ký học và các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi được cập nhật tại địa chỉ:

<https://hnue.edu.vn/Daotao/DaotaoDaihoc/QuychedaotaoDaihoc.aspx> và phần mềm Unisoft trước học năm học 2023 - 2024; đến năm học 2023 - 2024 nhà trường sử dụng phần mềm PSC nhằm giúp SV nắm rõ các quy định về quy trình tổ chức kiểm tra kết quả học tập [H5.05.02.04, H5.05.02.11]. Việc thông báo đã tách bạch về hình thức, nội dung và lịch thi: GV thông báo hình thức, nội dung thi; giáo vụ thông báo thời gian, địa điểm thi và CVHT hỗ trợ thông tin khi SV thắc mắc.

Các quy định về kiểm tra đánh giá nhìn chung khá ổn định trong thời gian từ 2019 - 2022. Tuy nhiên, do dịch Covid-19, SV chuyển sang học online nên việc kiểm tra, đánh giá được điều chỉnh theo quy định về tổ chức thi online [H5.05.02.05].

Theo kết quả Khảo sát ý kiến của SV về Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá trong các năm từ 2019 đến 2023 ở mức tương đối tốt [H5.05.02.12].

2. Điểm mạnh:

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được đưa vào Quy chế đào tạo và các văn bản liên quan tới kế hoạch đào tạo đầy đủ và rõ ràng giúp người học lĩnh hội ngay từ đầu khóa học. Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học và được đa dạng hóa bằng nhiều phương pháp đánh giá tương thích, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và CTĐT. Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch, công bố sớm trước/khi bắt đầu học đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau giúp người học chủ động và nhận được thông tin đầy đủ.

3. Tồn tại:

Sinh viên còn chưa có thói quen ghi chú lịch theo kế hoạch đầu năm để chủ động học và ôn tập cho các kì thi.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
----	----------	----------	-------------------------	---------------------------------

1	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn SV có thói quen xem các kế hoạch trên website của trường và khoa, chủ động lập kế hoạch học tập cho bản thân để việc học tập, ôn thi chủ động, hiệu quả hơn	Khoa Hóa học	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các phương pháp đánh giá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR từng học phần và CTĐT.	Các bộ môn	Cập nhật hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 6/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng:

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được xây dựng trong Đề cương chi tiết các học phần [H5.05.03.01]. Nhìn chung, GV sử dụng các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học rất đa dạng, phù hợp với CĐR, đối tượng người học và mục đích đánh giá trong từng giai đoạn của học phần.

Về cơ bản, các môn học đều thực hiện thi kết thúc học phần theo Quyết định Hướng dẫn v/v tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá trong kì thi kết thúc học phần Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Theo đó các hình thức thi gồm: thi viết, vấn đáp, thực hành, đánh giá qua sản phẩm, viết tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp, thi trên máy tính (thi trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy tính) [H5.05.03.02]. Nhà trường cũng hướng dẫn các khoa xây dựng ngân hàng đề, rà soát và phát triển ngân hàng đề thi kết thúc học phần của các môn học [H5.05.03.03].

Trong năm học 2021-2022, do điều kiện dịch bệnh, Nhà trường đã ra công văn cho phép các GV đăng kí hình thức thi, lấy ý kiến, tổ chức thi online [H5.05.03.04]. Theo đó, các môn có thể đăng kí các hình thức sau: Tiểu luận/ bài tập lớn, trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận trực tuyến (có người giám sát). Hình thức tiểu luận/ bài tập lớn được khuyến nghị sử dụng để đánh giá. Nhà trường và Khoa cũng quy định tổ chức kiểm tra đánh giá và hướng dẫn cụ thể tổ chức thi học phần trực tuyến cho phù hợp tình hình dạy và học trong thực tế.

Trong thực tế triển khai ở khoa Hóa học, các GV căn cứ vào đặc trưng của môn học và yêu cầu về CĐR và quá trình giảng dạy đã đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá.

Trong dạy học các học phần, GV đã định hướng và có các hướng dẫn ôn tập nên điểm kiểm tra cuối kì khá cao [H5.05.03.05].

Các phân tích, mô tả trên cho thấy các hình thức kiểm tra đánh giá rất đa dạng và linh hoạt theo từng điều kiện học tập. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo độ tin cậy, có các tiêu chí đánh giá rõ ràng và bám sát theo CĐR của học phần do đó, đánh giá được mức độ đạt CĐR của SV.

Quy trình ra đề, chấm thi đảm bảo tính bảo mật, công bằng và minh bạch. Khoa đã thực hiện nghiêm túc theo quy định của Trường về kiểm tra, đánh giá [H5.05.03.02]. Cụ thể: Với những môn thi không thi theo ngân hàng thì Đề thi được gửi trước ngày thi theo lịch 1 tuần. Đề thi được đưa cho Trưởng bộ môn duyệt, sau đó niêm phong, gửi giáo vụ lưu trữ. Ngay trước ngày thi, BCN khoa mở niêm phong, duyệt đề thi, photo đề theo số lượng SV dự thi. Đối với những đề thi đã có ngân hàng đề thi Ban chủ nhiệm Khoa sẽ là người bốc ngẫu nhiên (những đề đã thi sẽ được loại khỏi ngân hàng đề). Đề thi được xây dựng theo quy trình hướng dẫn của nhà trường, đảm bảo đúng yêu cầu về mặt cấu trúc, nội dung, trình bày, tính bảo mật [H5.05.03.03, H5.05.03.06, H5.05.03.07, H5.05.03.08].

Về tổ chức thi, quy trình được tiến hành nghiêm ngặt, đảm bảo nghiêm túc, công bằng và tin cậy. Khoa tổ chức thi: phân công cán bộ coi thi và in, photo đề, v.v... Sau khi thi xong, trợ lý đào tạo dồn túi đánh phách và bảo mật bài thi. Khoa chuyển bài thi cho giáo vụ, tổ bộ môn cử 2 GV chấm tập trung tại khoa. GV chấm thi nhận bài chấm thi từ giáo vụ, có biên bản giao nhận bài thi. Công tác chấm thi phải thực hiện nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Cán bộ chấm thi phải chấm bài thi theo đúng thang điểm và đáp án chính thức được phê duyệt. Cán bộ chấm thi được phân công công việc khi chấm cụ thể: Cán bộ chấm thi 1 chấm trên phiếu chấm (phiếu chấm được gửi kèm theo đáp án của học phần và biểu điểm chấm thi), cán bộ chấm thi 2 chấm trên bài thi theo thang điểm và đáp án chính thức đã được phê duyệt. Cán bộ chấm thi hoàn thành chấm bàn giao lại bài thi cho giáo vụ có biên bản kèm theo. Bài thi được đưa lại cho trợ lý đào tạo ghép phách và chuyển cho giáo vụ nhập điểm trên phần mềm. Giáo vụ in danh sách điểm, trợ lý rà soát, kiểm tra. Trợ lý, giáo vụ, ban chủ nhiệm khoa xác nhận điểm và lưu hồ sơ. Sau khi tổng hợp, giáo vụ khoa công bố và thông báo điểm cho SV (Giáo vụ nhập điểm trực tiếp trên phần mềm). Khoa thông báo lịch phúc khảo bài thi học phần, tiếp nhận đơn phúc khảo. Nếu SV phúc khảo thì viết đơn sau 3 ngày, khoa lập danh sách phúc khảo, tổ chức rút bài và chuyển cho GV chấm; GV chấm phúc khảo độc lập với 02 GV chấm lần 1, màu mực phải khác với màu mực chấm trước đó. GV chấm thi xong sẽ trả bài về cho giáo vụ để trợ lý học phần ghép phách, giáo vụ nhập điểm lên phần mềm để SV biết được điểm phúc khảo. Mô tả trên cho thấy quy trình tổ chức chấm thi rất chặt chẽ và mỗi khâu có người chịu trách nhiệm riêng. Việc giám sát, kiểm tra được thực hiện ở khâu cuối cùng, do đồng thời cả trợ lý, giáo vụ và ban chủ nhiệm cùng thực hiện; do đó, đảm bảo tính khách quan, công bằng [H5.05.03.09]. Quy trình tổ chức thi, phúc khảo đã có trong sổ tay SV [H5.05.03.10].

Đặc biệt, hàng năm ban thanh tra nhân dân của khoa đều thực hiện công tác thanh tra điểm thi tất cả các học phần theo hình thức: Khoa triệu tập cán bộ, giảng viên từ tất cả các bộ môn, Ban thanh tra nhân dân cùng với giáo vụ khoa, trợ lý đào tạo lên kế hoạch, phân công thực hiện đối chiếu điểm thi trên bài với điểm vào phách và từ điểm trên phách vào hệ thống của trường. Các bài thi cũng được rút ngẫu nhiên để kiểm tra việc chấm bài và cộng điểm thành phần. Công tác này hàng năm đều thực hiện nghiêm túc và có ghi thành biên bản. Công tác này đảm bảo độ chính xác, khách quan, công bằng trong công tác chấm và quản lý điểm của sinh viên [H5.05.03.11].

Kết quả khảo sát GV năm 2022 cho thấy: GV đánh giá tích cực về PPGD và kiểm tra đánh giá của GV [H5.05.03.12].

Theo kết quả Khảo sát ý kiến của SV về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá đạt kết quả tương đối tốt thể hiện ở bảng 5.3.1 [H5.05.03.13].

2. Điểm mạnh:

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy định. Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SP Hóa học. Quy trình tổ chức thi đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng.

3. Tồn tại:

Các môn học chủ yếu đánh giá dựa trên đánh giá của GV, việc kết hợp đánh giá và tự đánh giá đối với SV chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn và tổ chức cho SV thực hiện tự đánh giá và đánh giá chéo trong quá trình đánh giá thường xuyên (đánh giá giữa kì)	Khoa Hóa học	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường trao đổi giữa các bộ môn để sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng hơn, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ tin cậy, công bằng và phù hợp CDR của CTĐT	Khoa Hóa học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng:

Theo Quy chế và quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN, việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với quy định về kiểm tra, đánh giá của Bộ GD&ĐT [H5.05.04.01, H5.05.04.02]. Quy định này được công bố công khai đến từng GV và SV trong sổ tay SV [H5.05.04.03], trong các giờ học đầu các học phần, qua đó giúp SV có đầy đủ thông tin và thực hiện.

Khoa đào tạo có trách nhiệm công bố điểm đánh giá quá trình của học phần trên hệ thống quản lý kết quả học tập của Nhà trường, trên bảng thông báo của khoa muộn nhất 3 ngày kể từ ngày kết thúc học phần và gửi bảng điểm có chữ kí của giảng viên và BCN về Trung tâm ĐBCL và Phòng Đào tạo. Các khoa nhập điểm thi kết thúc học phần vào Hệ thống quản lý kết quả học tập và công bố điểm thi kết thúc học phần muộn nhất là 02 ngày sau khi hết thời gian chấm thi của học phần và gửi bảng điểm có chữ kí của Giảng viên và BCN về Trung tâm ĐBCL và Phòng Đào tạo. Năm học 2023 – 2024 Trường sử dụng phần mềm PSC giảng viên sẽ nhập điểm điều kiện, chuyên cần lên phần mềm trước 2 tuần khi bắt đầu thi. GV khóa điểm trên phần mềm Giáo vụ sẽ biết được SV nào được thi hay không được thi để lập danh sách thi, GV khóa điểm là SV cũng biết được điểm của mình trên trang cá nhân trước khi thi. SV phản hồi kịp thời để giải quyết những vấn đề trước khi thi. Điểm giáo vụ nhập lên PSC và khóa điểm SV sẽ xem được ngay kết quả học tập của mình [H5.05.04.04].

Về công bố điểm, kết quả thi và kiểm tra được công bố công khai trên phần mềm Unisoft/ PSC [H5.05.04.04]. SV sử dụng tài khoản riêng để đăng nhập và tự tra điểm. Do đó, việc quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng. Công thức tính điểm trung bình chung học tập được thống nhất và công bố trong Sổ tay SV để SV có thể tự kiểm tra [H5.05.04.03]. Kết quả đánh giá được công bố kịp thời, đảm bảo SV chủ động kiểm tra được kết quả.

Với quy định này, người học kịp thời có quyết định về cải thiện tình hình học tập của mình theo các cách như: học lại, học cải thiện. Điều này thể hiện rõ trong kết quả học tập của SV, điểm số của SV tiến bộ theo từng năm học [H5.05.04.05].

Trước khi đưa phần mềm PSC vào sử dụng giáo vụ xuất điểm gửi CVHT để theo dõi, tư vấn cho các SV thuộc diện cảnh báo để đăng kí tín chỉ cho phù hợp. Các CVHT theo dõi việc cảnh báo kết quả học tập của SV mình phụ trách theo công văn Nhà trường gửi về hoặc trên trang đào tạo của GV. Các CVHT thông báo cho SV qua các nhóm zalo của GV và SV hoặc liên hệ, trao đổi trực tiếp với SV. Sau khi đưa PSC vào năm học 2023- 2024 thì trên trang cá nhân của CVHT hiển thị luôn kết quả học tập của SV, từ đó CVHT chủ động trong việc tư vấn cho SV. Tuy nhiên, việc giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn cho SV chủ yếu thực hiện đối với từng cá nhân mà chưa thành một hệ thống tư vấn cho tất cả SV [H5.05.04.06].

Hàng năm, Nhà trường phối hợp cùng Khoa đưa ra Cảnh báo học tập cho SV khi họ không hoàn thành kế hoạch học tập như chưa tích lũy đủ số TC; điểm trung bình chung tích lũy thấp [H5.05.04.07]. Cảnh báo học tập được thông báo trên trang cá nhân của SV, gửi tới các CVHT, cán bộ quản lý SV, Giáo vụ Khoa, từ đó các bộ phận chuyên trách nắm được thông tin và có giải pháp hỗ trợ người học kịp thời.

Hội nghị học tập của SV hàng năm, khoa không chỉ thông báo kết quả học tập cho SV mà còn là cơ hội cho SV phản hồi về những khó khăn trong học tập để nhận được sự

hỗ trợ phù hợp [H5.05.04.08]. Thông qua các cuộc học về kiểm tra đánh giá và tổ chức thi, khoa luôn đưa ra các giải pháp để cải thiện việc học tập của SV [H5.05.04.09].

Theo kết quả Khảo sát ý kiến của SV về Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá đạt kết quả tương đối tốt [H5.05.04.10].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống quản lí của các khoa, TT ĐBCL, TT CNTT và Nhà trường thống nhất và kết hợp chặt chẽ trong việc tổ chức thi và công bố điểm cho SV. Phần mềm quản lí đào tạo UniSoft (nay là PSC) giúp người học được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi từ đó có biện pháp để cải thiện việc học tập.

3. Tồn tại:

Việc giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn cho SV chủ yếu thực hiện đối với từng cá nhân mà chưa thành một hệ thống tư vấn cho tất cả SV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Cố vấn học tập, giáo vụ và GV kết hợp cùng tổ chức các buổi tọa đàm về học tập và nghiên cứu khoa học cho SV	Khoa Hóa học	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy trình tổ chức thi, chấm điểm và công bố kết quả đánh giá. Sử dụng phần mềm Unisoft để phản hồi kết quả đánh giá kịp thời tới NH.	Khoa Hóa học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 6/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng:

Để đảm bảo công bằng trong việc đánh giá kết quả học tập cho mọi SV, ngoài việc áp dụng quy chế thi, kiểm tra nghiêm túc, Nhà trường còn tạo điều kiện tốt nhất để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và được công khai cho người học từ lúc nhập học. Việc làm này chẳng những để tránh thiếu sót có thể xảy ra, đảm bảo sự công bằng trong việc đánh giá kết quả học tập, mà còn phát huy tính dân chủ trong cộng đồng SV. Việc khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi và kết quả học tập được quy định rõ tại Điều 16 trong Quyết định Ban hành quy định v/v tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá trong kì thi kết thúc học phần Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và các Quyết định bổ sung, Hướng dẫn kèm theo [H5.05.05.01]. Theo đó, sau khi công bố học phần, đơn vị tổ chức thi

thông báo thời gian nhận đơn phúc khảo điểm bài thi trên cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý kết quả học tập của Nhà trường. Nếu có khiếu nại, SV cần thực hiện các bước sau:

- SV làm đơn theo mẫu [H5.05.05.02] và nộp cho Trung tâm đảm bảo chất lượng của Trường đối với môn chung và nộp tại văn phòng Khoa đối với các học phần chuyên ngành;

- Đơn vị tổ chức thi và Khoa đào tạo quản lý học phần phối hợp thực hiện xem xét bài thi, kết quả thi của SV;

- Đơn vị tổ chức thi xây dựng lịch chấm phúc khảo, gửi đến Ban thanh tra giáo dục Trường. Khoa quản lý học phần có trách nhiệm cử GV chấm theo lịch.

Ngoài ra, việc phúc khảo bài thi tự luận và trắc nghiệm cũng được quy định rất rõ ràng và chặt chẽ.

Điểm chấm lại của bài thi được đơn vị tổ chức thi tổng hợp và kí duyệt chậm nhất sau 07 ngày từ ngày nhận đơn phúc khảo, TT ĐBCL và khoa đào tạo phản hồi thông tin cho SV được biết kết quả giải quyết rõ ràng và cụ thể [H5.05.05.03], [H5.05.05.04].

Quy trình phúc khảo bài thi được đăng trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và của Khoa để SV tiếp cận dễ dàng [H5.05.05.05]. Cách thức phản hồi kết quả cũng được cụ thể hóa trong từng môn học và được GV thông báo đến SV khi bắt đầu mỗi học phần. Như vậy, SV muốn khiếu nại hoặc phúc khảo đều có thể tiếp cận thông tin về thời gian, quy trình, thủ tục khiếu nại, phúc khảo kết quả bài thi trên cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý học tập của Nhà trường. Nhờ đội ngũ cán bộ trực 6 ngày trong tuần, mỗi ngày 8 tiếng, đơn phúc khảo của SV luôn được đảm bảo tiếp nhận bởi TT ĐBCL hoặc giáo vụ khoa và nhanh chóng chuyển cho các bộ phận liên quan giải quyết trong thời hạn qui định.

Việc tạo điều kiện cho người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã tạo sự dân chủ, công bằng cho mọi SV. Khiếu nại được giải quyết kịp thời, thỏa đáng giúp SV tin tưởng và tạo ra không khí học tập tích cực.

Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học không quá 6% mỗi năm và đều được giải quyết kịp thời, thỏa đáng [H5.05.05.06].

2. Điểm mạnh:

Quy trình khiếu nại kiểm tra đánh giá được quy định cụ thể và phổ biến công khai, kịp thời đến tất cả SV; người học tự tin và dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

3. Tồn tại:

Khoa chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về công tác tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại về kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2023 - 2024, lấy ý kiến phản hồi của SV về việc tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại về kết quả học tập.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi (đầu hoặc cuối năm học) của SV về việc tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại kết quả học tập	Khoa Hoá học	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Giáo vụ khoa, GV các bộ môn, cố vấn học tập tiếp tục duy trì việc phổ biến quy trình khiếu nại kết quả học tập, thông báo lịch phúc khảo tới tất cả người học một cách kịp thời.	Giáo vụ khoa, GV các bộ môn, cố vấn học tập	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả của người học trong CTĐT trình độ đại học ngành SP Hóa học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của Nhà trường đã được xây dựng cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai tới người học ngay từ đầu năm thứ nhất qua các đợt sinh hoạt tập thể và trong Sổ tay SV, trên trang đào tạo của SV.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Việc đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, tổ chức thi cử nghiêm minh, quản lý công tác chấm bài và lên điểm nghiêm túc, chính xác đã tạo ra được nề nếp dạy và học tích cực. Phần mềm quản lý đào tạo UniSoft cập nhật nhanh chóng các thông tin về học tập, rèn luyện của SV do đó, SV được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi. Từ đó, SV có thể điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Phương pháp đánh giá kết quả học tập được sử dụng đa dạng như: trắc nghiệm, tự luận, thực hành, bài tập lớn, v.v... Kiểm tra đánh giá kết quả học tập thể hiện trong CTĐT đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung học phần cũng như toàn bộ CTĐT về kiến thức, kỹ năng đạt được.

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Các mốc thời gian về chấm bài, nộp điểm, nhận đơn phúc khảo được khoa thực hiện nghiêm túc theo quy định kiểm tra đánh giá của trường. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời trên trang quản lý học tập nên người học có thể chủ động theo dõi và đưa ra quyết định cải thiện việc học tập. Khi có bất cứ khiếu nại gì về kết quả đánh giá, người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua hướng dẫn cụ thể theo các bước rõ ràng được quy định bằng văn bản. người học có thể tự đọc hiểu văn bản hoặc có thể yêu cầu sự trợ giúp từ đội ngũ giáo vụ và cố vấn học tập.

Công tác kiểm tra đánh giá cần duy trì thực hiện và phát huy các ưu điểm, điểm mạnh trên. Tuy nhiên, việc quy định thời gian thi của một số học phần trong kế hoạch đào tạo còn chưa cụ thể; phần mềm quản lý học tập đôi khi bị lỗi do nhiều người học truy cập cùng một lúc, gây khó khăn cho SV đăng ký học và xem kết quả học tập; nên tăng cường tự đánh giá và đánh giá chéo của sinh viên trong đánh giá thường xuyên là một số các điểm cần chú ý khắc phục.

Đánh giá tiêu chuẩn 5

Tiêu chuẩn 5	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 5.1					X		
Tiêu chí 5.2						X	
Tiêu chí 5.3					X		
Tiêu chí 5.4						X	
Tiêu chí 5.5					X		
Điểm tiêu chuẩn	5,40						

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường ĐHSPHN là trường trọng điểm, đầu ngành trong hệ thống các trường sư phạm, là trung tâm lớn nhất về đào tạo giáo viên, NCKH đặc biệt là khoa học giáo dục của cả nước. Sứ mạng của trường là đào tạo nguồn nhân lực CLC có trình độ đại học và trên đại học, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội; NCKH cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Chính vì thế, Trường cần một đội ngũ GV, NCV có đủ năng lực để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Ý thức được điều này, Trường luôn có chiến lược quy hoạch và phát triển đội ngũ GV, NCV nhằm đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của trường. Đội ngũ GV, NCV phục vụ cho đào tạo CTĐT cử nhân Sư phạm Hóa học là lực lượng có trình độ cao, có năng lực hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu về giảng dạy và NCKH, đảm bảo đáp ứng tốt các yêu cầu của CTĐT cử nhân Sư phạm Hóa học. Các GV luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi nghiệp vụ chuyên môn, hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo. Nhận thức được tầm quan trọng của đội ngũ GV đối với sự phát triển của Khoa và của trường, trong thời gian qua việc quy hoạch cán bộ, các tiêu chí tuyển dụng, năng lực của đội ngũ GV luôn được xác định, thực hiện công khai, minh bạch, theo đúng quy định của Nhà nước và của trường. Nhà trường cũng đã chú trọng đến việc bồi dưỡng cán bộ, thu hút nhân tài, động viên các cán bộ bằng nhiều hình thức khen thưởng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030, đề án vị trí việc làm đến năm 2025, trong đó đã xác định kế hoạch về vị trí việc làm, tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV và NCV [H6.06.01.01, H6.06.01.02, H6.06.01.03]. Dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Khoa Hóa học đã có chiến lược phát triển đội ngũ, xem xét thông báo số cán bộ sắp về hưu, dự kiến số cán bộ cần tuyển dụng cho các vị trí, tính định biên số cán bộ cho mỗi bộ môn cũng như đề ra chiến lược phát triển đội ngũ, định hướng, động viên cán bộ tích cực học bồi dưỡng nâng cao trình độ và đăng ký xét học hàm GS, PGS. [H6.06.01.04].

Do có kế hoạch quy hoạch cán bộ và thực hiện tốt quy hoạch cho cả giai đoạn và hàng năm, đến nay khoa Hóa học đang có một đội ngũ cán bộ có chất lượng cao, hoàn toàn đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hiện nay khoa Hóa học có tổng số cán bộ là 47 trong đó có 38 giảng viên, 7 giáo viên thực hành và 02 cán bộ văn phòng [H6.06.01.05]. Đội ngũ cán bộ của khoa có trình độ cao cụ thể có 01GS, 16PGS, 19TS, 9 Ths và 02 cử nhân. Trong số 38 giảng viên có 1GS, 16 PGS, 18TS và 03 Ths (01 đang làm nghiên cứu sinh). Đội ngũ giảng viên của khoa hầu hết đều có trình độ cao, số

CB có trình độ tiến sĩ là 35/38, chiếm 92% số GV, số cán bộ có học hàm GS, PGS là 17/38 chiếm 44,7% số giảng viên.

Hiện nay, tuổi trung bình của đội ngũ giảng viên trong khoa là khoảng 45, có 10 GV dưới 40 tuổi, 20GV trong độ tuổi 41-50. Trong ngắn hạn, khoa Hoá học có lực lượng đội ngũ cán bộ có trình độ cao (35 cán bộ có trình độ từ tiến sĩ trở lên), và ở độ tuổi 35-45 tuổi, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. (xem bảng 6.1).

Bảng 6.1.1. Bảng thống kê Số lượng giảng viên giảng dạy CTĐT ngành Cử nhân Sư phạm Hóa học năm học 2023-2024

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30 - 40	41 - 50	51 - 60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	01	2,63	01	0	0	0	01	0	0
2	Phó Giáo sư	16	42,10	10	6	0	2	8	4	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	18	47,36	6	12	0	5	11	2	0
5	Nghiên cứu sinh	1	2,63	0	1	0	1	0	0	0
6	Thạc sĩ	02	5,26	0	2	1	1	0	0	0
7	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Trường đã thực hiện công tác tuyển dụng cán bộ, cũng như chấm dứt hợp đồng, kéo dài thời gian công tác, cho nghỉ hưu đối với các cán bộ đến tuổi theo đúng quy chế, chỉ tiêu của Nhà trường và quy định của Nhà nước [H6.06.01.06, H6.06.01.07, H6.06.01.08, H6.06.01.09]. Nhà trường, Khoa có chính sách thu hút nguồn cán bộ có chất lượng cao, xét tuyển tạo nguồn với các SV tốt nghiệp loại giỏi, xét tuyển đặc cách vào ngạch GV đối với ứng viên có trình độ tiến sĩ hoặc tốt nghiệp đại học loại xuất sắc hoặc có bài báo công bố đạt chất lượng tốt [H6.06.01.06]. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đều có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch, được thông báo trên trang web của nhà trường. Trong 5 năm từ 2019 đến nay, khoa Hóa học có 09 cán bộ nghỉ hưu [H6.06.01.09], tuyển dụng 01 cán bộ; 01 cán bộ chuyển công tác từ ĐH Thái Nguyên cho bộ môn phương pháp giảng dạy; và năm 2024 tạo nguồn 01 cán bộ cho bộ môn Hóa lý. Một số cán bộ có học hàm, học vị đã được kéo dài thời gian công tác theo đúng quy định [H6.06.01.08].

2. Điểm mạnh:

Trường, khoa có kế hoạch, quy hoạch phát triển đội ngũ dài hạn và ngắn hạn. Quy trình, tiêu chí để thu hút tuyển dụng, bổ nhiệm cũng như bố trí công việc rõ ràng, minh bạch, được công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức.

Giảng viên khoa Hóa học có trình độ, kinh nghiệm đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Tồn tại:

Vẫn còn sự chưa đồng đều về số cán bộ giữa các bộ môn ở trong khoa, có bộ môn thiếu cán bộ có trình độ học hàm học vị cao.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục động viên cán bộ học tập nâng cao trình độ, làm học hàm, học vị.	Khoa Hóa học	Năm 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về quy hoạch cán bộ.	Khoa, trường	Năm 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ theo số thông tư số 03/2022/TT - BGDĐT ngày 08/01/2022, Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, được sửa đổi, Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02//2019 và Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về Quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên, trình độ đại học, ThS, TS, tỉ lệ GV trên SV của CTĐT CNSPHH quy định tối đa 20 SV/1GV[H6.06.02.01]. Điều này được thể hiện rõ trong đề án, thông báo tuyển sinh của Trường ĐHSPhN [H6.06.02.02]. Số lượng SV hệ cử nhân Sư phạm Hóa học và số lượng GV tương ứng trong các năm học từ 2019-2020 đến 2023-2024 được thể hiện trong bảng 6.2.1 dưới đây:

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học giai đoạn 2019 - 2024

Năm học	Tổng số sinh viên	Tổng số GV	Tổng số GV quy đổi	Tỷ lệ người học/GV
2019 – 2020	338	43	108	3.1
2020 – 2021	577	43	108	5,34
2021 – 2022	689	37	90	7,65
2022 – 2023	673	37	90	7,47
2023 – 2024	593	38	92	6,44

Bảng 6.2.2. Bảng quy đổi số lượng giảng viên (năm học 2023-2024)

	GS	PGS	TS	ThS	Đại học	Tổng
Số lượng	01	16	18	3	0	38
HS Quy đổi	5,0	3,0	2,0	1,0	0,3	
Số lượng GV sau quy đổi	5	48	36	3	0	92

Bảng 6.2.3. Số lượng sinh viên hệ cử nhân Sư phạm Hóa học- trường ĐHSP Hà Nội

Năm (Khóa)	Số lượng SV	Năm (Khóa)	Số lượng SV
2016 (K66)	70	2020 (K70)	309
2017 (K67)	79	2021 (K71)	196
2018 (K68)	81	2022 (K72)	65
2019 (K69)	103	2023 (K73)	23

Khoa Hóa hiện nay có 47 cán bộ trong đó có 02 chuyên viên, 07 giáo viên thực hành và 38 giảng viên, trong đó có 01GS, 16 PGS, 19TS, 9ThS, 02 cử nhân, số lượng giảng viên quy đổi trong năm học 2023-2024 được trình bày trong bảng 6.2.2. Hàng năm khoa thực hiện tuyển sinh theo chỉ tiêu đã được xác định trong đề án tuyển sinh của trường. Giai đoạn 2019-2024, đối với hệ Sư phạm Hóa học có sự tăng mạnh số lượng sinh viên tuyển sinh trong 2 năm 2020 (K70 có 309SV hệ cử nhân Sư phạm Hóa học) và năm 2021 (K71 có 196 SV hệ cử nhân Sư phạm Hóa học). Trong hai năm gần đây, do chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho trường ĐHSPHN và khoa Hóa học, nên số lượng sinh viên hệ Sư phạm Hóa học tuyển mới bị giảm mạnh, năm 2023, K72 còn 65SV; năm 2023 còn 23 SV (Bảng 6.2.3) và năm 2024, K74 có 19 sinh viên hệ cử nhân Sư phạm Hóa học. Bảng 6.2.1 cho thấy tỉ lệ SV/GV của CTĐT Sư phạm Hóa học là dưới 10SV/GV thấp hơn nhiều so với hơn so với yêu cầu được nêu trong các thông tư của Bộ GD&ĐT là 20SV/GV. Điều

này cho thấy tiềm lực đội ngũ cán bộ GV của Khoa Hóa học có thể đáp ứng quy mô đào tạo lớn hơn nhiều so với thực tế hiện nay.

Nhà trường ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSPHN và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp sau quá trình thực hiện [H6.06.02.03]. Theo đó, việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện.. Khối lượng công việc của GV được chia thành 3 loại: giờ giảng dạy, giờ NCKH và giờ khác. Giờ giảng dạy bao gồm giờ dạy trực tiếp trên lớp, dạy SV, cao học và NCS, dạy trong trường, ngoài trường; Giờ nghiên cứu khoa học được quy đổi từ các hoạt động như công bố bài báo KH, viết sách, tham gia các Hội đồng tư vấn, nghiệm thu đề tài các cấp... Giờ khác bao gồm giờ hướng dẫn luận văn, khóa luận, các hoạt động kiêm nhiệm (giáo viên chủ nhiệm, trợ lý văn nghệ thể thao, công đoàn...) cũng được quy đổi và tính giờ giảm trừ cho giảng viên. Trong mỗi học kì, mỗi năm học, khối lượng công việc của mỗi GV đều được đo lường và tính số giờ quy đổi [H6.06.02.02]. Khoa Hóa học hàng năm có số giờ quy đổi của cả 3 loại giờ đều rất cao, hầu hết giảng viên đều thực hiện vượt mức quy định (H6.06.01.04, H6.06.02.08). Định mức giờ chuẩn được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6.3. Định mức giờ chuẩn của các GV trong một năm

TT		Tổng quỹ thời gian làm việc				Định mức giờ chuẩn			
		Giảng dạy	NCKH	Phục vụ cộng đồng và chuyên môn khác	Cộng	Giảng dạy	NCKH	Phục vụ cộng đồng và chuyên môn khác	Cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Tổng	(7)	(8)	(9)	Tổng
1	GVCC (hạng I)	1050	586	124	1760	270	283	34	587
2	GVC (hạng II)	1050	586	124	1760	290	250	47	587
3	GV (hạng III)	1050	586	124	1760	310	200	77	587

Nhà trường đã có phần mềm tính giờ cho GV một cách rõ ràng, theo quy định. Mỗi cán bộ được cung cấp một tài khoản cá nhân trên hệ thống quản lý giờ giảng tại website (qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login) của trường ĐHSPHN để chủ động kê khai, minh chứng các công việc đã làm và xác định được tổng khối lượng đã đạt, chưa đạt, hay vượt giờ theo quy định. Hệ thống tự động tính toán quy đổi số giờ theo định mức của Nhà trường trên cơ sở khai báo của GV và xác định GV đã hoàn thành hay chưa hoàn thành nhiệm vụ

[H6.06.02.04, H6.06.02.05]. Tuy nhiên một số ít công việc của GV chưa được quy đổi, tính giờ chuẩn một cách hợp lý, ví dụ các hoạt động do trường, Bộ điều động thêm không được tính giờ.

Công việc của GV được giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng đào tạo và NCKH. Hàng năm khoa và bộ môn đều có kế hoạch dự giờ, thanh tra hoạt động giảng dạy của GV, lấy phiếu ý kiến phản hồi của SV [H6.06.02.06, H6.06.02.07]. Hầu hết các cán bộ của khoa đều thực hiện nghiêm túc việc giảng dạy, được sinh viên đánh giá tốt. Hoạt động NCKH của GV được đánh giá qua việc chủ trì và tham gia các đề tài NCKH cũng như số lượng và chất lượng công bố các bài báo, giáo trình, sách tham khảo [H6.06.02.08, H6.06.02.09].

Các mặt hoạt động của GV, NCV được đánh giá xếp loại thi đua, xếp loại viên chức, bên cạnh đó nhà trường còn có chế độ khen thưởng, vinh danh giảng viên tiêu biểu nhằm động viên cán bộ giảng viên [H6.06.02.10, H6.06.02.11].

2. Điểm mạnh:

Tỉ lệ NH/GV thấp đáp ứng tốt yêu cầu và đảm bảo đủ GV có trình độ cao cho CTĐT cử nhân sư phạm Hóa học; Khối lượng công việc của GV được đo lường và đảm bảo có sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ bộ môn, khoa và các đơn vị chức năng trong Nhà trường.

3. Tồn tại:

Một số ít công việc của GV chưa được quy đổi, tính giờ chuẩn một cách hợp lý

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung việc tính giờ cho hoạt động điều động giảng viên của trường, của Bộ GDĐT	Trường ĐHSP	Năm 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo tỷ lệ GV/SV đáp ứng quy định hiện hành. Tiếp tục thực hiện đo lường khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV và đảm bảo có sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ bộ môn, khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường	Khoa, trường	Năm 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHSPHN xác định rõ công tác cán bộ là khâu then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với sự ổn định phát triển của Nhà trường. Do đó, công tác cán bộ được chú trọng ở tất cả các mặt, công tác tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV, NCV và NV được Nhà trường coi trọng. Trường ĐHSPHN đã xây dựng tiêu chí rõ ràng về “Quy chế tuyển dụng viên chức” cũng như xét tuyển đặc cách [H6.06.03.01; H6.06.03.02]. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của Bộ môn, Khoa đề xuất số lượng nhân sự cần tuyển dụng trình Hiệu trưởng phê duyệt. Tiêu chí, yêu cầu về đạo đức và năng lực học thuật của GV được xác định và phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên báo, trên trang web của Trường [H6.06.03.03; H6.06.03.04].

Nhà trường căn cứ vào đề xuất của đơn vị và đề án vị trí việc làm để tuyển dụng GV, NCV hàng năm [H6.06.01.05]. Trong quy định của Nhà trường ứng viên tham gia xét tuyển phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học, Luật viên chức, đáp ứng các yêu cầu chung về phẩm chất đạo đức, độ tuổi. Trong quy định xét tuyển đặc cách vào ngạch GV, có quy định đối với ứng viên là tiến sĩ có tuổi đời không quá 45 đối với nam và không quá 40 đối với nữ...[H6.06.01.01]. Yêu cầu về chuyên môn cũng được quy định rõ ràng bao gồm điều kiện cần và điều kiện đủ. Ví dụ điều kiện cần là tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi, Trường hợp tốt nghiệp loại khá phải có các học phần chuyên ngành đào tạo đạt loại giỏi; có bằng tiến sĩ đúng chuyên ngành tuyển dụng (đối với ứng viên là tiến sĩ). Trong quy định cũng nêu rõ tiêu chuẩn GV tuyển từ nguồn bên ngoài cần trình độ từ tiến sĩ trở lên, kiểm tra năng lực giảng dạy (soạn giáo án, chấm thi giảng); năng lực NCKH: xem xét đến các công trình, bài báo đã công bố, trình bày xemine. Nhà trường cũng có quy định tuyển dụng đặc cách đối với ứng viên có trình độ tiến sĩ, SV tốt nghiệp đại học xuất sắc [H6.06.01.01]. Các tiêu chí tuyển dụng là rõ ràng, đánh giá được trình độ ứng viên tuyển dụng.

Trong thời gian qua, trường và khoa đã tuyển dụng, sử dụng và bổ nhiệm cán bộ tiến hành theo một quy trình rõ ràng, minh bạch và phù hợp với các quy định của cấp có thẩm quyền [H6.06.03.04, H6.06.03.05, H6.06.03.06]. Từ năm 2019-2024 đã có 02 GV được bổ nhiệm chức danh GS, 03GV được bổ nhiệm chức danh PGS vào ngạch GVCC (PGS.TS Đinh Thị Hiền, PGS.TS Dương Quốc Hoàn, PGS.TS Nguyễn Thị Thu Hà), 09GV được bổ nhiệm vào ngạch GV chính (TS. Phạm Thị Bình, TS Nguyễn Văn Hải, TS Đỗ Thị Quỳnh Mai, TS Trương Minh Lương, TS Đường Khánh Linh, TS Phạm Thanh Nga..., [H6.06.03.07]. Từ năm 2019-2024, khoa Hoá đã tuyển dụng 01 giảng viên cho bộ môn Phương pháp giảng dạy (ThS Phạm Thị Thúy), 01 GV điều chuyển từ trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên về bộ môn Phương pháp giảng dạy (PGS.TS Nguyễn Mậu Đức), 01 cán bộ tạo nguồn cho bộ môn Hóa lý thuyết và Hóa lý (TS Trần Ngọc Dũng); 01 cán bộ chuyển công tác (GS.TS Nguyễn Ngọc Hà) [H6.06.03.08, H6.06.03.09, H6.06.03.10].

Việc bổ nhiệm cán bộ của Khoa được thực hiện công khai minh bạch theo đúng quy định của Nhà trường [H6.06.03.11]. Trong năm 2022, đã có sự thay đổi về Ban chủ nhiệm khoa, trường đã bổ nhiệm BCNK nhiệm kỳ 2022-2025 bao gồm GS.TS Đặng Ngọc Quang, PGS.TS Dương Quốc Hoàn, PGS.TS Nguyễn Thị Thu Hà, bổ nhiệm lại 05 trưởng bộ môn Hóa vô cơ, Hóa lý, Hóa hữu cơ, Hóa Phân tích, CNMT; bổ nhiệm mới 01 trưởng bộ môn PPGD [H6.06.03.12].

2. Điểm mạnh:

Tiêu chí tuyển dụng GV, NCV được xác định rõ ràng, quy trình tuyển dụng minh bạch, bổ nhiệm công khai. GV tham gia giảng dạy CTĐT cử nhân Sư phạm Hóa học có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Tồn tại:

Trong giai đoạn 2019-2024, giảng viên phải thực hiện quy định về nhiệm vụ số giờ giảng dạy cao, nên còn hạn chế trong việc tuyển dụng phát triển đội ngũ phục vụ NCKH chuyên sâu, đặc biệt là phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Cần có kế hoạch phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, có chính sách giảm định mức số giờ giảng dạy đối với những nhóm nghiên cứu mạnh.	Khoa Hóa học Trưởng ĐHSPHN	Năm 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, quy trình tuyển dụng minh bạch, bổ nhiệm công khai; thu hút ngày càng nhiều GV có năng lực chuyên môn sư phạm, nghiên cứu để bổ sung cho đội ngũ cán bộ của Khoa.	Khoa Hóa học Trưởng ĐHSPHN	Năm 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng:

Năng lực của đội ngũ GV của Khoa Hóa học được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành của Nhà nước. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV dựa vào năng lực đã được cụ thể hóa trong Quy chế tuyển dụng viên chức của Trường ĐHSPHN [H6.06.03.01]. Các tiêu chí xác định năng lực của GV và chế độ ưu đãi về việc nâng cao năng lực được

thể hiện trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV [H6.06.02.02] và Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ, GV [H6.06.04.03]. Các quy định xác định các năng lực của GV như năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: (a) Về năng lực giảng dạy: có kiến thức vững vàng về các môn học, nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học, chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo. (b) Về năng lực NCKH: chủ trì hoặc tham gia đề tài NCKH, công bố bài báo khoa học. Ngoài ra còn năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; năng lực ngoại ngữ. Các năng lực này đáp ứng quy định tùy theo từng loại chức danh GV được quy định trong Luật Giáo dục đại học [H6.06.04.04], Luật viên chức [H6.06.04.04] và trong Thông tư liên tịch về mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tương ứng với các chức danh GV hạng I, II, III [H6.06.04.05]. Nhà trường hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV thông qua Quy định về đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức [H6.06.04.06]. Quy định này được xây dựng dựa trên các tiêu chí về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và thể hiện cụ thể ở các nhiệm vụ của GV về: giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Năng lực của GV được đánh giá từng học kì và cả năm học theo 4 bước: bước 1- GV tự đánh giá, bước 2- Bộ môn đánh giá, bước 3- Lãnh đạo đơn vị đánh giá, bước 4- Hội đồng đánh giá cấp trường xét duyệt và Hiệu trưởng quyết định. Việc đánh giá năng lực của GV bao gồm: Các tiêu chí về nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn như đảm bảo khối lượng, chất lượng giảng dạy và thực hiện các công việc liên quan tới giảng dạy bao gồm cả giảng dạy đại học, sau đại học; Các tiêu chí về nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ: chủ trì, tham gia đề tài, công bố bài báo, sách; Các tiêu chí về nhiệm vụ phục vụ cộng đồng: tham gia các hội đồng đánh giá, hướng dẫn SV, cao học, NCS, coi thi, vv. Các quy định về chế độ làm việc đối với GV Khoa Hóa học thay đổi theo thời gian: ví dụ năm 2021, định mức giờ làm việc đối với GV được quy định chung, không biệt hạng chức danh nghề nghiệp GV. Cụ thể giờ chuẩn giảng dạy 270 giờ, nhiệm vụ NCKH là 150 giờ chuẩn và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 20 giờ chuẩn [H6.06.04.02]. Tuy nhiên, năm 2022 các định mức này đã thay đổi tùy thuộc vào chức danh nghề nghiệp. Ví dụ: đối với GV hạng I có giờ chuẩn giảng dạy là 270 giờ, nhiệm vụ NCKH là 283 giờ và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 34 giờ. Trong khi GV hạng III có giờ chuẩn giảng dạy là 310 giờ, nhiệm vụ NCKH là 200 giờ và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 77 giờ [H6.06.04.02]. Khi đánh giá kết quả công việc của GV theo học kì, các nhiệm vụ đã hoàn thành được quy đổi thành giờ chuẩn. Từ năm học 2021-2022 trở về trước, các GV được xếp loại với các mức A, B, C1, C2, D; Từ năm học 2021-2022, các GV được xếp loại với các mức A+, A, B, C. Việc đánh giá theo học kì được sử dụng làm căn cứ để đánh giá cả năm với 4 mức: 2 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (vượt mức kế hoạch, kết quả xếp loại từng học kì không có mức C1, C2, D – trước đây hay B, C- hiện nay); hoàn thành tốt nhiệm vụ (hoàn thành kế hoạch, có phần vượt mức, kết quả xếp loại từng học kì không có mức C1, C2, D – trước đây hay B, C – hiện nay); hoàn thành nhiệm vụ (hoàn thành kế hoạch, kết quả xếp loại từng học kì không có mức D – trước đây hay C -hiện nay) và không hoàn thành nhiệm vụ (có vi phạm bị xử

lý kỷ luật từ khiển trách trở lên) [H6.06.04.06]. Căn cứ trên các kết quả đánh giá này mà Nhà trường phân bổ thu nhập tăng thêm hàng tháng phù hợp với các quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ đã đề ra [H6.06.04.07].

Bảng 6.4.1. Thống kê đánh giá, phân loại GV giai đoạn 2019-2024

Năm học	Đánh giá, phân loại GV			
	<i>Không hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	<i>Chiến sĩ thi Hoàn thành xuất sắc</i>
2019-2020	0	6	4	42
2020-2021	0	2	4	30
2021-2022	1	1	14	28
2022-2023	0	0	16	28
2023-2024	0	1	37	9

Việc đánh giá cán bộ GV được Nhà trường thực hiện hàng năm theo đúng quy định hiện hành dựa trên nguyên tắc công bằng và khách quan [H6.06.04.08]. Cuối năm học, dựa trên kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng, từng bộ môn sẽ tổ chức họp để đánh giá năng lực GV, xếp hạng GV theo trình tự: từ các nhân tự đánh giá đến đơn vị đánh giá. Các kết quả đánh giá của cá nhân và Khoa được thể hiện trong Báo cáo tổng kết, kiểm điểm cá nhân hàng năm, Biên bản tổng kết, bình xét thi đua của Bộ môn [H6.06.04.09]. Các kết quả đánh giá năng lực hàng năm của GV được Khoa tổng hợp, xét duyệt và gửi lên Trường để tiếp tục thực hiện đánh giá, phân loại [H6.06.04.10]. Kết quả đánh giá được công bố công khai trong các văn bản của Nhà trường hàng năm (Bảng 6.4.1) [H6.06.04.11]. Văn bản quy định cụ thể về năng lực và đánh giá năng lực của GV được thảo luận và thống nhất sử dụng trong toàn trường. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của các cán bộ, viên chức về các tiêu chí đánh giá năng lực của cán bộ, GV qua Góp ý Dự thảo "Quy định về công tác đánh giá cán bộ" của Trường [H6.06.04.12]. Năng lực của GV còn được đánh giá thông qua phản hồi của sinh viên theo học các môn học mà GV đảm nhận. Vào cuối mỗi học kỳ, Trung tâm ĐBCL (Trường ĐHSPHN) phối hợp với Giáo vụ Khoa Hóa học tiến hành lấy ý kiến khảo sát của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.13].

Kết quả khảo sát giai đoạn 2019-2024 cho thấy sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy của GV Khoa Hóa học đạt trung bình tổng thể trên 90% và năm 2022 Khoa Hóa học có 2 GV được xếp vào nhóm 10% GV có điểm phản hồi của sinh viên cao nhất năm học 2022-2023 [H6.06.02.14]. Đến thời điểm hiện nay, đội ngũ GV tham gia CTĐT (19 GV) có trình độ Tiến sĩ, có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình các môn học được phân công giảng dạy;

nắm bắt yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo; tham gia NCKH, triển khai ứng dụng; biên soạn giáo trình, tài liệu; Số lượng các công bố quốc tế trên các tạp chí khoa học uy tín ngày càng tăng và được nhận được sự động viên kịp thời của Nhà trường [H6.06.04.15].

2. Điểm mạnh:

Năng lực của GV được xác định rõ ràng dựa trên các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn, các tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc và được đánh giá theo đúng các tiêu chí đặt ra một cách công khai, minh bạch. Các GV tham gia CTĐT có trình độ đáp ứng tốt các yêu cầu cho giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Tồn tại:

Các quy định đánh giá năng lực GV còn phân tán ở các văn bản khác nhau của toàn trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát để ban hành văn bản hợp nhất, quy định chung với các tiêu chí cụ thể, thực tế và phù hợp để có thể đánh giá đúng năng lực của cán bộ GV	Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2025 - 2030
2	Phát huy điểm mạnh	Dựa trên kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV, Nhà trường và Khoa Hóa học tiếp tục quản trị, đánh giá và thực hiện khen thưởng	Trường ĐHSPHN và Khoa Hóa học	Giai đoạn 2025 - 2030

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng:

Xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV là rất cần thiết, dựa trên Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động do Trường ĐHSPHN ban hành [H6.06.05.01], Trường thực hiện khảo sát và đánh giá nhu cầu của GV [H6.06.05.02]. GV tự viết Phiếu thông tin về quá trình đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân và đăng ký đi đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2018-2023. Đồng thời vào đầu mỗi năm học, các Bộ môn tiến hành khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV và yêu cầu của CTĐT, Khoa tổng hợp lại và gửi Phòng Tổ chức Cán bộ tập hợp, trình Ban Giám hiệu xét duyệt kế hoạch và kinh phí bồi dưỡng đào tạo [H6.06.05.03]. Nhà trường và Khoa Hóa học

có các kế hoạch trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV và kế hoạch được xây dựng [H6.06.05.04] dựa trên yêu cầu của CTĐT, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường ĐHSPHN [H6.06.05.05]. Kế hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV được chú trọng trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030 [H6.06.05.05] và được đưa vào Nghị quyết Hội nghị BCH Đảng bộ Trường ĐHSPHN và đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của Trường [H6.06.05.06], cũng như nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức hàng năm của Khoa Hóa học (Bảng 6.5.1) [H6.06.04.09]. Khoa Hóa học đã quyết tâm xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tiến tới 100% GV có trình độ học vị TS. Đồng thời, các TS tiếp tục tích lũy kinh nghiệm giảng dạy và công trình NCKH để được thi chuyển ngạch từ GV lên GV chính và tiếp tục được công nhận và bổ nhiệm học hàm GS, PGS, GV cao cấp [H6.06.05.07]. Cả Nhà trường và Khoa Hóa học luôn chú trọng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và tin học của GV thể hiện trong Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ, GV [H6.06.04.03] và có chế độ ưu đãi về kinh phí đào tạo thể hiện qua Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.06.04.07].

Bảng 6.5.1. Kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ GV giai đoạn 2019-2024

TT	Loại đào tạo, bồi dưỡng	Số lượng GV tham gia				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Chức danh GVC	0	1	0	5	0
2	Trình độ Tiến sĩ	5	3	2	2	2
3	ĐT dài hạn chuyên môn nước ngoài	1	1	1	0	0
4	ĐT ngắn hạn, trung hạn nghiệp vụ	8	7	18	0	0

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, Nhà trường đã quy định các GV phải bảo vệ luận án TS (ít nhất là cấp bộ môn) trước 35 tuổi và tạo điều kiện hỗ trợ tài chính cho các GV trẻ trong việc hoàn thiện chương trình học [H6.06.04.08]. Chính vì vậy, thực hiện kế hoạch đào tạo dài hạn, Nhà trường và Khoa đã tạo điều kiện và động viên các GV đi làm NCS trong nước, ngoài nước, nâng cao trình độ chuyên môn dài hạn [H6.06.05.08]. Về kế hoạch đào tạo ngắn hạn, Trường, Khoa chú trọng đến công tác bồi dưỡng về khoa học giáo dục, NVSP. Nhà trường đã có công văn về các khoá bồi dưỡng và tổ chức một số khoá bồi dưỡng cho cán bộ. Các GV được đào tạo ở trong nước và nước ngoài theo dự án MOMA [H6.06.05.09] và tham gia bồi dưỡng về giáo dục phổ thông theo chương trình ETEP [H6.06.05.10] cũng như được bồi dưỡng về NVSP, ngoại ngữ và công nghệ thông tin [H6.06.05.11]. Một số GV được bồi dưỡng về đánh giá giáo dục theo tiếp cận năng lực [H6.06.05.12]. Nhằm mục đích nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, Trường ĐHSPHN và Khoa Hóa học luôn khuyến

khích các GV trong Khoa có tham gia các chương trình trao đổi chuyên môn, các khóa tập huấn, liên kết hợp tác nghiên cứu khoa học thông qua ký kết thỏa thuận hợp tác với các đại học trong và ngoài nước như trường Chung Cheng, Viện Hóa học, Viện kỹ thuật nhiệt đới, Việt Hóa học các hợp chất thiên nhiên, ... [H6.06.05.13] và triển khai các dự án nghiên cứu khoa học với các trường đại học nước ngoài như dự án MOMA [H6.06.05.09]. Nhà trường cũng chú trọng bồi dưỡng đội ngũ kế cận trong công tác quản lý [H6.06.05.14]. Hàng năm, Nhà trường đều dành kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức toàn trường. Theo báo cáo của Phòng KH-TC, kinh phí dành đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong đó có đội ngũ GV trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2019 lên đến 7,58 tỷ đồng [H6.06.05.03]. Tất cả các GV được cử đi bồi dưỡng đều hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng và quay trở lại vị trí công tác, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường, Khoa [H6.06.05.08] (Bảng 6.5.2).

Bảng 6.5.2. Thông kê số lượng GV đã kết thúc các lớp bồi dưỡng, đào tạo và được cấp bằng, chứng chỉ 2018-2023

TT	Loại đào tạo bồi dưỡng	Số lượng GV hoàn thành chương trình	
		Năm 2018	Năm 2023
1	Chức danh GV chính	2	5
2	Trình độ Tiến sĩ	30/53	36/38
3	ĐT dài hạn chuyên môn nước ngoài	0	1
4	ĐT ngắn hạn, trung hạn nghiệp vụ	0	45
5	Bồi dưỡng cán bộ quản lý	0	7

Nhìn chung, 100% GV đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn theo đúng tiến độ. Từ năm học 2018 đến năm 2023, có 05 GV đã hoàn thành luận án tiến theo kế hoạch. Đến năm 2023, Khoa Hóa học có 36/38 GV có trình độ TS và có 01 GV đang làm NCS trong nước. So với năm 2018 thì đến nay đã có sự phát triển mạnh mẽ về lực lượng, số lượng GV đã hoàn thành chương trình TS tăng lên nhiều, và số lượng TS trong tổng số GV khoa Hóa học chiếm tỉ lệ cao. Từ 6/2018 đến 6/2023, có 8 GV được bổ nhiệm GV chính và 06 GV được bổ nhiệm chức danh GS và PGS [H6.06.05.07]. Đặc biệt, các GV của Khoa Hóa học đều có chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm [H6.06.05.15]; 04 cán bộ quản lý trong Khoa đã theo học chứng chỉ Bồi dưỡng cán bộ quản lý Khoa, Phòng trường Đại học, Cao đẳng [H6.06.05.07].

Khoa Hoá học luôn coi trọng việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên. Vào đầu mỗi năm học, Khoa đều yêu cầu từng giảng viên lên kế hoạch cụ thể về việc bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của bản thân [H6.06.05.16]. Cuối mỗi năm học, việc đánh giá kết quả triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được tổng kết, đánh giá để rút kinh nghiệm cho các năm tiếp theo [H6.06.05.17].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có kế hoạch, khuyến khích và tạo điều kiện cho các GV nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ, năng lực ngoại ngữ và CNTT dưới các hình thức khác nhau. Các GV thực hiện CTĐT đều có tinh thần cầu thị, tích cực tham gia các hoạt động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại:

Trong Khoa còn 01 GV chưa làm NCS tính đến tháng 08/2024. Hiện nay Nhà trường và Khoa chưa thực hiện khảo sát ý kiến của GV về tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ ngắn hạn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung khảo sát GV về sự phù hợp và hiệu quả của các chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn	Trường ĐHSPTHN; Khoa Hóa học	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho các GV và khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân, đơn vị đạt thành tích cao. Khuyến khích và tạo điều kiện để các cá nhân có năng lực và trình độ mở rộng hợp tác quốc tế qua đó thúc đẩy và nâng cao năng lực của các đồng nghiệp trẻ.	Trường ĐHSPTHN; Khoa Hóa học	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.04.02]. Hàng năm, kết quả công việc của GV được đánh giá căn cứ vào khối lượng công việc theo năm học: Định mức lao động của mỗi GV, khối lượng công việc GV thực hiện trong năm học bao gồm giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Theo quy chế trước đây, mỗi GV phải đảm bảo 270 giờ chuẩn giảng dạy (ít nhất 135 giờ đứng lớp), 150 giờ NCKH và 20 giờ cho các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Từ năm 2022, Nhà trường đã điều chỉnh định mức thời gian lao động theo hướng phù hợp với từng chức danh nghề nghiệp của GV. Chẳng hạn như đối với GV hạng I phải đảm bảo 270 giờ chuẩn giảng dạy, 283 giờ NCKH và 34 giờ cho các

nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Hướng dẫn đánh giá đều được Nhà trường thông báo rõ ràng hàng năm [H6.06.04.06]. Việc đánh giá hiệu quả công việc của GV đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển đội ngũ GV trong Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi [H6.06.05.05], Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030 [H6.06.05.05] và trong Phương hướng công tác năm học mới của Trường [H6.06.05.06]. Tất cả các GV tham gia CTĐT đều có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao và đảm bảo tiến độ công việc và định mức lao động. Từ năm học 2017-2018, các cấp quản lý và GV có thể theo dõi kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, và các nhiệm vụ khác như hướng dẫn sinh viên NCKH, đào tạo sau đại học, vv. trên Hệ thống quản lý giờ giảng [H6.06.06.01].

Bên cạnh đó, cứ 6 tháng một lần, các GV cập nhật các kết quả công việc từ giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng, vv. để đánh giá theo học kỳ [H6.06.04.09]. Đồng thời, các kết quả NCKH như sách, bài báo, đề tài NCKH cũng được cập nhật theo kỳ 6 tháng, 1 năm. Các kết quả thực hiện được đối chiếu với tiêu chuẩn đặt ra cho từng nhiệm vụ và làm căn cứ để đánh giá, xếp loại theo kì và theo năm học. Từ đó làm cơ sở để các đơn vị hữu trách kịp thời khen thưởng động viên [H6.06.04.11]. Việc triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc và đánh giá kết quả công việc đều công khai, minh bạch. Đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ của GV, bộ môn phân công khối lượng giảng dạy cho GV đảm bảo cân đối giữa các GV [H6.06.04.02][H6.06.06.02].

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, theo quy định của Nhà trường, các GV còn thực hiện các nhiệm vụ khác như soạn bài giảng, đề cương bài giảng, viết bài báo, giáo trình, hướng dẫn sinh viên NCKH, tham gia hội thảo, seminar, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, tham gia bồi dưỡng các lớp vừa học vừa làm, hướng dẫn thực hành cho các đội tuyển học sinh giỏi, và hướng dẫn trải nghiệm cho học sinh THPT. Khoa cũng phân công các chức danh kiêm nhiệm phục vụ cộng đồng như các trợ lý, cố vấn học tập, công đoàn, đoàn thanh niên, vv. [H6.06.06.03]. Để đánh giá chất lượng giảng dạy của các GV, các bộ môn lên kế hoạch tổ chức đi dự giờ. Trong giờ dự giảng, các thành viên bộ môn nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm đối với người giảng theo quy trình: GV được dự giờ trình bày mục đích và nội dung của giờ giảng, vv. sau đó các thành viên dự giờ đóng góp ý kiến theo những tiêu chí cụ thể như trình bày trong Biên bản dự giờ giảng trên lớp và Biên bản tổng kết [H6.06.06.04].

Hàng năm, các Bộ môn và Khoa tiến hành đánh giá công khai, minh bạch kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Nhà trường [H6.06.04.06] để xét thi đua khen thưởng và thu nhập tăng thêm cho cán bộ GV trong khoa với các mức chính: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ, Không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.04.11]. Hàng năm, Nhà trường đều ban hành công văn hướng dẫn công khai, rõ ràng về công tác bình xét danh hiệu thi đua [H6.06.04.10]. Tất cả những GV hoàn thành khối lượng công việc giảng dạy, NCKH, công tác của Trường, Khoa được nhận danh hiệu: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.06.05] (Bảng 6.6.1). Dựa vào mức độ hoàn thành sẽ làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng cấp cao hơn như chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen cấp Bộ, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương

lao động [H6.06.06.05]. Việc xem xét khen thưởng cho GV là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của các cá nhân, tạo động lực cho cán bộ phát huy năng lực trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhiều GV đã được khen thưởng vì thành tích NCKH như giải thưởng KHCN, khen thưởng thành tích hướng dẫn NCKH của SV, khen thưởng về công bố quốc tế [H6.06.06.06]. Việc đánh giá, bình xét thi đua cũng là cơ sở để xét bổ nhiệm chức danh, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.06.07]. Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa chưa đưa ra tiêu chí định lượng cụ thể làm căn cứ xếp loại thi đua hàng quý (3 tháng) để khuyến khích cán bộ hoàn thành nhiệm vụ.

Bảng 6.6.1. Thống kê số lượng danh hiệu thi đua hàng năm

Đơn vị tính: Người

Năm học	LĐ tiên tiến	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bằng khen các cấp
2018 - 2019	45	8	0	1
2019 - 2020	46	7	0	1
2020 - 2021	37	8	2	6
2021 - 2022	42	8	3	4
2022 - 2023	44	7	-	-

Cùng với việc triển khai đánh giá kết quả hoạt động của GV theo đúng quy định, việc quản trị theo kết quả công việc của GV mang tính dân chủ, khách quan. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của GV và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn Trường [H6.06.06.08].

Ngoài ra, ý kiến của cán bộ GV còn được đề cập và thảo luận thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động của Khoa, thông qua bản tổng hợp ý kiến góp ý cho báo cáo tổng kết và Nhà trường [H6.06.06.09]. Cho đến nay, công tác quản trị theo kết quả công việc của GV được đánh giá là tốt. Theo khảo sát trong toàn Khoa Hóa học năm 2022, phần lớn các GV hài lòng về các tiêu chí đánh giá, phân loại và về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền.

2. Điểm mạnh:

Phân công công việc và quản trị kết quả công việc của GV có tiêu chí, quy trình rõ ràng, hợp lý, phù hợp với từng thành viên. Việc đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện theo quy định, công khai, minh bạch và có khen thưởng, công nhận kịp thời tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Tôn tại:

Nhà trường và Khoa chưa đưa ra tiêu chí định lượng cụ thể làm căn cứ xếp loại thi đua hàng quý (3 tháng).

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường xây dựng tiêu chí xác định rõ ràng việc xếp loại thi đua hàng quý để làm căn cứ xếp loại thi đua theo kỳ, cuối năm và khuyến khích	Trường ĐHSPHN; Khoa Hóa học	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục quản trị theo kết quả công việc của GV đặc biệt thông qua công tác thi đua khen thưởng khi GV hoàn thành nhiệm vụ để khuyến khích GV nâng cao năng lực và tích cực đóng góp cho sự phát triển	Trường ĐHSPHN; Khoa Hóa học	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV đã được Trường ĐHSPHN xác lập, quy định cụ thể trong các văn bản: Quy định về hoạt động NCKH của Trường ĐHSPHN, Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSPHN. Theo Quyết định số 432/QĐ-ĐHSPHN ngày 02/02/2021 về ban hành quy định hoạt động Nghiên cứu khoa học, có 11 loại hình NCKH của GV gồm: (1) chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài NCKH, phát triển công nghệ; (2) NCKH để phục vụ xây dựng CTĐT, bồi dưỡng, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới PPGD và kiểm tra, đánh giá môn học; (3) công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; (4) viết chuyên đề, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; (5) Dịch tài liệu chuyên môn theo quy định của pháp luật; (6) tổ chức tham gia các hội thảo khoa học của khoa, bộ môn, hướng dẫn người học NCKH; (7) thực hiện các hợp đồng NCKH, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; (8) tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của GV; (9) tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN; (10) tham gia các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về KH&CN; (11) Biên soạn tài liệu bồi dưỡng GV, giáo viên phổ thông, được Trường ĐHSPHN cho phép. Thêm vào đó, quy định hoạt động NCKH của Trường có đầy đủ quy định về công bố công trình và thực hiện chuyên đề, đề tài NCKH của GV [H6.06.07.01]. GV khoa Hóa học đã tích cực tham

gia các hoạt động NCKH, theo đó có 10/11 loại hình có sự tham gia của GV trong khoa, đóng góp tích cực vào sự phát triển NCKH trong lĩnh vực hóa học nói riêng và khoa học giáo dục nói chung. Riêng hình thức "Dịch tài liệu chuyên môn theo quy định pháp luật", chưa có công trình nào được thực hiện. Trong giai đoạn sắp tới, việc tiếp cận với những tài liệu nước ngoài có giá trị trên cơ sở dịch thuật nhằm nâng cao và cập nhật kiến thức chuyên môn, xu hướng phát triển của khoa học công nghệ là điều rất cần thiết.

Ngoài ra, phòng KHCN cũng soạn các tài liệu hướng dẫn NCKH gồm các mẫu giấy tờ, văn bản, hợp đồng, đề tài nhằm hỗ trợ GV, NCV thực hiện công tác NCKH một cách thuận lợi nhất [H6.06.07.01]. Các đề tài cấp Trường và cấp Bộ, phòng KHCN của Trường đã cung cấp các mẫu văn bản, thủ tục, giúp cho việc thực hiện từ khâu đề xuất, thuyết minh, thanh toán.v.v trở nên dễ dàng [H6.06.07.01]. Từ 1/7/2017, Nhà trường và Khoa thực hiện quy đổi giờ NCKH từ các bài báo khoa học, đề tài và các hoạt động khác cho cán bộ để xác định đúng khối lượng công việc mà mỗi cán bộ đảm nhận, tạo sự công bằng, tạo động lực thúc đẩy cán bộ làm việc áp dụng quy định theo thông tư của BGDĐT [H6.06.02.02]. Nhà trường đã quy định số giờ chuẩn hoạt động KHCN hàng năm đối với mỗi chức danh, học vị của cán bộ, GV trong Trường và số lượng giờ quy đổi ứng với từng loại hình. GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm (tương ứng 586 giờ hành chính) cho nghiên cứu khoa học. Trong đó giờ chuẩn NCKH chiếm tối thiểu 50% định mức. Định mức được quy định theo CV 556 ngày 1/3/2022 như sau: GV cao cấp (hạng 1): NCKH là 283 giờ, GV chính (hạng 2) là 250 giờ, GV hạng 3 là 200 giờ [H6.06.07.03].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát. Đầu mỗi năm học, các GV tham gia họp Bộ môn, họp Khoa để triển khai các công tác trong năm học. Do quy định của Trường về số giờ chuẩn hoạt động NCKH với mỗi chức danh, học vị của GV, Khoa đề xuất phân công nhiệm vụ cho các GV trong đơn vị, từ đó Bộ môn họp bàn và thống nhất phân công mặt bằng lao động. Theo phân công của Khoa và Bộ môn, nhiệm vụ NCKH của mỗi GV là hoàn thành ít nhất 1 bài báo và đó là cơ sở để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối năm học. Đối với các GV làm đề tài, bộ môn, Khoa chủ động đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của GV và điều chỉnh. Ngoài ra, để kiểm tra đánh giá kết quả đã thực hiện đồng thời rà soát, điều chỉnh kịp thời, Khoa tiến hành sơ kết học kỳ I trong mỗi năm học. Trong báo cáo sơ kết học kỳ I thể hiện rõ kết quả nhiệm vụ của GV đã đạt được trong học kỳ, từ đó GV tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các chuyên môn khác nếu chưa đủ định mức hoặc chưa hoàn thành khối lượng công việc được giao. Để theo dõi, giám sát và khích lệ hoạt động NCKH, Nhà trường có giải thưởng nhằm tôn vinh các tập thể và cá nhân có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học. Khoa Hóa học là một trong số ít các khoa luôn giành được các giải thưởng cao quý cho giảng viên về nghiên cứu khoa học [H6.06.07.04]. Đặc biệt, Khoa Hóa học là một trong những khoa nghiên cứu nhằm hướng tới những ứng dụng trong thực tiễn, trong 05 năm qua, Khoa đã vinh dự sở hữu nhiều sáng chế và giải pháp hữu ích từ những nhóm nghiên cứu mạnh [H6.06.07.05].

Khoa Hóa học luôn bám sát các quy định của Nhà trường và phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ trong khoa, chính vì vậy trong 5 năm vừa qua (2019 – 2024) GV khoa Hóa luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, số lượng công trình công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế [H6.06.07.06] luôn đạt và vượt mức yêu cầu đề ra. Năm 2020-2021, PGS. TS Vũ Quốc Trung với 11 bài báo QT, 6 bài báo trong nước, Khoa Hóa học cũng ghi nhận sự phát triển NCKH của các GV trẻ, có thể kể đến như TS. Nguyễn Thị Thu Hà (5 bài QT, 4 bài trong nước), TS. Nguyễn Thị Mơ - đồng tác giả giải pháp hữu ích cùng với PGS.TS. Lê Minh Cầm (GPHI đầu tiên được công bố của Trường ĐHSPTN). Năm 2022-2023, nhóm nghiên cứu của PGS.TS. Vũ Quốc Trung đã có Bằng độc quyền sáng chế thứ 2. PGS.TS. Vũ Quốc Trung cũng đạt Giải thưởng KHCV cho cá nhân tiêu biểu giai đoạn 2018-2022. Năm 2024, PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Huệ đạt Giải thưởng KHCV cho cá nhân tiêu biểu giai đoạn 2019-2023. Số bài báo công bố hằng năm, đặc biệt bài báo quốc tế luôn đạt số lượng lớn từ 40 -70 bài mỗi năm trong 05 năm từ 2019-2023.

Nhìn chung trong 5 năm qua, số lượng các đề tài NCKH đã tăng lên đáng kể, nhiều GV là chủ nhiệm của đề tài cấp nhà nước [H6.6.07.07]. Điều đó chứng tỏ sự nỗ lực phấn đấu của các GV, sự quan tâm động viên kịp thời và sự tạo điều kiện thuận lợi của Nhà trường và Khoa. Những thành tích NCKH của các bộ môn, thành tích về NCKH của cán bộ, về kết quả công bố bài báo quốc tế trong Khoa được Nhà nước và Nhà Trường ghi nhận, kịp thời động viên, khuyến khích các cán bộ trong Khoa thông qua việc khen thưởng các bài báo quốc tế, là động lực để cán bộ không ngừng phấn đấu, say mê trong công tác NCKH, góp phần đẩy mạnh công tác NCKH của Trường. Trong giai đoạn 2019 – 2024 Khoa Hóa học là một trong số những đơn vị đi đầu của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong đăng ký sở hữu trí tuệ, công tác triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và công bố các công trình nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín. Kết quả này có được nhờ sự hợp tác với nhiều trường quốc tế trong khu vực và thế giới: CCU (Đài Loan), Leuven (Bỉ),... Tiêu biểu phải kể đến dự án hợp tác song phương giữa Quỹ Nafosted và Quỹ FWO của Bỉ và dự án MOMA. Bên cạnh đó, hiện nay khoa Hóa học còn tăng cường hợp tác NCKH và triển khai ứng dụng công nghệ với Viện Kỹ thuật Nhiệt đới, Viện Hóa học, Viện Hóa học công nghiệp; Phát triển các hoạt động KHCV của Trung tâm Phân tích & Chuyển giao Công nghệ; Triển khai hoạt động chuẩn bị cho Hội thảo Phục chất Châu Á (ACCC10) diễn ra vào tháng 10/2025.

Bảng 6.7.1. Số lượng đề tài KHCV do GV Khoa Hóa học chủ trì và tham gia đã được nghiệm thu trong giai đoạn 2018-2023

TT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Cấp NN	3	4	0	0	2

TT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
2	Cấp Bộ	4	6	1	1	1
3	Cấp Trường	2	4	1	1	0
Tổng		9	14	2	2	5

Cùng với việc triển khai đề tài NCKH các cấp, số lượng các bài báo của GV Khoa. Khoa Hóa tham gia đào tạo ngành CNSPDL trong 5 năm qua tăng lên đáng kể đặc biệt là các bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế với chỉ số IF cao (Bảng 6.7.2). Song song với việc triển khai các đề tài khoa học, một số GV còn tích cực viết sách, tài liệu tham khảo và giáo trình đại học phục vụ cho giảng dạy, tuân theo các thủ tục quy định về xuất bản giáo trình.

Bảng 6.7.2. Số lượng bài báo của các GV Khoa Hóa được đăng tạp chí từ 2018-2023

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng bài báo
1	Tạp chí ISI/ Scopus	185
2	Tạp chí/ hội thảo trong nước	257
Tổng		442

Bảng 6.7.3. Số lượng sách của các GV Khoa Hóa được xuất bản từ 2018-2023

TT	Phân loại sách	Số lượng
1	Sách chuyên khảo	0
2	Sách giáo trình	7
3	Sách tham khảo	10
4	Sách hướng dẫn	0
Tổng		17

Với việc đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, hàng năm đội ngũ GV, NCV của Khoa đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, một số đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen các cấp. [H6.6.07.08].

Về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV Khoa luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và Khoa. Hiện nay, toàn Khoa GV có 01 GS, 16 PGS, 20 Tiến sỹ, 02 Thạc sỹ (đang làm NCS). [H6.6.07.09].

2. Điểm mạnh:

GV thực hiện CTĐT CNSPHH tham gia nhiều loại hình hoạt động nghiên cứu, có nhiều công trình khoa học như đề tài, bài báo, sách được công bố với số lượng ngày càng tăng. Các hoạt động nghiên cứu được giám sát thường xuyên, định kỳ để cải tiến chất lượng, đồng thời có các hình thức khen thưởng phù hợp để khuyến khích hoạt động NCKH của đội ngũ GV, NCV.

3. Tồn tại:

Số lượng các đề tài còn ít so với số lượng cán bộ GV, số lượng các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu liên ngành, thậm chí liên kết với cả các khoa khác và có ứng dụng thực tiễn.	Khoa Hóa Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2023-2028
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện để GV, NCV phát huy năng lực NCKH	Khoa Hóa Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2023-2028

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy: Do có quy hoạch, quy trình tuyển dụng hợp lý, có sự phân công, bổ nhiệm phù hợp, minh bạch nên hiện tại khoa Hoá có đội ngũ GV có trình độ, có kinh nghiệm, đạo đức tốt hoàn toàn đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình đào tạo hệ cử nhân Sư phạm Hóa học. Các cán bộ giảng viên của khoa luôn tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Khoa Hóa học là một trong những khoa có tỉ lệ giảng viên có trình độ cao trong trường, hầu hết giảng viên đều có trình độ TS và gần một nửa có học hàm. Hàng năm khoa Hóa học được đánh là một trong những khoa có số lượng đề tài cũng như công bố quốc tế cao ở trong trường. Tỉ lệ GV/người học thấp, khối lượng công việc của GV được đo lường và giám sát bởi bộ môn, khoa, các đơn vị chức năng trong Nhà trường. Nhà trường đã định lượng công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công việc khác của giảng viên, nghiên cứu viên bằng phần mềm quản lý. Việc đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện theo quy định, công khai, minh bạch và có khen thưởng, công nhận kịp thời tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tồn tại: Hiện tại, mặc dù khoa Hóa học đang có đội ngũ cán bộ trình độ cao với tỉ lệ cán bộ có học hàm cao, nhưng vẫn còn sự chưa đồng đều về số cán bộ giữa các bộ môn ở trong khoa, có bộ môn thiếu cán bộ có trình độ học hàm học vị cao. Số lượng các đề tài còn ít so với số lượng cán bộ GV, số lượng các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành chưa nhiều. Mặc dù cũng đã có việc định lượng các công việc của GV, NCV nhưng vẫn còn một số đầu việc chưa được định lượng tính giờ để động viên cán bộ tham gia các công việc chung, hoặc các công việc phục vụ cộng đồng.

Kế hoạch hành động: Tiếp tục động viên cán bộ tích cực tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH. Có chế độ khuyến khích động viên cán bộ làm học hàm PGS, GS, đặc biệt là ở các bộ môn còn thiếu. Xây dựng kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu liên ngành, thậm chí liên kết với cả các khoa khác và có ứng dụng thực tiễn, tăng số lượng công bố quốc tế uy tín, bằng sáng chế. rà soát bổ sung các văn bản về đánh giá xếp loại CB, chú ý đến việc tính giờ cho hoạt động điều động giảng viên của trường, của Bộ GDĐT, động viên cán bộ tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như trường cần có kế hoạch dài hạn dự báo về việc tuyển sinh cũng như tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn 5-10 năm tới.

Đánh giá tiêu chuẩn 6

Tiêu chuẩn 6	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 6.1					X		
Tiêu chí 6.2					X		

Tiêu chuẩn 6	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 6.3					X		
Tiêu chí 6.4					X		
Tiêu chí 6.5					X		
Tiêu chí 6.6					X		
Tiêu chí 6.7					X		
Điểm tiêu chuẩn	5,00						

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng CTĐT CNSPHH phần lớn phụ thuộc vào đội ngũ GV, NCV, tuy nhiên đội ngũ GV, NCV không thể thực hiện tốt nhiệm vụ nếu thiếu sự hỗ trợ của đội ngũ NV (GVTH, chuyên viên văn phòng, giáo vụ...). Đội ngũ cán bộ này làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, và các dịch vụ hỗ trợ khác. 11 Đội ngũ NV làm việc tại khoa, trực tiếp hỗ trợ CTĐT của khoa đủ về số lượng và được đào tạo cơ bản về chuyên môn, kỹ thuật vững vàng. Tất cả đều có trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (01 TS. Bởi thế họ có đủ khả năng để hỗ trợ giảng dạy cho cán bộ giảng dạy và tư vấn chuyên môn cho học sinh. Trong những năm gần đây, Nhà trường đã có các tiêu chí tuyển chọn NV cụ thể, vì thế đã tuyển được đội ngũ NV giỏi nghề và có phẩm chất đạo đức tốt. Trong quá trình công tác, đội ngũ NV được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước để nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng:

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, phù hợp với chiến lược phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011- 2020, tầm nhìn 2030 và giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Để làm tốt công tác này, Nhà trường đưa ra Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tuyển dụng đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường [H7.07.01.02]. Nhà trường cũng ban hành quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với GVTH và quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động [H7.07.01.03; H7.07.01.04]. Để đảm bảo số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa đáp ứng yêu cầu đào tạo, Trường đã ban hành Quy định số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa [H7.07.01.05].

CTĐT CNSPHH được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên thư viện Trường; hỗ trợ CNTT và hệ thống mạng từ TT CNTT; hỗ trợ về cơ sở vật chất (các tòa nhà, giảng đường, PTN, thực hành, vv.) từ phòng Quản trị; hỗ trợ rèn luyện nghề cho SV sư phạm từ Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển NVSP cũng như được hỗ trợ về công tác tư vấn người học đăng ký TC, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, vv. từ Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV và Đoàn thanh niên. Đội ngũ nhân viên này của Trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đáp ứng tốt cho công việc (Bảng 7.1.1). Tính đến tháng 6/2024, Trung tâm Thông tin - Thư viện (TT TT-TV) Trường ĐHSPHN có tổng số 29 người: trong đó có 12 Ths, 16 cử nhân, 01 trình độ khác. TT TT-TV Trường có vai trò thực hiện chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN và quản lý của Nhà trường thông qua việc sử dụng, khai thác các loại tài liệu có trong thư viện (tài liệu chép tay, in,

sao chụp, khắc trên mọi chất liệu, tài liệu điện tử, mạng Internet, vv.). Đội ngũ cán bộ nhân viên TT TT-TV về cơ bản đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, mặc dù trong những năm gần đây số lượng sinh viên không ngừng tăng lên, tuy nhiên nhờ áp dụng những công nghệ mới, việc khai thác thông tin thư viện và tài liệu online trở nên dễ dàng hơn. Ngoài tài liệu sách in mượn tại thư viện, sinh viên tiếp cận ngày càng nhiều với tài liệu online, việc này cũng giảm bớt áp lực trong quá trình thu thập tài liệu và khai thác thông tin phục vụ cho học tập của các bạn sinh viên. Hơn nữa, với GV khoa Hóa học khi dạy các học phần chuyên môn do mình phụ trách, ngoài giáo trình đã có, GV khoa Hóa học sẽ giới thiệu, đồng thời cung cấp một số tài liệu, sách tham khảo online phục vụ cho môn học đó, điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sinh viên trong quá trình học tập.

Đội ngũ nhân viên phòng đào tạo gồm 10 người: 2 TS, 8 ThS tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo, bao gồm kế hoạch, chương trình, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo của Bộ và quy định của Trường đã ban hành. Phòng Hành chính – Đối ngoại gồm 15 người: 3 TS, 3ThS, 8 cử nhân, 01 người có trình độ khác có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác quản lý hành chính và hợp tác quốc tế của Trường. Phòng Công tác SV gồm 7 người: 1 TS, 5 Ths, 1 cử nhân, là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc Hiệu trưởng về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của trường, công tác học sinh, SV. Về cơ bản đội ngũ nhân viên tại các phòng ban này đang thực hiện rất tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo cho công tác đào tạo diễn ra thuận lợi.

Trung tâm CNTT gồm 4 người: 1 TS, 3 ThS đây là đơn vị tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong hoạch định chiến lược và quản lý các công tác liên quan đến CNTT và truyền thông của Trường. CNTT giữ vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của giáo dục nhà trường. Đặc biệt, trong giai đoạn 2020 – đầu 2021, do ảnh hưởng của đại dịch covid, toàn bộ việc học chuyển từ trực tiếp sang trực tuyến, điều này đòi hỏi sự hỗ trợ rất tích cực từ các cán bộ trung tâm CNTT, từ khâu giảng dạy trên lớp, làm bài về nhà, tổ chức thi cuối kì, vv. Trung tâm CNTT đã làm rất tốt, tuy nhiên đôi khi công việc trở nên quá tải, việc bổ sung nhân sự về CNTT là điều rất cần thiết, khi mà chúng ta đang hướng tới một kỉ nguyên số trong giáo dục. Về cơ bản, đội ngũ nhân viên trong Trường có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ CTĐT CNSPHH [H7.07.01.06]. Tuy nhiên, vẫn còn có sự chưa đồng đều về trình độ chuyên môn giữa các đơn vị so với toàn Trường.

Bảng 7.1.1. Thống kê số lượng đội ngũ nhân viên Trường ĐHSPHN một số bộ phận và Khoa Hóa học phục vụ CTĐT năm 2020

Khoa/phòng ban	Trình độ				Giới tính	
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Nam	Nữ
Khoa Hóa học	3	0	0	0	2	1
Thư viện	0	12	16	1	5	24
Phòng Đào tạo	2	6	0	0	3	5

Khoa/phòng ban	Trình độ				Giới tính	
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Nam	Nữ
Phòng Hành chính - Đối ngoại	3	3	8	1	4	11
Phòng CTCT - HSSV	0	5	2	0	2	5
Trung tâm CNTT	0	2	2	0	4	0

Số liệu đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT từ 2019-2024 được thể hiện ở Bảng 7.1.2. Hiện nay, số lượng nhân viên biên chế tại Khoa Hóa học là 2 nhân viên (01 về hưu năm 2021). Tất cả các cán bộ nhân viên đều phục vụ chung cho CTĐT của toàn khoa, không phân biệt hệ CNSPHH hay hệ CNSPHH CLC, bởi lẽ hầu hết đội ngũ nhân viên này đều được tuyển dụng từ trước. Đây cũng là một điểm hạn chế khi số lượng sinh viên của Khoa Hóa rất đông lên đến hơn 1000 sinh viên chưa kể đến các hệ các, dẫn đến quá tải cho đội ngũ nhân viên văn phòng Khoa.

Bảng 7.1.2. Thống kê đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT Khoa Hóa học từ 2019-2024

ĐNVN Khoa Hóa học	Trình độ				Giới tính		Tổng
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Nam	Nữ	
Năm 2019	0	2	1	0	0	3	3
Năm 2020	0	2	1	0	0	3	3
Năm 2021	0	2	1	0	0	3	3
Năm 2022	0	1	1	0	0	2	2
Năm 2023	0	1	1	0	0	2	2
Năm 2024	0	1	1	0	0	2	2

Bảng 7.1.3. Đối sánh thống kê đội ngũ nhân viên Khoa Hóa học và một số khoa khác tại Trường DHSPHN năm 2022

Khoa/phòng/ban	Trình độ				Giới tính		Tổng
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Nam	Nữ	
Khoa Địa lý	1	0	2	0	0	3	3
Khoa Hóa học	1	6	2	0	4	5	9
Khoa Vật lí	1	4	4	0	6	3	9
Khoa CNTT	1	2	2	0	3	2	5

Đối với đội ngũ GVTH, hiện nay Khoa Hóa học có tổng số 7 GVTH được phân bố tại 6 bộ môn khác nhau. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo hệ Cử nhân Sư phạm, các bộ môn và BCN Khoa khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cán bộ nhân viên tự nâng cao trình độ chuyên môn, khoa Hóa học năm 2020 đã có một GVTH thuộc bộ môn Hóa phân tích

bảo vệ thành công luận án tiến sỹ năm 2018, ngoài ra còn có một GVTH thuộc bộ môn Hóa lý và Hóa lý thuyết bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ nước ngoài năm 2015. Ngoài việc đảm bảo chuyên môn, GVTH tham gia nhiều hoạt động của Khoa Hóa như công tác công đoàn, đoàn thanh niên và công tác kiêm nhiệm.[H7.07.01.07]. Tuy nhiên đội ngũ nhân viên của khoa Hóa học luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Trường và Khoa giao phó.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên Khoa Hóa học, Trường ĐHSPHN được thực hiện đáp ứng các nhu cầu các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào công việc và con người cụ thể, Khoa cũng phân công đội ngũ nhân viên cũng như các GV tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như công đoàn, đoàn thanh niên, các trợ lý, do đó đã huy động được cán bộ toàn khoa cùng cộng tác hỗ trợ nhau hoàn thành tốt mọi công việc. Năm 2022, TT ĐBCL Trường ĐHSPHN cũng đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng của đội ngũ cán bộ hành chính. Kết quả khảo sát cho thấy trên 98% ý kiến đánh giá chất lượng nhân viên hành chính ở mức Tốt, Xuất sắc và không có ý kiến đánh giá Đạt hay mức Cần cải thiện [H7.07.01.08]. Khoa Hóa học cũng tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về đội ngũ nhân viên của khoa, tuy nhiên việc này không được thực hiện thường xuyên, đây cũng là hạn chế cần phải được khắc phục, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên với người học.

2. Điểm mạnh:

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường tiến hành một cách bài bản, khách quan, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Khoa và các phòng chức năng trong trường, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng ngành Sư phạm Hoá học.

3. Tồn tại:

Số lượng nhân viên văn phòng hiện 02 cán bộ trong toàn Khoa ít dẫn đến việc quá tải trong công việc.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm 01 nhân lực văn phòng	Khoa Hóa học Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2023-2028
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	Khoa Hóa học Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2023-2028

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng:

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được Trường ĐHSPHN xác định phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Nhà trường ban hành văn bản quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng minh bạch đối với đội ngũ NV, trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm theo nhu cầu và chiến lược phát triển chung của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu thực tế của các đơn vị trong Trường [H7.07.02.01]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị trong toàn trường. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của GV và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn trường, điển hình là Góp ý dự thảo Đề án vị trí việc làm của Trường [H7.07.02.02].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của CSGD. Đối với ngạch cán sự và ngạch nhân viên ngoài điều kiện chung cần có: bằng tốt nghiệp phổ thông trở lên, văn bằng chứng chỉ phù hợp với công việc tuyển dụng đạt loại Khá trở lên, tuổi đời dự tuyển không quá 35, trình độ ngoại ngữ và tin học do Hội đồng tuyển dụng quyết định với từng vị trí việc làm [H7.07.02.03; H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện đúng theo quy định và quy trình tuyển dụng viên chức. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ rõ ràng, minh bạch: các cán bộ được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn chung về: chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn, năng lực và uy tín; và thỏa mãn những tiêu chuẩn cụ thể đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý như trưởng phòng đào tạo, giám đốc trung tâm thông tin thư viện, vv. Đồng thời, các tiêu chí này thường xuyên được rà soát, điều chỉnh đảm bảo tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, phù hợp và đáp ứng nhu cầu của đào tạo và NCKH [H7.07.02.04].

Trong những năm gần đây, do yêu cầu về cắt giảm biên chế nên từ năm 2015 đến nay, Khoa Hóa học không tuyển dụng nhân viên mới nào và một cán bộ vừa nghỉ hưu tháng 5/2021. Hiện tại đội ngũ nhân viên NV khoa Hóa gồm (1) Nguyễn Thúy Liên – Giáo vụ và (2) Phạm Thị Thanh Thúy – Quản lý sinh viên. Hai cán bộ văn phòng cho 45 cán bộ và hơn 1000 sinh viên, điều này cũng đặt ra thách thức cho khoa, cần có bổ sung nhân sự, ít nhất là 01 người để đảm bảo cho công tác đào tạo diễn ra thuận lợi hơn.

Đối với đội ngũ GVTH, năm 2017 Khoa Hóa học có tổng cộng 09 người, tuy nhiên năm 2018 có 02 nhân viên chuyển đi, vì vậy Khoa đã điều chỉnh lại và điều chuyển cán bộ thực hành trong các tổ bộ môn. Mặc dù ban đầu gặp khó khăn vì chuyên môn các tổ khác nhau, hiện nay GVTH đều đáp ứng yêu cầu về chuyên môn. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã

thành lập tổ thực hành chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm để khi gặp khó khăn, các GVTH tại các tổ có thể hỗ trợ lẫn nhau, hoàn thành công việc được giao.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã có văn bản quy định đầy đủ các tiêu chí và quy trình về tuyển dụng, tuyển chọn đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để bổ nhiệm, điều chuyển.

Công tác tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch và phù hợp.

3. Tồn tại:

Chưa phát huy được hết vai trò GVTH trong công tác đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao vai trò của giáo viên thực hành trong công tác đào tạo	Khoa Hóa học, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2023-2028
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	Khoa Hóa học, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2023-2028

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng:

Trên cơ sở Luật giáo dục năm 2020, Luật giáo dục Đại học sửa đổi 2018 và Luật viên chức 2010 [H7.07.03.01], Trường ĐHSPHN đã xây dựng và ban hành: Quyết định số 858/QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 06/03/2017 “Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc của GVTH”; Quyết định số 3473/QĐ-ĐHSPHN ngày 07/09/2021 “Sửa đổi, bổ sung Quy định, tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GVTH”; Quyết định số 859/QĐĐHSPHN-TCCB ngày 06/03/2017 “Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động” [H7.07.03.02]. Các văn bản trên đã xác định rõ năng lực đội ngũ nhân viên của Trường ĐHSPHN trong đó quy định rất rõ các tiêu chuẩn, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ với từng chức danh, vị trí việc làm đối với GVTH và viên chức hành chính. Theo đó, đối với viên chức là GVTH nói chung và GHTV của Khoa hóa học nói riêng cần có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành Hóa học, có chứng chỉ bồi dưỡng NVSP, có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (theo “Thông tư số 01/TT-BGDĐT” ngày 24/01/2014 của BGD&ĐT) và đạt kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (theo “Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT” ngày 11/03/2014 của Bộ thông tin và Truyền

thông). GVTH còn đáp ứng các năng lực về chuyên môn nghiệp vụ như: Phải nắm vững kiến thức cơ bản của chuyên ngành Hóa học; có kiến thức tổng quát về thực hành các môn học liên quan đến chuyên ngành; có phương pháp hướng dẫn thực hành hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học,...thành thạo các kỹ năng thực hành bộ môn, kỹ năng an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Đối với viên chức hành chính, cần phải nắm rõ các quy định của pháp luật, hệ thống chính trị và các chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực phụ trách; nắm vững đối tượng quản lý, các nguyên tắc và cơ chế quản lý đối với nhiệm vụ được giao; xây dựng phương án, kế hoạch cụ thể; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được nghiên cứu,...Bên cạnh đó, viên chức hành chính cũng phải đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng CNTT như viên chức GVTH.

Năng lực đội ngũ nhân viên cũng được nhà trường xây dựng và đánh giá hàng năm một cách chi tiết trên cơ sở của Luật viên chức 2010, Nghị định 56 (năm 2015) của Chính phủ. Trường ĐHSPTHN đã ban hành Quyết định số 861/QĐ-ĐHSPTHN-TTCB ngày 06/03/2017 “Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động”, sau đó là Quyết định số 05/QĐ-ĐHSPTHN ngày 04/01/2022 “Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức, người lao động” [H7.07.03.03], trong đó quy định rõ các căn cứ, trách nhiệm của các bên liên quan, thời gian, quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí và trình tự đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên nhà trường trên các mặt công tác. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên được đánh giá bằng điểm và xếp loại. Ngoài văn bản trên, hàng năm, nhà trường luôn có công văn hướng dẫn cụ thể đối với việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo tháng, theo kì và công văn hướng dẫn bình xét thi đua năm học [H7.07.03.04]. Theo đó, đội ngũ nhân viên được đánh giá theo trình tự: Tự đánh giá, đánh giá cấp Bộ môn, đánh giá cấp Khoa và đánh giá cấp trường. Kết quả đánh giá của nhà trường được công khai trên hệ thống văn bản và gửi đến từng nhân viên trong toàn trường. Trong Quyết định số 05/QĐ-ĐHSPTHN ngày 04/01/2022, nhà trường đã bổ sung mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (loại A+) phải đạt từ 101 điểm trở lên so với quy định cũ (cùng với các mức: Hoàn thành tốt nhiệm vụ (loại A, từ 91 – 100 điểm); hoàn thành nhiệm vụ (loại B, từ 81 – 90 điểm); không hoàn thành nhiệm vụ (loại C, dưới 60 điểm)).

Bên cạnh đó, Trung tâm Đảm bảo Chất lượng của Trường cũng thực hiện đánh giá việc thực hiện quy định về thời gian, tác phong làm việc, thái độ ứng xử, hiệu quả giải quyết công việc của các cán bộ hành chính các khoa thông qua phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của SV [H7.07.03.05].

Khoa Hóa học đã thực hiện nghiêm các văn bản hướng dẫn trong việc tuyển dụng, đánh giá thi đua hàng năm một cách công khai. Từ đó, đội ngũ nhân viên khoa Hóa học nghiêm túc hơn trong thực hiện nhiệm vụ, các cá nhân tin tưởng vào sự công bằng trong đánh giá của khoa, của trường và điều chỉnh theo hướng tích cực để công tác đào tạo của Khoa ngày càng tốt hơn.

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ nhân viên Khoa Hóa học được tuyển dụng đúng tiêu chuẩn, vị trí công tác nên có năng lực cao, đáp ứng được yêu cầu đào tạo của nhà trường; việc đánh giá thi đua được thực hiện thường xuyên, công khai nên đảm bảo công bằng, đúng quy định và tạo sự tin tưởng, nỗ lực cao trong toàn bộ cán bộ của khoa.

3. Tồn tại:

Chưa có quy định cụ thể về chứng chỉ nghiệp vụ cần thiết đối cho GVTH.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục phối hợp với nhà trường trong việc xây dựng các văn bản về vị trí việc làm. Đặc biệt là quy định về chứng chỉ nghiệp vụ cần có đối với GVTH.	Trường ĐHSPHN, Khoa Hóa học	- Giai đoạn 2024 - 2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng nhân viên đủ trình độ, đạt tiêu chuẩn cho các vị trí việc làm còn thiếu; phân công đội ngũ nhân viên đúng với năng lực, sở trường và duy trì tốt công tác đánh giá thi đua khen thưởng năm học.	Trường ĐHSPHN	- Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng:

Trên cơ sở tính chất công việc và vị trí công tác đặc của đội ngũ nhân viên từng chuyên ngành, Trường ĐHSPHN đã xác định nhu cầu cần thiết phải bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân sự của trường trong đó có GVTH, viên chức hành chính trong giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến 2030 và ban hành Quyết định số 10882/QĐ-ĐHSPHN ngày 29/10/2019 “Phê duyệt và ban hành kế hoạch chiến lược của Trường ĐHSPHN”; Quyết định số 3457/QĐ-ĐHSPHN ngày 01/09/2021 “Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động”; Quyết định số 736/QĐ-ĐHSPHN ngày 24/03/2021 “Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động giai đoạn 2021-2025”; Hướng dẫn số 307/ĐHSPHN-TCCB ngày 21/06/2021 “Hướng dẫn thực hiện tạo nguồn cán bộ để tuyển dụng giai đoạn 2021-2025” để hướng dẫn các đơn vị trong toàn trường lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.01]. Nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện cho các cán bộ đi

học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, đào tạo. Đội ngũ nhân viên PTN Khoa Hóa học là đội ngũ có chuyên môn cao, được đào tạo bài bản đúng chuyên ngành, trong đó có 01 TS, 05 ThS và 01 Cử nhân. Đối với nhân viên hành chính, hàng năm giáo vụ khoa được cử tham gia tập huấn ít nhất 01 buổi “Phần mềm Quản lý sinh viên và Phần mềm quản lý giờ giảng” do Phòng Đào tạo thực hiện [H7.07.04.02]. Nguyên vọng học tập, nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên cũng được nêu ra ở các cuộc họp, hội nghị như đóng góp ý cho “Báo cáo tổng kết năm học”, phát biểu tại các “Hội nghị cán bộ viên chức – người lao động” hoặc trong “Buổi gặp mặt của Lãnh đạo nhà trường với đội ngũ GVTH, nhân viên hành chính” hàng năm [H7.07.04.03]. Trong giai đoạn này, nhà trường đã phân bổ kinh phí khá lớn cho công tác bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao chuyên môn cho GVTH và viên chức hành chính [H7.07.04.04]

Ngoài ra, khoa Hóa học là một trong những khoa phát triển mạnh về NCKH. Hàng năm, Khoa được Nhà trường cung cấp, mua sắm nhiều thiết bị nghiên cứu mới qua các dự án nâng cao năng lực nghiên cứu [H7.07.04.05]. Để thực hiện các đề tài nghiên cứu, quản lý vận hành các thiết bị mới thì đội ngũ NV phải được đào tạo nâng cao trình độ, phát triển chuyên môn. Kế hoạch đào tạo nâng cao được thực hiện thường xuyên hàng năm như các buổi seminar khoa học định kỳ, các buổi mời chuyên gia đến tập huấn [H7.07.04.06]. Khoa Hóa học cũng tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác NCKH, xây dựng chương trình đào tạo với các đơn vị trong và ngoài nước để tăng cường trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.07].

Những hoạt động trên đây đã góp phần ngày càng nâng tầm trình độ của đội ngũ NV Khoa Hóa học, đáp ứng tốt các yêu cầu về Đào tạo, NCKH và thực hiện tốt các đề tài trọng điểm của trường, các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước và có khả năng tương trợ cho các đơn vị bạn.

2. Điểm mạnh:

Có kế hoạch thường xuyên trong việc đào tạo và phát triển đội ngũ NV. Đồng thời khuyến khích các nhân viên tự học tập, nâng cao trình độ đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo của khoa Hóa học, của trường ĐHSP Hà Nội.

3. Tồn tại:

Cần kết nối các khóa học phù hợp để đội ngũ nhân viên nâng cao trình độ phù hợp với vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tích cực tìm nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo cho các nhân viên của khoa, bao gồm cả nhân viên không thuộc diện bắt buộc.	Khoa Hóa học, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đối với đội ngũ GVTH về chuyên môn .	Khoa Hóa học	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ công đồng

1. Mô tả hiện trạng:

Trên cơ sở các văn bản đã ban hành quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với nhân viên Trường ĐHSPhN, nhà trường đã ban hành và quy định rõ về thời gian làm việc, cách thức phân loại, đánh giá để thực hiện công tác quản trị như Quyết định số 2878/QĐ-ĐHSPhN ngày 26/05/2017, “Quy định về thời gian làm việc của công chức, viên chức, người lao động” [H7.07.05.01]; các quy định phân loại, đánh giá viên chức, người lao động đã nêu ở tiêu chí 7.3 [H7.07.03.03; H7.07.03.04]. Theo đó, GVTH phải hoàn thành đủ 270 giờ chuẩn hướng dẫn thực hành và 170 giờ chuẩn nhiệm vụ khác bao gồm cả NCKH, trong đó NCKH không quá 75 giờ. Các GVTH tập sự được trừ 50% số giờ chuẩn định mức. Các GVTH tham gia công tác kiêm nhiệm được giảm trừ theo quy định. Về mặt thời gian làm việc, GVTH thực hiện chế độ 8 giờ/ngày như đội ngũ viên chức hành chính. Các kết quả thực hiện nhiệm vụ của GVTH và viên chức hành chính hiện nay được đánh giá, xếp loại theo Quyết định số 05/QĐ-ĐHSPhN ngày 04/01/2022. Để thực hiện việc giám sát các hoạt động của đội ngũ nhân viên, trường ĐHSPhN cũng đã ban hành Quyết định số 3148/QĐ-ĐHSPhN ngày 05/06/2017, “Thành lập Tổ kiểm tra hành chính và Công vụ” [H7.07.05.02]. Nhiệm vụ của Tổ là đôn đốc, nhắc nhở, theo dõi, giám sát việc thực hiện nề nếp của các đơn vị trong toàn trường. Trên cơ sở các quy định đó, các GVTH và viên chức hành chính đã được phân công kế hoạch cụ thể cho từng năm học tại các cuộc họp BM và được đánh giá, thống kê cuối năm học. Bên cạnh đó, các GVTH và viên chức hành chính cũng được đóng góp các ý kiến xây dựng các quy định của cơ quan đối với quá trình thực hiện công việc (được ghi rõ trong các ý kiến gửi cấp Khoa, cấp Trường của báo cáo tổng kết năm học) [H7.07.05.03]

Công tác thi đua khen thưởng nhân viên được nhà trường chú trọng quan tâm và đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, quy định cho công tác này như Quyết định số 2145/QĐ-ĐHSPhN ngày 06/05/2019 “Quy định Công tác thi đua khen thưởng”, sau đó được thay bằng Quyết định số 1540/QĐ-ĐHSPhN ngày 13/05/2024; Hướng dẫn số 232/ĐHSPhN-TCCB ngày 18/05/2028 “Hướng dẫn bình xét danh hiệu thi đua và công tác khen thưởng năm học”; Quyết định số 5030/QĐ-ĐHSPhN ngày 10/09/2014 “Quy định nâng bậc lương trước thời hạn”; các hướng dẫn xét nâng bậc lương [H7.07.05.04].

Công tác quản trị đã được thực hiện đồng bộ trong toàn trường trên hệ thống quản lí nhà trường có sự tham gia, giám sát, kiểm tra của nhiều bên như Phòng Đào tạo, Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng, Phòng Sau đại học, Phòng Khoa học Công nghệ, Ban chủ nhiệm khoa, ... Kết quả đánh giá, phân loại thực hiện nhiệm vụ là cơ sở để nhà trường xếp loại thi đua, khen thưởng, phân bổ thu nhập tăng thêm, nâng lương trước thời hạn, bình xét nhà giáo tiêu biểu và các khen thưởng bậc cao [H7.07.05.05; H7.07.05.06].

Trên cơ sở triển khai quản trị theo công việc như vậy, đội ngũ nhân viên Khoa Hóa học đã phát huy tối đa năng lực hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Công tác thi đua, khen thưởng thực sự đã tạo động lực cho đội ngũ NV. Kết quả thi đua khen thưởng của GVTH và viên chức hành chính từ năm 2019 – 2024 [H7.07.05.05; H7.07.05.06] cấp Trường như sau:

Bảng 7.5.1. Thống kê kết quả đánh giá, phân loại GVTH và viên chức hành chính giai đoạn 2019 - 2024

Năm học	Đánh giá phân loại GVTH và viên chức hành chính				Chiến sĩ thi đua cơ sở
	Không hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành tốt	Hoàn thành xuất sắc	
2018-2019	0	8	0	3	1
2019-2020	0	6	0	4	0
2020-2021	7	0	0	2	0
2021-2022	0	1	6	2	0
2022-2023	0	0	7	2	0
2023-2024	0	0	9	0	0
Tổng	7	15	22	13	1

Từ kết quả Bảng 7.5.1 cho thấy, GVTH và viên chức hành chính Khoa Hóa học trong giai đoạn 2019-2024 hầu hết đã hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (35/57 lượt cán bộ). Chỉ riêng năm học 2020-2021, có 07 GVTH không hoàn thành nhiệm vụ do nguyên nhân khách quan bởi số lượng sinh viên các khóa từ K66-K69 của năm học đó ít dẫn đến giảm số giờ học thực hành. Công tác đánh giá luôn được thực hiện công khai, đúng các quy định và tạo được động lực đã luôn được nhận được sự ủng hộ của các cán bộ toàn khoa. Một số góp ý đã được đưa ra ở các hội nghị viên chức cấp khoa và gửi đến nhà Trường để xem xét điều chỉnh cho hợp lí hơn trong tình hình mới [H7.07.05.03].

2. Điểm mạnh:

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được quy định rõ ràng và công khai minh bạch.

3. Tồn tại:

Đội ngũ nhân viên rất khó khăn trong việc đáp ứng các tiêu chí để đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và nâng lương trước thời hạn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tham mưu với Nhà trường, xây dựng các tiêu chí riêng cho đội ngũ GVTH, viên chức hành chính để thực hiện tốt công tác khen thưởng và nâng lương trước thời hạn.	Khoa Hóa học, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản trị, đánh giá kết quả công việc của nhân viên trên hệ thống, giám các công việc thủ công.	Khoa Hóa học, trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của khoa Hóa học phục vụ cho công tác đào tạo chương trình Cử nhân sư phạm Hóa học luôn đảm bảo đủ về số lượng, vững mạnh về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này đã được tuyển dụng theo đúng quy trình và các tiêu chí của Nhà trường. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện nghiêm túc và công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Ngoài ra, việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các cá nhân trong khoa Hóa học không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Đánh giá tiêu chuẩn 7

Tiêu chuẩn 7	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 7.1					X		
Tiêu chí 7.2				X			
Tiêu chí 7.3					X		
Tiêu chí 7.4					X		
Tiêu chí 7.5				X			
Điểm tiêu chuẩn	4,60						

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Các tiêu chí tuyển chọn người học và các hoạt động hỗ trợ người học được xây dựng dựa vào CDR của ngành SPHH. Tuyển chọn người học cũng được quy định những yêu cầu cụ thể về sức khỏe, năng lực học tập. Hoạt động hỗ trợ người học được xây dựng theo cấu trúc nhất quán, lô gic, đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn của giáo dục.

Trong suốt quá trình gần 75 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHSPHN luôn xác định người học là đối tượng trung tâm của hoạt động Nhà trường, với mục tiêu là phát triển các kiến thức, kỹ năng đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Vì vậy, các hoạt động tuyển chọn người học cũng như hỗ trợ người học là công tác được Đảng ủy, Lãnh đạo Trường đặc biệt quan tâm, chỉ đạo sát sao. Trong 5 năm học từ năm học 2019-2020 đến năm học 2024-2025, Trường đã xây dựng cho CTĐT Ngành SPHH chính sách tuyển sinh với các tiêu chí, phương thức tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn người học cụ thể, rõ ràng, được công bố công khai, được đánh giá và cập nhật hằng năm.

Đối với các hoạt động hỗ trợ người học, Khoa và Nhà trường đã tổ chức hệ thống giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện cũng như học tập của SV để các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, hiệu quả như tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa SV với các trường phổ thông, các nhà tuyển dụng, hợp tác với các doanh nghiệp, công ty giáo dục về công nghệ, giáo dục STEM để SV có cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp, góp phần tăng thêm thu nhập ngay trong thời gian ngồi trên ghế nhà trường đồng thời mở rộng cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Thực hiện tốt công tác tuyển chọn người học cũng như các công tác hỗ trợ người học là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội hàng năm đều xây dựng Đề án tuyển sinh trên cơ sở phân tích nhu cầu nhân lực, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của trường và chiến lược kinh tế xã hội của các địa phương. Trong đó, chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng về đối tượng, các phương thức tuyển sinh, các tiêu chí xét tuyển, đồng thời theo đúng các quy định hiện hành trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Do vậy, chính sách và quy định về tuyển sinh hàng năm cũng được cập nhật theo các điều chỉnh về Quy chế tuyển sinh của Bộ [H8.08.01.01].

Khoa Hoá học là một bộ phận của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội nên các chính sách, quy định về tuyển sinh của Khoa cũng nằm trong đề án tuyển sinh của trường, được xây dựng trên cơ sở phân tích nhu cầu nhân lực, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của trường và chiến lược kinh tế xã hội của các địa phương. Vì vậy, chính sách, quy định về tuyển sinh của ngành Sư phạm Hoá học được công khai rõ ràng, đầy đủ và chi tiết bao gồm đối tượng

tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, môn thi và các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng kí xét tuyển.

Đề án tuyển sinh ngành Sư phạm Hoá học của năm sau được xây dựng trên cơ sở dữ liệu tuyển sinh của các năm trước một cách rõ ràng, cụ thể. Có thể thấy chính sách tuyển sinh được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành, dựa vào dự báo nhu cầu nhân lực, dựa vào dữ liệu tuyển sinh các năm trước đó và các điều kiện đảm bảo chất lượng của Khoa Sư phạm Hoá học nói riêng và trường Đại học Sư phạm Hà Nội nói chung. [H8.08.01.02; H8.08.01.03]. Vì vậy, chính sách và quy định tuyển sinh ngành Sư phạm Hoá học được công bố công khai, rõ ràng, đầy đủ và chi tiết.

Năm	Chỉ tiêu/Khối tuyển/SV nhập học	Điểm trúng tuyển	Tỷ lệ việc làm (%)
2019	155/A00/117	20,35	68,4%
2020	329/A00/290	22,5	85%
	31/XTT3/30	69,8	
2021	180/A00/135	25,4	90.67%
	20/B00/22	24,25	
	30/XTT3/54	80,9	
2022	18/A00/43	25,8	89,22 (75 SVTN)
	18/B00/21	26,0	
	31/XTT2-a2/4	86,20	
	35/ĐGNL/8	21,0	
2023	20/A00/20	26,13	Chưa khảo sát
	10/T,VL,HH/10	27,72	
	10/ĐGNL/10	23,96	
2024	9/A00/....	27,62	Chưa khảo sát
	1/B00/.....	27,62	
	5/T, VL, HH/....	25,57	
	5/ĐGNL/....	28,97	
	5/XTT/.....	27,62	

Ví dụ năm 2019, ngành Sư phạm Hoá học xét tuyển với tổng chỉ tiêu là 155 Sv với xét tuyển A00 (Toán Lý và Hoá) - Xét tuyển sử dụng kết quả thi THPTQG (tổ hợp xét tuyển A00 với đối tượng tuyển sinh là học sinh đã tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm các kì đều đạt loại khá trở lên, phạm vi tuyển sinh là cả nước). Năm 2020, mở thêm phương thức xét tuyển thẳng (với đối tượng học sinh tốt nghiệp THPT có thời gian học tập cả 3 năm tại các trường THPT chuyên của cả nước và các trường THPT trực thuộc trường ĐHSP Hà

Nội, ĐHSPTP Hồ Chí Minh có thành tích học tập và rèn luyện tốt, các học sinh trong đội tuyển tham dự kì thi học sinh giỏi quốc gia) và xét học bạ (với đối tượng học sinh tốt nghiệp THPT năm 2021, học lực giỏi lớp 12 và có hạnh kiểm tốt 6 kỳ học ở cấp THPT). Năm 2023 và năm 2024 tuyển sinh của Khoa Hoá học phụ thuộc nhiều vào chỉ tiêu thấp của Bộ GD và ĐT, tuy nhiên các đề án tuyển sinh [H8.08.01.02], thông báo tuyển sinh/ xét tuyển, điểm chuẩn, danh sách thí sinh trúng tuyển [H8.08.01.04] được công bố công khai trên trang thông tin điện tử (www.hnue.edu.vn), trang thông tin đào tạo của trường (www.tuyensinh.hnue.edu.vn), các kênh thông tin của sinh viên và cựu sinh viên của khoa [H8.08.01.05], tờ rơi tuyển sinh [H8.08.01.07] và được giới thiệu cho học sinh trong các buổi tư vấn tuyển sinh [H8.08.01.06; H8.08.01.08]. Từ năm 2022 đến nay, trường ĐHSPTP Hà Nội bổ sung thêm phương thức tuyển sinh mới để tăng thêm cơ hội trúng tuyển cho thí sinh cũng như nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào, đó là phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do trường ĐHSPTP Hà Nội tổ chức kết hợp với kết quả học THPT. Ngành Sư phạm Hoá học cũng bổ sung phương thức xét tuyển này từ năm 2022 với tổ hợp xét tuyển 02 môn là Toán – Hoá học, tuy nhiên số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức này còn rất hạn chế và tăng dần trong những năm gần đây.

Bảng 8.1. Số liệu thí sinh đăng kí và được tuyển sinh theo phương thức 5

Năm	Số TS đăng kí thi ĐGNL	Chỉ tiêu thí sinh được tuyển theo hình thức thi ĐGNL
2022	236	35
2023	768	20
2024	2100	5

Chính sách tuyển sinh ngành Sư phạm Hoá học được cập nhật. Hằng năm, Khoa Hoá học đều tổ chức các cuộc họp để ghi nhận sự đóng góp ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, phụ huynh, trường phổ thông nơi sinh viên làm việc để phân tích/ dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh. Bên cạnh đó, chính sách tuyển sinh của khoa nằm trong đề án tuyển sinh của trường Đại học Sư phạm Hà Nội được xây dựng hàng năm. Các thông tin tuyển sinh được cập nhật liên tục trước, trong và sau thời gian tuyển sinh [H8.08.01.04; H8.08.01.05; H8.08.01.06; H8.08.01.07; H8.08.01.08; H8.08.01.10]; [H8.08.01.12].

Để đưa ra được chính sách tuyển sinh hàng năm, nhà trường, Khoa Hoá học luôn phân tích dự báo nhu cầu nhân lực thông qua các yếu tố như số lượng SV được tuyển hàng năm, SV nhập học, tình hình việc làm của SV đã tốt nghiệp hàng năm của trường, Khoa và của CTĐT [H8.08.01.11; H8.08.01.12], đồng thời phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực thông qua cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh [H.8.08.01.10].

Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường tổ chức tư vấn, giới thiệu về chính sách tuyển sinh thông qua nhiều hình thức hoạt động, năm 2022 chương trình thăm quan Trường (Open Day) cho học sinh các trường phổ thông, bao gồm các hoạt động: nghe giới thiệu tổng quan về Nhà trường, các ngành Đào tạo, tham quan và trải nghiệm thực tế ngành nghề của Trường tại khu giảng đường, nghe giới thiệu chính sách tuyển sinh của từng CTĐT, các

chính sách thu hút: học bổng, cơ hội việc làm, các hoạt động mang dấu ấn của CTĐT [H8.08.01.09]. Qua đó, các em học sinh cũng hiểu hơn về ngành đào tạo của khoa, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, thu hút các em đăng ký tuyển sinh để học tập tại Khoa và tại Trường.

Khi triển khai theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, khoa Hoá học có thuận lợi trong khâu tuyển sinh, số lượng sinh viên đăng kí thi vào khoa Hoá học ngày càng tăng trong những năm 2021, 2022 nhưng sau đó do tình hình triển khai sâu rộng của chương trình hoá học phổ thông 2018, tình hình tuyển sinh giảm do chỉ tiêu của Bộ giao cho Khoa thấp (Bảng 8.2).

Bảng 8.2. Chỉ tiêu tuyển sinh 3 năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu (HS)	Ghi chú
2022	102	
2023	40	
2024	20	

Mặc dù chỉ tiêu khó khăn năm học 2023 - 2024, tuy nhiên Khoa Hóa học vẫn là đơn vị thu hút được nhiều sinh viên xuất sắc. Điển hình, sinh viên Đinh Cao Sơn, cựu học sinh giành huy chương vàng Olympic Hóa học với số điểm cao thứ 7 thế giới đã chọn theo ngành Sư phạm Hóa học tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của khoa mang tính lượng hoá, được xây dựng trên các số liệu cụ thể và quy định về chỉ tiêu tuyển sinh, điểm trúng tuyển, xét tuyển. Điều này giúp khoa đánh giá chính xác năng lực của thí sinh từ cao xuống thấp. Chính sách, chỉ tiêu và điều kiện thi tuyển, xét tuyển được công khai và cập nhật, từ đó thí sinh có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ngay từ năm thứ nhất.

3. Tồn tại:

Hình ảnh và thông tin về ngành Sư phạm Hoá học, về Khoa Hoá học chưa nhiều và chưa thực sự hấp dẫn. Chưa có các hình thức quảng bá rộng rãi để thu hút thí sinh giỏi, có năng lực và đam mê nghề nghiệp.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hình ảnh và thông tin của khoa đầy đủ và hấp dẫn hơn. - Kết nối chặt chẽ, đồng hành cùng giáo viên Hoá học ở phổ thông để nâng cao hình ảnh và vai trò của môn học. - Tiếp tục Tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh tại Khoa - Hoá học, tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội và tại một số trường trung học phổ thông, 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi đoàn - Các giảng viên 	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phối hợp với ban tuyển sinh của nhà trường để xây dựng chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp.	Ban chủ nhiệm khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng:

Phương pháp tuyển chọn người học được thể hiện trong phương thức xét tuyển trong Đề án tuyển sinh. Phương thức xét tuyển bao gồm các nội dung như điều kiện đăng kí xét tuyển, thời gian xét tuyển, hình thức xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển, tiêu chí xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào. Như vậy có thể thấy rằng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT và theo chính sách tuyển sinh của Trường ĐHSPHN [H8.08.01.01, H8.08.01.02]. Theo đó, tiêu chí lựa chọn người học được dựa trên các quy định về chỉ tiêu của CTĐT, các ứng viên được lựa chọn theo các phương thức thi tuyển hoặc/ và xét tuyển. Trong các năm gần đây, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, phương pháp tuyển chọn người học được thực hiện theo phương thức xét tuyển, với các tổ hợp xét tuyển được công khai trong thông báo tuyển sinh của Nhà trường hằng năm [H8.08.01.02]. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy ngành SPHH được xác định rõ ràng và được công bố công khai hàng năm trên website của Nhà trường [H8.08.02.01; H8.08.02.02]. Các phương pháp và tiêu chí lựa chọn người học ngành SPHH trong tuyển sinh từ năm 2022 đến năm 2024 được mô tả trong Bảng 8.2.1 [H8.08.02.01].

Bảng 8.2.1. Phương thức và tiêu chí xét tuyển ngành SPHH từ năm 2022 đến năm 2024.

Năm	Phương thức xét tuyển	Tiêu chí xét tuyển	Chỉ tiêu
2022			
	<p>Phương thức 1: Sử dụng điểm thi TN THPT Quốc gia (A00; B00)</p>	<p>(1) Tiêu chí xét tuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS sử dụng kết quả thi TNTHPT Quốc gia năm 2022 để xét tuyển. - Điều kiện xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả các học kỳ ở bậc THPT đạt loại khá trở lên. - Điểm xét tuyển đảm bảo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khối ngành đào tạo giáo viên theo quy định của BGD. <p>(2) Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu dựa theo tổng điểm thi 3 môn (bao gồm cả môn thi chính nhân hệ số 2 (nếu có) của tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có). Nếu xét tuyển theo phương thức 2 hoặc phương thức 3 còn thừa chỉ tiêu thì sẽ chuyển chỉ tiêu sang phương thức 1 hoặc phương thức 4 tùy theo ngành đào tạo.</p>	36
	<p>Phương thức 2: Xét tuyển thẳng</p>	<p>(1) Tiêu chí xét tuyển</p> <p>Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2020 có hạnh kiểm tất cả các học kỳ đạt loại Tốt và học lực giỏi cả 3 năm ở bậc THPT, thỏa mãn một trong các điều kiện qui định dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a.1. Thí sinh là học sinh đội tuyển cấp tỉnh (thành phố) hoặc của trường THPT chuyên trực thuộc các trường đại học tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. a.2. Thí sinh là học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh (thành phố) ở bậc THPT a.3. Thí sinh là học sinh trường THPT chuyên hoặc các trường THPT trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh. 	31

Năm	Phương thức xét tuyển	Tiêu chí xét tuyển	Chỉ tiêu
		<p>a.4. Thí sinh có các chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế đạt từ 6.0 đối với IELTS hoặc 61 đối với TOEFL iBT hoặc 600 đối với TOEIC trở lên. Chứng chỉ Tiếng Pháp DELF từ B1 trở lên hoặc TCF ≥ 300, chứng chỉ Tin học Quốc tế MOS ≥ 950. (Thời hạn 2 năm tính đến ngày 20/07/2020).</p> <p>(2) Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển lần lượt theo thứ tự ưu tiên từ đối tượng mục a.1, nếu còn chỉ tiêu sẽ xét tiếp lần lượt đến các đối tượng mục a.2, a.3, a.4 cho đến hết chỉ tiêu. Đối với thí sinh thuộc đối tượng từ mục a.2 đến a.4 xét tổng điểm trung bình chung cả năm (viết tắt là TĐTBCCN) lớp 10, 11, 12 của môn học hoặc tổ hợp môn học THPT theo qui định của mỗi ngành ghi tại mục 3 (đã cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực nếu có).</p>	
	<p>Phương thức 3: Xét học bạ THPT (XTT3)</p>	<p>1) Tiêu chí xét tuyển: Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2020 có hạnh kiểm tất cả các học kỳ ở bậc THPT đạt loại tốt và học lực lớp 12 đạt loại giỏi.</p> <p>(2) Nguyên tắc xét tuyển: Xét TĐTBCCN lớp 10, 11, 12 của môn học (Toán, Vật lí) (đã cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực nếu có). Trước hết xét các thí sinh thuộc đối tượng XTT2, sau đó xét đến các thí sinh đối tượng XTT3. Ưu tiên cộng điểm hoặc xét tuyển thẳng nếu thí sinh có viết bài luận đạt kết quả tốt.</p>	
	<p>Phương thức 5: Dựa vào điểm thi ĐGNL</p>	<p>(1) Tiêu chí xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT có hạnh kiểm tất cả các học kỳ ở bậc THPT từ loại khá trở lên</p> <p>(2) Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển dựa trên kết quả tổ hợp môn thi đánh giá năng lực (Toán, Hoá học) trường Đại học Sư phạm Hà Nội hoặc trường Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh (đối với các thí sinh học lớp 12 tại các tỉnh phía Nam từ Đà Nẵng trở vào) tổ chức thi kết hợp với kết quả học bạ để xét tuyển vào các ngành</p>	35

Năm	Phương thức xét tuyển	Tiêu chí xét tuyển	Chỉ tiêu
2023			
	<p>Phương thức 1: Sử dụng điểm thi TN THPT Quốc gia (A00; B00)</p>	<p>Sử dụng kết quả thi TN THPT năm 2023 để xét tuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Điều kiện đăng ký xét tuyển:</i> Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tốt cả các học kỳ ở bậc THPT đạt loại khá trở lên. - <i>Thời gian đăng ký xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển:</i> Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - <i>Hình thức đăng ký xét tuyển:</i> Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - <i>Nguyên tắc xét tuyển:</i> Xét tuyển theo từng ngành. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu dựa theo tổng điểm thi 3 môn (bao gồm cả môn thi chính nhân hệ số 2 (nếu có) của tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành). 	20
	<p>Phương thức 2: Xét tuyển thẳng</p>	<p>Xét tuyển thẳng các thí sinh là học sinh tham gia các đội tuyển học sinh giỏi; học sinh các trường THPT chuyên, học sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học quốc tế (gọi tắt là diện XTT2).</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Điều kiện đăng ký xét tuyển:</i> Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2023 có hạnh kiểm tốt cả các học kỳ đạt loại Tốt, có học lực giỏi cả 3 năm ở bậc THPT và phải thỏa mãn một trong các điều kiện qui định dưới đây: <ul style="list-style-type: none"> a.1. Thí sinh là học sinh đội tuyển cấp tỉnh/thành phố hoặc đội tuyển của trường THPT chuyên trực thuộc các trường đại học được tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. a.2. Thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố/trường đại học ở bậc THPT. 	10

Năm	Phương thức xét tuyển	Tiêu chí xét tuyển	Chỉ tiêu
		<p>a.3. Thí sinh là học sinh trường THPT chuyên hoặc các trường THPT trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh.</p> <p>a.4. Thí sinh là học sinh các trường THPT khác đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố ở bậc THPT hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế IELTS hoặc TOEFL iBT hoặc TOEIC; DELF hoặc TCF; HSK và HSKK; chứng chỉ Tin học Quốc tế MOS (thời hạn 2 năm tính đến ngày 19/05/2023).</p> <p>- Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển lần lượt theo thứ tự ưu tiên bắt đầu từ a.1, nếu còn chỉ tiêu sẽ xét tiếp lần lượt đến a.2, a.3, a.4 cho đến hết chỉ tiêu. Đối với thí sinh đáp ứng điều kiện từ a.2 đến a.4 xét theo tổng điểm trung bình chung cả năm (viết tắt là TĐTBCCN) lớp 10, 11, 12 của môn học hoặc tổ hợp môn học ở bậc THPT theo quy định của mỗi ngành (đã cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành).</p>	
	<p>Phương thức 3: Xét học bạ THPT (XTT3)</p>	<p>Xét học bạ THPT (gọi tắt là diện XTT3).</p> <p>- Điều kiện đăng ký xét tuyển:</p> <p>+ Đối với các ngành đào tạo giáo viên: Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 có hạnh kiểm tất cả các học kỳ ở bậc THPT đạt loại tốt và học lực 3 năm đạt từ giỏi trở lên. Riêng đối với ngành SP tiếng Pháp, nếu thí sinh là học sinh hệ song ngữ tiếng Pháp điều kiện về học lực là lớp 12 đạt loại giỏi; đối với ngành SP Công nghệ điều kiện về học lực là lớp 12 đạt loại giỏi;</p> <p>+ Đối với các ngành khác (ngoài sư phạm): Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 có hạnh kiểm tất cả các học kỳ và học lực 3 năm ở bậc THPT đạt từ khá trở lên.</p> <p>- Nguyên tắc xét tuyển: Xét TĐTBCCN lớp 10, 11, 12 của môn học hoặc tổ hợp các môn học theo quy định của mỗi ngành (đã cộng điểm ưu</p>	10

Năm	Phương thức xét tuyển	Tiêu chí xét tuyển	Chỉ tiêu
		<p><i>tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành). Trước hết xét các thí sinh thuộc diện XTT2 theo nguyên tắc xét tuyển của PT2, sau đó xét đến các thí sinh diện XTT3 (nếu còn chỉ tiêu).</i></p>	
	<p>Phương thức 5: Dựa vào điểm thi ĐGNL</p>	<p>Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do trường Đại học Sư phạm Hà Nội hoặc trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh tổ chức thi trước ngày 15/05/2023 kết hợp với kết quả học THPT (<i>Tên ngành học, mã ngành, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển xem cụ thể tại mục 1.4</i>).</p> <p>- <i>Điều kiện đăng kí xét tuyển:</i> Thí sinh đã tốt nghiệp THPT có hạnh kiểm tất cả các học kỳ ở bậc THPT từ loại khá trở lên và điểm trung bình chung của 5 học kỳ (học kỳ 1,2 lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12) từ 6.5 trở lên.</p> <p>- <i>Nguyên tắc xét tuyển:</i> Xét tuyển theo từng ngành dựa theo kết quả thi đánh giá năng lực 2 môn (<i>đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành</i>). Đối với các ngành có thi năng khiếu xét theo tổng điểm các môn thi năng khiếu tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội với các môn thi đánh giá năng lực (<i>đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành</i>).</p>	
2024			
	<p>Phương thức 1: Sử dụng điểm thi TN THPT Quốc gia (A00; B00)</p>	<p>Sử dụng kết quả thi TN THPT năm 2024 để xét tuyển (<i>Tên ngành học, mã ngành, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển xem cụ thể ở mục 4 và mục 6</i>).</p> <p>- <i>Điều kiện đăng kí xét tuyển:</i> Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT đạt loại Khá trở lên.</p> <p>- <i>Thời gian đăng kí xét tuyển:</i> Từ 18/7 đến 17h00 ngày 30/7/2024.</p>	10

Năm	Phương thức xét tuyển	Tiêu chí xét tuyển	Chỉ tiêu
		<p>- Thời gian nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến: Từ 31/7 đến 17h00 ngày 06/8/2024.</p> <p>- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Trước 17h00 ngày 19/8/2024.</p> <p>- Hình thức đăng kí xét tuyển: Thí sinh đăng kí nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT. Thí sinh có thể đăng kí xét tuyển theo PT1 vào nhiều ngành khác nhau (không giới hạn số nguyện vọng xét tuyển) và đóng lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT.</p> <p>- Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển theo từng ngành. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu dựa theo tổng điểm thi 03 môn, bao gồm cả môn thi chính nhân hệ số 2 (nếu có) của tổ hợp đăng kí xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.</p>	
	<p>Phương thức 2: Xét tuyển thẳng</p>	<p>Xét tuyển thẳng các thí sinh là học sinh tham gia các đội tuyển học sinh giỏi; học sinh các trường THPT chuyên (hoặc các trường THPT thực hành sư phạm trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh), học sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học quốc tế (gọi tắt là diện XTT2). Thí sinh chỉ được đăng kí duy nhất 01 nguyện vọng xét tuyển thẳng diện XTT2.</p> <p>- Điều kiện đăng kí xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2024 có hạnh kiểm tất cả 06 học kì đạt loại Tốt, có học lực Giỏi cả 03 năm cấp THPT và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định dưới đây:</p> <p>a.1. Thí sinh là học sinh thuộc đội tuyển cấp tỉnh/thành phố hoặc đội tuyển của trường THPT chuyên trực thuộc các trường đại học tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia cấp THPT.</p> <p>a.2. Thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên (hoặc các trường THPT thực hành sư phạm trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường</p>	5

Năm	Phương thức xét tuyển	Tiêu chí xét tuyển	Chỉ tiêu
		<p>ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh) đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp tỉnh/thành phố/trường đại học.</p> <p>a.3. Thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên hoặc các trường THPT thực hành sư phạm trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>a.4. Thí sinh là học sinh các trường THPT khác đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp tỉnh/thành phố hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: IELTS hoặc TOEFL iBT hoặc TOEIC; DELF hoặc TCF; HSK và HSKK; chứng chỉ Tin học Quốc tế MOS (<i>ngày cấp chứng chỉ không quá 02 năm tính đến ngày 19/05/2024</i>).</p> <p>* Thí sinh nếu học đầy đủ 03 năm học lớp 10, 11, 12 tại các trường THPT chuyên hoặc các trường THPT thực hành sư phạm trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh thì mới được xét điều kiện a.2, a.3.</p>	
	<p>Phương thức 5: Dựa vào điểm thi ĐGNL</p>	<p>Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do Trường ĐHSP Hà Nội hoặc Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thi trước ngày 25/5/2024 kết hợp với điều kiện về kết quả học cấp THPT (<i>Tên ngành học, mã ngành, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển, xem cụ thể tại mục 4</i>).</p> <p>Thí sinh được đăng kí tối đa 02 nguyện vọng xét tuyển theo PT5; có thể đăng kí 02 tổ hợp khác nhau để xét tuyển vào cùng một ngành đào tạo, nếu có.</p> <p>- <i>Điều kiện đăng kí xét tuyển</i>: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT từ loại Khá trở lên và điểm trung bình chung của 05 học kì (học kì 1, 2 lớp 10, 11 và học kì 1 lớp 12) từ 6.5 trở lên.</p> <p>- <i>Nguyên tắc xét tuyển</i>: Xét tuyển theo từng ngành dựa trên kết quả thi ĐGNL 02 môn (<i>đã</i></p>	5

Năm	Phương thức xét tuyển	Tiêu chí xét tuyển	Chỉ tiêu
		<p><i>nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành</i>). Riêng đối với các ngành: Giáo dục mầm non, Giáo dục mầm non – Sư phạm Tiếng Anh, xét theo tổng điểm môn thi năng khiếu năm 2024 tại Trường ĐHSP Hà Nội với các môn thi ĐGNL (<i>đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành</i>). Quy định các môn thi ĐGNL của từng ngành xem tại bảng mục 4, quy định các môn thi năng khiếu đối với các ngành có môn thi năng khiếu xem tại mục 7.1.</p> <p>* Đối với thí sinh có hai nguyện vọng xét tuyển theo PT5, Trường xét nguyện vọng 1 trước, nếu trúng tuyển ở nguyện vọng 1 thì sẽ không xét tuyển nguyện vọng 2; nếu nguyện vọng 1 không trúng tuyển thì nguyện vọng 2 được xét tuyển như nguyện vọng 1.</p> <p>* Các thí sinh nếu không dự thi ĐGNL do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức và đã dự thi ĐGNL chuyên biệt do Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh tổ chức trước ngày 25/5/2024 thì mới có thể đăng kí sử dụng kết quả thi ĐGNL chuyên biệt để xét tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội theo PT5.</p>	

Bảng phân tích các phương thức tuyển sinh theo các năm từ năm 2022-2024 cho thấy sự thích ứng linh hoạt trong công tác tuyển sinh của Trường. Căn cứ các thay đổi của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh trong tình hình dịch Covid-19, Trường đã có những điều chỉnh Đề án tuyển sinh và thông báo rộng rãi tới các đối tượng liên quan [H8.08.01.01]. Trong công tác tuyển sinh năm 2022, Trường đã bổ sung phương thức tuyển sinh xét tuyển dựa trên kết quả thi một số môn thi đánh giá năng lực do Trường lần đầu tiên tổ chức hoặc do trường ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh tổ chức thi kết hợp với kết quả xét học bạ để xét tuyển vào CTĐT và ngành SPHH đã sử dụng phương thức xét tuyển này bắt đầu từ năm 2023.

Thống kê về tổ hợp môn xét tuyển, chỉ tiêu xét tuyển, số sinh viên nhập học và điểm trúng tuyển ngành Sư phạm Hoá học từ năm 2022 đến năm 2024 được thể hiện trong Bảng 8.2.2 [H8.08.02.03]; Bảng 8.2.3 [H8.08.02.04]. Kết quả này thể hiện sự điều chỉnh, thay đổi chỉ tiêu, các tổ hợp môn thi và phương thức tuyển sinh.

Bảng 8.2.2 Thống kê thông tin điểm trúng tuyển ngành SPHH từ năm 2019 đến năm 2024 theo các phương thức xét tuyển

Năm	Chỉ tiêu/Khối tuyển/SV nhập học	Điểm trúng tuyển
2019	155/A00/117	20,35
2020	329/A00/290	22,5
	31/XTT3/30	69,8
2021	180/A00/135	25,4
	20/B00/22	24,25
	30/XTT3/54	80,9
2022	18/A00/43	25,8
	18/B00/21	26,0
	31/XTT2-a2/4	86,20
	35/ĐGNL/8	21,0
2023	20/A00/20	26,13
	10/T,VL,HH/10	27,72
	10/ĐGNL/10	23,96
2024	9/A00/....	27,62
	1/B00/.....	27,62
	5/ĐGNL/....	25,57
	5/XTT/.....	28,97

Qua bảng 8.2.2, điểm trúng tuyển của các năm rất ổn định đã minh chứng cho sự ổn định trong đào tạo và các chính sách đào tạo hợp lý.

Bảng 8.2.3. Thống kê thông tin số lượng sinh viên nhập học ngành SPHH từ năm 2021 đến năm 2024

Năm	Chỉ tiêu	Số SV nhập học
2021	230	211
2022	102	76
2023	40	40
2024	20	Chưa TS xong

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/ tuyển chọn người học được Trường, Khoa rà soát, đánh giá hàng năm sau các kỳ tuyển sinh và chuẩn bị các kỳ tuyển sinh tiếp theo [H8.08.02.04]. Trước kỳ tuyển sinh, trong các cuộc họp giao ban ở Khoa, lãnh đạo các Bộ môn, chính sách tuyển sinh cũng được bàn bạc, trao đổi trong Hội đồng khoa học và đào tạo khoa để đề xuất với Nhà trường chỉ tiêu, phương pháp tuyển sinh phù hợp. Sau mỗi đợt

tuyển sinh, Khoa tổ chức cuộc họp để đánh giá các chỉ tiêu, phương pháp tuyển sinh hàng năm. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa tiếp thu ý kiến của các thành viên trong cuộc họp và tổng hợp, đề xuất với hội đồng tuyển sinh Nhà trường để đưa vào kế hoạch năm học, kế hoạch và quy định tuyển sinh năm sau [H8.08.02.02] [H8.08.02.05]. Kết quả thể hiện sự điều chỉnh, thay đổi chỉ tiêu, các tổ hợp môn thi và phương thức tuyển sinh trong Bảng 8.2.1.

2. Điểm mạnh:

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành SPHH được xác định rõ ràng theo quy chế của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên, cập nhật kịp thời để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như vào CTĐT.

3. Tồn tại:

Trong quá trình rà soát, đánh giá chính sách tuyển sinh, sự tham gia của người sử dụng lao động, cựu sinh viên chưa được chủ động nên lượng thông tin thu thập chưa nhiều. Vì vậy, việc đánh giá chính sách tuyển sinh còn gặp nhiều khó khăn. Mặt khác tuyển sinh của Khoa phụ thuộc chỉ tiêu của Bộ nên không chủ động và dẫn đến ảnh hưởng không nhỏ đến công tác hỗ trợ tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng đối tượng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng) trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học	Trường và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì tổng kết và đánh giá công tác tuyển sinh làm cơ sở để điều chỉnh tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.	Trường và Khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng:

Quá trình học tập và rèn luyện cũng như kết quả học tập và khối lượng học tập của người học thuộc CTĐT là các vấn đề được Nhà trường và khoa Hoá học quan tâm và đưa ra quy trình giám sát phù hợp để đạt được hiệu quả cao nhất của CTĐT. Hệ thống giám sát

được Trường phân công cho các phòng ban chức năng phụ trách là: Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Học sinh sinh viên (CTCT&HSSV), Đoàn thanh niên với các nhiệm vụ giám sát sự tiến bộ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học tập [H8.08.03.17]. Dựa trên các quy định của Nhà trường, Khoa đã phân công đội ngũ cố vấn học tập (CVHT), giáo vụ và trợ lý SV để giám sát tiến bộ học tập và rèn luyện của người học [H8.08.03.02; H8.08.03.03; H8.08.03.04]. Trong các năm gần đây, CVHT đóng vai trò quan trọng trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Do đó, Trường đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của CVHT. CVHT cho tất cả các lớp tại Khoa đều là GV thuộc CTĐT nên đảm bảo hiểu sâu sắc về ngành và các SV. Tất cả SV ở các lớp được CVHT tư vấn về học tập, được theo dõi kế hoạch và tiến độ học tập, được làm thủ tục đăng ký TC từng học kỳ theo đúng quy định. Ngoài ra, CVHT cũng theo sát về ý thức học tập, các hoạt động ngoại khóa... của SV. Các hoạt động trên nhằm mục đích đánh giá điểm rèn luyện từng kỳ của SV, kịp thời nhắc nhở, giúp đỡ SV trong quá trình học tập [H8.08.03.02].

Các dữ liệu về theo dõi tiến độ học tập, rèn luyện, những quy định về học tập theo TC, khối lượng học tập của người học cùng với các quy định về xét cảnh báo học tập, thôi học, dừng học đều được thể hiện trong Sổ tay SV Trường và Quy chế đào tạo theo hệ thống TC [H8.08.03.01; H8.08.03.18]. Khung chương trình CTĐT cũng được thông báo công khai trên trang web của trường: <https://hnue.edu.vn/Daotao> [H8.08.03.05].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo và gửi về cho các đơn vị trong toàn trường, lấy ý kiến góp ý, sau đó ban hành cho cán bộ và toàn thể người học [H8.08.03.06]. Kế hoạch đào tạo được dán công khai ở các khu vực giảng đường hoặc tìm kiếm dễ dàng trên trang web của trường và phòng đào tạo: daotao.hnue.edu.vn; rất thuận tiện cho GV, SV theo dõi và thực hiện. Trường xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống đào tạo TC, cung cấp tài khoản cho người học, người dạy, cán bộ văn phòng Khoa, do đó sinh viên hoàn toàn có thể tự theo dõi tiến độ học tập và rèn luyện của mình thông qua tài khoản được giao [H8.08.03.15; H8.08.03.16]. Kết quả học tập của người học được Giáo vụ khoa quản lý giám sát và người học có tài khoản riêng để cập nhật tình hình học tập, đăng ký TC, cảnh báo học vụ.

Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với CTĐT tối thiểu 14 TC, trừ học kỳ cuối khóa [H8.08.03.05]. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có lực học trung bình để hoàn thành chương trình đúng thời gian quy định. SV được phép đăng ký học tập với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ nhưng không được ít hơn 10 TC. Đặc biệt, đối với SV từ học kỳ 3 nếu có điểm trung bình chung tích lũy dưới 2.0 chỉ được phép đăng ký học tối đa 16 tín chỉ, điều này đảm bảo khối lượng và tải trọng học tập phù hợp với sức học của SV. Ngoài ra, hàng năm từ tháng 6 - tháng 8, Nhà trường đều tổ chức học kỳ 3, với học kỳ này sẽ giúp cho sv có cơ hội cải thiện điểm với những học phần điểm thấp hay học lại với học phần bị trượt, giúp giảm gánh nặng học tập cho SV ở những kỳ học chính (Kỳ 1 và kỳ 2). Nội dung này cũng được thông tin rõ

ràng cho SV ở Sổ tay SV [H8.08.03.19]. Việc này làm tăng cơ hội ra trường sớm cho sinh viên.

Trường ban hành Quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV, theo QĐ số 2497/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 03 tháng 05 năm 2018 [H8.08.03.09]. Quy định nêu rõ phạm vi đối tượng, nguyên tắc đánh giá, nội dung đánh giá và thang điểm, phân loại để đánh giá, quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, sử dụng kết quả rèn luyện, quyền khiếu nại, chức năng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo và các Khoa. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện được trình bày rõ ràng trong Quy định này và được thực hiện công khai. SV tự đánh giá, Cố vấn học tập có nhiệm vụ chủ trì lớp và đề nghị văn bản đến BCN Khoa kèm theo biên bản họp lớp, điểm rèn luyện của SV [H8.08.03.02; H8.08.03.20]. BCN Khoa họp và giao cho cán bộ thông báo công khai đến SV theo báo cáo từ cố vấn [H8.08.03.02; H8.08.03.09; H8.08.03.10; H8.08.03.11]. Gia đình người học có thể xem kết quả học tập của sinh viên trực tiếp thông qua mạng theo tài khoản của sinh viên, đối với các trường hợp cảnh báo học tập, giáo vụ khoa/ QLSV sẽ gọi điện thông báo tình hình trực tiếp tới gia đình sinh viên. Công tác xét sự tiến bộ học tập và rèn luyện của SV thường được sự quan tâm, là nhiệm vụ có sự kết hợp giữa CVHT, giáo vụ Khoa, Liên chi đoàn và BCN Khoa. CVHT thường xuyên bám sát, hỗ trợ và giám sát SV trong học tập và rèn luyện. Kết thúc mỗi kỳ học Khoa triển khai cho Giáo vụ khoa, trợ lý SV và Liên chi đoàn tiến hành đánh giá tình hình học tập và rèn luyện của SV. Điểm rèn luyện của SV đều được đánh giá qua các mốc phân loại: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém. Ngoài ra số liệu kết quả thi, số lượng và tỷ lệ SV thôi học, buộc thôi học, SV cảnh báo kết quả học tập, SV đạt điểm học tập xuất sắc, giỏi, khá, trung bình, yếu và những lưu ý về SV được thống kê trong báo cáo xét lên lớp từng học kỳ của CVHT [H8.08.03.15]. Kết quả đánh giá rèn luyện và học tập của sinh viên được Khoa gửi lên Trường. Đại diện khoa, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV tiếp tục đưa ra kết quả đánh giá để xét các loại học bổng theo quy định cũng như các học bổng khác [H8.08.03.12]. Từ các kết quả trên CVHT thông báo, nhắc nhở đến SV qua CVHT, chi đoàn, lớp. Việc thông báo kết quả học tập, điểm rèn luyện đều được tiến hành theo các bước như trên với sự tham gia của CVHT, của Ban cán sự lớp, của quản lý SV và BCN Khoa [H8.08.03.12]. Ngoài ra, đối với sinh viên năm thứ nhất và đặc biệt các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, Khoa và Liên chi đoàn cũng có những phương thức phù hợp để hỗ trợ như phổ biến, theo dõi và động viên SV tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động rèn luyện nghiêm vụ sư phạm, CLB NVSP và các hoạt động ngoại khóa khác... [H8.08.03.19].

Nhà trường làm báo cáo và gửi về Khoa thông tin về kết quả học tập, khối lượng học tập được thể hiện qua từng kỳ như sau: số TC tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy, điểm trung bình của kỳ, số TC tích lũy của kỳ, của từng môn học [H8.08.03.10; H8.08.03.11; H8.08.03.13; H8.08.03.14; H8.08.03.15]. Nhà trường ra quyết định xét cảnh báo học tập, dừng học theo học kỳ và năm học và chỉ đạo Khoa và CVHT thông báo tư vấn, hỗ trợ các SV dạng cảnh báo chú ý cải thiện tình hình học tập [H8.08.03.14]. Khoa và Nhà trường có cơ sở dữ liệu theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp theo hàng năm. Đó là các báo cáo kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện được lưu trữ tại các phòng ban chức năng như

phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV và Văn phòng khoa, ngoài ra còn được lưu trực tiếp trong tài khoản cá nhân của mỗi SV, trong hệ thống quản lý trên website đăng kí môn học của trường [H8.08.03.15; H8.08.03.16]; thống kê kết quả học tập từng năm [H8.08.03.21] (Bảng 8.4); thống kê SV thôi học, tốt nghiệp (hàng năm) của Trường [H8.08.03.14].

Bảng 8.3.1. Thống kê kết quả xét lên lớp của sinh viên ngành SPHH từ năm 2019 đến năm 2024.

HK I 2019-2020	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K66	80	80	0	0
K67	92	92	01	0
K68	95	95	03	0
K69	118	118	01	0
Tổng	385	385	05	0
TL%		100%	1,3%	
HK II 2019-2020	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K67	91	90	02	01
K68	95	94	01	01
K69	115	114	04	01
Tổng	301	298	07	03
TL%		99%	2,3%	0,9%
HK I 2020-2021	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K67	90	90	0	0
K68	93	93	01	0
K69	110	110	01	0
K70	321	321	0	0
Tổng	614	614	02	0
TL%		100%	0,3%	0
HK II 2020-2021	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K68	94	94	0	0
K69	110	109	02	01

K70	315	315	04	0
Tổng	519	518	06	01
TL%		99,8%	1,1%	0,2%
HK I 2021-2022	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K68	94	94	0	0
K69	106	106	0	0
K70	311	310	02	01
K71	210	210	06	0
Tổng	721	720	08	01
TL%		99,8%	1,1%	0,1%
HK II 2021-2022	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K68	11	11	0	0
K69	106	106	01	0
K70	305	305	09	0
K71	205	199	08	06
Tổng	627	621	18	06
TL%		99,0%	2,9%	1%
HK I 2022-2023	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K66	01	0	0	01
K67	05	05	0	0
K68	11	11	0	0
K69	91	91	02	0
K70	284	278	12	06
K71	176	174	07	02
K72	51	51	0	0
Tổng	619	610	21	09
TL%		98,5%	3,4%	1,5%

HK II 2022-2023	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K66	02	02	0	0
K67	04	04	0	0
K68	04	04	0	0
K69	35	32	0	0
K70	279	276	07	03
K71	172	169	04	03
K72	61	61	0	0
Tổng	557	548	12	06
TL%		98,3%	2,1%	1,1%
HK I 2023-2024	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K66	01	01	0	0
K67	02	02	0	0
K68	04	04	0	0
K69	26	26	0	0
K70	275	272	13	03
K71	173	170	0	03
K72	61	61	03	0
K73	23	23	0	0
Tổng	565	559	16	06
TL%		98,9%	2,8%	1,0%
HK II 2023-2024	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K70				
K71				
K72				
K73				
Tổng				
TL%				

Qua bảng 8.3.1, số lượng sinh viên học tập được tiếp tục học ở các năm học với tỷ lệ rất cao đặc biệt 02 học kì đạt 100% Sv được tiếp tục học tập. Trong khi số Sv bị cảnh báo rất thấp từ 0,3-3,4%. Học kì I năm học 2022-2023 có tỷ lệ cao nhất do ảnh hưởng của hậu thời kì dịch bệnh COVID 19. Tỷ lệ SV bị buộc thôi học cũng có tỷ lệ rất thấp từ 0%-1,5%. Điều đó chứng tỏ người học đã yêu thích cơ sở đào tạo; chuyển đổi cách học tập phù hợp với cấp học mới đồng thời cũng thể hiện sự hỗ trợ tốt từ cơ sở đào tạo.

Bảng 8.3.2. Thống kê số lượng Sv thôi học ngành SPHH giai đoạn 2020-2024

Năm học	Tổng số SV	Tổng số SV thôi học	TL (%)	Tỉ lệ sinh viên thôi học							
				Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
2020 - 2021	519	9	1,7	1		5		2		1	
2021 - 2022	627	14	2,4	2		9		2		1	
2022 - 2023	557	15	2,7	0		9		5		1	
2023 - 2024	565	1	0,17	0		1		0		0	

Kết quả tỷ lệ thôi học của CTĐT giai đoạn 2020-2024 được thể hiện Bảng 8.3.2. Tỷ lệ SV thôi học theo năm nói chung ở mức rất thấp, cao nhất đối với năm học 2022- 2023. Điều này thể hiện tính tập trung cao của SV khi lựa chọn vào học tại khoa. Tỉ lệ SV thôi học vào cuối năm thứ nhất, đầu năm thứ 2 thường cao hơn (Bảng 8.3.1; 8.3.2), với nguyên nhân chính là do tâm lí ngành nghề của số ít SV chưa ổn định, SV lo lắng về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, hay do áp lực về định hướng nghề nghiệp của gia đình. Các trường hợp thôi học ở năm 2 thường do SV bảo lưu kết quả sau khi học xong năm thứ nhất để thi lại đại học sau đó chuyển trường. Về việc thôi học của SV, CVHT chủ động nắm bắt thông tin từ SV, tìm hiểu cụ thể nguyên nhân khiến SV có nguyện vọng dừng học. Dựa trên thông tin thu thập được, CVHT sẽ phối hợp cùng lớp, gia đình để đưa ra các tư vấn phù hợp nhằm hỗ trợ, động viên và khuyến khích SV tiếp tục học tập [H8.08.03.20]. Trong trường hợp SV muốn bảo lưu kết quả học tập hay thôi học, căn cứ trên quy trình đã quy định trong quy chế đào tạo, Khoa sẽ tiếp nhận và chuyển đơn của người học lên trường, căn cứ vào đó Nhà trường sẽ ra các quyết định bảo lưu, thôi học cho từng SV [H8.08.03.13]. Dựa trên các quyết định này, các CVHT, cán bộ quản lí SV theo dõi được biến động số lượng SV từng lớp/khóa, thống kê được tỉ lệ thôi học của SV (xem Bảng 8.3.2). Từ đó định hướng tốt hơn đối với công tác giám sát người học trong các năm tiếp theo.

Bên cạnh đó NH được chăm sóc y tế [H8.08.03.18] đã thể hiện sự quan tâm đến sức khoẻ của người học.

2. Điểm mạnh:

Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ đã thực hiện đồng bộ, rõ ràng, kịp thời và có hiệu quả cao. Người học được tiếp cận các thông tin về học tập, rèn luyện từ nhiều kênh khác nhau và theo hệ thống, dễ thực hiện và SV đã hoàn thành tốt CTĐT. Trường đã xây dựng hệ thống quản lý học tập online qua đó có thể giám sát quá trình và sự tiến bộ trong học tập cũng như khối lượng, kết quả học tập của người học một cách hiệu quả. Bên cạnh đó NH được quan tâm chăm sóc ý tế để giúp NH luôn đủ sức khoẻ để học tập tốt hơn.

3. Tồn tại:

SV có kết quả học tập chưa tốt chưa chủ động phối hợp với Khoa để thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình cũng như chưa thật sự nỗ lực để cải thiện kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Kịp thời báo cáo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình người học để cùng hỗ trợ động viên NH.	P. Đào tạo Khoa Hoá học	Từ năm học 2023 - 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phối hợp chặt chẽ giữa CVHT, giáo vụ, quản lý sinh viên, liên chi đoàn, cán bộ lớp để hỗ trợ người học.	P. Đào tạo Khoa Hoá học Giáo vụ, Quản lý SV, CVHT	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng:

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, ngoài việc xây dựng đội ngũ GV, nghiên cứu viên chất lượng, Trường xác định nhiệm vụ đồng hành cùng người học trong việc phát triển kỹ năng, nghiệp vụ, hỗ trợ học tập và sinh hoạt là một trong những hoạt động quan trọng. Điều này đã được thể hiện qua các quyết định về quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ: 9779/QĐ-ĐHSPHN_ĐT, 3980/QĐ – ĐHSPHN [H8.08.04.01], quyết định số 5062/QĐ-ĐHSPHN-ĐT [H8.08.04.03], 12020/QĐ-ĐHSPHN [H8.08.04.03]. Các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện bao gồm cố vấn học tập, Phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên, Phòng Đào tạo, Phòng Khoa học Công nghệ [H8.08.03.02; H8.08.04.03]. Cụ thể:

- CVHT là người chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho người học, phối hợp với

các bộ phận liên quan nhằm tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ và tư vấn cho SV trong quá trình đào tạo theo hệ thống TC. Nhà trường đã đề ra tại mỗi lớp luôn có 01 cán bộ đảm nhận nhiệm vụ CVHT và là giáo viên chủ nhiệm phụ trách tư vấn, định hướng, hỗ trợ người học sắp xếp kế hoạch học tập từ năm thứ nhất đến năm cuối.

- Phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên tổ chức các hoạt động thi đua khen thưởng, ví dụ: cấp các loại học bổng cho SV; giải quyết các chế độ chính sách cho SV như miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

- Phòng Đào tạo hỗ trợ, tư vấn, giải đáp mọi thắc mắc về vấn đề đăng ký môn học, CTĐT, quy trình đào tạo theo hệ thống TC.

- Phòng KHCN tổ chức các hoạt động khoa học dành cho SV, khen thưởng đối với các đề tài SV có kết quả nghiên cứu tốt và lên kế hoạch chỉ đạo Khoa tổ chức hội nghị SV NCKH.

- Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với Liên chi đoàn và Hội sinh viên khoa tổ chức các hoạt động ngoại khoá và dịch vụ hỗ trợ giúp cải thiện việc học tập của SV.

Về phía Khoa Hóa học, Khoa đã chỉ định trợ lý cho các hoạt động của khoa, gồm trợ lý Đào tạo đại học, trợ lý Chính trị-Văn thể, trợ lý Nghiệp vụ sư phạm. Liên chi Đoàn và Hội sinh viên Khoa Hóa học luôn hoạt động tích cực trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khoá. Hơn nữa, để giúp cho SV trong có cơ hội được rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng, Khoa đã xây dựng một số câu lạc bộ hoạt động tích cực, thu hút được sự quan tâm đông đảo của sinh viên như [H8.08.04.06]:

- Câu lạc bộ Toxic: Được thành lập từ năm 2019. CLB là nơi sinh viên trao đổi các vấn đề về các hoạt động ngoài giờ lên lớp, phục vụ cho nghiệp vụ sư phạm. CLB thường xuyên sinh hoạt chuyên môn về các chủ đề mới trong hoạt động phục vụ các ngày lễ lớn, truyền thông cho khoa Hóa học. Thành viên CLB thường xuyên tham gia trợ giảng các buổi trải nghiệm của học sinh phổ thông tại khoa Hóa học.

Câu lạc bộ Hóa học: Được thành lập từ năm 2018, CLB là nơi các sinh viên có thể trao đổi các hoạt động chuyên môn, trao đổi hỗ trợ công việc, trao đổi sách vở tài liệu với các anh chị khóa trên. Các câu lạc bộ này thường xuyên hoạt động với mục đích nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp, trau dồi chuyên môn và hỗ trợ thu nhập cho sinh viên. [H8.08.04.06].

- Các hoạt động của các câu lạc bộ được Liên chi đoàn tổ chức thực hiện qua sự theo dõi và định hướng phát triển từ BCN Khoa. Một số hoạt động tiêu biểu mà Liên chi đoàn và Hội sinh viên khoa đã triển khai thường xuyên và có hiệu quả là Đêm hội chào tân sinh viên, Hội thao sinh viên, các cuộc thi thiết kế logo, video..., [H8.08.04.06]. Ngay cả trong bối cảnh dịch bệnh Covid, LCD-HSV cũng rất linh hoạt, tổ chức các chương trình Chào tân sinh viên,... bằng hình thức trực tuyến nhưng vẫn đảm bảo các nội dung như hàng năm làm trực tiếp và đã tạo động lực, tinh thần cho sinh viên trong quá trình học tập. Cũng trong thời gian đó, BCN Khoa cũng đề xuất BGH nhà trường, KTX tạo điều kiện cho sinh viên

ở vùng sâu vùng xa nơi không có sóng điện thoại được học tập và sinh hoạt tại trường, khoa cũng hỗ trợ cho SV thiết bị để học trực tuyến.

Hàng năm, Đoàn thanh niên, phòng Công tác chính trị HSSV luôn quan tâm tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua... nhằm góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người học tại trường. Cụ thể như tổ chức “Hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học” các cấp [H8.08.04.07]; tổ chức “Hội thi Nghiệp vụ Sư phạm cấp Trường, cấp Khoa” [H8.08.04.16]; các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ trong tuần lễ NVSP và các hoạt động theo chủ đề, chủ điểm theo chương trình của Khoa. Nội dung thi NVSP cấp Khoa không chỉ được điều chỉnh hàng năm để làm nổi bật đặc điểm của chuyên ngành đào tạo (nội dung vẽ mô phỏng trên máy, lập trình,...) mà hình thức tổ chức NVSP cũng linh hoạt để phù hợp với các điều kiện khách quan, đơn cử như trong năm học 2021-2022, tuần NVSP được tổ chức với hình thức trực tuyến nhằm đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid.

Ngoài ra, trong kế hoạch đào tạo của Khoa, hàng năm khoa vẫn dành kinh phí và bố trí thời gian để tổ chức cho SV năm thứ 3 đi thăm quan thực tế chuyên môn tại các cơ sở như Nhà máy hóa chất Việt Trì, phân bón, hóa chất Lâm Thao, Tổng công ty Giấy Việt Nam, DAP số 2 – Bảo Thắng, Apatit Lào Cai, Đồng Vimico..., hoạt động này đã mang lại nhiều điều bổ ích cho SV, giúp SV được tiếp cận với thực tiễn nhiều hơn [H8.08.04.08]. Để tạo điều kiện cho các em sinh viên được làm quen với nghề nghiệp sau này, Nhà trường và Khoa có kế hoạch và thực hiện các đợt thực tập cho sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 theo đúng chương trình học đã nêu của khối Cử nhân SPCN. Mỗi đợt thực tập Nhà trường và Khoa có thành lập đoàn kiểm tra thực tập SV đi thực tập tốt nghiệp cuối khoá tại các cơ sở [H8.08.04.10]. Kết quả thực tập sư phạm của mỗi sinh viên được đánh giá và các sinh viên đạt thành tích cao được khen thưởng, động viên kịp thời.

Đối với nhiệm vụ tư vấn việc làm cho người học, Trường giao cho Phòng CTCT&HSSV tham gia công tác tổ chức các dịch vụ hỗ trợ (trong đó có dịch vụ tư vấn việc làm), đầu mối xây dựng cơ sở dữ liệu cựu người học, liên hệ với cựu SV và các doanh nghiệp [H8.08.04.05]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức chương trình Ngày hội việc làm nhằm mục đích tạo ra cầu nối giúp sinh viên có cơ hội tiếp xúc, thể hiện năng lực bản thân và tìm kiếm cơ hội việc làm tại các đơn vị tuyển dụng. Thông qua sự kiện này, các bạn sinh viên còn được trải nghiệm thực tế cùng các cơ sở giáo dục uy tín, đồng thời được nghe chia sẻ về môi trường làm việc, cơ hội thách thức đối với các bạn trẻ trước sự đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường lao động hiện nay [H8.08.04.15]. Để hỗ trợ các hoạt động học tập, NCKH, rèn luyện của SV và quan trọng hơn là tạo cơ hội việc làm cho SV trong và sau khi học, Trường và Khoa đã ký kết nhiều hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp Bảng 8.4.1 [H8.08.04.05] và tổ chức các hoạt động trải nghiệm STEM cho các trường phổ thông nhằm mục tạo cơ hội để SV trải nghiệm và nâng cao kết quả học tập và rèn luyện [H8.08.04.05].

Bảng 8.4.1. Danh sách một số đơn vị hợp tác với khoa Hóa học

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
1	Viện kỹ thuật Nhiệt đới	Hợp tác trao đổi sinh viên nghiên cứu khoa học và đào tạo
2	Viện Hóa học	Hợp tác trao đổi sinh viên nghiên cứu khoa học và đào tạo
3	Viện Khoa học Vật liệu	Hợp tác trao đổi sinh viên nghiên cứu khoa học và đào tạo
4	Trường THPT Chuyên Sư phạm	Triển khai hoạt động trải nghiệm cho HS tại Khoa, triển khai các hoạt động NVSP tại các trường này.
5	Trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	
6	Các công ty sản xuất hóa chất	Hợp tác hỗ trợ sinh viên đi thực tế học tập

Nhà trường thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, giải thưởng đối với người học có thành tích học tập, NCKH và rèn luyện tốt theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình [H8.08.04.17], số lượng lớn SV nhận học bổng và trợ cấp được minh họa Bảng 8.4.2. Trong Sổ tay SV đã được phát cho SV đầu năm học cũng đã giới thiệu các học bổng, các giải thưởng NCKH, cũng như cơ hội du học. Đó là nguồn thông tin hỗ trợ bổ ích và là động lực cho SV cố gắng trong học tập, rèn luyện.

Bảng 8.4.2. Hỗ trợ học bổng và tài chính cho SV

TT	Năm	KKHT			TCXH			Tổng	Số HB KKHT	Số TCXH
		Ky I	Ky II	Ky 8	Ky I	Ky II	Ky 8			
1	2019-2020	2	4	1	1	1	2	11	7	4
2	2020-2021	1	5	0	0	0	0	6	6	0
3	2021-2022	4	10	0	0	0	0	14	14	0
4	2022-2023	11	14	1	1	4	0	31	26	5
5	2023-2024	14			5			19	14	5

Hàng năm, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến khảo sát sinh viên vừa tốt nghiệp nhằm đánh giá là hiệu quả đào tạo, sự hài lòng của sinh viên tốt nghiệp đối với toàn bộ khóa học

cũng như chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Đồng thời thu thập những ý kiến nhận xét, góp ý cho Nhà trường, Khoa có cơ sở điều chỉnh, cải tiến các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm ngày càng tốt hơn [H8.08.04.12; H8.08.04.13; H8.08.04.14; H8.08.04.15]. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy SVTN năm 2023 đánh giá khá tích cực về hoạt động tư vấn học tập, mức độ hài lòng của các nội dung đạt trên 95%. Đặc biệt, có các nội dung được sinh viên đánh giá rất tích cực như: “Trường/Khoa hỗ trợ sinh viên trong thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp”, “Nhà trường có những chính sách hỗ trợ kịp thời khi sinh viên gặp khó khăn”, “Thiết bị thể dục thể thao và sân vận động của trường đáp ứng nhu cầu học tập và giải trí”, “Các hoạt động học thuật (trong và ngoài CTĐT) giúp sinh viên có ý thức và kỹ năng học tập suốt đời” (đạt trên 95%).

Cũng trong báo cáo trên, tình hình việc làm SV ngay sau tốt nghiệp cho thấy SV ngành SP Hóa học sau khi ra trường đã làm việc ở nhiều khu vực: nhà nước, tư nhân, liên doanh cũng như tự tạo việc làm [H8.08.04.14]. Đây là những thông tin bổ ích cho định hướng trong công tác đào tạo, các hoạt động hỗ trợ cho người học trong tìm kiếm việc làm. Trong Sổ tay SV, cơ hội việc làm của người tốt nghiệp là rất lớn với nhiều vị trí việc làm, từ làm Giáo viên dạy Khoa học tự nhiên khối Tiểu học, THCS, giáo viên Hóa học bậc học THPT; Giảng viên Hóa học các chuyên ngành tại các trường ĐH, CĐ ngành Hóa học trên cả nước; Cử nhân hóa học ở doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cán bộ nghiên cứu tại các viện nghiên cứu. Những thông tin này được trình bày rõ trong các văn bản về tuyển sinh [H8.08.01.02; H8.08.01.02]. Do nhu cầu của thị trường lao động có nhiều biến động, các trường học và doanh nghiệp đang thiếu nhiều giáo viên khoa học tự nhiên, vì thế tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có cơ hội tìm kiếm được việc làm rất cao.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường, Khoa đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Các hoạt động hợp tác với các Trường phổ thông, tổ chức doanh nghiệp giáo dục, viện nghiên cứu, doanh nghiệp sản xuất... cũng mở ra cho SV nhiều cơ hội bồi dưỡng năng lực, cơ hội việc làm ngay cả trong quá trình học và sau tốt nghiệp.

3. Tồn tại:

Việc hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động khởi nghiệp, hoạt động nghiên cứu mở rộng còn một số khó khăn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức, hướng dẫn sinh viên tham gia các hoạt động khởi nghiệp, hoạt động nghiên cứu khoa học mở rộng.	P. CTCT&HSSV P. Đào tạo P. Quản lý khoa	Từ năm học 2023-2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
		Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp.	học; Khoa Hóa học	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các hoạt động hợp tác, các hoạt động cộng đồng, trải nghiệm, đầu tư vào truyền thông mạnh mẽ hơn.	Khoa; Liên chi đoàn - Hội SV, CVHT	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng:

Trường và Khoa có môi trường tâm lý, xã hội tốt, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường có đầy đủ cơ sở vật chất để phục vụ việc dạy và học ở trong trường như khu Hiệu bộ, khu giảng đường, khu KTX, sân vận động cỡ lớn theo chuẩn quốc gia, được thể hiện rõ ở sơ đồ của Trường và của Khoa [H8.08.05.01; H8.08.05.02; H8.08.05.03]. Nhà trường và Khoa luôn quán triệt tư tưởng và hành động để tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, tạo tâm lý thoải mái cho GV và SV trong Khoa. Các dịch vụ hỗ trợ cho người học đều công khai, chi tiết trong Sổ tay SV, giúp người học tại khoa, tại trường luôn yên tâm khi cần tìm sự hỗ trợ cho việc học tập và rèn luyện trong suốt quá trình học của mình [H8.08.03.19].

Cảnh quan của trường luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi, nâng cao tính sáng tạo cho tất cả các đối tượng trong toàn cơ sở giáo dục. Khuôn viên trường được chia thành các khu chuyên biệt: Khu Hiệu bộ, khu giảng đường, khu KTX, sân vận động, các hội trường và thư viện. Các khu vực này được bố trí một cách khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Thư viện Trường với tòa nhà tách biệt, hiện đại với nhiều đầu sách luôn được cập nhật. Các khu vực này đều được lắp đặt hệ thống Wifi kết nối Internet do đó tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học [H8.08.05.01]. Khu KTX được xây dựng trong khuôn viên của Trường, không quá xa với khu giảng đường nên tạo thuận lợi trong việc di chuyển của SV. Ngay cạnh khu KTX, sân vận động phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tập thể và nâng cao sức khỏe SV [H8.08.05.01]. Khoa Hóa học được bố trí ở tòa nhà A4, gần KTX, sân vận động, khu giảng đường A2, sân vận động thuận lợi cho công tác giảng dạy của GV và học tập NCKH của SV [H8.08.05.03]. Các PTN đều có những nội quy đảm bảo an toàn trong quá trình thực hành, vận hành các thiết bị, dụng cụ nghiên cứu chuyên biệt [H8.08.05.15]. Đặc biệt, Khoa có cơ sở phòng Thí nghiệm hiện đại, giúp SV có thể NCKH ngay tại Khoa và làm các thực nghiệm quan trọng [H8.08.05.15; H8.08.05.03]. Trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, tượng đài, ghế đá, khu tập

luyện thể thao, nhà thi đấu, có các hội trường lớn, thuận lợi cho mọi mặt hoạt động của SV [H8.08.05.01].

Trường ngày càng phát triển cả về quy mô và số lượng SV, nhu cầu khám chữa bệnh cho học sinh, SV cũng vì thế tăng lên. Nhà trường có Trạm Y tế chuyên biệt, các điều kiện về đội ngũ y bác sỹ và cơ sở vật chất đảm bảo khám, chữa bệnh ban đầu trước khi chuyển tuyến [H8.08.05.04]. Trạm Y tế đặt ngay trong KTX SV [H8.08.05.01]. Nhà trường còn tổ chức khám sức khỏe cho tất cả SV sau khi nhập học và trước khi tốt nghiệp và khám sức khỏe định kỳ cho SV [H8.08.05.04]. Thông tin về hoạt động của Trạm y tế, các kế hoạch khám bệnh khi nhập học, trong quá trình học và trước khi tốt nghiệp được trình bày rõ trong Sổ tay SV người học có thể tiếp cận ngay khi có nhu cầu khám chữa bệnh [H8.08.03.19].

Các phòng ở KTX khép kín với đầy đủ giường, bàn ghế học tập, quạt mát, điện chiếu sáng, hòm đựng đồ. KTX có khu dành cho lưu học sinh nước ngoài với sức chứa 400 SV, các phòng ở của lưu học sinh còn có thêm ti vi, nóng lạnh. Tại các nhà mỗi tầng của các nhà KTX đều có một phòng phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của SV nội trú. Có 03 nhà ăn tập thể đảm bảo vệ sinh phục vụ SV. Nhà trường lắp camera giám sát an ninh, hệ thống mạng internet Wifi tại các phòng khách và SV. Khuôn viên của KTX đã được Nhà trường đầu tư xây dựng thảm cỏ, thảm hoa, cây bóng mát và được cắt tỉa thường xuyên. Hệ thống đường giao thông đi lại trong KTX, sang giảng đường và từ cổng trường vào các khối nhà đều được trải nhựa, hai bên có hệ thống chiếu sáng bằng đèn cao áp. KTX thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao định kỳ được người học hưởng ứng [H8.08.05.05].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao văn nghệ chung toàn trường, như giải bóng đá, bóng chuyền học sinh, SV, hội thao văn nghệ toàn trường chào mừng Ngày nhà giáo Việt Nam [H8.08.05.11], điều này giúp gắn kết chặt chẽ hơn tình cảm của thầy cô giáo, sinh viên, các nhân viên hỗ trợ. Khoa Hóa học luôn tham gia đầy đủ các nội dung thi đấu với các đội bóng đá nam, bóng đá nữ, bóng chuyền nam, bóng chuyền nữ, các đội luôn thi đấu tích cực, đạt được các kết quả cao và đây cũng là dịp giao lưu, gắn kết giữa các thành viên trong Khoa và giữa các Khoa trong Trường. Những hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ trên đã thu hút được đông đảo SV Khoa tham gia góp phần vào rèn luyện sức khỏe, tăng tinh thần đoàn kết cũng như tạo sân chơi bổ ích cho người học. Hàng năm Khoa cũng thường xuyên tổ chức tổng kết và khen thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên; từ đó động viên, khuyến khích SV tham gia các hoạt động tập thể [H8.08.05.11]. Liên chi đoàn – Liên chi Hội Khoa luôn có nhiều ý tưởng sáng tạo tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và NCKH, các hoạt động tình nguyện..., Các hoạt động này luôn nhận được sự hưởng ứng của SV, tạo môi trường thân thiện, giao lưu, cởi mở và đã hỗ trợ tích cực cho các hoạt động học tập, NCKH [H8.08.05.11]. Đối với SV nội trú, Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt nhất cho SV ăn ở, sinh hoạt, học tập tại KTX theo quy định của Quy chế công tác Học sinh, SV nội trú của Bộ GD&ĐT [H8.08.05.05]. Trường có Ban Bảo vệ chuyên trách làm nhiệm

vụ bảo vệ tài sản, an ninh trật tự của trường, có lịch phân trực cụ thể 24/24 [H8.08.05.17]. SV Trường nói chung và CTĐT nói riêng được sống và học tập trong môi trường an toàn, lành mạnh, Nhà trường không xảy ra các sự vụ gây mất an ninh trật tự.

Vấn đề phòng cháy, chữa cháy luôn được Nhà trường chú ý. Trường thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy hàng năm. Hệ thống báo cháy, thiết bị chữa cháy được trang bị đầy đủ cho các khu giảng đường, phòng làm việc trong Nhà trường. Trường đã tổ chức diễn tập thường xuyên cho SV về công tác phòng cháy, chữa cháy. Công tác kiểm tra, đánh giá được cơ quan chức năng thực hiện thường xuyên [H8.08.05.06]. Công tác này tạo môi trường an toàn cho người học trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện.

Hàng năm, Trường tổ chức đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường, Đoàn thanh niên với đại diện học sinh, SV và khảo sát/lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong cơ sở giáo dục [H8.08.05.09]. Kết quả khảo sát năm vừa qua cho thấy: Khoa Hóa học cũng đã tiến hành lấy ý kiến của các GV, nhân viên trong Khoa cho thấy: trên 80% hài lòng về phương án bố trí phòng làm việc, diện tích phòng làm việc, và về các điều kiện trang bị trong phòng làm việc [H8.08.05.14]. Về vấn đề an toàn, vệ sinh các khu giảng đường PTN, an toàn phòng chống cháy nổ và tư vấn chăm sóc sức khỏe, kết quả cho thấy: trên 90% cán bộ GV đánh giá tốt và rất tốt vấn đề vệ sinh và an toàn ở các khu giảng đường và PTN, về thiết bị phòng chống cháy nổ cũng như về sự tư vấn hỗ trợ của đội ngũ cán bộ y tế [H8.08.05.04]. Các hoạt động trên cho thấy Nhà trường và khoa luôn có kế hoạch nhằm điều chỉnh và đảm bảo một cách tốt nhất cho Môi trường tâm lý XH, cảnh quan trong trường được thuận lợi nhất cho công tác của người học và cán bộ trong trường cũng như các bên liên quan. Phân tích cũng cho thấy ý thức giữ gìn cơ sở vật chất của sinh viên là tốt và gương mẫu.

2. Điểm mạnh:

Người học được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội; tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện; thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT. SV CTĐT luôn có ý thức giữ gìn cơ sở vật chất; tuân thủ các quy định về ứng xử trong cơ sở giáo dục; có ý thức bảo vệ môi trường, Phòng cháy chữa cháy; tuân thủ mọi quy định của Pháp luật. Các hoạt động đa dạng của Đoàn thanh niên trường, khoa là câu nổi tinh thần tốt cho SV.

3. Tồn tại:

Chưa thu thập được nhiều khảo sát lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch khảo sát, điều tra, thu thập thông tin phản hồi của người	KTX, Phòng CTCT&HSSV,	Từ năm học 2023- 2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
		học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội của Nhà trường, Khoa	Giáo vụ Khoa, TT ĐBCL	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng môi trường thân thiện, trong lành, an toàn, phù hợp với các hoạt động học tập, nghiên cứu	Phòng Quản trị, Khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học trong những năm qua đã được Nhà trường và khoa Hóa học xác định rõ ràng. Ngay từ đầu, Nhà trường, Khoa đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, công khai và cập nhật thường xuyên. Nhà trường và Khoa luôn chú trọng các khâu hỗ trợ người học, giúp người học hoàn thành CTĐT và có thể có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Đội ngũ GV, đội ngũ hỗ trợ của Nhà trường và Khoa luôn thường xuyên theo dõi sự tiến bộ của người học để giúp người học kịp thời điều chỉnh. Ngoài ra, Nhà trường luôn chú trọng xây dựng những môi trường học tập thoải mái, phát huy sự sáng tạo của SV. Các khu vực học tập, làm việc được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Nhà trường luôn thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan (SV, GV, cán bộ) làm cơ sở để chỉnh sửa hoặc nâng cấp môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan .

Tồn tại chủ yếu: Một số hoạt động như tư vấn tuyển sinh tại các trường phổ thông, kết nối giữa gia đình sinh viên và nhà trường, một số hoạt động khởi nghiệp vẫn chưa có được những kết quả như mong muốn.

Kế hoạch hành động: Từ năm 2025: Trường ĐHSPHN, khoa Hóa học sẽ có kế hoạch tư vấn tuyển sinh tại các trường, sẽ tăng cường kết nối với gia đình sinh viên để tạo điều kiện tốt nhất cho việc học của sinh viên, tổ chức các hoạt động khởi nghiệp, đồng thời lấy ý kiến sinh viên trong việc xây dựng môi trường cảnh quan sư phạm.

Đánh giá tiêu chuẩn 8

Tiêu chuẩn 8	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 8.1					X		
Tiêu chí 8.2					X		
Tiêu chí 8.3					X		
Tiêu chí 8.4					X		
Tiêu chí 8.5					X		
Điểm tiêu chuẩn	5,00						

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo cho việc triển khai và thực hiện được CTĐT; đảm bảo cho việc thực hiện được các mục tiêu đào tạo và đạt được CDR của CTĐT là cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. Trường ĐHSP Hà Nội đã trang bị một hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị gồm: Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng nghiệp vụ, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thiết bị Công nghệ thông tin, tài liệu, học liệu, giáo trình cho các CTĐT thuộc hệ đại học và sau đại học, trong đó có CTĐT Cử nhân sư phạm hóa học. Đây chính là một trong những điều kiện thuận lợi giúp cho việc thực hiện thành công CTĐT này.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã bố trí cho Khoa Hóa học hệ thống phòng làm việc của Ban Chủ nhiệm Khoa, Văn phòng Khoa, các Bộ môn tập trung tại nhà A4 và A2. Hệ thống phòng học dành cho CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học được Nhà trường bố trí ở các tòa nhà A2, A4 và K1. Các phòng làm việc, phòng họp, phòng chức năng và phòng học được trang bị đầy đủ các trang thiết bị và đáp ứng được nhu cầu dạy-học và làm việc của cán bộ, GV và người học. [H9.09.01.01]. Các phòng làm việc có diện tích phù hợp, được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ đựng tài liệu, máy tính với các phần mềm văn phòng, máy in và điều hòa không khí. Phòng họp chung cho cả Khoa được trang bị quạt trần, điều hòa không khí và bàn ghế có sức chứa 70 người, phòng họp và sinh hoạt của các bộ môn được trang bị quạt trần, bàn ghế với sức chứa 10-15 người và được trang bị tủ đựng tài liệu [H9.09.01.02].

Hệ thống phòng học với các trang thiết bị cơ bản phục vụ đào tạo Cử nhân Sư phạm Hóa học gồm: bàn ghế, quạt trần, điều hòa không khí, bảng viết phấn, màn chiếu, máy chiếu, loa, micro, cổng kết nối internet [H9.09.01.01]. Bên cạnh các phòng học, Khoa Hóa học được trang bị 01 phòng nghiệp vụ sư phạm ở tầng 4 nhà A4, có sức chứa 30 người [H9.09.01.01]. Phòng nghiệp vụ được trang bị các thiết bị cơ bản như phòng học, giúp cho sinh viên có thể chủ động thực hiện việc tập giảng.

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của đơn vị sử dụng CSVC và trang thiết bị, Nhà trường đã có kế hoạch và kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kịp thời CSVC và trang thiết bị đảm bảo cho việc triển khai CTĐT. Nhà trường đã tổ chức khảo sát ý kiến hài lòng của SV vừa tốt nghiệp về hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm và các phòng chức năng cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của SV.

Năm học 2019-2020, tầng 4 nhà A2 được cải tạo sửa chữa để chuyển bộ môn Hóa Hữu cơ từ tầng 4 nhà A3 [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]. Công tác cải tạo đã hoàn thiện và được đưa vào sử dụng. Trung tâm Phân tích và Chuyển giao công nghệ đã được thành lập và đi vào hoạt động từ đầu năm 2020. Qua các bản báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm học gần đây (từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024) cho thấy các trang thiết

bị thường xuyên được rà soát, kiểm tra để phục vụ cho công tác đào tạo, làm việc của các cán bộ, sinh viên được tốt nhất [H9.09.01.05].

Dự án tòa nhà Khoa học Tự nhiên – Giảng đường A1 đã được khởi công xây dựng và đang trong giai đoạn hoàn thiện để đưa vào sử dụng. Tòa nhà Khoa học Tự nhiên A1 có các phòng làm việc của BCN Khoa, LCD Khoa, các Bộ môn, phòng họp của Hội đồng Khoa và toàn Khoa, các phòng thí nghiệm phục vụ sinh viên và các phòng nghiên cứu [H9.09.01.06], [H9.09.01.07], [H9.09.01.08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm và các phòng chức năng khác được trang bị đủ trang thiết bị để phục vụ và hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Tôn tại:

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng thí nghiệm của Khoa được bố trí tại các nhà từ A2 và A4 là các khu nhà được xây dựng từ năm 1958 đã xuống cấp, ảnh hưởng đến việc học của SV và công việc của CBGV..

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2024-2025, Trường sẽ có kế hoạch đưa vào sử dụng tòa nhà Khoa học Tự nhiên A1, trong đó có các phòng làm việc của BCN Khoa, LCD Khoa, các Bộ môn, phòng họp của Hội đồng Khoa và toàn Khoa, các phòng thí nghiệm phục vụ sinh viên và các phòng nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng:

Trung tâm TTTV của Trường được bố trí ở tòa nhà 4 tầng với hệ thống các phòng chuyên môn bao gồm phòng nghiệp vụ, phòng mượn, phòng đọc, phòng tin học được trang bị đầy đủ các trang thiết bị và CSVC cần thiết: bàn ghế, máy tính, các phần mềm tra cứu, máy in, máy photocopy, ... Trung tâm TTTV đã ban hành các quy định, nội quy, hướng dẫn công tác phục vụ bạn đọc được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử [H9.09.02.01].

Hiện nay, đội ngũ cán bộ chuyên môn của Trung tâm Thông tin - Thư viện gồm 30 cán bộ, nam chiếm 20% (6/30). Cơ cấu tổ chức gồm có: Ban Giám đốc (02 cán bộ); 02 Tổ chuyên môn: Tổ Nghiệp vụ - Tin học; Tổ Phục vụ bạn đọc; ngoài ra còn có 03 nhân viên bảo vệ và vệ sinh. Về trình độ, 100% cán bộ chuyên môn có trình độ cử nhân trở lên trong đó có 13 ThS chiếm 43,3%. Hàng năm, Trung tâm thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học do Nhà trường và các cơ quan thông tin thư viện tổ chức [H9.09.02.02].

Hệ thống giáo trình, sách tham khảo, tạp chí, luận văn, luận án, ... của Trung tâm đảm bảo cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV, SV thuộc CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa

học. Hàng năm, Trung tâm TTTV và Khoa Hóa học phối hợp lập kế hoạch và mua sắm bổ sung, cập nhật nguồn học liệu để đáp ứng nhu cầu của GV và SV thuộc CTĐT.

Trung tâm TTTV có sử dụng phần mềm giám sát và thống kê số lượng GV, SV sử dụng nguồn học liệu và các dịch vụ của Thư viện, số lượng truy cập Thư viện online. Trung tâm TTTV đã kết nối với thư viện của các cơ sở giáo dục, cơ sở dữ liệu với Cục Thông tin khoa học Quốc gia, các nhà xuất bản trong và ngoài nước (Vista, Tạp chí Hóa học, ...) [H9.09.02.03], [H9.09.02.04], [H9.09.02.05], [H9.09.02.06]. Hàng năm nhà trường giành cho Trung tâm một khoản kinh phí nhất định để bổ sung tài liệu. Trong mấy năm gần đây, ngoài các tài liệu truyền thống, Trung tâm đã bổ sung nguồn tin điện tử đáp ứng nhu cầu của bạn đọc trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu... [H9.09.02.02], [H9.09.02.07]

Công tác phục vụ bạn đọc trong năm học 2022-2023 như sau: Tổng số lượt bạn đọc là 82.713; tổng số lượt tài liệu bản in là 11.917; tổng số lượt tài liệu điện tử là 31.860 tài liệu [H9.09.02.02]. Hiện nay, trung tâm thông tin thư viện Trường có đầy đủ các giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho chương trình đào tạo của khoa Hóa học, đảm bảo phục vụ cho các hệ đào tạo Cử nhân Sư phạm Hóa học [H9.09.02.08], [H9.09.02.09], [H9.09.02.10], [H9.09.02.11], [H9.09.02.12].

Hàng năm, Trung tâm TT-TV có nguồn kinh phí thường xuyên dùng cho mua sắm thiết bị và tài liệu [H9.09.02.13]. Những năm gần đây, từ năm 2019-2020, Nhà trường đầu tư mua thêm cơ sở dữ liệu điện tử Turnitin với tính năng chính giúp kiểm tra nội dung trùng lặp trong bản thảo với nguồn cơ sở dữ liệu của 60 tỉ trang web, 165 triệu công trình nghiên cứu từ hơn 590 nhà xuất bản học thuật uy tín và 750 triệu bài luận SV trên toàn cầu [H9.09.02.14], [H9.09.02.15], [H9.09.02.16].

Hàng năm, TT TT-TV ra thông báo bổ sung tài liệu; các Khoa trong đó có khoa Hóa học lập danh sách các tài liệu cần bổ sung gửi TT TT-TV; Nhà trường căn cứ vào nguồn tài chính của trường và nhu cầu bổ sung tài liệu thực tế của Khoa để mua tài liệu bổ sung; cuối cùng TT TT-TV sẽ ra thông báo công khai những tài liệu đã được mua bổ sung đến toàn thể cán bộ, SV, học sinh trong toàn trường. [H9.09.02.17], [H9.09.02.18], [H9.09.02.19], [H9.09.02.20], [H9.09.02.21].

Trung tâm thống kê và theo dõi việc sử dụng tài liệu thông qua phần mềm Libol 8.0 của Công ty Công nghệ Tin học Tinh Vân (với 9 module chính là: Bổ sung, Biên mục, Bạn đọc, Lưu thông, Suru tập số, OPAC, Định kì, ILL, Quản lý) hoạt động đã tiết kiệm thời gian công sức của cán bộ thư viện. Những ấn phẩm mới và những ấn phẩm được tra cứu nhiều nhất luôn được cập nhật trên phần mềm tra cứu của TT TT-TV. Các phòng chức năng của Trung tâm có thể dễ dàng thống kê số lượt bạn đọc và số lượt tài liệu được mượn, trả; cũng như quản lý từng tài liệu SV đã mượn [H9.09.02.22], [H9.09.02.23].

Hàng năm, Nhà trường dành một phần kinh phí để mua thẻ “Bạn đọc đặc biệt” cho cán bộ của trường được cung cấp tài khoản để truy cập vào cơ sở dữ liệu trực tuyến tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia [H9.09.02.24], [H9.09.02.25], [H9.09.02.26], [H9.09.02.27], [H9.09.02.28], [H9.09.02.29].

Trung tâm mở rộng quan hệ hợp tác với các thư viện trong nước để chia sẻ nguồn dữ liệu như với Quỹ Châu Á – Thái Bình Dương thông qua Thư viện Quốc gia Việt Nam, hợp tác với Liên hiệp Thư viện các trường Đại học khu vực phía Bắc, Thư viện Quốc gia Việt Nam, Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, các Trường đại học và các Viện nghiên cứu...Trung tâm cũng có nguồn tài liệu tặng cho các cơ quan tổ chức như: Trường ĐHSPTN II, Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thanh Trì, Trường Đại học Thủ Đô, Thư viện Read and Go tỉnh Sơn La, ...[H9.09.02.30]. Ngoài ra, TT TT-TV còn thường xuyên kết hợp với các đơn vị trong và ngoài trường tổ chức các Hội thảo chuyên đề, Triển lãm trưng bày giới thiệu sách. Với những đóng góp của mình, TT TT-TV đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen như: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bằng khen Thành tích xuất sắc trong hoạt động Liên chi hội Thư viện các Trường Đại học Khu vực phía Bắc, giấy khen tập thể tiên tiến... [H9.09.02.31].

Việc khảo sát ý kiến bạn đọc được tiến hành thường xuyên hàng năm giúp đánh giá được mức độ hài lòng cũng như nhu cầu thực sự của bạn đọc để từ đó cải tiến phương thức, thái độ phục vụ giúp hoạt động của TT TT-TV ngày càng hiệu quả hơn [H9.09.02.32].

2. Điểm mạnh:

- Có diện tích rộng, không gian thoáng đãng, đủ tiện ích, cơ sở vật chất phù hợp với môi trường học tập, nghiên cứu.

- Có đa dạng các loại hình tài liệu và sản phẩm thông tin phù hợp với với nhiều đối tượng người sử dụng.

- Các hoạt động của Thư viện được tổ chức qui củ: Đào tạo người dùng tin, Điều tra nhu cầu tin, hàng năm lấy ý kiến bổ sung tài liệu; có hướng dẫn, chỉ dẫn, sơ đồ, nội qui và các thông báo đầy đủ các thông tin tới bạn đọc trên nhiều kênh thông tin.

- Đã tạo lập các kênh truyền thông phù hợp với thị hiếu người sử dụng, thường xuyên giới thiệu tài liệu mới, tuyên truyền các ngày lễ lớn.

- Đã tạo lập được tiện ích tra cứu Tài liệu số trên điện thoại thuận tiện cho người sử dụng tài liệu mọi lúc, mọi nơi.

3. Tồn tại:

- Các tài liệu điện tử chưa được bổ sung đều đặn do hạn chế về nguồn kinh phí.

- Các kết nối, chia sẻ tài liệu chưa có hệ thống do kỹ thuật và yêu cầu của phần mềm chưa tương thích.

- Cần tăng cường bổ sung các giáo trình điện tử để thuận tiện cho việc nghiên cứu, học tập của sinh viên.

- Tăng cường kết nối với giảng viên trong việc cung cấp các bài giảng môn học khi chưa có giáo trình điện tử.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Xin tăng kinh phí trang bị nguồn tài liệu mới. - Nâng cấp phần mềm phát triển thư viện điện tử đảm bảo tương thích với nhiều cách sử dụng. - Kết nối Thư viện điện tử chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế. - Có chính sách khuyến khích Giảng viên chia sẻ tài liệu của bài giảng các môn học. 	TT TT-TV Phòng KH-TC	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục số hóa thêm các dạng tài liệu như tạp chí, đề tài NCKH, ...	TT TT-TV	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng:

Khoa Hóa học được nhà trường trang bị cho 06 phòng thí nghiệm thực hành phục vụ cho việc đào tạo: 01 phòng thực hành hóa vô cơ tại tầng 2 nhà A4; 01 phòng thực hành hóa công nghệ, môi trường tại tầng 3 nhà A4; 01 phòng thực hành phương pháp dạy học bộ môn hóa học tại tầng 3 nhà A4; 01 phòng thực hành hóa phân tích tại tầng 4 nhà A4; 01 phòng thực hành hóa hữu cơ tại tầng 4 nhà A2 và 01 phòng thực hành hóa lí tại tầng 2 nhà A2 [H9.09.03.01]. Các phòng thực hành có cơ sở vật chất tốt (có hệ thống quạt mát, quạt thông gió, ổ cắm điện, đường ống dẫn nước, bồn rửa, ...) và được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phù hợp cho việc thực hành trong CTĐT [H9.09.03.02]. Các phòng thực hành đều được phân công 01 cán bộ phụ trách chính (Trưởng PTH) và 01 GVTH hỗ trợ quản lý PTH; có nội quy cho từng PTH [H9.09.03.03]. Hàng năm trường đều dành kinh phí cho việc mua bổ sung hóa chất và một số dụng cụ, thiết bị cơ bản phục vụ cho giảng dạy [H9.09.03.04].

Bên cạnh đó, Khoa Hóa học còn được trang bị 05 phòng thí nghiệm chuyên đề phục vụ nghiên cứu chuyên sâu đặt tại các Bộ môn: Hóa học lí thuyết và Hóa lí (tầng 2 nhà A2); Hóa học Hữu cơ (tầng 4 nhà A2); Hóa học Vô cơ (tầng 2 nhà A4), Hóa môi trường (tầng 3 nhà A4) và Hóa học phân tích (tầng 4 nhà A4). Cùng với các thiết bị cơ bản, các phòng thí

nghiệm chuyên sâu còn được trang bị một số máy móc hiện đại phục vụ công việc nghiên cứu của GV và SV [H9.09.03.05]. Các thiết bị, máy móc hiện đại đều được quản lý, vận hành và khai thác bởi các cán bộ có chuyên môn phù hợp và đều có sổ nhật ký theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng trang thiết bị [H9.09.03.06]. Ngoài các cán bộ được phân công trực tiếp phụ trách từng thiết bị, khoa Hóa học còn có 01 trợ lý thiết bị có nhiệm vụ hỗ trợ Khoa quản lý toàn bộ hệ thống CSVC, thiết bị của Khoa. Qua báo cáo tổng kết hàng năm của khoa và báo cáo kết quả khảo sát hiệu quả, chất lượng đào tạo sinh viên vừa tốt nghiệp hàng năm của Trung tâm đảm bảo chất lượng của Trường cho thấy hệ thống phòng thí nghiệm đã đáp ứng được các nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV cũng như của GV giảng dạy [H9.09.03.07].

2. Điểm mạnh:

- Phòng thí nghiệm thực hành được trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị cơ bản, phù hợp với CTĐT và được cấp kinh phí thường xuyên cho việc mua bổ sung hóa chất và một số dụng cụ, thiết bị cơ bản.

- Phòng thí nghiệm nghiên cứu chuyên sâu được trang bị một số máy móc, thiết bị hiện đại, được vận hành bởi cán bộ có chuyên môn phù hợp.

3. Tồn tại:

- Các phòng thí nghiệm được bố trí ở các tòa nhà A2, A4, đã xuống cấp nên ảnh hưởng đến không gian làm việc.

- Chưa có nguồn kinh phí ổn định thường xuyên dành cho việc duy tu, bảo dưỡng và mua bổ sung các thiết bị tại các phòng nghiên cứu chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Chuyển các phòng thí nghiệm thực hành và nghiên cứu chuyên sâu sang tòa nhà A1 (đang xây dựng). - Tìm kiếm các nguồn kinh phí cho các phòng thí nghiệm chuyên sâu thông qua các đề tài, dự án	- Phòng Quản trị. - Phòng KHCN - Khoa Hóa học	Từ năm 2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì nguồn kinh phí thường xuyên cho các phòng thực hành - Tiếp tục duy trì việc vận hành và quản lý thiết bị hiện đại	- Phòng KHTC - Khoa Hóa học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật đến hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng:

Hiện nay Nhà trường có 1023 máy tính để bàn và máy tính xách tay, trong đó có 883 máy tính ở thư viện, ở các khoa và các bộ môn nhằm phục vụ quản lý, đào tạo và NCKH, 140 máy tính ở các phòng ban và ban quản lý kí túc nhằm phục vụ công tác quản lý. Tại thư viện có 70 máy phục vụ tra cứu, học tập của bạn đọc. Nhà trường có 15 phòng máy đặt tại nhà K1 với tổng số 396 máy tính phục vụ đào tạo tập trung các môn như tiếng Anh, tin học và học trực tuyến. Ở khoa Hóa học hiện nay có hệ thống máy tính bao gồm các máy dùng cho văn phòng và máy tính kết nối với các máy đo hiện đại ở các phòng thí nghiệm nghiên cứu chuyên sâu. Nhà trường đã đầu tư kinh phí để xây dựng mạng lưới CNTT hiện đại và đồng bộ. Tất cả các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu, thư viện và KTX đều có mạng Internet [H9.09.04.01]. Nhà trường nói chung và khoa Hóa học nói riêng đều có website, các cổng thông tin trên hệ thống website đã hỗ trợ phục vụ đắc lực cho công tác đào tạo, NCKH và các công tác khác của Nhà trường (<http://hnue.edu.vn/> ; <http://chem.hnue.edu.vn/>). Để vận hành hệ thống công thông tin điện tử và mạng internet đồng bộ và thông suốt, Nhà trường đã đề ra các quy chế hoạt động của công thông tin điện tử [H9.09.04.02], quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H9.09.04.03] và hướng dẫn quy trình quản lý, bảo trì hệ thống CNTT của trường [H9.09.04.04]. Bên cạnh đó, để chuyên nghiệp hóa công tác đào tạo, Nhà trường đã đầu tư kinh phí mua phần mềm quản lý tổng thể trường đại học để phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và học tập [H9.09.04.05]. Không chỉ đối với người học, Nhà trường cũng đã sử dụng phần mềm để quản lý giờ giảng dạy, giờ NCKH, giờ thực hiện các nhiệm vụ khác của GV (<https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login>) và phần mềm giúp GV quản lý việc giảng dạy (điểm danh, nhập điểm chuyên cần, điểm kiểm tra, <https://hrm.hnue.edu.vn/login.html>).

Nhà trường cũng chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ học trực tuyến, người học có thể học online qua hệ thống học trực tuyến của trường tại địa chỉ: <http://lms.hnue.edu.vn> và cst.hnue.edu.vn. Để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, nhà trường đã xây dựng đề án và được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt đầu tư Dự án “Triển khai công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy, học tại các cơ sở giáo dục đại học” [H9.09.04.06]. Trong giai đoạn dịch Covid, nhà trường đã xây dựng hệ thống <http://fitel.hnue.edu.vn> để cung cấp các bài giảng qua mạng cho SV cũng như hỗ trợ GV giảng dạy, kiểm tra đánh giá và thống kê số liệu học tập. Nhà trường đã nâng cấp và xây dựng 06 phòng họp/học trực tuyến (meeting/learning online room) để phục vụ việc họp và giảng dạy online trong điều kiện phòng chống dịch Covid-19 [H9.09.04.07].

Nhà trường cũng đã thành lập Trung tâm CNTT để làm công việc chuyên trách quản lý CNTT cho cả trường [H9.09.04.08]. Để duy trì hoạt động của hệ thống trang thiết bị CNTT hiện có, Nhà trường luôn có thông báo để khuyến nghị các đơn vị kiểm tra, rà soát và đề xuất sửa chữa.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học, quản lý đào tạo, KH-TC, quản lý nhân sự, học viên, sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Toàn thể cán bộ, GV và người học có thể được truy cập internet tại các giảng đường, PTN, phòng nghiên cứu và trong khu kí túc xá.

3. Tồn tại:

Nền tảng CNTT còn chưa đồng bộ, chưa thống nhất để tăng tính liên thông, tăng hiệu quả hỗ trợ đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đồng bộ hóa các nền tảng CNTT trong đào tạo.	Trung tâm CNTT, Phòng KHCN, Phòng KH-TC, Khoa Hóa học	Từ năm 2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát, sửa chữa và nâng cấp thiết bị dạy học, tin học hoá. - Tăng cường tập huấn cho cán bộ, GV và người học sử dụng các thiết bị CNTT hỗ trợ giảng dạy và đào tạo.	Trung tâm CNTT, Phòng KHCN, Phòng KH-TC, Khoa Hóa học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã triển khai hiệu quả các văn bản chính sách của nhà nước, các bộ ngành nhằm bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu, các khu làm việc cũng như tại KTX [H9.09.05.01]. Trên cơ sở tiếp thu tinh thần chỉ đạo của các cấp, Nhà trường đã ban hành các nội quy, quy định về an toàn sức khỏe và môi trường làm việc cho cán bộ, GV, người học và các bên liên quan, bên cạnh các quy định chung của Nhà trường, khoa Hóa học cũng ban hành nội quy, quy định cụ thể cho từng phòng thực hành [H9.09.05.02]. Nhà trường cũng ban hành quy định các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn vệ sinh lao động [H9.09.05.03], quy định về phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.04].

Nhà trường có Phòng bảo vệ được thành lập và hoạt động theo quy định của Chính phủ và Bộ công an [H9.09.05.05], cán bộ, nhân viên phòng bảo vệ được phân công trực 24/24 nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản cho toàn Trường và khu vực kí túc xá

[H9.09.05.06]. Đội ngũ bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [H9.09.05.07]. Không chỉ chủ động trong công việc của mình, Phòng Bảo vệ đã có liên kết, phối hợp tốt với Công an Phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh của khu vực [H9.09.05.06]. Nhờ những thành tích này mà Phòng bảo vệ đã nhận được nhiều giấy khen của chính quyền và công an địa phương [H9.09.05.08].

Nhà trường đã ban hành các quy định phòng cháy chữa cháy, thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy, đội phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.04; H9.09.05.09]. Các khu giảng đường, kí túc xá, phòng thí nghiệm đều có cửa thoát hiểm, có bình cứu hỏa, hàng năm Nhà trường đều phối hợp với các đơn vị chức năng kiểm tra thiết bị phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.10], nhằm nâng cao nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cán bộ và SV, Nhà trường cũng đã cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.07], xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy ở cơ sở [H9.09.05.11] cũng như có kế hoạch tổ chức phổ biến, quán triệt công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H9.09.05.12]. Bên cạnh các hoạt động thường ngày, trong các dịp nghỉ lễ tết, Nhà trường luôn có các thông báo hướng dẫn các đơn vị đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ [H9.09.05.13].

Nhà trường cũng đã thực hiện tốt nhiều chính sách và biện pháp nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ GV và người học. Nhà trường có trạm y tế với những quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể [H9.09.05.14]. Các cán bộ y tế luôn được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, ngoài lịch trực cố định, trạm y tế còn bố trí cán bộ trực thêm ngoài giờ để duy trì chế độ trực ban 24/24 nhằm hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ GV và người học [H9.09.05.15]. Bên cạnh đó định kì hàng năm Trường đều tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, viên chức [H9.09.05.16] và sinh viên [H9.09.05.17] cũng như tổ chức mua bảo hiểm y tế bắt buộc cho sinh viên [H9.09.05.18].

Nhà trường đã thành lập Ban an toàn vệ sinh lao động [H9.09.05.19], ban hành các quy định về an toàn vệ sinh lao động [H9.09.05.03], ngoài ra để đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường của các khu làm việc, Nhà trường đã thường xuyên có thông báo và tổ chức phun thuốc phòng dịch bệnh [H9.09.05.20].

Nhà trường đã thuê đội ngũ nhân viên vệ sinh chuyên trách làm công tác dọn vệ sinh chung tại khuôn viên Trường, các giảng đường, thư viện,... Việc làm vệ sinh tại phòng học được thực hiện sau mỗi buổi học [H9.09.05.21].

Nhà trường cũng đã thuê công ty có chức năng về xử lý môi trường để vận chuyển và xử lí các hóa chất thải nguy hại từ các phòng thí nghiệm thực hành và nghiên cứu của Khoa Hóa học, nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn hóa chất cho cán bộ và sinh viên của khoa [H9.09.05.22].

Đối với những tòa nhà cũ (xây từ trước năm 2000) thì không có những lưu ý hỗ trợ người khuyết tật. Những khu nhà mới xây, Nhà trường có chú trọng đến vấn đề bằng việc bố trí thang máy ví dụ như hội trường 11-10, nhà K1, nhà D, nhà V, nhà hiệu bộ, trung

tâm học liệu, khu KTX A12. Ở một số ngôi nhà như nhà K1, hội trường 11-10 và KTX A12, xe lăn của người khuyết tật có thể dễ dàng đi vào cầu thang máy [H9.09.05.23].

2. Điểm mạnh:

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lý KTX, Ban quản lý giảng đường, cán bộ Trạm y tế được phân công nhiệm vụ cụ thể, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe cho người dạy và người học được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

3. Tồn tại:

Một số toà nhà cũ chưa có thang máy, chưa có hệ thống tiện ích đặc thù cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tìm kiếm các nguồn kinh phí để đầu tư duy tu bảo dưỡng và đầu tư mới cơ sở vật chất, thiết bị phòng chống cháy nổ, lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	Phòng quản trị, Phòng KH-CN, Phòng KH-TC,	Từ năm 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi trường, cải tạo cảnh quan giảng dạy và đào tạo	Phòng bảo vệ, Phòng quản trị, Khoa Hóa học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn: Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm và các phòng chức năng khác được trang bị đủ trang thiết bị để phục vụ và hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có hệ thống thư viện điện tử và thư viện số, người dùng có thể truy cập thông tin một cách dễ dàng, nhanh chóng. Phòng thí nghiệm thực hành được trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị cơ bản, phù hợp với CTĐT. Trường có hệ thống CNTT đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động đào tạo, NCKH và quản lý của Trường. Trường có đội ngũ chuyên trách để bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự, luôn chú trọng đến an toàn, sức khỏe và môi trường cho cán bộ giảng viên và người học.

Tồn tại chủ yếu: Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng thí nghiệm của Khoa được bố trí tại các nhà từ A2 và A4 là các khu nhà được xây dựng từ năm 1958 đã xuống cấp nên chưa phát huy tối đa được khả năng phục vụ cho người học. Chưa có nguồn kinh phí ổn định thường xuyên dành cho việc duy tu, bảo dưỡng và mua bổ sung các thiết bị tại các phòng nghiên cứu chuyên sâu. Chưa có sự bổ sung đều đặn, liên tục các tài liệu điện tử. Hệ thống công nghệ thông tin cần được đồng bộ hóa.

Kế hoạch hành động: Từ năm 2025: Trường ĐHSPhN sẽ có kế hoạch cải tạo, chuyển các phòng làm việc và phòng thực hành, phòng thí nghiệm ở các nhà A2 và A4 sang nhà A1 (đang xây dựng).

Đánh giá tiêu chuẩn 9

Tiêu chuẩn 9	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 9.1				X			
Tiêu chí 9.2					X		
Tiêu chí 9.3					X		
Tiêu chí 9.4					X		
Tiêu chí 9.5					X		
Điểm tiêu chuẩn	4,80						

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Trường ĐHSPHN là một trong những cơ sở đầu ngành của cả nước về đào tạo Cử nhân sư phạm Hóa học. Khoa Hóa học đã rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo ngay từ khi bắt đầu mở mã ngành đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng, chuyên gia) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc thường xuyên rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT để đảm bảo chất lượng quá trình dạy - học phù hợp với chuẩn đầu ra. Khoa cũng đẩy mạnh việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học, đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như: phòng thực hành, thư viện, trung tâm CNTT, vv... cũng như tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp). TT ĐBCL (trước đây là TT ĐBCL và khảo thí) là đơn vị phụ trách thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (cựu SV, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, vv.) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường và Khoa trong công tác đảm bảo chất lượng [H10.10.01.01; H10.10.01.02; H10.10.01.03].

Nhà trường đã ban hành hướng dẫn quy trình, công cụ, phương pháp thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.01.03; H10.10.04] gồm 7 bước:

Bước 1: Xây dựng kế hoạch khảo sát: các đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch khảo sát chi tiết theo kế hoạch của Nhà trường và gửi lên TT ĐBCL.

Bước 2: Thu thập thông tin phản hồi: tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan theo kế hoạch.

Bước 3: Hoàn thành khảo sát, xử lý kết quả, thống kê dữ liệu: các đơn vị thống kê, tổng hợp dữ liệu và chuyển dữ liệu khảo sát gốc cho TT ĐBCL.

Bước 4: Viết báo cáo tổng hợp: Xử lý dữ liệu khảo sát của các đơn vị, viết báo cáo tổng hợp.

Bước 5: Công bố báo cáo tổng hợp: công bố báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến Hiệu trưởng; gửi dữ liệu tách riêng đến các đơn vị liên quan.

Bước 6: Cải tiến và thực hiện cải tiến: họp thảo luận về kết quả đánh giá và lập kế hoạch cải tiến, gửi kế hoạch cải tiến cho TT ĐBCL.

Bước 7: Lưu trữ: lưu trữ dữ liệu và minh chứng; báo cáo kết quả khảo sát; dữ liệu gốc kết quả khảo sát.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Nhà trường và Khoa thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH. Theo kế hoạch khảo sát thường xuyên và định kỳ, TT ĐBCL tổ chức các khảo sát bao gồm: lấy ý kiến phản hồi của SV cuối mỗi học kì về công tác giảng dạy các học phần (học kỳ I, II) nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng dạy và học; lấy ý kiến của SV khi tốt nghiệp và sau tốt nghiệp 1 năm về ngành/khóa đào tạo và CTĐT; lấy ý kiến của GV về CTĐT và mức độ hài lòng của các cơ quan sử dụng lao động (2 năm/ lần), vv. để làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT [H10.10.01.05; H10.10.01.06; H10.10.01.07; H10.10.01.08; H10.10.01.09].

Khoa cũng tổ chức hội nghị chuyên môn với sự tham gia của GV, nhà khoa học của Khoa, của Trường và một số trường đại học khác để trao đổi, thảo luận, xin ý kiến góp ý về việc thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.01.10]. Sau khi hoàn thiện bản thảo CTDH đầu tiên, Khoa đã tổ chức họp xin ý kiến của GV, nhà khoa học của Khoa, của Trường và một số trường đại học khác để đi đến bản thảo CTDH cuối cùng, thẩm định và ban hành CTDH [H10.10.01.10]. Nhà trường có Quy định về bảo đảm chất lượng nội bộ, trong đó có quy định về hệ thống khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan [H10.10.01.03]. Khoa Hóa học có bộ phận ĐBCL nằm trong mạng lưới ĐBCL nhà trường [H10.10.01.03]. Bộ phận này bao gồm 02 lãnh đạo Khoa và 01 cán bộ là giáo vụ và quản lý sinh viên, có nhiệm vụ triển khai thực hiện các quy định của Nhà trường về đảm bảo chất lượng và phối hợp với TT ĐBCL trong việc thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng như thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan.

Việc rà soát và điều chỉnh CDR, CTĐT và CTDH trong CTĐT của Khoa được thực hiện theo quy trình chặt chẽ [H10.10.01.11; H10.10.01.12]. Khoa phối hợp với TT ĐBCL thực hiện các cuộc khảo sát hoặc tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến của các bên liên quan, thực hiện thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.05, H10.10.01.06, H10.10.01.07, H10.10.01.08, H10.10.01.09].

Các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử dụng làm căn cứ để Khoa rà soát, điều chỉnh và phát triển CTDH trong CTĐT theo qui định 2 năm một lần [H10.10.01.13]. Theo ý kiến của các bên liên quan năm 2018, CTĐT và mỗi học phần trong CTDH cần gắn chặt hơn nữa với định hướng phát triển năng lực người học, đặc biệt là với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; tăng số học phần tự chọn và xây dựng thêm một số môn học mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường, mong muốn của sinh viên và cựu sinh viên; điều chỉnh ma trận các học phần và xác định rõ hơn các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá [H10.10.01.10]. Ban xây dựng CTĐT của Trường và Khoa đã họp để chỉnh sửa CTĐT cho năm 2020 [H10.10.01.13; H10.10.01.14]

CTDH trong CTĐT năm 2020 được chỉnh sửa theo CDR chung của Nhà trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên Hóa học để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 cũng như nhu cầu học văn bằng kép của SV [H10.10.01.14]. Theo đó, tổng số tín chỉ cho CTDH của CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học là 136 TC, trong đó khối học văn chung là 35 tín chỉ (chiếm tỉ lệ khoảng 26%), khối học văn chuyên ngành là 66 tín chỉ (khoảng 48%), khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm là 35 tín chỉ (khoảng

26%, thời lượng cho thực tập sư phạm đã tăng 01 tín chỉ so với CTĐT năm 2014) [H10.10.01.14]. Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức/học vấn chuyên ngành được tăng cường trong CTDH của CTĐT năm 2020 (tăng 6 học phần so với CTDH của CTĐT năm 2014) để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, mong muốn của SV và cựu người học [H10.10.01.13; H10.10.01.14]. CTDH trong CTĐT năm 2020 xuất hiện một số môn học mới như Hóa học sự sống, Hóa học xanh, Thực hành Hóa học tính toán [H10.10.01.14].

Năm 2022, Khoa thực hiện việc rà soát và điều chỉnh đề cương các học phần (GV giảng dạy, giáo trình và tài liệu học tập, mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần, ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung giảng dạy, ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung kiểm tra, đánh giá) [H10.10.01.13].

2. Điểm mạnh:

Trường và Khoa sử dụng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu đa dạng (phiếu khảo sát, các hội nghị, cuộc họp và thảo luận) với sự tham gia của các bên liên quan (SV, GV và người sử dụng lao động). Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử dụng làm cơ sở để Trường và Khoa rà soát, điều chỉnh và phát triển CTDH trong CTĐT nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại:

Khoa chưa chỉnh sửa được đầy đủ và hoàn thiện theo góp ý của các cơ sở thực tập sư phạm để đánh giá mức độ đáp ứng CDR của CTDH.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá mức độ đáp ứng CDR của CTDH.	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV. Định kỳ rà soát, chỉnh sửa CTDH	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học được thiết kế và phát triển theo một quy trình chặt chẽ, từ khâu thiết kế và phát triển đến khâu rà soát, đánh giá và cải tiến, phù

hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và nhiệm vụ của Nhà trường cũng như yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01; H10.10.02.02; H10.10.02.03; H10.10.02.04; H10.10.02.05].

Theo Hướng dẫn Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học Trường ĐHSPHN, CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học được thiết kế và phát triển theo quy trình cụ thể như sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu đào tạo cụ thể, chuẩn đầu ra của CTĐT, của các môn học có trong CTĐT;

Bước 2: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của môn học, của CTĐT, xây dựng chương trình dạy học đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

Bước 3: Xác định các yếu tố sẽ ảnh hưởng đến thiết kế chương trình dạy học bao gồm thời gian, thời lượng, các quy định của các cấp quản lý, vv.

Bước 4: Xây dựng ma trận các học phần để có thể đánh giá đúng quy trình và sự gắn kết của CTĐT;

Bước 5: Xác định và thiết lập các phương pháp giảng dạy sẽ được sử dụng trong suốt CTDH;

Bước 6: Xác định và thiết lập các phương pháp đánh giá sẽ được sử dụng để đánh giá người học trong quá trình dạy học.

Bước 7: Định kì rà soát, điều chỉnh, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với thực tiễn của Nhà trường (tổ chức lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lý sử dụng CTDH). Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

Thực hiện nghiêm túc quy trình trên đây, CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học đã được thiết kế và phát triển căn cứ mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT và quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường [H10.10.02.08].

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học được rà soát và đánh giá định kỳ theo hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.02.01; H10.10.02.02; H10.10.02.03]. Khoa đã tổ chức họp để lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (GV của Khoa và đại diện lãnh đạo các trường phổ thông) để rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Năm 2019, cuộc họp các bên liên quan đã cho rằng, quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học của Trường ĐHSP Hà Nội hoàn toàn phù hợp với thực tiễn của Nhà trường và yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, các học phần có trong CTDH được xác định Bước 1 của quy trình cần gắn chặt hơn nữa với định hướng phát triển năng lực người học, đặc biệt là với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; Tăng các học phần tự chọn để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động; Xây dựng thêm một số môn học mới như Các phương pháp phổ nghiệm cứu cấu trúc hóa học, Hóa học Sự sống, Cơ sở Hóa sinh, Xúc tác và ứng dụng, Hóa học xanh, Một số phương pháp tách trong phân tích, Một số phương pháp phân tích Hóa sinh

[H10.10.02.09]. Cùng với việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT [H10.10.02.10; H10.10.02.11], CTDH đã được thiết kế và phát triển trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học năm 2020 [H10.10.02.06].

Trong lần điều chỉnh CTĐT năm 2020, Khoa đã tiến hành thiết kế và phát triển CTDH theo đúng quy trình của Nhà trường. Từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Khoa đã xây dựng được 4 tiêu chuẩn với 23 tiêu chí cho CDR của CTĐT Cử nhân ngành Sư phạm Hóa học [H10.10.02.06]. Khung CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học năm 2020 tuy chỉ tăng 01 tín chỉ nhưng đã có sự điều chỉnh về thời lượng học giữa các khối kiến thức so với CTĐT năm 2014 (xem Bảng 10.2.1).

Bảng 10.2.1 So sánh cấu trúc khung CTĐT của Trường năm 2014 và 2020

Cấu trúc CTĐT	Khung CTĐT 2014		Khung CTĐT 2020	
	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Khối kiến thức chung	20	15	35	26
Khối kiến thức chuyên ngành	81	60	66	48
Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	34	25	35	26
Tổng số tín chỉ	135	100	136	100

Tại cuộc họp năm 2022, các bên liên quan đều cho rằng, quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học của Trường ĐHSPhN được thiết lập, rà soát, đánh giá và cải tiến theo đúng hướng dẫn của Nhà trường và yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, Khoa cần rà soát các bước 2 – 5 của quy trình để điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần, ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung giảng dạy, ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung kiểm tra, đánh giá đối với các môn học/học phần trong CTĐT [H10.10.02.09]. Cùng với ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH là căn cứ quan trọng để Khoa tiến hành rà soát và điều chỉnh CTDH trong CTĐT của năm 2022.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được cải tiến để phù hợp với thực tiễn của Nhà trường và sự tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành cũng như yêu cầu của việc sử dụng lao động. CTDH trong CTĐT năm 2020 của Khoa đã được cải tiến về quy trình thiết kế và phát triển so với CTĐT năm 2014 [H10.10.02.01; H10.10.02.02; H10.10.02.09]. Điều này được thể hiện thông qua việc khảo sát nhu cầu nhân lực của nhà tuyển dụng, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và xác định CDR của CTĐT (xem Bảng 10.2.2).

Bảng 10.2.2. So sánh quy trình thiết kế và phát triển CTĐT năm 2014 và 2020

Các bước	Năm 2014	Năm 2020
Bước 1	Chưa lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan (nhà tuyển dụng).	Đã lấy đầy đủ phản hồi của các bên liên quan.
Bước 2	Xác định nội dung kiến thức rồi xây dựng mục tiêu.	Xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể rồi CDR.
Bước 3	Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo nhưng chưa so lại với CDR.	Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và CDR.

2. Điểm mạnh:

Việc thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT được thiết lập, được đánh giá và cải tiến theo quy trình chặt chẽ, hợp lý và đúng quy định. Việc rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH được thực hiện dựa trên thông tin phản hồi từ các bên liên quan với sự tham gia của GV và cán bộ quản lý. Vì vậy, CTĐT được cập nhật, điều chỉnh để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Tồn tại:

Trường và Khoa chưa nhận được nhiều ý kiến của các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng các hình thức tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để cải tiến CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu của xã hội.	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Trường và Khoa thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến định kỳ quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

Trong Quy chế đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, việc giám sát, đánh giá quá trình dạy; giám sát việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể trong Chương 2 *Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo*, Chương 3 *Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp* [H10.10.03.01]. Quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học ở khoa Hóa học đã thực hiện theo những quy định trên nên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo thực hiện được CĐR đã công bố. Căn cứ vào quy chế đào tạo của Trường, quá trình dạy và học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương chi tiết các học phần mà GV phải thực hiện [H10.10.03.02]. Khoa Hóa học đã ban hành văn bản quy trình dự giờ, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học và các biểu mẫu chấm dự giờ để GV thực hiện [H10.10.03.03].

Quá trình dạy - học được khoa rà soát thường xuyên thông qua quy định, phân công cụ thể với từng đối tượng GV trong khoa: BCN khoa, GV giảng dạy các học phần, giáo vụ, cố vấn học tập, bộ phận quản lý sinh viên dựa trên kế hoạch dạy học và thời khóa biểu [H10.10.03.04; H10.10.03.05]. Quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo được CĐR thông qua các hoạt động: dự giờ, góp ý kiến về các giờ dạy trong toàn khoa. Khoa đã ban hành văn bản một số quy định dự giờ, đánh giá GV trong việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy. Các bộ môn chủ động tổ chức các buổi dự giờ các học phần thuộc bộ môn quản lý. Sau những buổi dự giờ đó, bộ môn tổ chức họp nhằm đóng góp ý kiến để GV có thể điều chỉnh về nội dung bài dạy, cách thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.03]. Hoạt động này cũng giúp các bộ môn, Khoa Sư phạm Hóa học chủ động trong việc điều chỉnh chương trình đào tạo để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Bên cạnh đó, Ban Thanh tra Giáo dục của Trường cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát việc dạy và học theo thời khóa biểu của các GV trong khoa cũng như giám sát công tác tổ chức thi ở tất cả các học phần do Khoa đảm nhiệm [H10.10.03.04, H10.10.03.05, H10.10.03.06].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần và quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Trường. Trong đó chỉ rõ hình thức, thời điểm và trọng số của từng lần kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.01; H10.10.03.02]. Đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10%, điểm giữa kì là 30% và điểm thi kết thúc học phần là 60% tổng số điểm. Quy trình kiểm tra, đánh giá trong một học kì gồm: đánh giá thường xuyên thông qua các bài thực hành, bài tập nhỏ; đánh giá giữa kì thông qua bài điều kiện và đánh giá cuối kì thông qua bài thi. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần

được đa dạng hóa theo từng bối cảnh nhưng GV vẫn chủ động và đáp ứng mục tiêu học phân và đảm bảo CĐR.

Để tăng tính tự học và tự nghiên cứu của SV, GV trong Khoa Sư phạm Hóa học đã thay đổi PPGD, năm học 2019 -2020, từ việc hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp thêm cho sinh viên nguồn tài liệu số, GV đã tiến hành kiểm tra đánh sinh viên thông qua một số hình thức mới như chấm bài tập dự án, bài tập lớn, sản phẩm của sinh viên bên cạnh các hình thức thi tự luận, thi trắc nghiệm; vv. [H10.10.03.07]. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR. Các dạng bài kiểm tra không chỉ đánh giá được các CĐR mà còn giúp SV phát triển năng lực tự học và các năng lực đặc thù của cả ba bộ môn trong khoa. Theo kết quả lấy ý kiến sinh viên trong từng năm học, SV đã phản hồi tích cực về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá của GV Khoa Hóa học. Quá trình ra đề cũng được rà soát và rút kinh nghiệm cho phù hợp với đối tượng SV và tình hình cụ thể [H10.10.03.07, MC05].

Việc tổ chức dạy học và kiểm tra trực tuyến cũng được quan tâm đặc biệt. Nhà trường chủ động tập huấn giảng viên, báo cáo dạy học trực tuyến, và ra công văn triển khai dạy học trực tuyến [H10.10.03.08, MC01, MC02, MC03]. Sau khi có sự chỉ đạo của Bộ thì việc dạy học trực tuyến trở thành chính thức trong hoạt động đào tạo của Trường và Khoa [H10.10.03.08, MC04]. Để tăng cường tính hiệu quả của hoạt động này, Nhà trường đã cho triển khai việc dạy học, kiểm tra đánh giá trên hệ thống LMS [H10.10.03.08, MC05].

Nhà trường và giáo vụ khoa sử dụng phần mềm quản lý đào tạo TC để thường xuyên kiểm tra SV. Trường đã ban hành quyết định 5062/QĐ-ĐHSPHN “Quy định về công tác CVHT trong đào tạo Đại học hệ chính quy” cho phép CVHT được quyền truy nhập vào phần mềm quản lý đào tạo liên quan đến nhóm SV phụ trách để rà soát kết quả học tập của người học thường xuyên [H10.10.03.09_MC1]. BCN khoa đã phân công các GV thực hiện nhiệm vụ CVHT nhằm giúp đỡ và quản lý SV trong suốt quá trình học của các em [H10.10.03.09_MC2; H10.10.03.09_MC3; H10.10.03.09_MC4; H10.10.03.09_MC5; H10.10.03.09_MC6].

Quy trình ra đề và chấm thi được thực hiện theo các bước như sau: giáo vụ khoa gửi đến các bộ môn danh sách những học phần thi trong học kì đó [H10.10.03.06_MC1], trước khi thi 1 tuần GV gửi đề, đáp án có chữ ký duyệt của Trưởng (hoặc phó) bộ môn và BCN khoa [H10.10.03.07_MC2]. Trưởng khoa hoặc phó khoa phụ trách đào tạo sẽ in, sao, niêm phong đề thi và giao cho giáo vụ khoa, phân công cán bộ coi thi [H10.10.03.06_MC2, H10.10.03.06_MC3]. Đến ngày thi, trước giờ thi 15 phút, giáo vụ khoa sẽ bàn giao cho cán bộ coi thi. Kết thúc mỗi kì thi, sau khi các GV chấm thi xong, giáo vụ thống kê, tổng hợp điểm số các học phần và gửi lại cho BCN khoa. BCN khoa rà soát, nếu có vấn đề bất thường thì chuyển điểm của các học phần về các Bộ môn phụ trách học phần đó để xem xét và đưa ra những định hướng thực hiện các học phần trong học kì tiếp theo. Trưởng bộ môn báo cáo lại với BCN khoa những điều chỉnh (nếu có).

Học phần tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của các môn chuyên đề tốt nghiệp. Khoa Sư phạm Hóa học thực hiện ra đề thi tốt nghiệp cuối khóa phù hợp với yêu cầu của CDR theo quy định của Trường ĐHSPHN.

Thực tập sư phạm là học phần rất quan trọng và bắt buộc đối với SV hệ Sư phạm Hóa học và được quy định cụ thể trong Quy chế thực tập sư phạm của Trường [H10.10.03.10]. Trong thời gian đi thực tập sư phạm, SV sẽ được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho công việc trong tương lai khi SV tốt nghiệp. Hàng năm, Trường đều cử các GV có kinh nghiệm làm công tác Trường đoàn thực tập sư phạm [H10.10.03.11_MC1, H10.10.03.11_MC2] đưa SV xuống thực tập tại trường phổ thông. Sau mỗi đợt thực tập sư phạm thì Phòng Đào tạo trường đều tổ chức họp tổng kết báo cáo công tác thực tập sư phạm [H10.10.03.12] với các khoa/bộ môn thuộc trường để các khoa nắm bắt kịp thời kết quả thực tập về công tác chủ nhiệm, công tác chuyên môn của sv, từ đó chủ động điều chỉnh quá trình dạy và học.

Kết thúc mỗi học kỳ, TT ĐBCL của Trường đều phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. Mỗi học kỳ có từ 5 – 10 GV của Khoa Sư phạm Hóa học được đánh giá kết quả giảng dạy. Kết quả khảo sát chất lượng giảng dạy (thông qua việc đánh giá 5 tiêu chí là: (1) Việc thực hiện nề nếp dạy học, kỹ năng tổ chức quản lý lớp, (2) Thái độ - ứng xử với sinh viên, (3) Nội dung dạy học, (4) Phương pháp giảng dạy và (5) Các hoạt động kiểm tra đánh giá) cho thấy chất lượng đạo tạo của GV Khoa Hóa học được SV đánh giá khá cao, tất cả các GV của Khoa Hóa học được khảo sát đều có kết quả từ “khá” trở lên, không năm học nào có GV nào nằm trong nhóm 10 GV có điểm thấp nhất toàn trường [H10.10.03.13].

Bảng 10.3.1. Điểm trung bình các khoa năm học 2022-2023

TT	Khoa	ĐTB	N (Số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
1	Khoa Ngữ Văn	79.02	4784	Tốt
2	Khoa Toán - Tin	76.36	11927	Tốt
3	Khoa Địa lý	80.34	2239	Tốt
4	Khoa Tâm lý	77.52	3019	Tốt
5	Khoa Quản lý giáo dục	76.17	773	Tốt
6	Khoa Sinh học	78.23	1490	Tốt
7	Khoa Sư phạm kỹ thuật	76.19	1264	Tốt
8	Khoa Vật lý	77.73	2068	Tốt
9	Khoa Lịch sử	79.17	1676	Tốt
10	Khoa Giáo dục thể chất	76.44	2537	Tốt
11	Khoa Việt Nam học	77.29	1717	Tốt

TT	Khoa	ĐTB	N (Số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
12	Khoa Giáo dục đặc biệt	76.32	1088	Tốt
13	Khoa Công nghệ thông tin	74.51	1659	Tốt
14	Khoa Hóa học	77.81	2240	Tốt
15	Khoa Giáo dục chính trị	77.41	2381	Tốt
16	Khoa Giáo dục tiểu học	78.74	1906	Tốt
17	Khoa SP Tiếng Pháp	79.28	395	Tốt
18	Khoa Giáo dục quốc phòng	79.66	1770	Tốt
19	Khoa Giáo dục mầm non	77.71	3184	Tốt
20	Khoa Nghệ thuật	77.32	854	Tốt
21	Khoa Triết học	76.78	1558	Tốt
22	Khoa Tiếng Anh	79.78	3113	Tốt
23	Khoa Công tác xã hội	78.08	1146	Tốt
24	Bộ môn Tiếng Trung	80.76	262	Xuất sắc
Tổng		77.37	56032	

Bên cạnh đó, Khoa thường tổ chức các cuộc họp giao ban giữa BCN khoa, trợ lý học tập và các CVHT nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV [H10.10.03.14]. Các ý kiến phản hồi là căn cứ để khoa điều chỉnh quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Từ năm 2019 đến nay, TT ĐBCL đã tiến hành khảo sát hiệu quả, chất lượng đào tạo đối với sinh viên của Khoa Hóa học vừa tốt nghiệp nhằm thu thập thông tin về thực trạng SV ra trường đáp ứng thế nào với mục tiêu đào tạo, với CDR để từ đó Trường ĐHSPhN/các khoa đào tạo có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. Kết quả cho thấy, phần lớn SV tốt nghiệp từ Khoa Hóa học có nhận xét tích cực về chất lượng đào tạo ngành học, về PPGD, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả môn học hiệu quả. Điểm đánh giá về các tiêu chí của sinh viên Khoa Hóa học đều ở mức “khá” và “cao” [H10.10.03.13].

Bảng 10.3.2. Điểm trung bình các khoa về nội dung dạy học năm học 2022-2023

TT	Khoa	ĐTB	N (số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
1	Khoa Ngữ Văn	9.29	4784	Tốt
2	Khoa Toán - Tin	8.95	11927	Tốt
3	Khoa Địa lý	9.46	2239	Tốt
4	Khoa Tâm lý	9.12	3019	Tốt

TT	Khoa	ĐTB	N (số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
5	Khoa Quản lý giáo dục	8.97	773	Tốt
6	Khoa Sinh học	9.20	1490	Tốt
7	Khoa Sư phạm kỹ thuật	8.97	1264	Tốt
8	Khoa Vật lý	9.16	2068	Tốt
9	Khoa Lịch sử	9.32	1676	Tốt
10	Khoa Giáo dục thể chất	9.00	2537	Tốt
11	Khoa Việt Nam học	9.09	1717	Tốt
12	Khoa Giáo dục đặc biệt	8.99	1088	Tốt
13	Khoa Công nghệ thông tin	8.75	1659	Tốt
14	Khoa Hóa học	9.14	2240	Tốt
15	Khoa Giáo dục chính trị	9.12	2381	Tốt
16	Khoa Giáo dục tiểu học	9.29	1906	Tốt
17	Khoa SP Tiếng Pháp	9.33	395	Tốt
18	Khoa Giáo dục quốc phòng	9.39	1770	Tốt
19	Khoa Giáo dục mầm non	9.16	3184	Tốt
20	Khoa Nghệ thuật	9.15	854	Tốt
21	Khoa Triết học	9.04	1558	Tốt
22	Khoa Tiếng Anh	9.36	3113	Tốt
23	Khoa Công tác xã hội	9.17	1146	Tốt
24	Bộ môn Tiếng Trung	9.44	262	Tốt
Tổng		9.18	56032	

Bảng 10.3.3. Điểm trung bình các khoa về phương pháp giảng dạy năm học 2022-2023

TT	Khoa	ĐTB	N (số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
1	Khoa Ngữ Văn	13.86	4784	Tốt
2	Khoa Toán - Tin	13.38	11927	Tốt
3	Khoa Địa lý	14.13	2239	Tốt
4	Khoa Tâm lý	13.60	3019	Tốt
5	Khoa Quản lý giáo dục	13.42	773	Tốt
6	Khoa Sinh học	13.74	1490	Tốt
7	Khoa Sư phạm kỹ thuật	13.45	1264	Tốt

TT	Khoa	ĐTB	N (số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
8	Khoa Vật lý	13.64	2068	Tốt
9	Khoa Lịch sử	13.95	1676	Tốt
10	Khoa Giáo dục thể chất	13.45	2537	Tốt
11	Khoa Việt Nam học	13.55	1717	Tốt
12	Khoa Giáo dục đặc biệt	13.42	1088	Tốt
13	Khoa Công nghệ thông tin	13.11	1659	Tốt
14	Khoa Hóa học	13.68	2240	Tốt
15	Khoa Giáo dục chính trị	13.59	2381	Tốt
16	Khoa Giáo dục tiểu học	13.78	1906	Tốt
17	Khoa SP Tiếng Pháp	13.97	395	Tốt
18	Khoa Giáo dục quốc phòng	14.01	1770	Tốt
19	Khoa Giáo dục mầm non	13.68	3184	Tốt
20	Khoa Nghệ thuật	13.62	854	Tốt
21	Khoa Triết học	13.49	1558	Tốt
22	Khoa Tiếng Anh	14.03	3113	Tốt
23	Khoa Công tác xã hội	13.74	1146	Tốt
24	Bộ môn Tiếng Trung	14.17	262	Tốt
Tổng		13.71	56032	

2. Điểm mạnh:

Việc đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy học được Trường, khoa và các bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

3. Tồn tại:

Việc tổ chức dự giờ, góp ý các giờ giảng vẫn chưa huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong khoa.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	BCN khoa khuyến khích GV trong khoa tăng cường tham gia dự giờ của các đồng nghiệp không chỉ trong bộ	GV khoa Hoá học	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
		môn mà còn dự giờ các đồng nghiệp ở bộ môn khác		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV để cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy.	TT ĐBCL, Khoa Hóa học (Các bộ môn)	Hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng và cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng:

Nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSP Hà Nội đã quy định rõ GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (1760 giờ) để làm nhiệm vụ NCKH [H10.10.04.01]. Quy định này thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với sự phát triển của Trường và xã hội [H10.10.04.02, H10.10.04.03]. Theo quy định này, các GV khoa Hóa học luôn thực hiện song hành nhiệm vụ đào tạo gắn với NCKH. Các thống kê hàng năm [H10.10.04.04] đã thể hiện kết quả NCKH của khoa Hóa học (Bảng 10.4.1).

Bảng 10.4.1. Số lượng các công bố NCKH của cán bộ, GV khoa Hóa học

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Số đề tài NCKH các cấp	24	30	17	19	25
Số bài báo trong nước	28	35	37	80	64
Số bài báo quốc tế	23	32	28	64	83
Sách giáo trình/sách chuyên khảo	3	2	1	14	1

Khoa Hóa học xác định hoạt động NCKH góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng dạy học nên hàng năm các hoạt động NCKH được triển khai dưới nhiều hình thức, gồm: hướng dẫn SV tham gia NCKH SV, GV tham gia đề tài NCKH các cấp, khoa tổ chức hoặc tham gia các hội thảo, hội nghị chuyên ngành; viết bài báo khoa học; tập huấn nâng cao năng lực NCKH [H10.10.04.04], [H10.10.04.05].

Do hoạt động NCKH của sinh viên vừa là điều kiện, vừa là cơ hội để thực hiện gắn kết NCKH với giảng dạy nên SV ở khoa Hóa học được tạo điều kiện tham gia vào các hoạt động NCKH thường xuyên như các seminar khoa học, các Hội nghị SV - NCKH ở khoa [H10.10.04.06, H10.10.04.07 H10.10.04.08] và các hoạt động NCKH của Trường.

Hàng năm, Hội nghị SV NCKH được tổ chức vào tháng 4, các đề tài NCKH xuất sắc của SV được đề xuất chuyển lên cấp Trường, và một số SV thuộc hệ cử nhân sư phạm Hóa học đã đạt giải NCKH cấp Khoa, cấp Trường trong những năm gần đây. Các đề tài được giải thưởng đều có ý nghĩa khoa học và thực tiễn [H10.10.04.07], [H10.10.04.08]. Những kết quả nghiên cứu của SV được viết dưới dạng bài báo khoa học và được đăng trên kỉ yếu sinh viên NCKH của trường ĐH Sư phạm Hà nội và các tạp chí khoa học uy tín [H10.10.04.09]. Hội nghị NCKH của Trường ĐHSPTN năm nào cũng có SV của khoa Hóa học tham gia và nhiều năm có SV được giải cao [H10.10.04.10]. Năm học nào SV khoa hóa cũng đạt giải cao trong SV NCKH cấp Bộ (trong 5 năm gần đây có SV đạt giải nhất cấp trường năm 2023 1 giải nhất cấp Bộ, 1 giải nhì Eureka,...)

Các đề tài khóa luận tốt nghiệp của SV là những nghiên cứu mang tính thực nghiệm và ứng dụng, SV hoàn thành nghiên cứu của mình dưới sự hướng dẫn của GV và có thể tham khảo nguồn tài liệu phong phú từ các bộ môn [H10.10.04.11]. Ngoài ra, SV còn được tham gia cùng GV viết các bài báo khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành [H10.10.04.9], tham gia thực địa cùng các chuyên gia trong và ngoài nước, tham gia một số khóa tập huấn nâng cao năng lực NCKH.

Các sản phẩm NCKH của từng lĩnh vực chuyên môn trong khoa ngoài việc góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và trình độ GV trong giảng dạy còn đóng góp vào việc điều chỉnh, cập nhật và cải tiến việc dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể là:

Các kết quả NCKH mới nhất là những bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành, tạp chí quốc tế được đưa ra thảo luận trong các seminar [H10.10.04.06] ở các bộ môn.

Các kết quả NCKH được phổ biến và vận dụng trong việc hướng dẫn SV làm khóa luận tốt nghiệp. Mỗi năm, khoa Hóa học có trên 30 khóa luận tốt nghiệp, được triển khai theo các hướng nghiên cứu của GV hướng dẫn như: Tổng hợp phức chất, tổng hợp các hợp chất hữu cơ, phân tích định lượng, điện hóa, vật liệu xử lý môi trường, Dạy học theo hướng phát triển năng lực, vv. [H10.10.04.11]

Một số cán bộ trong khoa có các đề tài NCKH cho GV và người học gắn với nội dung hoạt động dạy học, phục vụ trực tiếp cho việc dạy và học. Trong những năm gần đây, số lượng các công trình NCKH của cán bộ Khoa đã có sự tăng lên đáng kể không chỉ về số lượng mà còn cả về chất lượng khi số lượng sách giáo trình/sách chuyên khảo và bài báo quốc tế tăng đều qua các năm [H10.10.04.04]. Các giáo trình, SGK, sách chuyên khảo do cán bộ khoa Hóa học là chủ biên, đã góp phần cung cấp tư liệu học tập cho sinh viên trong các học phần về hợp chất thiên nhiên như *Thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài nấm túi họ Xylariaceae* (Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2020- chủ biên GS Đặng Ngọc Quang), *Thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài nấm đảm* (Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, 2022- chủ biên GS Đặng Ngọc Quang), lĩnh vực hóa lý: *Hóa học tính toán trong nghiên cứu bản chất vi mô của một số quá trình dị thể* (Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ - 2021- chủ biên GS Nguyễn Ngọc Hà), Phương pháp dạy học như: sách giáo khoa môn KHTN (TS Đỗ Thị Quỳnh Mai, PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Chi, PGS.TS Ngô Tuấn Cường,...), Sách giáo khoa Hóa học

10,11,12 (GS Nguyễn Ngọc Hà, PGS.TS Vũ Quốc Trung, PGS.TS Lê Thị Hồng Hải, PGS.TS Đặng Xuân Thư, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS Nguyễn Văn Hải, TS Đường Khánh Linh, TS Nguyễn Đăng Đạt,...). Bên cạnh đó, các sách về Khoa học Giáo dục cũng được các cán bộ của khoa Hóa học biên soạn từ các đề tài nghiên cứu khoa học để sinh dùng làm tài liệu học, tài liệu tham khảo trong các học phần Lí luận và PPDH Hóa học, như: *Hướng dẫn dạy học phát triển năng lực môn Hóa học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới* (2019). Những cuốn sách này đã cập nhật phương pháp, cách thức tổ chức dạy học và dạy học tích hợp cho SV trước nhu cầu đổi mới của xã hội [H10.10.04.04].

Trong thời gian vừa qua, nhiều cán bộ của Khoa được Nhà trường khen tặng cho giải thưởng NCKH (PGS.TS Vũ Quốc Trung, PGS.TS Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS Nguyễn Minh Huệ [H10.10.04.05]. Đặc biệt cán bộ Khoa đã đạt giải nhất giải thưởng Khoa học công nghệ cấp Bộ năm 2021 (PGS.TS Nguyễn Thị Thu Hà) [H10.10.04.12]. Khoa Hóa học đã nhận được bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc trong NCKH của Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2023 [H10.10.04.12]. Mỗi năm, khoa phối hợp với Hội Hóa học Việt Nam (phân hội Phương pháp giảng dạy) đều tổ chức hội thảo khoa học về những vấn đề chuyên môn *đổi mới PPDH Hóa học ở trường phổ thông*. Các hội thảo này giúp GV nâng cao trình độ chuyên môn, tiếp cận các vấn đề mới và đổi mới phương pháp dạy học. [H10.10.04.06].

Hoạt động NCKH của cán bộ, GV của khoa Hóa học đã gắn với việc đổi mới PPGD, nâng cao chất lượng giảng dạy và năng lực NCKH của GV cũng như hỗ trợ rất hiệu quả cho việc phát triển năng lực học tập và NCKH của SV. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học được thể hiện thông qua các sáng kiến kinh nghiệm của cán bộ Khoa Hóa hàng năm [H10.10.04.13].

Nhận xét:

Nhóm viết cần điều chỉnh lại mã hoá MC xuất hiện trong mô tả, cần sắp xếp theo thứ tự xuất hiện. Một số MC chưa có trong DMMC.

2. Điểm mạnh:

Hoạt động NCKH của cán bộ, GV của khoa Hóa học luôn gắn kết với việc điều chỉnh hoạt động dạy và học theo hướng nâng cao chất lượng dạy học. Các kết quả NCKH không chỉ nâng cao trình độ của GV mà còn góp phần điều chỉnh nội dung dạy học, đổi mới phương pháp dạy học của GV, đổi mới cách thức kiểm tra đánh giá và định hướng hoạt động NCKH của SV.

3. Tồn tại:

Số lượng các công trình NCKH và nhóm NCKH mạnh còn hạn chế và số lượng sinh viên tham gia NCKH còn chưa đồng đều ở các khối. Hiện nay, phần lớn SV tham gia NCKH là SV năm thứ 3 và năm thứ 4. Số lượng bài báo trong chuyên ngành Khoa học giáo dục trên các Tạp chí quốc tế của khoa Hóa học còn hạn chế so với các chuyên ngành khác.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích SV tham gia NCKH ngay từ năm thứ 2 Khuyến khích GV tham gia các hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh trong và ngoài nước.	Khoa Hóa học, Phòng KHCN	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thế mạnh NCKH của các GV trong khoa.	Phòng KHCN, Khoa Hóa học, Các bộ môn,	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

Trường ĐHSPHN luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đó là thái độ phục vụ và chất lượng phục vụ. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của GV và SV. Vì vậy, Trường ĐHSPHN luôn giám sát và đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ này.

Trường ĐHSPHN đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan về các mặt hoạt động của Trường, trong đó nội dung ý kiến phản hồi tập trung vào các vấn đề như mức độ đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị; chất lượng các dịch vụ tiện ích, các hoạt động hỗ trợ người học [H10.10.05.01]. Quy trình gồm các bước cụ thể như sau:

Bước 1: Xây dựng kế hoạch khảo sát: Các đơn vị (các khoa đào tạo) được giao nhiệm vụ lập kế hoạch khảo sát chi tiết theo kế hoạch của Nhà trường và gửi lên TT ĐBCL.

Bước 2: Thu thập thông tin phản hồi: Các đơn vị (các khoa đào tạo) tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan theo kế hoạch (bước 1).

Bước 3: Hoàn thành khảo sát, xử lý kết quả, thống kê dữ liệu: Các đơn vị (các khoa đào tạo) thống kê, tổng hợp dữ liệu và chuyển dữ liệu khảo sát gốc cho TT ĐBCL.

Bước 4: Viết báo cáo tổng hợp: TT ĐBCL xử lý dữ liệu khảo sát của các đơn vị (các khoa đào tạo), viết báo cáo tổng hợp.

Bước 5: Công bố báo cáo tổng hợp: TT ĐBCL công bố báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến Hiệu trưởng và gửi dữ liệu tách riêng đến các đơn vị liên quan.

Bước 6: Cải tiến và thực hiện cải tiến: Các đơn vị họp thảo luận về kết quả đánh giá và lập kế hoạch cải tiến và gửi kế hoạch cải tiến cho TT ĐBCL.

Bước 7: Lưu trữ: TT ĐBCL lưu trữ dữ liệu và minh chứng, báo cáo kết quả khảo sát, dữ liệu gốc kết quả đánh giá.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan (đặc biệt là của SV) thông qua các phiếu khảo sát, các cuộc phỏng vấn trực tiếp hoặc các phần mềm khảo sát.

Hàng năm, Nhà trường đã triển khai khảo sát đối tượng SV vừa tốt nghiệp nhằm thu thập những ý kiến nhận xét, đánh giá về hiệu quả, chất lượng ngành/ khoá đào tạo trong đó có ý kiến về cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng yêu cầu đào tạo để làm căn cứ cải tiến chất lượng phục vụ. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 10.5.1 [H10.10.05.02].

Bảng 10.5.1. Đánh giá của SV vừa tốt nghiệp về cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng các yêu cầu đào tạo (%)

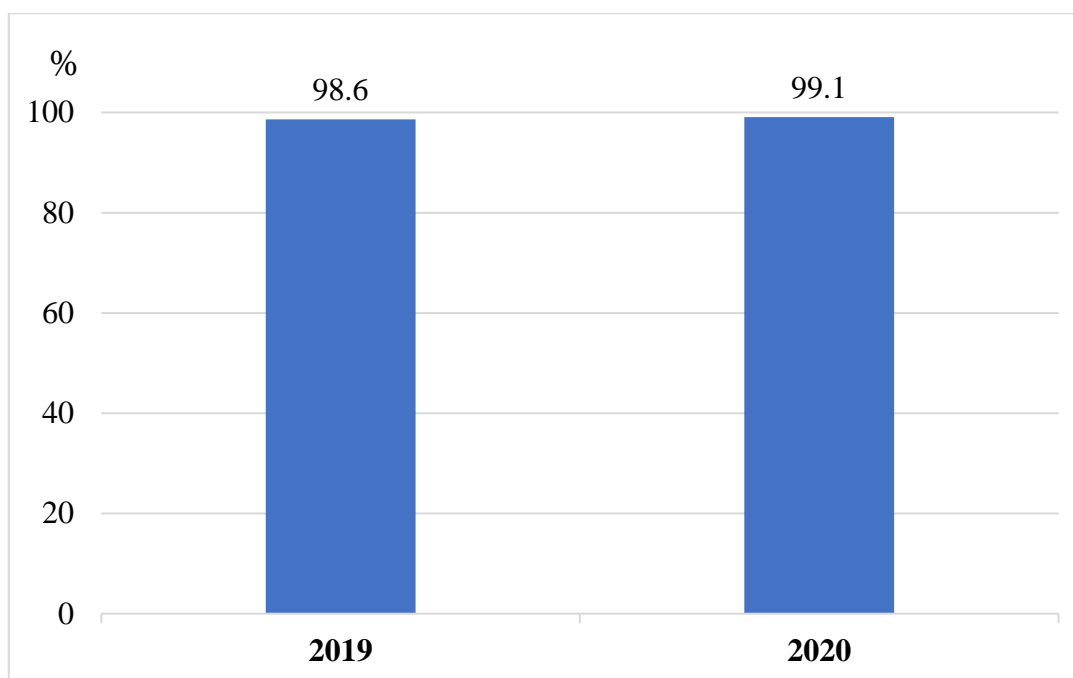
Cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng các yêu cầu đào tạo	Năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
Phòng học (diện tích, ánh sáng, bàn ghế, âm thanh) đáp ứng được các chuẩn mực tối thiểu	99,2	93,3	94,1	95,5	95,3
Thư viện của Trường có đủ các tài liệu thiết yếu (giáo trình/ bài giảng, tài liệu tham khảo chính) theo yêu cầu đào tạo	98,9	93,1	93,9	95,3	94,9
Hệ thống máy tính, mạng internet của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, khai thác thông tin phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu của SV	98,7	89,3	90,3	91,1	91,9
Cơ sở vật chất/ trang thiết bị phòng thực hành, thí nghiệm của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học	98,7	92,1	92,5	94,5	94,7
Cơ sở vật chất của Trường đã hỗ trợ đắc lực cho tôi hoàn thành các nhiệm vụ học tập	98,4	89,7	93,6	96,0	95,3
Cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động tập thể, học nhóm của SV theo yêu cầu đào tạo	-	-	93,6	95,2	94,9
Hệ thống máy tính, mạng internet của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, khai thác thông tin phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu của SV	98,7	89,3	90,3	91,1	91,9
Cơ sở vật chất/ trang thiết bị phòng thực hành, thí nghiệm của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học	98,7	92,1	92,5	94,5	94,7
Cơ sở vật chất của Trường đã hỗ trợ đắc lực cho tôi hoàn thành các nhiệm vụ học tập	98,4	89,7	93,6	96,0	95,3

Cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng các yêu cầu đào tạo	Năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
Cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động tập thể, học nhóm của SV	-	-	93,6	95,2	94,9

SV tốt nghiệp trong 5 năm gần đây (từ năm 2019 đến năm 2023) có nhận xét khá tích cực về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, giảng đường và phòng thực hành thí nghiệm, hệ thống CNTT của Nhà trường. Mức độ hài lòng trung bình của các nội dung này là 95,0%. Từng câu hỏi đánh giá về cơ sở vật chất đáp ứng các yêu cầu đào tạo có ý kiến đồng ý chiếm tỷ lệ khá cao (thường trên 90%). Đặc biệt ở một số nội dung về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu học tập có tỉ lệ hài lòng cao (trung bình trên 95%) như: Phòng học (diện tích, ánh sáng, bàn ghế, âm thanh) đáp ứng được các chuẩn mực tối thiểu (95,5%); Thư viện của Trường có đủ các tài liệu thiết yếu (giáo trình/ bài giảng, tài liệu tham khảo chính) theo yêu cầu đào tạo (95,2%); Cơ sở vật chất/ trang thiết bị phòng thực hành, thí nghiệm của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học (94,5%). Năm 2022 và 2023 trong khảo sát có bổ sung câu hỏi Cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động tập thể, học nhóm của SV và đều nhận được phản hồi tích cực với mức hài lòng trung bình 94,6%. Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến chưa thật hài lòng về các nội dung như “Hệ thống máy tính, mạng internet của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, khai thác thông tin phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu của SV” (trung bình có 7,7% ý kiến chưa đồng ý) [H10.10.05.02].

Năm 2019, 2022, TT ĐBCL đã lấy phiếu khảo sát đánh giá của GV khối các ngành khoa học tự nhiên của Trường ĐHSPTN về chương trình đào tạo, trong đó có 5/30 câu hỏi (từ câu 26 đến câu 30) có nội dung liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Kết quả cho thấy, GV đánh giá khá tích cực về nội dung này (trên 91%). Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến chưa thật hài lòng. Có 8,6% GV không đồng ý với nhận định “Cơ sở vật chất/ trang thiết bị của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của CTĐT”; có 5,5% GV không đồng ý với ý kiến “Cơ sở vật chất của Trường đã hỗ trợ đắc lực cho hoạt động dạy và học” và cũng có 5,3% GV không đồng ý với nhận định “Hệ thống máy tính của Trường đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, khai thác thông tin phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu của SV” [H10.10.05.03].

Cùng với việc đánh giá về cơ sở vật chất, trong báo cáo kết quả khảo sát hiệu quả, chất lượng đào tạo SV vừa tốt nghiệp năm 2019, 2020 có 40 câu hỏi về chất lượng và hiệu quả đào tạo khóa học/ ngành chỉ có 1 câu (câu 5) đề cập đến các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ học tập. Kết quả trả lời được trình bày ở biểu đồ 10.5.1 [H10.10.05.02].



Hình 10.5.1. Biểu đồ đánh giá của SV tốt nghiệp năm 2019, 2020 về hoạt động hỗ trợ học tập

SV tốt nghiệp năm 2019, 2020 cũng có nhận xét khá tích cực về các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ học tập. Kết quả trả lời thể hiện bằng sự đồng ý chiếm tỉ lệ rất cao (gần 99%).

So với các năm trước đó, phiếu khảo sát SV vừa tốt nghiệp từ năm 2021 đến 2023 đã được bổ sung, điều chỉnh, chuẩn hóa lại và có tới 74 câu hỏi về chất lượng và hiệu quả đào tạo khóa học/ ngành, trong đó nội dung về hoạt động hỗ trợ học tập có tới 13 câu (từ câu 40 đến câu 52). Điều này có nghĩa là các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ học tập ngày càng được Nhà trường quan tâm. Kết quả đánh giá của SV tốt nghiệp năm 2021-2023 về nội dung này được trình bày ở bảng 10.5.2.

Bảng 10.5.2. Đánh giá của SVTN năm 2021, 2022, 2023 về các hoạt động hỗ trợ học tập (%)

Hoạt động hỗ trợ học tập	Năm		
	2021	2022	2023
Cố vấn học tập (giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập	90.8	93.8	94.1
Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hòa nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu của SV	90.9	92.8	94.8
Các khiếu nại (nếu có) của SV luôn được giải quyết nhanh chóng và thỏa đáng	91.3	93.1	94.8
Thủ tục hành chính liên quan đến SV được giải quyết kịp thời	91.5	93.3	95
Trường/Khoa hỗ trợ SV trong thực tập và làm KLTN	94.9	95.9	95.6

Hoạt động hỗ trợ học tập	Năm		
	2021	2022	2023
Nhà trường có chính sách chăm lo sức khỏe cho SV	91.7	94.4	94.9
Nhà trường có những chính sách hỗ trợ kịp thời khi SV gặp khó khăn	93.7	95.4	95.6
Các hoạt động học thuật (trong và ngoài CTĐT) giúp SV có ý thức và kỹ năng học tập suốt đời	93.9	95	95.5
Các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu của SV	93.6	94.7	95.5
Các hoạt động ngoại khóa, đoàn, hội, kết nối và phục vụ cộng đồng phong phú, đa dạng hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo	93.3	94.7	95.4
Các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, định hướng việc làm đáp ứng nhu cầu của SV	92.2	94.1	95.1
Nhà để xe an toàn, thuận tiện	92.2	94.8	95.2
Thiết bị thể dục thể thao và sân vận động của Trường đáp ứng nhu cầu học tập và giải trí	94.9	95.4	95.5

Nhìn chung, SV tốt nghiệp các năm từ 2021 đến 2023 đánh giá khá tích cực về các hoạt động hỗ trợ học tập. Tất cả các nội dung đánh giá có tỷ lệ hài lòng khá cao (trên 90%). Trong đó có một số nội dung có mức độ đồng ý cao như: Trường/Khoa hỗ trợ SV trong thực tập và làm KLTN (trung bình 95,5%); Thiết bị thể dục thể thao và sân vận động của Trường đáp ứng nhu cầu học tập và giải trí (trung bình 95,3%); Các hoạt động học thuật (trong và ngoài CTĐT) giúp SV có ý thức và kỹ năng học tập suốt đời (trung bình 94,8%); Nhà trường có những chính sách hỗ trợ kịp thời khi SV gặp khó khăn (trung bình 94,9%); Các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu của SV (trung bình 94,6%); Các hoạt động ngoại khóa, đoàn, hội, kết nối và phục vụ cộng đồng phong phú, đa dạng hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo (trung bình 94,5%). Phần trăm hài lòng đều tăng theo các năm. Song vẫn còn một số ý kiến chưa thật hài lòng về các nội dung như “Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hòa nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu của SV” (có 9,1% chưa đồng ý) nhưng đến năm 2023 con số này đã giảm còn 5,2% [H10.10.05.02]. Dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan, Trường ĐHSPhN cần tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để đáp ứng tốt hơn nữa các yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, để thông tin phản hồi sâu sắc, thực tế hơn và thường xuyên hơn thì Nhà trường nên hướng tới đối tượng khảo sát bổ sung là GV và cán bộ hành chính.

Đối với TT TT-TV: Thư viện của Trường được xây dựng ở một khu riêng biệt, có không gian thoáng đãng và yên tĩnh. Hệ thống phòng được bố trí khoa học, thuận tiện cho SV, GV đọc và mượn tài liệu [H10.10.05.04]. Tính đến năm 2023, Thư viện của Trường

ĐHSPHN có 29 phòng chức năng với tổng diện tích sàn sử dụng là 6241m², trong đó không gian đọc có 6 phòng gồm phòng đọc chung và phòng họp nhóm có tổng diện tích 1500 m² (3 phòng đọc chung có diện tích 1250 m² và 3 phòng họp nhóm có diện tích 250 m²); khu vực lưu trữ có 5 phòng tổng diện tích 1750 m², khu vực tra cứu thông tin có 2 phòng tổng diện tích 250 m², khu vực mượn trả có 5 phòng tổng diện tích 200 m², vv. Về thiết bị công nghệ, Thư viện hiện có 50 máy tính được nối mạng internet, 9 máy in laser, 2 máy scan, 16 thiết bị mạng internet (hệ thống Switch) và phần mềm chuyên dụng Libol 8.0 (được nâng cấp tháng 1/2021 tạo điều kiện thuận lợi cho công tác số hoá nguồn tài liệu nhằm phục vụ bạn đọc đọc online), v.v... [H10.10.05.05]. Nhờ có phần mềm Libol 8.0, người dùng có thể tra cứu các thông tin: tác giả, tên luận án, luận văn, năm bảo vệ, người hướng dẫn, v.v... và đọc toàn văn các tài liệu số của Thư viện. Trang thiết bị hiện đại tạo điều kiện thuận lợi để người dùng trong toàn Trường khai thác, sử dụng các nguồn tin nhanh chóng, thuận tiện và có hiệu quả.

TT TT-TV của Trường có số lượng tài liệu tương đối phong phú, đa dạng để phục vụ nhu cầu bạn đọc. Tính đến 17/3/2022, về số lượng tài nguyên thông tin (bản in), cụ thể giáo trình (tài liệu bắt buộc) có 2651 đầu sách với 104526 bản sách; sách tham khảo (bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ) có 54668 đầu sách với 147677 bản sách; các tài liệu khác (luận án, luận văn, bài tạp chí, đề tài nghiên cứu khoa học) có 54324 đầu sách với 58788 bản sách. Về số lượng tài liệu điện tử (là tài nguyên thông tin được số hoá) gồm có 6 giáo trình (tài liệu bắt buộc), 248 sách tham khảo (bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ), 15310 luận án và luận văn, 9908 bài tạp chí, 246 đề tài NCKH [H10.10.05.05]. Tính đến 30/6/2024, số lượng tài liệu bản in có trong Thư viện của Trường là 248253 bản sách, 31556 luận án, luận văn, bài trích tạp chí có 29796 bài và 6069 đề tài KHCN. Tài liệu số hoá, sách có 1065 tên, luận án và luận văn có 20453 tên, bài tạp chí có 25477 bài, đề tài NCKH có 350 đề tài [H10.10.05.06].

Nội qui của Thư viện, qui trình mượn trả tài liệu tại các phòng phục vụ được qui định rõ ràng và cụ thể; tài liệu hướng dẫn sử dụng Thư viện và hướng dẫn khai thác Thư viện số được trình bày đơn giản, dễ hiểu, gồm từng bước cụ thể kèm với hình ảnh minh hoạ [H10.10.05.07]. Để triển khai kế hoạch giảng dạy - học tập và hỗ trợ học tập trực tuyến của Trường ĐHSPHN đạt hiệu quả tốt, TT TT-TV đã ra thông báo về việc hướng dẫn khai thác, sử dụng tài liệu số dành cho cán bộ, GV và dành cho học viên, SV, học sinh [H10.10.05.08]. Đồng thời, TT TT-TV đã đăng tải bản thông báo hướng dẫn khai thác, sử dụng tài liệu số qua các kênh thông tin:

Fanpage của TT TT-TV, Trường ĐHSPHN <https://www.facebook.com/lib.hnue>

Lib.hnue.edu.vn

<http://daotao.hnue.edu.vn/forum/newscontent.aspx?id=1489&pg=0>

Để bổ sung các tài liệu có giá trị khoa học, phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học của người dùng tin, hàng năm Thư viện đều thực hiện việc rà soát, thống kê các tài liệu hiện có và thông báo đến các Khoa về việc mua bổ sung

tài liệu mới. Đồng thời, Thư viện cũng gửi thông báo tới các Khoa danh mục các tài liệu đã mua bổ sung hàng năm theo yêu cầu của các Khoa. Chẳng hạn theo rà soát tháng 2.2023, Thư viện đã mua mới 80 báo, tạp chí tiếng Việt; 571 cuốn sách tiếng Việt, 68 cuốn sách tiếng Anh, 40 cuốn sách tiếng Trung, CSDL Proquest, 128 thẻ bạn đọc được quyền truy cập trong năm 2022. Ngoài ra có 1224 cuốn sách được các tập thể và cá nhân tặng. [H10.10.05.09].

Bên cạnh đó, để hỗ trợ cho GV, nhất là các GV làm công tác quản lý hay chủ trì các đề tài, hướng dẫn SV làm nghiên cứu khoa học, làm khóa luận tốt nghiệp hay học viên cao học làm luận văn tốt nghiệp, vv. tiếp cận được với nguồn cơ sở dữ liệu online của nhiều tạp chí quốc tế có uy tín như Scopus, Springer Nature, ProQuest, vv. Trường đã quyết định chỉ định đơn vị cung cấp thẻ bạn đọc đặc biệt, kí các hợp đồng kinh tế để mua thẻ bạn đọc đặc biệt cho 67 - 131 cán bộ, GV từ cấp Trưởng bộ môn trở lên có nhu cầu khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NASATI), trong đó Khoa Hóa học có từ 4 đến 7 GV đã được cấp quyền truy cập cơ sở dữ liệu (thẻ bạn đọc đặc biệt) [H10.10.05.10]. Như vậy, GV của Khoa có thể tiếp cận được các giáo trình, công bố khoa học cập nhật của thế giới cũng như trong nước.

Để nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện, hàng năm Trường đều tiến hành điều tra về mức độ đáp ứng tài liệu của Thư viện, Thư viện điện tử để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát 5 năm gần đây cho thấy, trên 95,2% SV vừa tốt nghiệp đã đồng ý với nhận định “Thư viện của Trường có đủ các tài liệu thiết yếu (giáo trình/ bài giảng, tài liệu tham khảo chính) theo yêu cầu đào tạo” [H10.10.05.02]. Bên cạnh đó, TT TT-TV cũng tiến hành điều tra người dùng tin định kì hàng năm để phục vụ kế hoạch năm học và kiểm định chất lượng. Theo báo cáo về việc điều tra nhu cầu tin năm học 2018 - 2019, giáo trình, sách tham khảo và luận án, luận văn được người dùng tin đánh giá là đủ. Từ điển, báo, tạp chí được đánh giá là tạm đủ, còn tài liệu điện tử được đánh giá là thiếu. Theo báo cáo khảo sát nhu cầu tin năm học 2020 - 2021 thì 97% người dùng tin cho rằng nguồn lực thông tin tại Thư viện thỏa mãn nhu cầu của họ. Đến năm học 2021 - 2022 thì 100% người dùng tin cho rằng nguồn lực thông tin tại Thư viện thỏa mãn nhu cầu của họ và có đến 61,7% người dùng tin mong muốn được sử dụng tài liệu số [H10.10.05.11]. Kết quả khảo sát người dùng tin năm học 2022-2023 cho thấy số lượng người dùng thư viện số đã tăng đến 39% và 78% hài lòng với dịch vụ Thư viện số (Libol BookWorm) nhưng cũng có 22% cho rằng thư viện số cần được cải thiện. Từ năm học 2021 - 2022 TT TT-TV đã tổ chức “Hội nghị bạn đọc” nhằm mục đích nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu thông tin của bạn đọc. Các ý kiến đề xuất, kiến nghị của đại biểu tham dự là cơ sở thiết thực để công tác phục vụ bạn đọc của Thư viện ngày càng tốt hơn [H10.10.05.12].

Năm học 2019-2020 số liệu bạn đọc 88.155 nhưng giảm ở các năm sau do thư viện có kênh đọc tài liệu điện tử. Số liệu thống kê thu được số lượng người đọc tài liệu điện tử từ năm học 2020-2021 đến 2022-2023 tại TT TT-TV tăng qua các năm. Năm học 2020-2021 chỉ có 2.993 lượt người đọc tài liệu điện tử nhưng đến năm học 2022-2023 số lượng người đọc tài liệu điện tử lên đến 31.860 [H10.10.05.13]. Nhằm thực hiện việc cải tiến chất

lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ của TT TT-TV, Nhà trường cấp nguồn kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất và bổ sung thêm nguồn tài liệu cho Thư viện, bình quân mỗi năm (từ 2019-20230 là 772.752.000 đồng [H10.10.05.14].

Đối với CSVC nhà trường: Các trang thiết bị phục vụ đào tạo cũng được Trường và Khoa quan tâm. Để cải tiến hoạt động trang bị, bảo trì cũng như để nâng cao hơn nữa tính hiệu quả của công tác trang bị, bảo trì thiết bị, Nhà trường đã có thông báo để các đơn vị trong toàn Trường xây dựng kế hoạch đề xuất sửa chữa, trang bị thiết bị cho năm học tiếp theo. Cụ thể là hàng năm phòng KHCN tiến hành rà soát, kiểm kê, đánh giá các trang thiết bị phục vụ đào tạo tại các khoa, sau đó gửi các thông báo đề xuất mua sắm các trang thiết bị thay thế, bổ sung phục vụ cho việc dạy - học - nghiên cứu của GV và SV [H10.10.05.15]. Khoa triển khai kịp thời đến từng bộ môn các chủ trương của Trường và đều có các đề xuất lên Trường các danh mục trang thiết bị cần mua và sửa chữa của Khoa [H10.10.05.16].

Nhà trường cũng thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hạ tầng, cơ sở vật chất để phục vụ cho công tác đào tạo và các hoạt động của Trường [H10.10.05.17]. 100% các phòng học được quy hoạch tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng tự nhiên; 100% các phòng học được lắp đặt và duy trì vận hành tốt hệ thống thiết bị nghe, nhìn, internet wifi; 100% các giảng đường được lắp đặt điều hòa không khí; 50% hệ thống bàn, ghế giảng đường được nâng cấp theo xu hướng năng động nhằm đáp ứng các giải pháp dạy học tích cực, sáng tạo. Song ở một số phòng học vẫn còn tình trạng máy chiếu bị mờ hình, nhoè chữ; micro không ổn định và thiếu đồng hồ hoặc đồng hồ hết pin không được thay thế kịp thời.

Hệ thống CNTT: cũng được Trường quan tâm và đầu tư đồng bộ. Hệ thống mạng không dây được lắp đặt hầu hết các đơn vị trong toàn trường. Đặc biệt, mạng internet được kết nối trong toàn bộ khuôn viên của Trường. Tất cả các máy vi tính trong toàn Trường được nối mạng internet 24/24 giờ. Nhà trường đã ban hành qui chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử nhằm quảng bá hình ảnh của Trường và các đơn vị trực thuộc trên mạng internet, cung cấp thông tin và hệ thống các văn bản, biểu mẫu, tài liệu liên quan đến tổ chức, hoạt động của Trường và các đơn vị trực thuộc, vv. thông qua 2 địa chỉ bằng tiếng Việt <https://hnue.edu.vn/> và bằng tiếng Anh <http://english.hnue.edu.vn/> [MC qui chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử]. GV và SV dễ dàng truy cập 2 trang thông tin trên để cập nhật các thông tin liên quan cũng như SV nắm được thời khóa biểu, lịch thi, kết quả học hoặc các thông báo của Trường, đáp ứng được yêu cầu đổi mới CNTT trong thời đại 4.0 [H10.10.05.18]. Do đó, SV chủ động trong việc học/đăng kí tín chỉ cũng như giáo vụ Khoa dễ dàng quản lý được quá trình học của SV.

Để hỗ trợ cán bộ, nhà quản lý cấp Khoa, Trường trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá tổng giờ dạy học, nhiệm vụ NCKH hay các nhiệm vụ khác của từng cán bộ, Nhà trường đã ban hành qui định sử dụng phần mềm quản lý giờ giảng [H10.10.05.19] và tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý giờ giảng [H10.10.05.20]. Phần mềm cung cấp các công cụ giúp cho GV theo dõi các nhiệm vụ giảng dạy được phân công trong từng năm học, đồng thời GV có thể quản lý, khai báo và theo dõi tình hình thực hiện các nhiệm vụ NCKH và

các nhiệm vụ khác được giao trong năm học. Phần mềm sẽ tự động tính toán kết quả thực hiện nhiệm vụ thường xuyên ngay sau khi dữ liệu được cập nhật lên hệ thống.

Công tác duy tu, bảo trì hệ thống CNTT luôn được Trường quan tâm và thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng cho cán bộ, GV, người học, sử dụng hiệu quả hệ thống CNTT [H10.10.05.21]. Nhà trường đã định kỳ ký hợp đồng cung cấp mạng internet cho toàn trường, mua phần mềm diệt virus và tường lửa nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống mạng của Trường, thông báo và mua phần mềm zoom bản quyền hỗ trợ công tác giảng dạy và công tác chuyên môn của Trường [H10.10.05.22]. Thực hiện dự án nâng cao năng lực về cơ sở vật chất và hạ tầng CNTT trong khuôn khổ chương trình ETEP, Trường đã ký hợp đồng và triển khai xây dựng, nâng cấp hệ thống CNTT, cơ sở vật chất trong Nhà trường, đây là dự án tổng thể, có quy mô lớn của Trường, tập trung vào một số nội dung như: xây dựng website và nâng cấp đường truyền; xây dựng phần mềm lõi phục vụ quản lý và đào tạo; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện điện tử và thư viện số, vv. [H10.10.05.23].

Các dịch vụ hỗ trợ khác cũng được Trường rất chú trọng. Hàng năm, Trường tổ chức tập huấn cho SV mới vào Trường cách đăng ký TC giúp cho SV mới nhập trường đăng ký TC nhanh và phù hợp với trình độ học tập của mình, đồng thời giải đáp các thắc mắc liên quan đến quy chế đào tạo và hệ thống đào tạo theo TC, giúp cho SV có cái nhìn tổng quan về chương trình đào tạo, lộ trình học tập và hướng phấn đấu trong học tập [H10.10.05.24].

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, Nhà trường cũng đã có hướng dẫn đăng nhập vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Trường và hướng dẫn về dạy học qua mạng [H10.10.05.25]. Trường còn tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức miễn phí cho SV năm cuối nhằm trang bị thêm kiến thức đáp ứng nhu cầu giáo dục mới của chương trình giáo dục phổ thông [H10.10.05.26]. Không chỉ tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập, Trường còn tổ chức khám sức khỏe cho SV mới nhập học và SV chuẩn bị tốt nghiệp [H10.10.05.27], tiến hành phun hoá chất và phun khử khuẩn trong toàn trường để phòng chống dịch bệnh cho SV [H10.10.05.28]; tổ chức các buổi giao lưu, hỏi đáp để lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của SV [H10.10.05.29]; hỗ trợ tư vấn tâm lý cho SV [H10.10.05.30]; hỗ trợ kinh phí khi SV gặp khó khăn [H10.10.05.31]; tư vấn, định hướng việc làm cho SV thông qua ngày hội việc làm [H10.10.05.32] và mạng lưới cựu SV tại website <http://alumni.hnue.edu.vn> [H10.10.05.33].

Như vậy, Trường ĐHSPTH cần tiến hành cải tiến TT TT-TV, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, vv. nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và tiện ích của các hệ thống này.

2. Điểm mạnh:

Các dịch vụ tiện ích, các hoạt động hỗ trợ người học tại Thư viện, hệ thống CNTT có chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH.

3. Tồn tại:

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được tiến hành thường xuyên trên cơ sở ý kiến đóng góp của GV và cán bộ hành chính.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hàng năm tiến hành đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích dựa trên kết quả khảo sát GV và cán bộ hành chính	TT ĐBCL, TT TT-TV	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cung cấp các dịch vụ với chất lượng cao như Thư viện, hệ thống CNTT	TT TT-TV, TT CNTT	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng:

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan luôn được Nhà trường chú trọng. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan giúp Nhà trường đánh giá hiện trạng các hoạt động ĐBCL nội bộ; có cơ sở để nhận xét, đánh giá hiệu quả công tác quản lý và các hoạt động đào tạo để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; đáp ứng yêu cầu của công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cũng như chương trình đào tạo của Bộ GD & ĐT; xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng Nhà trường; góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong Trường.

Công tác thu thập phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được thể hiện ở chỗ Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về công tác ĐBCL của Trường ĐHSPHN bao gồm các mục tiêu, nguyên tắc cơ bản, xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong, tự đánh giá chất lượng, công tác giám sát và trách nhiệm thi hành [H10.10.06.01]. Trong văn bản quy định mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường bao gồm Ban Giám hiệu, Ban ĐBCL của Trường, TT ĐBCL, bộ phận ĐBCL của các khoa, phòng/ ban/ trung tâm thuộc Trường ĐHSPHN. Như vậy là Trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Văn bản cũng quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các thành phần trong mạng lưới ĐBCL bên trong. Ban Giám hiệu cụ thể là Hiệu trưởng tổ chức xây dựng chiến lược ĐBCL trình Hội đồng Trường thông qua, vv. ; lãnh đạo, chỉ đạo và đảm bảo các nguồn lực để hệ thống ĐBCL được xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến thường xuyên...; tổ chức và giám sát các hoạt động đánh giá bên trong; báo cáo Hội đồng Trường về kết quả hoạt động của hệ thống ĐBCL và nhu cầu cải tiến chất lượng. Ban ĐBCL giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động ĐBCL giáo dục của Trường; xây dựng các chính sách về ĐBCL của Trường, vv. TT ĐBCL tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc ban

hành chiến lược về ĐBCL của Nhà trường; xây dựng các quy trình, kế hoạch, biểu mẫu về ĐBCL, vv. ; thống kê và báo cáo kết quả công tác ĐBCL, vv. ; chủ trì soạn thảo báo cáo về hoạt động ĐBCL, vv. ; phối hợp với các đơn vị tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan... Bộ phận ĐBCL thuộc phòng/ ban/ trung tâm phối hợp với TT ĐBCL triển khai thực hiện tự đánh giá và kiểm định CSGD/CTĐT; xây dựng kế hoạch ĐBCL hằng năm của đơn vị, vv. ; xây dựng cơ sở dữ liệu, quy trình vận hành, cung cấp thông tin, minh chứng có liên quan đến hoạt động ĐBCL thuộc phạm vi phụ trách của đơn vị, vv. Bộ phận ĐBCL thuộc khoa duy trì và cập nhật thông tin liên lạc với các bên liên quan, phối hợp thực hiện việc lấy ý kiến các bên liên quan, vv. ; lập kế hoạch khảo sát, thống kê số liệu và báo cáo kết quả khảo sát cho Nhà trường qua TT ĐBCL [H10.10.06.01]. Về các thành phần trong mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường ĐHSHPN, năm 2005, Nhà trường đã thành lập TT ĐBCL và khảo thí [H10.10.06.02]. Năm 2018, Trung tâm được đổi tên thành TT ĐBCL [H10.10.06.03]. Theo các quyết định số 1146/QĐ- ĐHSHPN ban hành ngày 19/4/2016 và 3056/QĐ-ĐHSHPN ban hành ngày 12/8/2020, TT ĐBCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; đồng thời nghiên cứu, tư vấn về tổ chức tự đánh giá định kì, theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD & ĐT, của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia, khu vực. Trung tâm là đầu mối thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đến các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.04]. Năm 2021, Trường đã ra quyết định thành lập mạng lưới ĐBCL giáo dục [H10.10.06.05]. Các thành viên thuộc mạng lưới ĐBCL giáo dục có nhiệm vụ triển khai các hoạt động ĐBCL nội bộ của Nhà trường theo quy định. Cũng trong năm 2021, nhằm hoàn thiện mạng lưới hoạt động ĐBCL bên trong, Trường đã ra quyết định thành lập Ban ĐBCL với nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động ĐBCL giáo dục và khảo thí. Và tại các đơn vị chức năng (phòng/ ban/ trung tâm) cũng như các đơn vị đào tạo có bộ phận ĐBCL tại đơn vị để thực hiện các hoạt động ĐBCL của Trường. Năm 2022, Nhà trường đã kiện toàn mạng lưới ĐBCL [H10.10.06.22].

Việc thu thập thông tin phản hồi được tiến hành một cách có hệ thống dựa trên các văn bản quy định. Cùng với việc ban hành văn bản quy định về công tác ĐBCL, Trường cũng ban hành quy trình xây dựng chính sách, quy định, công cụ quản lý của Trường ĐHSHPN. Sơ đồ quy trình bao gồm tuân tự các bước sau [H10.10.06.06]:

- + Đơn vị đề nghị: Đề nghị xây dựng quy định, quy chế;
- + Đơn vị soạn thảo: Nộp hồ sơ đề nghị xây dựng quy định, quy chế cho phòng HCĐN;
- + Phòng HCĐN: Thẩm định đề nghị xây dựng quy định, quy chế, trình Ban Giám hiệu;
- + Ban Giám hiệu: Xem xét, thông qua đề nghị xây dựng quy định, quy chế;
- + Phòng HCĐN, Đơn vị soạn thảo: Thành lập Ban soạn thảo, Hội đồng thẩm định quy định, quy chế;
- + Ban soạn thảo quy chế: Soạn thảo quy định, quy chế;

- + Các đơn vị được giao quy định chi tiết: Lấy ý kiến dự thảo quy định, quy chế;
- + Hội đồng thẩm định quy chế: Thẩm định dự thảo quy định, quy chế;
- + Đơn vị được giao quy định chi tiết: Chính lí, hoàn thiện (Ban soạn thảo: Xin ý kiến các đơn vị liên quan ⇒ Hội đồng thẩm định: Thẩm tra ⇒ Ban Giám hiệu: Xem xét, cho ý kiến ⇒ Ban soạn thảo: Tiếp tục hoàn thiện kĩ thuật văn bản)
- + Ban Giám hiệu: Xem xét, thông qua, kí ban hành;
- + Phòng HCĐN: Công bố, ban hành quy định, quy chế.

Như vậy là, Nhà trường đã xây dựng nội dung về khảo sát các bên liên quan trong quy định đảm bảo nội bộ. Trên cơ sở đó, TT ĐBCL ban hành các văn bản hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, trong đó có chỉ rõ công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.07, H10.10.06.08]. Đối sánh văn bản hướng dẫn của năm 2021 với năm 2020 có thể thấy quy trình thực hiện khảo sát đã được điều chỉnh cho phù hợp hơn.

Bảng 10.6.1. So sánh quy trình thực hiện khảo sát năm 2020 và 2021

Quy trình khảo sát	Hướng dẫn số 84b (2020)	Hướng dẫn số 578 (2021)
Bước 1	Xây dựng kế hoạch và thiết kế phiếu khảo sát	Xây dựng kế hoạch khảo sát
Bước 2	Báo cáo kế hoạch khảo sát	Thu thập thông tin phản hồi
Bước 3	Thu thập thông tin phản hồi	Hoàn thành khảo sát, xử lí kết quả, thống kê dữ liệu
Bước 4	Hiệu chỉnh, nhập, xử lí dữ liệu và tổng hợp kết quả	Viết báo cáo tổng hợp
Bước 5	Viết báo cáo tổng hợp	Công bố báo cáo tổng hợp
Bước 6	Công bố báo cáo tổng hợp	Cải tiến và thực hiện cải tiến
Bước 7	Lưu trữ (dữ liệu, minh chứng, báo cáo)	Lưu trữ (dữ liệu, minh chứng, báo cáo)

Thông qua bảng thống kê có thể thấy, cả hai hướng dẫn có số lượng các bước thực hiện giống nhau, nhưng công việc thực hiện không hoàn toàn giống nhau. Quy trình năm 2021 hợp lý và khoa học hơn, đồng thời có thêm bước cải tiến và thực hiện cải tiến, tức là các đơn vị họp thảo luận về kết quả đánh giá, xác định các tiêu chí cần điều chỉnh, cải tiến và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, các biện pháp, giải pháp, chính sách cần cải tiến.

TT ĐBCL phối hợp cùng với các khoa đào tạo thực hiện các nhiệm vụ khảo sát hàng năm thông qua công cụ là các phiếu khảo sát được xây dựng chủ yếu dưới dạng câu hỏi lựa chọn theo mức độ hài lòng hoặc mức độ đồng ý của người được hỏi. Phiếu khảo sát do đơn vị chuyên trách thực hiện khảo sát thiết kế, có thể được điều chỉnh, bổ sung sau mỗi học kỳ, năm học và được phê duyệt thông qua trước khi đưa vào lấy ý kiến [H10.10.06.09].

Đối tượng lấy ý kiến phản hồi bao gồm các bên liên quan trong Trường (người học các hệ đào tạo, cán bộ viên chức, người lao động), các bên liên quan ngoài Trường (cựu người học; nhà tuyển dụng, chuyên gia, nhà khoa học). Kế hoạch khảo sát các bên liên quan được tổ chức thường xuyên hoặc định kỳ phụ thuộc vào nội dung được lấy ý kiến: lấy ý kiến phản hồi của SV về công tác giảng dạy của GV tiến hành 2 lần/năm sau khi kết thúc học kì I, II [H10.10.06.10]; khảo sát SV vừa tốt nghiệp về chất lượng ngành/ khóa đào tạo tiến hành 1 lần/năm vào tháng 6 - tháng 7 hàng năm [H10.10.06.11]; khảo sát cựu SV về tình hình việc làm sau tốt nghiệp tiến hành 1 lần/năm vào tháng 11 - tháng 12 hàng năm [H10.10.06.12]; lấy ý kiến GV, cựu SV, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo 2 năm/ lần [H10.10.06.13]. Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, học viên và SV đối với cán bộ, viên chức hành chính [H10.10.06.14]; lấy ý kiến của người học đối với dịch vụ giáo dục công [H10.10.06.15].

Và tùy điều kiện cụ thể, các khoa, các đơn vị được giao trách nhiệm chủ trì áp dụng phương pháp thu thập điều tra xã hội học như: điều tra trên giấy (bằng giấy hoặc trực tuyến) hoặc phỏng vấn trực tiếp hoặc qua phần mềm lấy ý kiến. Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học. Phương pháp thu thập đa dạng, các công cụ thực hiện có độ tin cậy. Các thông tin, dữ liệu đã thu thập được tổng hợp, kiểm tra, xử lý, phân tích và lưu trữ bằng phần mềm excel hoặc phần mềm thống kê chuyên dụng SPSS. Báo cáo kết quả khảo sát là căn cứ để đơn vị thực hiện đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, các biện pháp, giải pháp, chính sách cần cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H10.10.06.16].

Hệ thống phiếu khảo sát cũng đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác hơn [H10.10.06.17]. Trước năm 2019, mẫu phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy có 30 câu hỏi với 4 mức đánh giá: không đồng ý, phân vân, đồng ý và hoàn toàn đồng ý; từ năm 2019 đã được thay thế bằng mẫu phiếu mới là mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với GV với 17 câu hỏi ở 5 mức độ đánh giá: cần cải thiện, đạt, khá, tốt và xuất sắc sau khi gửi lấy ý kiến của các bên liên quan [H10.10.06.10, H10.10.06.18]. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 bùng phát, phiếu khảo sát từ người học đối với GV đã bổ sung thêm một số câu hỏi liên quan đến nội dung dạy học online. Bộ câu hỏi khảo sát SV vừa tốt nghiệp cũng đã được bổ sung, điều chỉnh và chuẩn hoá lại vào năm 2021 trên cơ sở tham khảo nhiều bộ phiếu khảo sát của nhiều trường đại học trong nước cũng như ngoài nước và ý kiến đóng góp của GV, cán bộ quản lý các khoa, phòng đào tạo, vv. Nhóm câu hỏi về chất lượng và hiệu quả đào tạo khóa học/ ngành học trong bộ phiếu năm 2021 gồm 74 câu hỏi (nhiều hơn 34 câu so với bộ phiếu các năm trước đó) và hỏi tập trung vào các nội dung như CTĐT; công tác tổ chức thực hiện hoạt động dạy - học, phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá; hoạt động hỗ trợ học tập; sự hài lòng của người học. Trong năm học 2021 - 2022, TT ĐBCL đã xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến trong kế hoạch nhằm cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.19, H10.10.06.20].

Nội dung công việc cụ thể cần cải tiến và kết quả thực hiện cải tiến hoạt động khảo sát các bên liên quan chi tiết như sau: 1) Tìm kiếm công cụ thực hiện khảo sát đáp ứng tình hình thực tế do dịch bệnh COVID-19 và kết quả đã hoàn thành với sản phẩm là bảng hỏi và link khảo sát; 2) Liên hệ các đơn vị và tổ chức cung cấp phần mềm khảo sát trao đổi và hợp tác, kết quả thực hiện đã hoàn thành với sản phẩm gồm phần mềm Lime survey – Đại học Ngoại thương, hội nghị xây dựng hệ thống thông tin tổng của Trường ĐHSPhN, giới thiệu hệ thống Đại học điện tử - Đại học Công nghiệp Hà Nội; 3) Tổ chức tập huấn thực hiện khảo sát qua các công cụ trực tuyến miễn phí (google form) đã hoàn thành với sản phẩm là tập huấn qua phần mềm zoom về việc tạo đường link khảo sát lấy ý kiến người học đối với GV trên Google Form cho QLSV/ giáo vụ các khoa đào tạo; 4) Điều chỉnh các phiếu khảo sát (hệ thống hoá quy trình, mã hoá bảng hỏi, rà soát, bổ sung các nội dung phù hợp đối với từng mẫu phiếu đã hoàn thành với sản phẩm là hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan số 578/HD-ĐHSPhN ngày 10/12/2021; 5) Xây dựng kế hoạch cụ thể và phương án triển khai năm học 2021-2022 đã hoàn thành với sản phẩm là báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng công tác năm học 2021-2022...; 6) Xây dựng nội dung về khảo sát các bên liên quan trong quy định đảm bảo chất lượng nội bộ đã hoàn thành với sản phẩm là quyết định về việc ban hành quy định đảm bảo chất lượng của Trường ĐHSPhN, số 5376b ngày 30/11/2021 [H10.10.06.20].

Trên cơ sở các phản hồi của các bên liên quan, năm 2020, khi triển khai xây dựng CTĐT mới, Trường và Khoa đã có các điều chỉnh kịp thời CTĐT, điều chỉnh hoạt động dạy - học, cụ thể như sau: tăng cường thời lượng cho khối học vẫn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm 35 tín chỉ (tăng 1 tín chỉ so với CTĐT năm 2014), xây dựng các học phần mới đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng như nhu cầu của xã hội như: Hóa học sự sống, Hóa học xanh, Thực hành hóa học tính toán. Các học phần tự chọn được tăng cường trong CTĐT năm 2020 để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, mong muốn của SV và cựu người học [H10.10.06.21]. Đặc biệt, năm 2021, Trường thông qua TT ĐBCL đã tiến hành khảo sát hiệu quả, chất lượng đào tạo đối với 69 SV của Khoa tốt nghiệp năm 2020 ([H10.10.06.16]. Điều này đã phản ánh cơ chế phản hồi của các bên liên quan đến CTĐT/ CTDH đã được cải tiến. Năm học 2023 - 2024, công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các khảo sát thường xuyên và khảo sát định kỳ bước đầu được thực hiện thông qua phân hệ khảo sát E-survey trong phần mềm quản lý tổng thể PSC tại địa chỉ: <http://esurvey.hnue.edu.vn/Systems/Security/Login.aspx>. Trong học kỳ 1, năm học 2023 - 2024, TT ĐBCL đã triển khai khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy các học phần chung được thực hiện khảo sát thí điểm qua phần mềm E – survey (đối với SV k73) [H10.10.06.09, CV số 468 ngày 21/11/2023]. Sang học kỳ 2, TT đã triển khai khảo sát hoàn toàn trên phần mềm E-survey đối với khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy và khảo sát chất lượng ngành/khoá đào tạo [H10.10.06.09, CV số 101, ngày 26/03/2024]. T8/2024, TT đã xây dựng KH khảo sát thực hiện trên phần mềm E-survey [H10.10.06.23, MC KH393].

2. Điểm mạnh:

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, được đánh giá thường xuyên và cải tiến phù hợp với tình hình thực tế.

3. Tồn tại:

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT gặp khó khăn và chưa đa dạng hình thức lấy ý kiến.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thời gian và phương pháp lấy ý kiến lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng cần linh hoạt hơn	TT ĐBCL, Khoa Hóa học	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan cần tiếp tục được cải tiến	TT ĐBCL, Khoa Hóa học, P. Đào tạo	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Các kênh phản hồi được Trường sử dụng đa dạng: Phiếu khảo sát, hội nghị, đối thoại, email, ý kiến chuyên gia. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở góp phần giúp Trường, Khoa, bộ môn rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT của ngành cũng như chất lượng CTDH. Khoa Hóa học đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Các GV của Khoa tiếp tục phát huy thế mạnh về NCKH, đặc biệt tham gia chủ trì nhiều đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước cũng như công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí quốc tế uy tín, hỗ trợ Bộ GD&ĐT trong việc biên soạn SGK, sách hướng dẫn cho chương trình giáo dục phổ thông mới. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Việc đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Khoa và bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV. Các quy định về nhân sự trong việc hỗ trợ công tác rà soát, kiểm tra quá trình dạy-học được quy định rõ ràng (Thanh tra Giáo dục, Phó Khoa phụ trách học tập, cố vấn học phần-cố vấn giảng dạy, CVHT). Các kết quả học tập của SV được công bố công khai, minh bạch. Những đánh giá về kết quả học tập của SV và quá trình dạy và học được Trường, Khoa đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Khoa và bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác cải tiến CTĐT, CTDH và các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập. Các kết quả học tập của SV được công bố công khai, minh bạch.

Tuy nhiên, (i) chưa tổ chức thường xuyên các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá nhu cầu thực tế của CTĐT theo CDR; (ii) cần chủ động hơn trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có cả các nhà tuyển dụng, chuyên gia (đặc biệt các chuyên gia đang giảng dạy ngành Sư phạm Hóa học ở các nước tiên tiến) và các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích cho quá trình dạy-học; (iii) việc tổ chức dự giờ vẫn chưa huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong khoa; (iv) Số lượng bài báo về khoa học giáo dục trên các tạp chí quốc tế của các GV trong khoa đã có nhiều chuyển biến nhưng vẫn còn hạn chế; (v) Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được tiến hành thường xuyên trên cơ sở ý kiến đóng góp của cán bộ hành chính; (vi) Việc lấy ý kiến khảo sát của các nhà tuyển dụng về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên.

Đánh giá tiêu chuẩn 10

Tiêu chuẩn 10	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 10.1					X		
Tiêu chí 10.2					X		
Tiêu chí 10.3					X		

Tiêu chuẩn 10	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 10.4					X		
Tiêu chí 10.5					X		
Tiêu chí 10.6					X		
Điểm tiêu chuẩn	5,00						

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá chất lượng của CTĐT. Nhà trường có các công cụ để giám sát kết quả đầu ra thông qua việc theo dõi, đánh giá tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp chuyên ngành được đào tạo. Căn cứ trên kết quả giám sát hàng năm, Nhà trường phối hợp cùng Khoa đưa ra các biện pháp để hỗ trợ người học và cải tiến chất lượng CTĐT.

Trong CTĐT, NCKH được xem là hoạt động song hành với hoạt động học tập của SV, tham gia NCKH giúp SV nâng cao năng lực thực hành, củng cố và vận dụng sáng tạo kiến thức lý thuyết. Nhận thức được vai trò của hoạt động này, Nhà trường và Khoa luôn có các chính sách động viên, khuyến khích SV tham gia vào hoạt động NCKH theo các cấp độ và loại hình khác nhau với mục đích nâng cao kết quả đầu ra.

Bên cạnh việc giám sát của Nhà trường thì kết quả đầu ra được đánh giá khách quan thông qua mức độ hài lòng của các bên liên quan gồm GV, SV và nhà tuyển dụng. Sự phản hồi của các bên liên quan đối với chất lượng SV tốt nghiệp là căn cứ để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động tốt nghiệp chuyên ngành cử nhân SPHH của xã hội.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

Đơn vị có trách nhiệm trực tiếp giám sát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của người học là phòng Đào tạo, cùng với đó là sự hỗ trợ của Giáo vụ Khoa và Cán bộ quản lý SV [H11.11.01.01; H11.11.01.02]. Từ 2019 - 2023, nhà trường sử dụng phần mềm Unisoft (công đăng kí tín chỉ cho SV tại: daotao.hnue.edu.vn) cho tới học kì 2 năm học 2023 - 2024, Trường ĐHSPTN sử dụng phần mềm quản lý tổng thể PSC (công đăng ký tín chỉ trên phần mềm tại địa chỉ: tinchi.hnue.edu.vn) để quản lý quá trình học tập của SV, theo dõi và cập nhật danh sách SV khi có sự biến động như: SV tốt nghiệp, SV thôi học hay bảo lưu [H11.11.01.03]. Bên cạnh công cụ này, các quy định chung về đào tạo cũng như quy trình xét tốt nghiệp hay thôi học đã được quy định rõ trong Quy chế đào tạo theo hệ thống TC của Trường ĐHSPTN [H11.11.01.04].

Ngoài ra, để tăng cường cho công tác quản lý và tư vấn học tập cho SV, từ năm 2019, Nhà trường đã ban hành quyết định phân công và giao nhiệm vụ cho cán bộ làm công tác CVHT. Theo đó, chức năng và nhiệm vụ của CVHT được quy định rõ ràng, thầy cô là CVHT có trách nhiệm theo dõi quá trình học tập của SV từ khi vào Trường đến khi tốt nghiệp, qua đó có các biện pháp tư vấn, hỗ trợ kịp thời giúp SV xây dựng kế hoạch học tập hợp lý, hạn chế tình trạng thôi học và chậm tốt nghiệp [H11.11.01.05].

Về việc thôi học của SV, CVHT chủ động nắm bắt thông tin từ SV, tìm hiểu cụ thể nguyên nhân khiến SV có nguyện vọng dừng học. Dựa trên thông tin thu thập được, CVHT sẽ phối hợp cùng lớp, gia đình để đưa ra các tư vấn phù hợp nhằm hỗ trợ, động viên và

khuyến khích SV tiếp tục học tập. Trong trường hợp SV muốn bảo lưu kết quả học tập hay thôi học, căn cứ trên quy trình đã quy định trong quy chế đào tạo, Khoa sẽ tiếp nhận và chuyển đơn của người học lên trường, căn cứ vào đó Nhà trường sẽ ra các quyết định bảo lưu, thôi học cho từng SV [H11.11.01.06]. Dựa trên các quyết định này, các CVHT, cán bộ quản lí SV theo dõi được biến động số lượng SV từng lớp/ khóa, thống kê được tỉ lệ thôi học của SV [H11.11.01.07].

Bảng 11.1.1. Thống kê số lượng SV theo kì

HK I 2019-2020	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K66	80	80	0	0
K67	92	92	01	0
K68	95	95	03	0
K69	118	118	01	0
Tổng	385	385	05	0
TL%		100%	1,3%	
HK II 2019-2020	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K67	91	90	02	01
K68	95	94	01	01
K69	115	114	04	01
Tổng	301	298	07	03
TL%		99%	2,3%	0,9%
HK I 2020-2021	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K67	90	90	0	0
K68	93	93	01	0
K69	110	110	01	0
K70	321	321	0	0
Tổng	614	614	02	0
TL%		100%	0,3%	0
HK II 2020-2021	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học

K68	94	94	0	0
K69	110	109	02	01
K70	315	315	04	0
Tổng	519	518	06	01
TL%		99,8%	1,1%	0,2%
HK I 2021-2022	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K68	94	94	0	0
K69	106	106	0	0
K70	311	310	02	01
K71	210	210	06	0
Tổng	721	720	08	01
TL%		99,8%	1,1%	0,1%
HK II 2021-2022	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K68	11	11	0	0
K69	106	106	01	0
K70	305	305	09	0
K71	205	199	08	06
Tổng	627	621	18	06
TL%		99,0%	2,9%	1%
HK I 2022-2023	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K66	01	0	0	01
K67	05	05	0	0
K68	11	11	0	0
K69	91	91	02	0
K70	284	278	12	06
K71	176	174	07	02
K72	51	51	0	0

Tổng	619	610	21	09
TL%		98,5%	3,4%	1,5%
HK II 2022-2023	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K66	02	02	0	0
K67	04	04	0	0
K68	04	04	0	0
K69	35	32	01	0
K70	279	276	07	03
K71	172	169	04	03
K72	61	61	0	0
Tổng	557	545	12	06
TL%		95,6%	2,1%	1,1%
HK I 2023-2024	Tổng số SV xét	Số SV học tiếp	Số SV cảnh báo HT	Số SV buộc thôi học
K66	01	01	0	0
K67	02	02	0	0
K68	04	04	0	0
K69	26	26	0	0
K70	275	272	13	03
K71	173	170	0	03
K72	61	61	03	0
K73	23	23	0	0
Tổng	565	559	16	06
TL%		98,9%	2,8%	1,0%

Tỉ lệ bỏ học và cảnh báo học tập

Trong giai đoạn từ năm học 2019 - 2024, tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học tập và tỷ lệ sinh viên buộc thôi học đã được ghi nhận qua từng học kỳ. Bảng 11.1.1 "Thống kê số lượng sinh viên theo kỳ" [H11.11.01.08].cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về xu hướng này.

Tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học tập

Tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học tập dao động khá nhiều qua các kỳ học. Trong học kỳ I năm học 2019 - 2020, chỉ có 5 sinh viên bị cảnh báo học tập, chiếm 1,3% tổng số sinh viên xét duyệt (385 sinh viên). Tuy nhiên, tỷ lệ này đã tăng nhẹ qua các kỳ học tiếp theo.

+ **Học kỳ II năm học 2019 - 2020:** Tỷ lệ cảnh báo học tập tăng lên 2,3% với 7 sinh viên bị cảnh báo trong tổng số 301 sinh viên xét duyệt.

+ **Học kỳ I năm học 2020 - 2021:** Tỷ lệ này giảm xuống còn 0,3% với chỉ 2 sinh viên bị cảnh báo trong tổng số 614 sinh viên.

+ **Học kỳ II năm học 2020 - 2021:** Tỷ lệ cảnh báo học tập lại tăng lên 1,1%, với 6 sinh viên bị cảnh báo trong tổng số 519 sinh viên. Điều này phản ánh một phần ảnh hưởng của dịch bệnh khi các sinh viên phổ thông phải học online khá nhiều, dẫn đến sự không quen thuộc với cách học tại đại học và gây ra tình trạng cảnh báo học tập.

Đáng chú ý là trong **học kỳ I năm học 2022 - 2023**, tỷ lệ cảnh báo học tập đã tăng đáng kể lên 3,4% với 21 sinh viên bị cảnh báo trong tổng số 619 sinh viên. Tỷ lệ này tiếp tục cao trong học kỳ I năm học 2023-2024, với 2,8% (16 sinh viên trong tổng số 565 sinh viên). Những con số này cho thấy rằng, mặc dù tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học tập vẫn nằm trong tầm kiểm soát, nhưng có những giai đoạn mà số lượng sinh viên gặp khó khăn trong học tập tăng lên đáng kể. Việc có sinh viên bị cảnh báo và thôi học ở năm thứ nhất là khó tránh khỏi do sinh viên chưa quen với cách học ở đại học cùng với tâm lý chọn trường đại học. Tuy nhiên, Khoa đã có biện pháp hỗ trợ và số lượng cảnh báo đã giảm xuống ở kỳ 1 năm 2023-2024.

Tỷ lệ sinh viên buộc thôi học

Bảng 11.1.2. Thống kê số lượng SV thôi học ngành SPHH giai đoạn 2020 - 2024

Năm học	Tổng số SV	Tổng số SV thôi học	TL%	Tỷ lệ sinh viên thôi học							
				Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
2020 - 2021	519	9	1,7	1	0,19	5	0,96	2	0,39	1	0,19
2021 - 2022	627	14	2,4	2	0,32	9	1,43	2	0,32	1	0,16
2022 - 2023	557	15	2,7	0	0	9	60	5	33,33	1	6,67
2023 - 2024	565	1	0,17	0	0	1	100	0	0	0	0

Kết quả tỷ lệ thôi học của CTĐT giai đoạn 2020-2024 được thể hiện Bảng 11.1.2 [H11.11.01.08]. Tỷ lệ SV thôi học theo năm nói chung ở mức rất thấp, cao nhất đối với năm học 2022- 2023. Điều này thể hiện tính tập trung cao của SV khi lựa chọn vào học tại khoa. Tỷ lệ sinh viên buộc thôi học trong giai đoạn này thường duy trì ở mức rất thấp,

phản ánh sự ổn định trong việc duy trì học tập của sinh viên. Với khóa K69 và K70, số lượng sinh viên bỏ học chủ yếu là sinh viên năm nhất. Cụ thể, ở HK II năm học 2020-2021, K70 có 1 sinh viên buộc thôi học, chiếm tỉ lệ rất thấp so với tổng số sinh viên của khóa này. Điều này phản ánh tình trạng phổ biến của sinh viên năm nhất khi đã đổ vào trường khác và quyết định chuyển đổi.

+ **Học kỳ II năm học 2019 - 2020:** Có 3 sinh viên bị buộc thôi học, chiếm 0,9% tổng số sinh viên xét duyệt. Đây là tỷ lệ đầu tiên ghi nhận có sinh viên bị buộc thôi học trong giai đoạn này.

+ **Học kỳ II năm học 2020 - 2021:** Chỉ có 1 sinh viên bị buộc thôi học, chiếm 0,2% tổng số sinh viên. Điều này cho thấy một nỗ lực đáng kể trong việc giảm thiểu tỷ lệ này.

+ **Học kỳ II năm học 2021 - 2022:** Tỷ lệ buộc thôi học tăng lên 1% với 6 sinh viên bị buộc thôi học trong tổng số 627 sinh viên xét duyệt. Đây là tỷ lệ buộc thôi học cao nhất trong giai đoạn này, cần chú ý đến nguyên nhân và tìm giải pháp kịp thời.

Đến học kỳ I năm học 2022 - 2023, tỷ lệ buộc thôi học đạt 1,5%, với 9 sinh viên trong tổng số 619 sinh viên. Tương tự, trong học kỳ I năm học 2023 - 2024, tỷ lệ này giảm nhẹ xuống còn 1% với 6 sinh viên bị buộc thôi học.

Từ những số liệu trên, có thể thấy rằng tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học tập và buộc thôi học tuy thấp nhưng đã có xu hướng tăng lên trong một số giai đoạn. Điều này cho thấy cần phải có những biện pháp quản lý và hỗ trợ kịp thời hơn nữa để đảm bảo chất lượng học tập của sinh viên và giảm thiểu các rủi ro về học tập, đặc biệt là trong các học kỳ có dấu hiệu tăng về tỷ lệ cảnh báo học tập và buộc thôi học. Hơn nữa, việc duy trì tỷ lệ sinh viên học tiếp luôn cao (trên 95%) là một điểm sáng, cho thấy sự ổn định và cam kết học tập của đa số sinh viên.

Tỉ lệ tốt nghiệp

Về tỉ lệ tốt nghiệp của SV, khi SV hoàn thành CTĐT, đủ điều kiện tốt nghiệp, SV đăng kí và viết đơn xin xét tốt nghiệp, Khoa sẽ thành lập hội đồng họp và xét tốt nghiệp, gửi kết quả lên Nhà trường. Dựa trên kết quả xét tại Khoa, Nhà trường sẽ thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và ra quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp kèm theo danh sách SV tốt nghiệp [H11.11.01.08]. Quyết định này được công bố công khai và gửi về Khoa để lưu trữ. Hàng năm, Nhà trường tiến hành xét tốt nghiệp theo 4 đợt, đợt 1 được tiến hành vào tháng tháng 5, đợt 2 vào tháng 6 dành cho các SV đủ điều kiện tốt nghiệp sau 4 năm học tập và đợt 3 được thực hiện vào khoảng tháng 7 đến tháng 9, dành cho các SV tốt nghiệp sau hơn 4 năm khi tích lũy đủ TC của CTĐT. Hằng năm, Nhà trường tổ chức thêm 1 đợt xét tốt nghiệp vào tháng 2 (học kì 1 của năm học), dành cho các bạn hoàn thành CTĐT trước hạn và các bạn chưa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 và đợt 2 năm trước đó. Dựa trên quyết định này, Khoa tiến hành lập danh sách và theo dõi tỉ lệ SV tốt nghiệp của từng khóa học. Do đặc thù K69 là khóa đầu tiên SV tốt nghiệp nhưng cũng là khóa bị ảnh hưởng của thời gian học online do dịch. Nguyên nhân chính K69 chưa ra trường hết là chưa có chứng chỉ tiếng anh B1 cụ thể: có 153 SV tốt nghiệp qua 4 đợt của năm 2023; đợt

2 có 4 SV tốt nghiệp; hiện nay còn 8 SV chưa tốt nghiệp, K70 đợt 1 có 87 SV, SV tốt nghiệp qua 2 đợt của năm 2024 [H11.11.01.08]. Qua phân tích, có thể thấy các khóa học đều có nhiều đợt tốt nghiệp, cho phép sinh viên hoàn thành CTĐT vào nhiều thời điểm khác nhau trong năm học. Điều này giúp linh hoạt trong việc tốt nghiệp và giảm tải cho các hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường.

Tỉ lệ sinh viên sư phạm hoá học chưa tốt nghiệp các khóa theo các năm như sau [H11.11.01.08]:

Bảng 11.1.2. Thống kê tỉ lệ sinh viên lớp sư phạm Hoá học chưa tốt nghiệp giai đoạn 2020 - 2024.

Khóa	2020 (K66)	2021 (K67)	2022 (K68)	2023 (K69)	2024 (K70)
Số lượng SV đầu vào	80	92	95	118	321
Số SV tốt nghiệp	58	76	62	70	66
Số SV chưa tốt nghiệp	22	14	32	36	207
Tỉ lệ chưa tốt nghiệp	27.5%	15.2%	33.7%	30.5%	64.5%

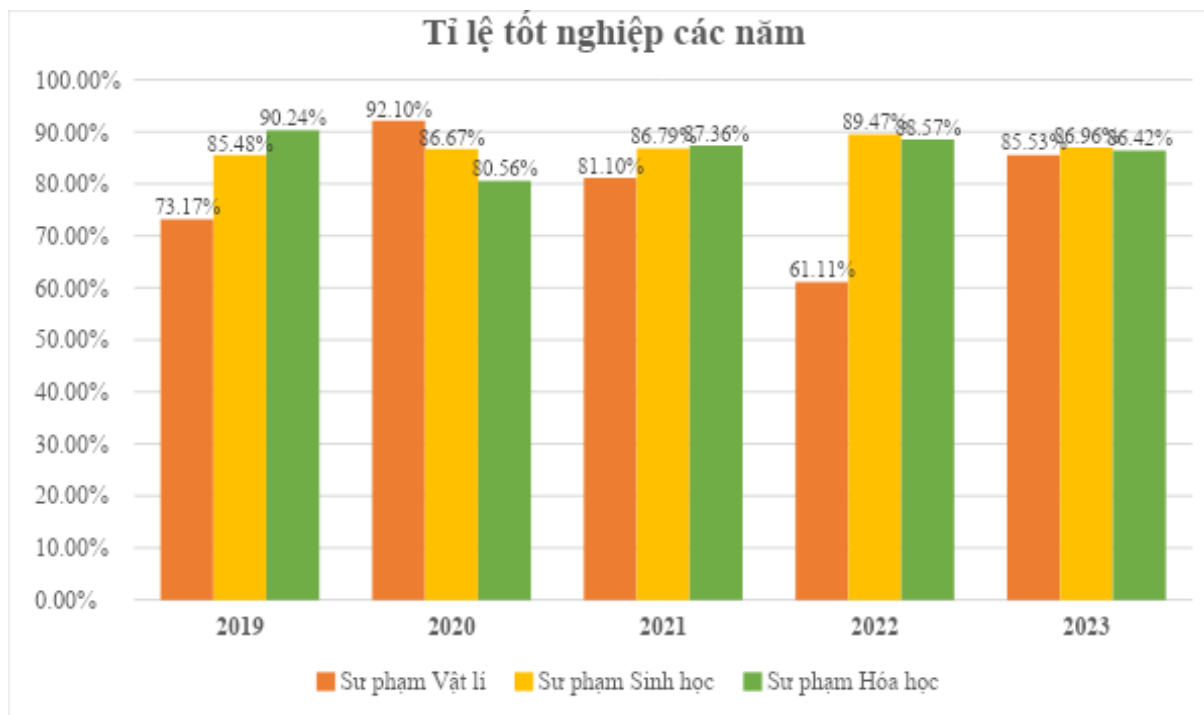
Giai đoạn từ năm 2020 đến 2024 chứng kiến sự gia tăng đáng kể số lượng sinh viên đầu vào tại lớp SP HH, với con số tăng từ 80 sinh viên vào năm 2020 lên đến 321 sinh viên vào năm 2024 [H11.11.01.08]. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên chưa tốt nghiệp cũng tăng mạnh, đặc biệt là vào năm 2024 với 64,5% - mức cao nhất trong giai đoạn này. Điều này cho thấy rằng mặc dù có sự gia tăng số lượng đầu vào, các thách thức về chất lượng giảng dạy và hỗ trợ sinh viên có thể đã trở nên phức tạp hơn. Sự gia tăng này cũng là một cơ hội để cải tiến và tối ưu hóa các quy trình giảng dạy. Việc số lượng sinh viên chưa tốt nghiệp tăng cao có thể là dấu hiệu cho thấy cần phải đổi mới cách tiếp cận trong giảng dạy và quản lý. Một giải pháp tích cực có thể là tăng cường đầu tư vào các công cụ hỗ trợ học tập, chẳng hạn như tư vấn học thuật cá nhân hóa, các chương trình hỗ trợ học tập dành riêng cho sinh viên gặp khó khăn, và cải thiện phương pháp giảng dạy để phù hợp hơn với quy mô lớp học lớn. Việc áp dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập, như các nền tảng học tập trực tuyến và hệ thống quản lý học tập (LMS) của trường có thể giúp quản lý hiệu quả hơn số lượng sinh viên lớn, đồng thời cung cấp trải nghiệm học tập linh hoạt và phù hợp hơn với nhu cầu của từng sinh viên. Từ bảng số liệu trên cho thấy, các khóa 2020-2023 (K69) đến 2021-2024 (K70) sinh viên vẫn còn học, chưa hết thời gian tốt nghiệp nên tỉ lệ còn cao. Các sinh viên lưu khóa, không tốt nghiệp đúng số năm đào tạo chuẩn chủ yếu là do điều kiện, hoàn cảnh bản thân sinh viên gặp khó khăn, không liên quan trực tiếp đến chương trình đào tạo của chương trình.

Bảng 11.1.3. Đối sánh với tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp SP Hoá học với SP Vật lý và SP Sinh học từ 2019 - 2023

	2019	2020	2021	2022	2023

Sư phạm Vật lí	73.17%	92.10%	81.10%	61.11%	85.53%
Sư phạm Sinh học	85.48%	86.67%	61.82%	89.47%	86.96%
Sư phạm Hóa học	90.24%	80.56%	87.36%	88.57%	86.42%

Đối sánh với tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp với các chương trình đã được kiểm định trong nhóm ngành Khoa học tự nhiên (SP Hoá học, SP Vật lí, SP Sinh học) như sau:



Hình 11.1. Biểu đồ đối sánh tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp sư phạm Hoá học, sư phạm Sinh học và Vật lí giai đoạn 2019 - 2023

Bảng số liệu về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của các ngành Sư phạm Vật lí, Sư phạm Sinh học, và Sư phạm Hóa học từ năm 2019 đến 2023 cho thấy sự biến động khác nhau giữa các ngành. Trong ngành Sư phạm Vật lí, tỷ lệ tốt nghiệp có sự dao động đáng kể, với đỉnh điểm là 92,10% vào năm 2020 nhưng giảm mạnh xuống 61,11% vào năm 2022 trước khi tăng trở lại lên 85,53% vào năm 2023. Điều này có thể cho thấy sự không ổn định trong việc duy trì chất lượng đào tạo hoặc những thay đổi trong chương trình học ảnh hưởng đến kết quả tốt nghiệp của sinh viên.

Ngành Sư phạm Sinh học có một xu hướng tương đối ổn định hơn, với tỷ lệ tốt nghiệp dao động quanh mức 85-89% trong hầu hết các năm, ngoại trừ năm 2021 khi tỷ lệ giảm xuống 61,82%. Điều này có thể chỉ ra một năm đặc biệt khó khăn, có thể do các yếu tố như thay đổi trong nội dung đào tạo hoặc điều kiện học tập không thuận lợi. Tuy nhiên, ngành này đã nhanh chóng phục hồi với tỷ lệ tốt nghiệp cao vào các năm tiếp theo.

Ngành Sư phạm Hóa học lại cho thấy sự ổn định cao hơn, với tỷ lệ tốt nghiệp dao động trong khoảng 80-90%. Mặc dù có sự sụt giảm nhẹ từ 90,24% vào năm 2019 xuống 80,56% vào năm 2020, ngành này đã duy trì tỷ lệ tốt nghiệp cao trong các năm tiếp theo, dao động quanh mức 86-88%. Điều này cho thấy sự ổn định và hiệu quả trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Hóa học.

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Hóa học từ năm 2019 đến 2023 cho thấy một xu hướng ổn định và đáng khích lệ so với ngành Sư phạm Vật lý và Sư phạm Sinh học. Mặc dù có sự dao động nhẹ trong các năm, tỷ lệ tốt nghiệp của ngành Sư phạm Hóa học luôn duy trì ở mức cao, dao động trong khoảng 80-90%. Điều này phản ánh sự nhất quán và hiệu quả trong chương trình đào tạo của ngành, giúp đảm bảo rằng phần lớn sinh viên có thể hoàn thành chương trình học đúng hạn. So với Sư phạm Vật lý, ngành Hóa học đã tránh được những biến động mạnh trong tỷ lệ tốt nghiệp và duy trì được sự ổn định qua các năm. So với Sư phạm Sinh học, ngành Hóa học cũng cho thấy khả năng phục hồi tốt hơn, không chỉ trong việc giữ vững tỷ lệ tốt nghiệp cao mà còn duy trì sự ổn định này qua các giai đoạn khó khăn. Đây là dấu hiệu tích cực, cho thấy ngành Sư phạm Hóa học có khả năng cung cấp một môi trường học tập ổn định và hỗ trợ sinh viên hiệu quả, góp phần tạo nên sự thành công trong việc đào tạo và tốt nghiệp của sinh viên.

Nắm bắt được nguyên nhân SV bị cảnh báo học tập, SV thôi học, SV chậm tốt nghiệp Khoa đã có giải pháp nhằm giảm tỉ lệ [H11.11.01.08]. cụ thể:

- Cán bộ giáo vụ khoa kết hợp với hệ thống các cố vấn học tập của các lớp, xây dựng lộ trình học tập cho các sinh viên, bám sát cây tín chỉ theo chương trình đào tạo, ngoài ta cần tư vấn để sinh viên tăng cường và bổ sung số lượng TC cần tích lũy thông qua việc đăng kí học kì 3.

- Giám sát tiến trình học tập của SV đặc biệt là các SV bị cảnh báo học tập;
- Tạo nhóm trong lớp để hỗ trợ nhau về phương pháp học tập
- Nhắc nhở SV hoàn thành các chứng chỉ, để đảm bảo các điều kiện tốt nghiệp đúng thời hạn;

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có công cụ và hệ thống quản lý, giám sát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của SV một cách chặt chẽ. Số SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật chính xác. Mặt khác, việc phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng hạn, giảm thiểu tỉ lệ SV thôi học cũng đã được triển khai khá hiệu quả thông qua đội ngũ CVHT.

3. Tồn tại:

Tỉ lệ SV thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo so với số SV nhập học chưa thật sự cao nhưng có xu hướng sinh viên tốt nghiệp không đúng hạn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Giảm tỉ lệ thôi học thông qua việc thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, ngoại khóa tìm hiểu, hướng dẫn sinh viên các khóa mới về phương pháp học tập ở đại học, phát triển kỹ năng nghề nghiệp	Phòng CTCT-HSSV Khoa Hoá học	Thực hiện hàng kì, hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường vai trò của CVHT trong hoạt động tư vấn, giám sát kế hoạch học tập của SV. Duy trì và nâng cấp chất lượng của phần mềm quản lý đào tạo.	CVHT Phòng Đào tạo	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

Trong quá trình học tập của SV, thông qua phần mềm quản lý đào tạo, Phòng Đào tạo phối hợp cùng Giáo vụ và CVHT của Khoa Hóa học chịu trách nhiệm trong việc theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của người học [H11.11.02.01; H11.11.02.02; H11.11.02.03].

Ngay từ khi SV vào trường, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo trong đó xác lập được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tham gia CTĐT. Theo đó, người học ngành CN SP Hóa học sẽ phải hoàn thành 136 TC theo chương trình đại học thường là trong 4 năm (8 học kỳ chính) với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 7 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [H11.11.02.04].

Trên hệ thống quản lý đào tạo (Unisoft, năm học 2023 - 2024 là PSC) mỗi SV được cấp một mã và mật khẩu để truy cập hệ thống và quản lý, theo dõi kết quả học tập của mình. Trên trang cá nhân này, SV sẽ biết được số TC mình đã tích lũy, điểm tích lũy được, các môn học đã hoàn thành, từ đó có thể lập kế hoạch học tập và tốt nghiệp cho bản thân [H11.11.02.05]. Ngoài Phòng Đào tạo, Giáo vụ Khoa và các CVHT cũng theo dõi được kết quả học tập của SV mình quản lý. Việc này sẽ giúp cho Giáo vụ khoa và các CVHT tư vấn, hỗ trợ người học, đặc biệt là các SV có thành tích học tập chưa cao thường do nhiều nguyên nhân như: Thời gian học thực hành dài, nhiều sinh viên nợ môn chưa xếp được lịch học là một trong những nguyên nhân khiến sinh viên Khoa Hóa học tốt nghiệp muộn. Các môn học thực hành trong Khoa Hóa học chiếm một phần lớn trong chương trình đào tạo, với

thời gian thực hành kéo dài và yêu cầu sinh viên phải có đủ thời gian và điều kiện để hoàn thành. Điều này đặt ra áp lực lớn cho sinh viên, đặc biệt là trong bối cảnh phải cân bằng giữa học tập và các hoạt động khác. Bên cạnh đó, một trong những yêu cầu để tốt nghiệp là sinh viên phải đạt được chứng chỉ ngoại ngữ như tiếng Anh B1. Tuy nhiên, nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc đạt được yêu cầu này do thiếu thời gian và tài nguyên học tập. Chứng chỉ ngoại ngữ không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực trong học tập mà còn cần có các nguồn tài liệu và lớp học hỗ trợ, điều mà không phải sinh viên nào cũng có thể tiếp cận dễ dàng.

Đại dịch COVID-19 cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình học tập của sinh viên, buộc nhiều sinh viên phải học trực tuyến. Hình thức học trực tuyến làm giảm hiệu quả học tập và gây khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức, đặc biệt là các môn thực hành cần sự tương tác trực tiếp và trải nghiệm thực tế. Thêm vào đó, một số ít sinh viên gặp khó khăn trong việc hoàn thành đồ án tốt nghiệp. Nguyên nhân có thể do thiếu kỹ năng nghiên cứu, hoặc không có đủ thời gian để thực hiện đồ án một cách hiệu quả. Đồ án tốt nghiệp là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo, yêu cầu sinh viên phải có kỹ năng lập kế hoạch, nghiên cứu và trình bày kết quả một cách logic và có hệ thống. Những khó khăn này, nếu không được giải quyết, sẽ dẫn đến việc kéo dài thời gian học tập và làm chậm tiến độ tốt nghiệp của sinh viên.

Nhìn chung, để giảm tối đa thời lượng học tập và giúp sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, cần có những biện pháp hỗ trợ hiệu quả như tối ưu hóa chương trình đào tạo, cải thiện phương pháp giảng dạy, cung cấp hỗ trợ ngoại ngữ, tăng cường hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, và tạo môi trường học tập linh hoạt. Những biện pháp này không chỉ giúp sinh viên vượt qua các khó khăn hiện tại mà còn nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển toàn diện cho sinh viên. Dựa trên việc tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến nguy cơ chậm tốt nghiệp của người học, các CVHT sẽ tiến hành tư vấn, đưa ra các giải pháp hỗ trợ các bạn SV tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.02.03].

Bên cạnh đó, Nhà trường phối hợp cùng Khoa đưa ra Cảnh báo học tập cho SV khi họ không hoàn thành kế hoạch học tập như chưa tích lũy đủ số TC; điểm trung bình chung tích lũy thấp [H11.11.02.09]. Cảnh báo học tập được thông báo trên trang cá nhân của SV, gửi tới các CVHT, cán bộ quản lý SV, Giáo vụ Khoa, từ đó các bộ phận chuyên trách nắm được thông tin và có giải pháp hỗ trợ người học kịp thời [H11.11.02.07].

Để hỗ trợ cho các SV thuộc nhóm cảnh báo cải thiện kết quả học tập, hoàn thành CTĐT đúng hạn, Nhà trường đã tổ chức học kì 3 vào khoảng tháng 6 đến tháng 8 hàng năm, ngoài 2 học kì chính. Học kì 3 cũng là cơ hội cho các SV muốn nâng cao kết quả học tập hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.10]. Việc đăng kí các môn học trong học kì 3 được thông báo trên phần mềm quản lý đào tạo cũng như được quy định rõ trong Sổ tay SV [H11.11.02.01; H11.11.02.06]. Các môn học được bố trí trong học kì 3 thường là các môn thuộc khối kiến thức chung, chỉ có 1 số môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, do quy định về số lượng SV của lớp TC. Do đó, các giải pháp được Khoa đưa ra tập trung vào việc đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn như: Nhắc nhở SV năm 2 bắt đầu ôn thi chứng

chỉ B1 và phải có chứng chỉ B1 trong năm thứ 3; Tư vấn để SV tăng cường và bổ sung số lượng TC cần tích lũy thông qua việc đăng kí học học kì 3; Giám sát chặt chẽ tiến trình học tập của SV đặc biệt là SV bị cảnh báo học tập; Tạo nhóm trong lớp để hỗ trợ nhau về phương pháp học tập, v.v... [H11.11.02.8; H11.11.02.09]. Nhà trường cũng tổ chức các hội thi về HNUE English Challenge để thúc đẩy SV có động lực tham gia học tập ngoại ngữ có để hoàn thành chứng chỉ ngoại ngữ ra trường đúng hạn [H11.11.02.11].

Bảng 11.1.3. Tỷ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT ngành Sư phạm Hoá học

TT	Khóa đào tạo	Năm nhập học	Tổng số SV nhập học (1)	Tổng số SV tốt nghiệp		SVTN đúng hạn		SVTN năm 5		SVTN năm 6		Thời gian TN trung bình (7)
				Số lượng (3a)	Tỷ lệ (3b)	Số lượng (4a)	Tỷ lệ (4b)	Số lượng (5a)	Tỷ lệ (5b)	Số lượng (6a)	Tỷ lệ (6b)	
1	K66 (2016-2020)	2016	80	72	90.00%	58	80.56%	10	13.89%	4	5.56%	4.3
2	K67 (2017-2021)	2017	92	87	94.57%	76	87.36%	11	12.64%	0	0.00%	4.1
3	K68 (2018-2022)	2018	95	70	73.68%	62	88.57%	7	10.00%	1	1.43%	4.1
4	K69 (2019-2023)	2019	118	81	68.64%	70	86.42%	11	13.58%	0	0.00%	4.1
5	K70 (2020-2024)	2020	321	66	20.56%	66	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	4.0

Ghi chú:

- Tổng số sinh viên tốt nghiệp: (cột 3a) = (cột 4a) + (cột 5a) + (cột 6a)
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp: (cột 3b) = (cột 3a)/(cột 1)*100%
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn (cột 4b) = (cột 4a)/(cột 3a)*100%
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp chậm 1 năm (cột 5b) = (cột 5a)/(cột 3a)*100%
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp chậm 2 năm (cột 6b) = (cột 6a)/(cột 3a)*100%

- Thời gian tốt nghiệp trung bình (cột 7) = $(4\text{năm} \times \text{cột } 4a + 5\text{năm} \times \text{cột } 5a + 6\text{năm} \times \text{cột } 6a) / (\text{cột } 4a + \text{cột } 5a + \text{cột } 6a)$

Bảng số liệu về tỷ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa đào tạo ngành Sư phạm Hóa học từ năm 2016 đến 2024 cho thấy một xu hướng đáng chú ý. Số liệu cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn giảm dần qua các khóa, đặc biệt là khóa K70 (2020-2024) với tỷ lệ tốt nghiệp chỉ đạt 20,56%, mặc dù toàn bộ sinh viên tốt nghiệp của khóa này đều tốt nghiệp đúng hạn. Khóa K66 (2016 - 2020) có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn cao, chiếm 80,56%, nhưng vẫn có 13,89% sinh viên tốt nghiệp sau 5 năm và 5,56% sau 6 năm, với thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,3 năm. Tương tự, khóa K67 (2017 - 2021) đạt tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn 87,36%, với thời gian tốt nghiệp trung bình giảm nhẹ còn 4,1 năm. Đáng lưu ý, khóa K68 (2018 - 2022) và K69 (2019 - 2023) có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn cao, lần lượt là 88,57% và 86,42%, nhưng tổng tỷ lệ tốt nghiệp của các khóa này lại thấp hơn so với các khóa trước đó, với thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,1 năm [H11.11.02.02]. Điều này cho thấy mặc dù có sự gia tăng về số lượng sinh viên nhập học, nhưng việc duy trì chất lượng và tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn ngày càng trở nên thách thức. Khóa K70 (2020-2024) là trường hợp đặc biệt với số lượng sinh viên nhập học đột biến (321 sinh viên), nhưng chỉ có 20,56% tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,0 năm [H11.11.02.02]. Tỷ lệ tốt nghiệp rất thấp này có thể do nhiều yếu tố như quy mô lớp học quá lớn, sự phân bổ nguồn lực không đủ, hoặc các thay đổi trong chương trình đào tạo chưa kịp thích nghi.

Tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên cũng phản ánh sự ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh như dịch bệnh, học online và yêu cầu về chứng chỉ tiếng Anh. Tuy nhiên, Khoa và Nhà trường đã có các quy trình chặt chẽ để xét tốt nghiệp, đảm bảo công nhận và cấp bằng cho sinh viên đúng thời hạn và theo các đợt xét tốt nghiệp hàng năm. Như vậy, các số liệu này chỉ ra rằng trong khi một số khóa đạt được tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn cao, vẫn còn những thách thức cần được giải quyết để đảm bảo rằng tất cả sinh viên có thể hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn và với tỷ lệ tốt nghiệp cao hơn. Để cải thiện, có thể cần tăng cường hỗ trợ học tập, điều chỉnh quy trình giảng dạy, và đảm bảo rằng sự gia tăng số lượng sinh viên không ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng đầu ra.

Sinh viên chất lượng cao tại Khoa Hóa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, có xu hướng đăng ký đủ số lượng tín chỉ tích lũy và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp sớm, giúp họ ra trường trong 3,5 năm học thay vì 4 năm như thông thường. Điều này cho thấy khả năng và ý chí học tập mạnh mẽ của các sinh viên này, nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu về các biện pháp hỗ trợ để giúp họ đạt được mục tiêu một cách hiệu quả hơn. Để hỗ trợ sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp, cần áp dụng một số biện pháp hiệu quả. Trước hết, tối ưu hóa chương trình đào tạo bằng cách giảm bớt khối lượng lý thuyết, tập trung vào các kiến thức cốt lõi và ứng dụng, đồng thời điều chỉnh thời lượng và số lượng môn học thực hành một cách hợp lý để sinh viên có thể hoàn thành nhanh hơn mà vẫn đảm bảo chất lượng. Thứ hai, cải thiện phương pháp giảng dạy thông qua việc áp dụng các phương pháp tiên tiến như học qua dự án, học qua trải nghiệm thực tế và tăng cường sử dụng công cụ hỗ trợ học

tập trực tuyến để giúp sinh viên tự học và làm quen với công nghệ. Thứ ba, hỗ trợ sinh viên đạt chứng chỉ ngoại ngữ bằng cách tổ chức các lớp học miễn phí hoặc chi phí thấp và cung cấp tài liệu, khóa học trực tuyến hiệu quả. Thứ tư, tăng cường hướng dẫn đồ án tốt nghiệp bằng cách tổ chức các buổi hướng dẫn chi tiết và phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên và sinh viên để đảm bảo đồ án được hoàn thành đúng hạn và đạt chất lượng cao. Thứ năm, tạo môi trường học tập linh hoạt, cho phép sinh viên tự điều chỉnh lịch học phù hợp với khả năng và thời gian của mình, đồng thời cung cấp hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập để giảm áp lực và tăng động lực học tập. Cuối cùng, tư vấn học tập cá nhân hóa bằng cách hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập hợp lý và cung cấp các buổi hướng dẫn về kỹ năng nghiên cứu, viết luận văn và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Những biện pháp này sẽ giúp sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo sớm và đạt được mục tiêu học tập một cách hiệu quả.

Việc áp dụng các biện pháp hỗ trợ sinh viên như tối ưu hóa chương trình đào tạo, cải thiện phương pháp giảng dạy, hỗ trợ chứng chỉ ngoại ngữ, tăng cường hướng dẫn đồ án tốt nghiệp và tạo môi trường học tập linh hoạt sẽ giúp sinh viên chất lượng cao tại Khoa Hóa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có thể rút ngắn thời gian học tập và tốt nghiệp sớm trong 3,5 năm học. Điều này không chỉ giúp sinh viên đạt được mục tiêu học tập mà còn nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ kế hoạch học tập của SV, do đó thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CNSP Hoá học được xác lập và giám sát. Khoa có hệ thống CVHT sát sao và luôn sẵn sàng hỗ trợ cho SV trong việc lên kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cá nhân giúp giảm số lượng SV tốt nghiệp muộn từ đó giảm thời gian tốt nghiệp trung bình.

3. Tồn tại:

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV có xu hướng tăng trong năm gần đây khi CDR tiếng Anh được áp dụng trong khi việc đối sánh để tìm giải pháp cho tiêu chí này với các chuyên ngành đào tạo khác còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thiết kế CTĐT hợp lý; Tăng số lượng các môn học chuyên ngành trong học kì 3 để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thực hiện thêm việc đối sánh về thời gian tốt nghiệp để phục vụ việc cải tiến CTĐT.	Phòng Đào tạo Khoa Hóa học	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát kế hoạch học tập của SV thông qua việc liên hệ chặt chẽ giữa CVHT, Giáo vụ Khoa và SV. Duy trì việc kết nối với SV sau tốt nghiệp.	Phòng Đào tạo	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

Trung tâm Đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ điều tra tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Việc khảo sát tình hình việc làm của SV được Nhà trường thực hiện từ năm 2016 theo công văn số 4806/BGDĐT-GDĐH của Bộ GD&ĐT. Cụ thể, Nhà trường đã tổ chức khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp 25 ngành đào tạo sư phạm tính từ năm 2012 đến 2016. Công tác khảo sát được tiến hành thường niên theo quy trình gồm 8 bước: (1) Lập Ban chỉ đạo; (2) Xây dựng phiếu điều tra, chọn mẫu khảo sát; (3) Thực hiện điều tra; (4) Nhập, tổng hợp và xử lý dữ liệu; (5) Phân tích dữ liệu, lập đồ thị, biểu bảng số liệu; (6) Viết báo cáo; (7) Thẩm định và duyệt báo cáo; (8) Báo cáo Bộ GD&ĐT và đăng trên website của Trường [H11.11.03.02]. Trong đó, ở bước 3, việc thực hiện điều tra có sự kết hợp và hỗ trợ của cán bộ Giáo vụ và Quản lý SV ở Khoa. Dựa trên các phiếu phản hồi của người học sau tốt nghiệp, Khoa sẽ tập hợp và gửi Trung tâm Đảm bảo chất lượng để phân tích kết quả [H11.11.03.03].

Căn cứ trên kết quả tổng hợp được, Trung tâm sẽ lập báo cáo tình hình việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Báo cáo này là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành, để các Khoa cải tiến CTĐT và có các biện pháp hỗ trợ SV tìm việc làm. Các mẫu phiếu khảo sát được điều chỉnh theo các năm nhằm nâng cao hiệu quả của việc điều tra. Cụ thể, mẫu phiếu điều tra của năm 2020 đã bổ sung thêm 02 câu hỏi so với mẫu phiếu điều tra năm 2019 hình 11.3.1. Hai câu hỏi này giúp đánh giá được hiệu quả đào tạo của nhà trường đối với người học và khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào trong công việc trên khả năng tự nghiên cứu và sáng tạo trong công việc; đây là yếu tố rất quan trọng góp phần thành công trong công việc của người học. Phiếu khảo sát năm 2023 bổ sung thêm các thông tin về người học là: mã sinh viên, CCCD/ CMT, khoa, khóa. Việc thay đổi này giúp Khoa có cái nhìn chính xác hơn về tình hình việc làm của SV ngành nghề mình đào tạo [H11.11.03.02].

7. Kiến thức, kỹ năng được Trường đào tạo có hữu ích cho công việc của bạn không?

1. Rất hữu ích 2. Hữu ích 3. Ít hữu ích 4. Không hữu ích

8. Bạn được đánh giá thế nào về hiệu quả/chất lượng công việc đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, sáng tạo tại nơi làm việc?

1. Rất tốt 2. Tốt 3. Đạt 4. Cần cải thiện

Hình 11.3.1. Câu hỏi được bổ sung trong phiếu điều tra năm 2020 so với 2019

Kết quả thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành sư phạm Hoá học từ năm 2019 - 2022 của K65 - K68 được thể hiện ở bảng 11.3.1 [H11.11.03.04].

Bảng 11.3.1. Thống kê tình hình việc làm của sinh viên K65 - K68 CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học từ năm 2019 - 2022

TT	Số SVTN	Số SV phản hồi	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số SVTN	Khu vực làm việc			
			Đang đi làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tur nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
	Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo										
2019	180	155	34	26	6	12	11	91,76%	78,00%	24	33	9	6
2020	138	131	41	14	5	8	6	97,50%	94,53%	19	30	5	8
2021	183	183	38	48	1	4	11	89,21%	89,21%	42	33	10	2
2022	203	201	90	10	1	1	11	91,07%	88,70%	51	44	5	1

Kết quả thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành sư phạm Hóa học từ khóa 65 đến khóa 68 trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2022 cho thấy sự cải thiện rõ rệt. Năm 2019, với 180 sinh viên tốt nghiệp và 155 sinh viên phản hồi, tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt 76% trên tổng số sinh viên phản hồi và 67% trên tổng số sinh viên tốt nghiệp, cho thấy sự nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Đến năm 2020, mặc dù số lượng sinh viên tốt nghiệp giảm xuống còn 138, tỷ lệ sinh viên có việc làm cũng giảm nhẹ xuống 75% trên tổng số sinh viên phản hồi và 71% trên tổng số sinh viên tốt nghiệp. Điều này có thể phản ánh tác động của đại dịch COVID-19 lên thị trường lao động. Tuy nhiên, vào năm 2021, tình hình việc làm đã có sự cải thiện đáng kể với tỷ lệ sinh viên có việc làm tăng lên 92% trên tổng số sinh viên phản hồi và 90% trên tổng số sinh viên tốt nghiệp. Số liệu này cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường lao động cũng như hiệu quả của các chiến lược hỗ trợ việc làm từ phía nhà trường.

Đặc biệt, năm 2022, với số lượng sinh viên tốt nghiệp đạt mức cao nhất là 203 và 201 sinh viên phản hồi, tỷ lệ sinh viên có việc làm duy trì ở mức cao với 90% trên tổng số sinh viên phản hồi và 88% trên tổng số sinh viên tốt nghiệp. Số liệu này khẳng định chương trình đào tạo ngành sư phạm Hóa học đã đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động, giúp sinh viên trang bị đầy đủ kỹ năng và kiến thức cần thiết. Sự ổn định và tăng nhẹ trong tỷ lệ sinh viên có việc làm từ năm 2019 đến 2022 cho thấy những nỗ lực của khoa trong việc cải thiện chất lượng đào tạo và hỗ trợ sinh viên. Khu vực làm việc chủ yếu của sinh viên là trong khu vực nhà nước và tư nhân, trong khi số lượng sinh viên tự tạo việc làm và làm việc trong các công ty có yếu tố nước ngoài có sự biến động nhưng không đáng kể. Những kết quả tích cực này phản ánh sự thành công của chương trình đào tạo và sự cam kết của Khoa Hóa học trong việc đảm bảo sinh viên có thể hòa nhập và thành công trong thị trường lao động sau khi tốt nghiệp.

Phân tích tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp các năm 2019 đến 2022 của Khoa Hóa học và so sánh với các khoa khác

Kết quả khảo sát từ các năm 2019 đến 2022 cho thấy tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm Hóa học có những thay đổi rõ rệt qua từng năm và có sự khác biệt so với các khoa khác như Ngữ văn, Toán học, Vật lý, Sinh học, Lịch sử và Địa lý. Tỷ lệ sinh viên có việc làm của Khoa Hóa học dao động từ 75% đến 92% trong giai đoạn này, cho thấy những nỗ lực của khoa trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm [H11.11.03.04].

Năm 2019, Khoa Hóa học có 180 sinh viên tốt nghiệp với tỷ lệ có việc làm đạt 89.22% (91/102), trong đó 42 sinh viên làm việc trong khu vực nhà nước, 33 sinh viên làm việc trong tư nhân, 10 sinh viên tự tạo việc làm và 2 sinh viên làm việc trong các công ty có yếu tố nước ngoài. So với các khoa khác, tỷ lệ có việc làm của Khoa Hóa học thấp hơn so với Khoa Ngữ văn (94.23%), Khoa Toán học (98.81%), Khoa Vật lý (92.63%), Khoa Sinh học (94.74%), Khoa Lịch sử (100%) và Khoa Địa lý (100%). Điều này cho thấy nhu cầu tuyển dụng trong ngành Hóa học có thể không cao bằng các ngành khác hoặc các sinh viên chưa chuẩn bị tốt cho thị trường lao động.

Năm 2020, tình hình việc làm của sinh viên Khoa Hóa học giảm xuống còn 75% (131/138), với 19 sinh viên làm việc trong khu vực nhà nước, 30 sinh viên làm việc trong tư nhân, 5 sinh viên tự tạo việc làm và 8 sinh viên làm việc trong các công ty có yếu tố nước ngoài. Sự giảm sút này có thể phản ánh tác động của đại dịch COVID-19 lên thị trường lao động, ảnh hưởng đến khả năng tìm kiếm việc làm của sinh viên. Tỷ lệ này cũng thấp hơn so với Khoa Ngữ văn (82.5%), Khoa Toán học (96.4%), Khoa Vật lý (88%), Khoa Sinh học (88.5%), Khoa Lịch sử (100%) và Khoa Địa lý (98.3%).

Năm 2021, tỷ lệ việc làm của sinh viên Khoa Hóa học tăng lên đáng kể, đạt 92% (168/183), với 42 sinh viên làm việc trong khu vực nhà nước, 33 sinh viên làm việc trong tư nhân, 10 sinh viên tự tạo việc làm và 2 sinh viên làm việc trong các công ty có yếu tố nước ngoài. Sự gia tăng này cho thấy thị trường lao động đã phục hồi phần nào sau đại dịch, và những nỗ lực cải thiện chất lượng đào tạo của khoa đã đem lại kết quả tích cực.

Tuy nhiên, so với các khoa khác, tỷ lệ việc làm của Khoa Hóa học vẫn thấp hơn Khoa Ngữ văn (94%), Khoa Toán học (98%), Khoa Vật lý (90%), Khoa Sinh học (93%), Khoa Lịch sử (100%) và Khoa Địa lý (98%).

Năm 2022, tỷ lệ việc làm của sinh viên Khoa Hóa học duy trì ở mức cao, đạt 90% (183/203), với 51 sinh viên làm việc trong khu vực nhà nước, 44 sinh viên làm việc trong tư nhân, 5 sinh viên tự tạo việc làm và 1 sinh viên làm việc trong các công ty có yếu tố nước ngoài. Tỷ lệ này cho thấy sự ổn định trong việc hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp. Tuy nhiên, khi so sánh với các khoa khác, tỷ lệ này vẫn thấp hơn Khoa Ngữ văn (93%), Khoa Toán học (97%), Khoa Vật lý (88%), Khoa Sinh học (92%), Khoa Lịch sử (100%) và Khoa Địa lý (98%).

Nhìn chung, tỷ lệ việc làm của sinh viên Khoa Hóa học từ năm 2019 đến 2022 đã có sự biến động và cải thiện, nhưng vẫn còn thấp hơn so với các khoa khác như Ngữ văn, Toán học, Vật lý, Sinh học, Lịch sử và Địa lý. Điều này có thể được lý giải bởi một số yếu tố như nhu cầu tuyển dụng trong ngành Hóa học có thể không cao bằng các ngành khác, hoặc các sinh viên chưa được trang bị đầy đủ các kỹ năng mềm và kinh nghiệm thực tiễn cần thiết để cạnh tranh trên thị trường lao động. Để nâng cao tỷ lệ việc làm của sinh viên, Khoa Hóa học cần tiếp tục cải thiện chương trình đào tạo, tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức để tạo thêm cơ hội thực tập và việc làm cho sinh viên, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ sinh viên trong việc phát triển kỹ năng mềm và tìm kiếm việc làm. Điều này sẽ giúp sinh viên Khoa Hóa học nâng cao khả năng cạnh tranh và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động.

Ngày hội việc làm của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã trở thành một sự kiện quan trọng giúp sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành sư phạm Hóa học, có cơ hội tìm hiểu và tiếp xúc với các cơ hội việc làm [H11.11.03.05]. Qua các năm, từ 2019 đến 2023, ngày hội việc làm đã được tổ chức đều đặn với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, tổ chức, và các đơn vị tuyển dụng. Sự kiện này không chỉ mang lại lợi ích cho sinh viên mà còn giúp kết nối nhà trường với thị trường lao động [H11.11.03.06]. Ví dụ như [H11.11.03.05]: năm 2019, ngày hội việc làm được tổ chức vào ngày 10 tháng 4 tại hội trường lớn của trường, thu hút sự tham gia của nhiều doanh nghiệp và tổ chức, giúp sinh viên Khoa Hóa học có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với nhà tuyển dụng. Tỷ lệ sinh viên Khoa Hóa học có việc làm đạt 89.22%, cho thấy sự hiệu quả của ngày hội việc làm trong việc kết nối sinh viên với các cơ hội nghề nghiệp. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, ngày hội việc làm được tổ chức dưới hình thức trực tuyến, giúp đảm bảo an toàn và sức khỏe cho sinh viên và nhà tuyển dụng. Mặc dù hình thức tổ chức thay đổi, sự kiện vẫn thu hút nhiều đơn vị tham gia và cung cấp nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên Khoa Hóa học có việc làm giảm xuống còn 75%, phản ánh phần nào khó khăn của thị trường lao động trong bối cảnh đại dịch. Năm 2021, với tình hình dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, ngày hội việc làm tiếp tục được tổ chức trực tuyến. Sự kiện đã giúp sinh viên duy trì cơ hội tiếp cận với nhà tuyển dụng, dù không thể gặp gỡ trực tiếp. Tỷ lệ việc làm của sinh viên Khoa Hóa học tăng lên 92%, cho thấy sự hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc

làm của nhà trường. Năm 2022, khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn, ngày hội việc làm đã được tổ chức trở lại dưới hình thức trực tiếp, kết hợp với các hoạt động trực tuyến để mở rộng phạm vi tiếp cận. Sự kiện này đã giúp tỷ lệ việc làm của sinh viên Khoa Hóa học duy trì ở mức cao, đạt 90%. Sự trở lại của các hoạt động trực tiếp giúp sinh viên có nhiều cơ hội gặp gỡ và phỏng vấn trực tiếp với nhà tuyển dụng, tăng cường cơ hội việc làm.

Ngày hội việc làm không chỉ là nơi để sinh viên tìm kiếm việc làm mà còn là cơ hội để các doanh nghiệp hiểu rõ hơn về chất lượng đào tạo của trường và tìm kiếm những ứng viên tiềm năng. Đối với sinh viên Khoa Hóa học, sự kiện này còn giúp họ trang bị thêm kỹ năng mềm, chuẩn bị tốt hơn cho quá trình phỏng vấn và tìm kiếm việc làm [H11.11.03.06]. Nhà trường cũng tận dụng cơ hội này để thu thập ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, từ đó điều chỉnh và cải thiện chương trình đào tạo, đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường lao động. Ngày hội việc làm của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên Khoa Hóa học và các khoa khác tìm kiếm việc làm. Sự kiện này không chỉ giúp tăng tỷ lệ việc làm cho sinh viên mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, tạo ra những thế hệ sinh viên có đầy đủ kiến thức và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường phối hợp cùng Khoa liên hệ thường xuyên với người tốt nghiệp, hoạt động điều tra tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện hàng năm, với số lượng SV phản hồi đông đảo. Thông tin giới thiệu việc làm được cập nhật thường xuyên trên các phương tiện như Website của Khoa, của Trường hay các kênh thông tin của Liên chi đoàn nhằm hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm.

3. Tồn tại:

Tỉ lệ SV có việc làm còn chưa ổn định, vẫn còn một tỉ lệ nhất định SV làm việc không liên quan đến ngành được đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hoạt động tư vấn tìm kiếm việc làm, tập huấn các kỹ năng mềm cho SV năm cuối trong hoạt động phỏng vấn, viết đơn xin việc; đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động Ngày hội việc làm. Phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ quản lý SV và CVHT trong việc khảo sát tình hình việc làm của SV.	Phòng CTCT - HSSV, CVHT	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động liên kết các các nhà tuyển dụng (các trường phổ thông, viện nghiên cứu, v.v...) để đưa thông tin tuyển dụng đến SV nhanh và hiệu quả hơn. Duy trì việc kết nối với SV sau tốt nghiệp.	Khoa Hoá học; TT ĐBCL; Phòng CTCT - HSSV	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, hoạt động NCKH của sinh viên được lên kế hoạch và triển khai tổ chức bởi phòng Khoa học và Công nghệ [H11.11.04.01]. Dựa trên kế hoạch được phê duyệt, Khoa gửi thông báo đến các Bộ môn, các Bộ môn thông báo đến từng giảng viên đồng thời chỉ đạo việc xây dựng các kế hoạch NCKH cụ thể cho sinh viên, phù hợp với hướng nghiên cứu của Bộ môn [H11.11.04.02]. Các hướng nghiên cứu của từng Bộ môn, từng GV được giới thiệu trên website của Khoa để SV có thể tìm hiểu và tự chọn hướng nghiên cứu phù hợp. Sau đó khoa thông báo với SV để SV chủ động đăng kí tên đề tài, GVHD. Dựa trên danh sách SV đăng kí, các bộ môn sẽ xem xét khả năng thực hiện và báo lại khoa để thực hiện [H11.11.04.03]. Hội nghị SV NCKH cấp Khoa được tổ chức thường niên nhằm tổng kết hiệu quả của hoạt động NCKH đồng thời tuyển chọn các đề tài tham gia Hội nghị cấp trường. Khi tham gia Hội nghị, SV đồng thời được rèn luyện khả năng báo cáo và viết bài báo khoa học. Để khích lệ SV tham gia vào hoạt động NCKH, các SV làm bài tập môn học và các SV đạt giải SV NCKH cấp Khoa, cấp Trường sẽ được lựa chọn cộng điểm vào môn học thuộc chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu [H11.11.04.04]. Kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H11.11.04.05].

SV hệ cử nhân sư phạm Hóa học được tham gia các mặt hoạt động NCKH đa dạng và phong phú tại khoa Hóa học. Cụ thể như sau:

Về loại hình các hoạt động nghiên cứu, từ năm thứ nhất, SV được giới thiệu, làm quen với các phòng thí nghiệm, các hướng nghiên cứu, số lượng SV năm nhất tham gia NCKH không nhiều do lúc này SV chưa bắt đầu học các môn chuyên ngành. Đến năm thứ ba, để tăng tính cạnh tranh giữa các SV, chỉ có một tỉ lệ nhất định SV được chọn làm NCKH dưới hình thức bài tập môn học, tỉ lệ này thay đổi tùy theo tổng số SV của cả khóa. Tương tự như vậy, đến năm thứ tư cũng sẽ có một tỉ lệ nhất định (40 - 50%) SV được làm khóa luận tốt nghiệp. Ngoài ra, SV có thể tham gia nghiên cứu đề tài các cấp cùng GVHD (cấp

Trường, cấp Bộ, cấp Nhà nước), tham gia các trao đổi trong các dự án hợp tác quốc tế [H11.11.04.06].

Số lượng và chất lượng của hoạt động NCKH được thể hiện thông qua số SV tham gia và số SV được giải thưởng khoa học cấp Trường, cấp Bộ hàng năm, giải thưởng Eureka... [H11.11.04.07]. Hoạt động NCKH của SV được giám sát và đối sách khá chặt chẽ và được cải tiến thường xuyên [H11.11.04.08]. Một số đề tài NCKH của SV đã được công bố trên các tạp chí quốc tế chuyên ngành có chỉ số IF cao. Số lượng đề tài NCKH ngày càng ra tăng được thể hiện ở Bảng 11.4.1:

Bảng 11.4.1. So sánh kết quả NCKH của sinh viên qua các năm học

TT	SVNCKH đạt giải		Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Cấp khoa	Tổng số báo cáo	16	10	18	29
		Số báo cáo đạt giải	16	10	18	21
2	Cấp Trường	Tổng số báo cáo	05	05	06	7
		Số nhóm đạt giải	05	05	06	5
3	Cấp Bộ	Tổng số báo cáo	03	02	04	4,5
4	Khác	Số báo cáo đạt giải	03	01 nhất, 01 nhì	01 nhất + 01 nhì Eureka + 01 ba + 1KK	Chưa có số liệu

2. Điểm mạnh:

Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Các loại hình hoạt động NCKH của SV rất đa dạng, phong phú, tỉ lệ SV tham gia NCKH ngày càng tăng và đạt nhiều giải thưởng cao, ngày càng có nhiều SV có công bố quốc tế.

3. Tồn tại:

Thời gian dành cho nghiên cứu thực nghiệm của SV còn hạn chế do thời gian học các môn lý thuyết khá nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2024 - 2025, tăng thời gian cho SV làm NCKH bằng cách điều chỉnh giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thực hành và tự học trong các môn học.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng thời gian cho SV làm NCKH bằng cách điều chỉnh giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thực hành và tự học trong các môn học	Khoa Hoá học	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH như các Hội nghị, giải thưởng, vv. Triển khai sớm các kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu trẻ ở Khoa để huy động được kinh phí và nhân lực cho hoạt động NCKH	Phòng KHCN Khoa Hoá học	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

Trung tâm Đảm bảo chất lượng (TT ĐBCL) của Trường ĐHSPHN được thành lập theo quyết định số 4573/QĐ-ĐHSPHN với nhiệm vụ khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, cựu người học, nhà tuyển dụng [H11.11.03.01]. Đồng thời, TT ĐBCL cũng được giao chủ trì và làm nòng cốt trong việc xây dựng các công cụ và tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường. Theo đó, Trung tâm đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.01]. Hàng năm, bằng cách sử dụng các công cụ khảo sát là phỏng vấn, bảng hỏi và phiếu khảo sát (online/ offline), thông qua phần mềm khảo sát (từ HK1 năm học 2023 – 2024, khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan được triển khai thông qua phần mềm E-survey, thí điểm khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy đối với các học phần chung với đối tượng SV K73. Từ HK2, việc khảo sát được thực hiện hoàn toàn trên E-survey và tiến tới thực hiện các khảo sát định kỳ và thường xuyên thông qua phần mềm này, địa chỉ phần mềm: <http://esurvey.hnue.edu.vn/Systems/Security/Login.aspx>, Trung tâm đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi về 5 vấn đề bao gồm: (1) Ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy; (2) Ý kiến SV về cán bộ hành chính tại Khoa đào tạo; (3) Ý kiến của SV về chất lượng Khóa/ngành đào tạo; (4) Khảo sát tình hình việc làm của cựu SV; (5) Phản hồi của người học đối với dịch vụ giáo dục của Nhà trường. Các ý kiến sau khi thu thập sẽ được Trung tâm Đảm bảo chất lượng xử lý, phân tích kết quả, báo cáo tổng hợp và cuối cùng là

phổ biến đến các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng [H11.11.05.02; H11.11.05.03; H11.11.05.04; H11.11.05.05].

Ví dụ, theo báo cáo kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần HK1 năm học 2022 - 2023 của TT ĐBCL thực hiện đối với sinh viên về giảng viên [H11.11.05.02], Hình 11.5.1 cho thấy có 1746 lượt sinh viên phản hồi cho 18 giảng viên giảng dạy các học phần chuyên ngành của khoa.

Bảng 1.4.2 Số lượng GV các khoa được SV phản hồi chất lượng giảng dạy trên lớp

STT	Các khoa	Số học phần được khảo sát	Số giảng viên được khảo sát			Số SV phản hồi
			GV dạy 1 học phần	GV dạy 2 học phần	GV dạy > 2 học phần	
1	Khoa Ngữ Văn	19	29	7	0	2121
2	Khoa Toán - Tin- Tin	28	16	21	6	6414
3	Khoa Địa lý	10	13	3	0	1271
4	Khoa Tâm lý giáo dục	23	6	10	8	2382
5	Khoa Quản lý giáo dục	12	6	2	1	371
6	Khoa Sinh học	16	20	3	0	795
7	Khoa Sư phạm kỹ thuật	11	6	3	0	620
8	Khoa Vật lý	6	9	1	0	782
9	Khoa Lịch sử	11	8	5	3	953
10	Khoa Giáo dục thể chất	12	2	5	14	2148
11	Khoa Việt Nam học	23	7	7	2	689
12	Khoa Giáo dục đặc biệt	12	10	2	0	587
13	Khoa Công nghệ thông tin	15	11	2	0	704
14	Khoa Hóa học	19	18	9	3	1746
15	Khoa Giáo dục chính trị	20	17	5	2	1018
16	Khoa Giáo dục tiểu học	12	16	0	0	700

Hình 11.5.1. Số lượng GV các khoa được SV phản hồi chất lượng giảng dạy trên lớp

Điểm trung bình về việc thực hiện nề nếp dạy học, kỹ năng tổ chức quản lý lớp của giảng viên khoa Hóa học là: 31.63 đạt loại Tốt (Hình 11.5.2); thái độ ứng xử của giảng viên với sinh viên đạt 13,60 loại tốt (Hình 11.5.3); nội dung dạy học đạt 8,98 loại tốt (Hình 11.5.4); về phương pháp dạy học xếp loại tốt đạt điểm trung bình là 13,47 (Hình 11.5.5); Về các hoạt động kiểm tra đánh giá xếp loại tốt với điểm trung bình là 9,00 (Hình 11.5.6).

Bảng 2.1.4 ĐTB các khoa về việc thực hiện nề nếp dạy học, kỹ năng tổ chức quản lý lớp của giảng viên

STT	Khoa	ĐTB	N (số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
1	Khoa Ngữ Văn	32.51	2121	Tốt
2	Khoa Toán - Tin	31.52	6414	Tốt
3	Khoa Địa lý	32.67	1271	Tốt
4	Khoa Tâm lý	31.71	2382	Tốt
5	Khoa Quản lý giáo dục	31.78	371	Tốt
6	Khoa Sinh học	32.70	795	Tốt
7	Khoa Sư phạm kỹ thuật	31.32	620	Tốt
8	Khoa Vật lý	31.76	782	Tốt
9	Khoa Lịch sử	32.04	953	Tốt
10	Khoa Giáo dục thể chất	31.46	2148	Tốt
11	Khoa Việt Nam học	31.82	689	Tốt
12	Khoa Giáo dục đặc biệt	31.24	587	Tốt
13	Khoa Công nghệ thông tin	30.77	704	Tốt
14	Khoa Hóa học	31.63	1746	Tốt

Hình 11.5.2. Kết quả điểm trung bình của các khoa về thực hiện nề nếp dạy học, kỹ năng tổ chức quản lý lớp của giảng viên

Bảng 2.2.4 ĐTB các khoa về thái độ ứng xử của giảng viên với sinh viên

STT	Khoa	ĐTB	N (Số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
1	Khoa Ngữ Văn	13.99	2121	Tốt
2	Khoa Toán - Tin	13.52	6414	Tốt
3	Khoa Địa lý	14.04	1271	Tốt
4	Khoa Tâm lý	13.71	2382	Tốt
5	Khoa Quản lý giáo dục	13.64	371	Tốt
6	Khoa Sinh học	14.06	795	Tốt
7	Khoa Sư phạm kỹ thuật	13.47	620	Tốt
8	Khoa Vật lý	13.61	782	Tốt
9	Khoa Lịch sử	13.79	953	Tốt
10	Khoa Giáo dục thể chất	13.43	2148	Tốt
11	Khoa Việt Nam học	13.71	689	Tốt
12	Khoa Giáo dục đặc biệt	13.46	587	Tốt
13	Khoa Công nghệ thông tin	13.32	704	Tốt
14	Khoa Hóa học	13.60	1746	Tốt

Hình 11.5.3. Kết quả điểm trung bình của các khoa về thái độ ứng xử của giảng viên với sinh viên

Bảng 2.3.4. ĐTB các khoa về nội dung dạy học

STT	Khoa	ĐTB	N (số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
1	Khoa Ngữ Văn	9.27	2121	Tốt
2	Khoa Toán - Tin	8.96	6414	Tốt
3	Khoa Địa lý	9.36	1271	Tốt
4	Khoa Tâm lý	9.06	2382	Tốt
5	Khoa Quản lý giáo dục	9.09	371	Tốt
6	Khoa Sinh học	9.33	795	Tốt
7	Khoa Sư phạm kỹ thuật	8.97	620	Tốt
8	Khoa Vật lý	9.06	782	Tốt
9	Khoa Lịch sử	9.16	953	Tốt
10	Khoa Giáo dục thể chất	8.99	2148	Tốt
11	Khoa Việt Nam học	9.09	689	Tốt
12	Khoa Giáo dục đặc biệt	8.94	587	Tốt
13	Khoa Công nghệ thông tin	8.79	704	Tốt
14	Khoa Hóa học	8.98	1746	Tốt

Hình 11.5.4. Kết quả điểm trung bình của khoa về nội dung dạy học

Bảng 2.4.4. ĐTB các khoa về phương pháp giảng dạy

STT	Khoa	ĐTB	N (số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
1	Khoa Ngữ Văn	13.84	2121	Tốt
2	Khoa Toán - Tin	13.41	6414	Tốt
3	Khoa Địa lý	13.97	1271	Tốt
4	Khoa Tâm lý	13.50	2382	Tốt
5	Khoa Quản lý giáo dục	13.62	371	Tốt
6	Khoa Sinh học	13.93	795	Tốt
7	Khoa Sư phạm kỹ thuật	13.41	620	Tốt
8	Khoa Vật lý	13.49	782	Tốt
9	Khoa Lịch sử	13.68	953	Tốt
10	Khoa Giáo dục thể chất	13.41	2148	Tốt
11	Khoa Việt Nam học	13.57	689	Tốt
12	Khoa Giáo dục đặc biệt	13.33	587	Tốt
13	Khoa Công nghệ thông tin	13.22	704	Tốt
14	Khoa Hóa học	13.47	1746	Tốt

Hình 11.5.5. Kết quả điểm trung bình của khoa về PPGD

Bảng 2.5.4 ĐTB các khoa về hoạt động kiểm tra đánh giá

STT	Khoa	ĐTB	N (Số lượng SV phản hồi)	Xếp loại
1	Khoa Ngữ Văn	9.28	2121	Tốt
2	Khoa Toán - Tin	9.02	6414	Tốt
3	Khoa Địa lý	9.34	1271	Tốt
4	Khoa Tâm lý	9.03	2382	Tốt
5	Khoa Quản lý giáo dục	9.12	371	Tốt
6	Khoa Sinh học	9.30	795	Tốt
7	Khoa Sư phạm kỹ thuật	8.97	620	Tốt
8	Khoa Vật lý	9.06	782	Tốt
9	Khoa Lịch sử	9.15	953	Tốt
10	Khoa Giáo dục thể chất	8.99	2148	Tốt
11	Khoa Việt Nam học	9.10	689	Tốt
12	Khoa Giáo dục đặc biệt	8.92	587	Tốt
13	Khoa Công nghệ thông tin	8.89	704	Tốt
14	Khoa Hóa học	9.00	1746	Tốt

Hình 11.5.6. Kết quả điểm trung bình của khoa về kiểm tra đánh giá

Nhằm nâng cao hiệu quả của việc cải tiến chất lượng CTĐT, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động, cũng như đánh giá chính xác mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT, năm 2019 và 2022, thực hiện nhiệm vụ do BGH Trường ĐHSPHN giao, TT ĐBCL đã triển khai khảo sát GV, cựu SV và Nhà tuyển dụng về chất lượng CTĐT. Năm 2019, khoa Hoá học có hơn 92 SV đã tốt nghiệp tham gia khảo sát và 105 giáo viên tham gia khảo sát đánh giá chương trình đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy các giáo viên tương đối đồng ý/ hài lòng về chương trình đào tạo. SV đánh giá tích cực về CTĐT bao gồm chuẩn đầu ra, nội dung, cấu trúc, cách tổ chức và thực hiện. Đồng thời, SV khối ngành KHTN đều tự đánh giá mạnh nhất ở các kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, phân tích và tổng hợp vấn đề, nhưng còn yếu ở kỹ năng quản lý lớp học và kỹ năng tổ chức hoạt động GD ngoài giờ hay kỹ năng tư vấn cho học sinh và phụ huynh học sinh. Theo ý kiến nhà tuyển dụng về CTĐT, 93,9% nhà tuyển dụng được khảo sát cho rằng không cần bổ sung thêm kiến thức và kỹ năng gì vào CTĐT. Bên cạnh đó, nhà tuyển dụng cho rằng SV ngành tự nhiên trường ĐHSPHN khá mạnh về kiến thức và năng lực tự nghiên cứu, giải quyết công việc cũng như các kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm. Tuy nhiên, ý kiến nhà tuyển dụng cho rằng SV ngành tự nhiên còn yếu về kỹ năng sử dụng tin học và ngoại ngữ. Nhìn chung, SV ngành tự nhiên đều được đánh giá có đạo đức nghề nghiệp và quan hệ tốt với đồng nghiệp, có trách nhiệm với công việc [H3.03.01.06].

Ngoài việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại, gặp mặt để trực tiếp lắng nghe ý kiến của người học và cán bộ, GV trong Trường. Cụ thể, hoạt động giao lưu giữa Lãnh đạo Nhà trường với đại biểu SV, học viên Sau đại học được tổ chức thường niên với những nội dung đối thoại bám

sát với nhu cầu được trao đổi của người học như: Công tác đào tạo, công tác NCKH, công tác học sinh - sinh viên, cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt của SV... [H11.11.05.07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống các đơn vị chuyên trách, có quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Vì vậy mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh. Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ cải tiến CTĐT và NCKH được thực hiện thường niên, có cải tiến dựa trên phản hồi của SV, GV.

3. Tồn tại:

Trường chưa xác lập được mối liên hệ thường xuyên và đầy đủ với tất cả nhà tuyển dụng để có thông tin chi tiết và đầy đủ hơn về nhu cầu của nhà tuyển dụng, do đó việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Liên kết chặt chẽ với các cơ sở sử dụng lao động là các SV sau tốt nghiệp để thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo.	TT ĐBCL Khoa Hoá học	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, CĐR của SV, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV, nhà tuyển dụng về các vấn đề liên quan đến CTĐT; hoàn thiện phiếu lấy ý kiến, mở rộng hình thức lấy ý kiến.	TT ĐBCL	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý học tập cùng các CVHT, cán bộ Giáo vụ, Quản lý SV của Khoa Hóa học và hoạt động giám sát chung của Nhà trường, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV được giám sát chặt chẽ. Sau khi tốt nghiệp, Khoa và Nhà trường vẫn giữ liên lạc thường xuyên với người học nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm, đồng thời có các hình thức hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp. Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Qua đó, thu hút được đông đảo SV tham gia NCKH. Song song với các hoạt động này, Nhà trường đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, nhà tuyển dụng. Thông qua các Báo cáo phản hồi, Nhà trường và Khoa đưa ra các kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, tỷ lệ SV tốt nghiệp còn chưa cao do vướng chứng chỉ tiếng anh B1. Tỷ lệ SV tham gia NCKH khá cao với số lượng SV được giải thưởng cấp cao trong 5 năm gần đây đứng đầu trường về tỉ lệ đạt giải với giải thưởng SV NCKH toàn quốc của các cơ sở giáo dục Đại học. Việc lấy ý kiến phản hồi từ phía nhà tuyển dụng còn hạn chế do Nhà trường chưa xây dựng được mạng lưới chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động.

Đánh giá tiêu chuẩn 11

Tiêu chuẩn 11	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 11.1					X		
Tiêu chí 11.2					X		
Tiêu chí 11.3				X			
Tiêu chí 11.4					X		
Tiêu chí 11.5				X			
Điểm tiêu chuẩn	4,60						

PHẦN III. KẾT LUẬN

Phần này bao gồm các nội dung: (1) Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT; (2) Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn); (3) Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT; (4) Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

3.1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT đại học ngành Sư phạm Hóa học được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT khi xây dựng đều hướng đến sứ mạng, mục tiêu, đội ngũ của Trường và khảo sát nhu cầu của xã hội nên đã phản ánh được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. CĐR của CTĐT đại học ngành Sư phạm Hóa học đơn giản, dễ hiểu, đo lường được, đã bao quát được các yêu cầu chung của bậc giáo dục đại học mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và bao gồm các điểm riêng biệt dành cho SV cử nhân Sư phạm Hóa học. CĐR đã phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan đã góp ý và đáp ứng tốt nhu cầu của nhà tuyển dụng được thể hiện rõ trong chương trình chi tiết đào tạo cử nhân Sư phạm Hóa học và được công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa và Trường.

Bản mô tả CTĐT đại học ngành Sư phạm Hóa học có đầy đủ thông tin và cập nhật giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT. Bản đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Hóa học có mục tiêu, nội dung rõ ràng, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để SV, GV, giáo vụ khoa, phòng Đào tạo, Ban chủ nhiệm Khoa, nhà tuyển dụng, cựu SV, các nhà khoa học có thể dễ dàng tiếp cận, truy cập tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi.

CTDH của hệ cử nhân Sư phạm Hóa học được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CĐR. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm của CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH cử nhân Sư phạm Hóa học đều có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CĐR. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở tất cả học phần đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Hơn nữa, CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung 2 năm một lần nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CĐR. Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

CTĐT thể hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của Nhà trường đã

được xây dựng cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai tới người học. Phương pháp đánh giá kết quả học tập được sử dụng đa dạng như: trắc nghiệm, tự luận, thực hành, bài tập lớn, vv. . Kiểm tra đánh giá kết quả học tập thể hiện trong CTĐT đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung học phần cũng như toàn bộ CTĐT về kiến thức, kỹ năng đạt được. Quy trình đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, tổ chức thi cử nghiêm minh đã tạo ra được nề nếp dạy và học tích cực. Trường có phần mềm quản lý đào tạo, thông qua sử dụng phần mềm người học được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá người học được sử dụng để cải thiện việc học tập. Khoa có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học và SV được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

Đội ngũ GV và cán bộ thực hiện CTĐT đại học ngành Sư phạm Hóa học có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và NCKH đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT. Điều đó xuất phát từ chiến lược quy hoạch, tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí công khai của Nhà trường. Trong giai đoạn 2019 - 2024, năng lực, các công việc của GV và cán bộ được quản trị và đánh giá công khai, minh bạch và khách quan đồng thời được khen thưởng dưới nhiều hình thức tạo động lực phấn đấu cho các GV và cán bộ. Nhà trường và Khoa cũng tích cực tiến hành các hoạt động hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kể cả ngoại ngữ, tin học. Công tác NCKH cũng được đề cao.

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT đại học ngành Sư phạm Hóa học nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thêm vào đó, việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh rõ ràng và được công bố công khai, được cập nhật theo các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như xu thế nghề nghiệp và dựa trên kết quả tuyển sinh của các năm trước. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của CTĐT rõ ràng và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào Trường cũng như vào CTĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được cập nhật, mở rộng đặc biệt với đối tượng tuyển thẳng để có thể tuyển chọn người học giỏi. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ đã thực hiện đồng bộ, rõ ràng, kịp thời và có hiệu quả cao. Người học được tiếp cận các thông tin về học tập, rèn luyện từ nhiều kênh khác nhau và theo hệ thống, dễ thực hiện và SV CTĐT đã hoàn thành

tốt CTĐT. Nhà trường, Khoa đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Các hoạt động hợp tác với các trường, tình nguyện viên quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho SV bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Người học được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thuận lợi; được đảm bảo về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp.

Trường ĐHSPHN và Khoa Hóa học có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa Hóa học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thường xuyên được theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp. Trung tâm Thông tin - Thư viện đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng phần mềm Lib 5.5 trong các khâu xử lý tư liệu và quản lý bạn đọc. Nguồn tài liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV, SV và học sinh trong toàn trường. Hằng năm, Nhà trường đều có kế hoạch, ngân sách cho nâng cấp cơ sở hạ tầng và kinh phí đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, kinh phí sửa chữa thường xuyên. Do vậy, hệ thống hạ tầng và các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành Sư phạm Hóa học hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo giáo viên Hóa học theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, kế hoạch tài chính, quản lý nhân sự, học sinh, SV, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Toàn thể cán bộ, GV và người học có thể được truy cập internet tại các giảng đường và trong khu nội trú. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lý kí túc xá, Ban quản lý giảng đường, cán bộ Trạm y tế được phân công nhiệm vụ cụ thể, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe người dạy và người học được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp.

Các kênh phản hồi được Trường sử dụng đa dạng: phiếu khảo sát, hội nghị, đối thoại, email, ý kiến chuyên gia. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở góp phần giúp Trường, Khoa và các bộ môn rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT cũng như chất lượng CTDH. Khoa Hóa học đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Các GV của Khoa tiếp tục phát huy thế mạnh về NCKH, đặc biệt tham gia chủ trì nhiều đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước cũng như công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí quốc tế uy tín, hỗ trợ Bộ GD&ĐT trong việc biên soạn SGK, sách hướng dẫn cho chương trình giáo dục phổ thông mới. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Việc đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Khoa và các bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV. Các qui định về nhân sự trong việc hỗ trợ công tác rà soát, kiểm tra quá trình dạy - học được qui định rõ ràng (Thanh tra Giáo dục, Phó Khoa phụ trách học tập, cố vấn học tập). Các kết quả học tập của SV được công bố công khai, minh bạch. Các đánh

giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Khoa và bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác đánh giá, cải tiến CTĐT, CTDH và các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý học tập cùng các cố vấn học tập, cán bộ giáo vụ, quản lý SV của Khoa Hóa học và hoạt động giám sát chung của Nhà trường, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV được giám sát chặt chẽ. Sau khi tốt nghiệp, Khoa và Nhà trường vẫn giữ liên lạc thường xuyên với người học nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm, đồng thời có các hình thức hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp. Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Qua đó, thu hút được đông đảo SV tham gia NCKH.

3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

Mặc dù việc rà soát và cập nhật CDR của CTĐT đã được tổ chức định kì, nhưng Khoa cần tiếp tục cập nhật thêm thông tin các CTĐT của các trường Đại học trong khu vực và quốc tế chất lượng cao trong thời gian tới. Công tác quảng bá tuyển sinh, CTĐT bằng tờ rơi cần được đầu tư hơn về hình thức.

Do hạn chế về thời gian nên ở một số học phần chưa áp dụng được nhiều phương pháp dạy học hiện đại như dạy học dự án, dạy học trải nghiệm và chưa đi sâu về cơ chế của một số vấn đề Hóa học mới xuất hiện gần đây.

Việc tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường chưa được thực hiện thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà tuyển dụng và với xã hội. Chương trình còn bắt buộc SV lên lớp vẫn còn nhiều, các nội dung dạy học online còn hạn chế.

Việc đánh giá kết quả học tập của SV theo CDR đôi khi còn chưa được thực hiện một cách đồng bộ ở tất cả các học phần. Phương pháp kiểm tra đánh giá ở một vài học phần chưa thật sự đa dạng. Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về tỷ lệ hài lòng đối với việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá học tập chưa được thực hiện thường xuyên.

Việc quy hoạch theo vị trí việc làm dựa trên đầu SV và môn học vẫn còn nhiều một số hạn chế. Một số cán bộ dạy môn cơ bản thừa rất nhiều giờ so với mặt bằng chung. Đội ngũ cán bộ cũng như số lượng đề tài nghiên cứu cũng chưa đồng đều ở các bộ môn.

Sự phối hợp giữa đội ngũ nhân viên phòng thí nghiệm của Khoa với các đơn vị trong Trường còn hạn chế, kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên phòng thí nghiệm chưa nhiều. Ngoài ra, các tiêu chí thi đua còn chưa xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ nhân viên nên số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn ít.

Chưa có nhiều ý kiến của các bên liên quan và các phân tích/dự báo về nhu cầu nhân lực trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. Sự tham gia của các bên liên quan chưa được chủ động. SV chưa chủ động trong phối hợp công tác thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình. Sự hợp tác của SV khi lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm còn hạn chế.

Một số ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng. Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế. Kinh phí đầu tư các trang thiết bị mới còn chưa đi kèm kinh phí bảo trì cho các trang thiết bị này dẫn đến kinh phí sửa chữa thường xuyên tăng cao khi các thiết bị này sử dụng quá 5 năm. Nhà trường chưa có quy định cụ thể về thu gom và xử lý hóa chất độc hại sau khi thí nghiệm và thực hành. Những tiện ích đặc thù cho người khuyết tật đã được chú ý nhưng còn ít. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng thí nghiệm của Khoa được bố trí tại các nhà từ A2 và A4 là các khu nhà được xây dựng từ năm 1958 đã xuống cấp nên chưa phát huy tối đa được khả năng phục vụ cho người học. Chưa có nguồn kinh phí ổn định thường xuyên dành cho việc duy tu, bảo dưỡng và mua bổ sung các thiết bị tại các phòng nghiên cứu chuyên sâu. Chưa có sự bổ sung đều đặn, liên tục các tài liệu điện tử. Hệ thống công nghệ thông tin cần được đồng bộ hóa.

Khoa chưa tổ chức được các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá nhu cầu thực tế của CTĐT theo CDR. Khoa cần chủ động hơn trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có cả các nhà tuyển dụng, chuyên gia (đặc biệt các chuyên gia đang giảng dạy ngành Sư phạm Hóa học ở các nước tiên tiến) và các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích cho quá trình dạy-học. Việc tổ chức dự giờ vẫn chưa huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong khoa. Việc đăng bài báo về giáo dục trên các tạp chí quốc tế của các GV trong khoa còn hạn chế. Khoa cần tổ chức seminar tập huấn cho giáo viên các phương pháp dạy học tích cực; các GV đăng kí thực tập, kiến tập phương pháp dạy học mới; sẽ tổ chức họp rút kinh nghiệm và lấy ý kiến phản hồi của SV. Việc lấy ý kiến khảo sát của các nhà tuyển dụng về CTĐT cũng chưa được thực hiện thường xuyên.

Tỷ lệ SV tốt nghiệp không đúng hạn còn tương đối cao do vướng chứng chỉ tiếng anh B1. Việc lấy ý kiến phản hồi từ phía nhà tuyển dụng còn hạn chế do Nhà trường chưa xây dựng được mạng lưới chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Trong những năm tiếp theo, Khoa sẽ thực hiện kế hoạch sau đây để cải tiến chất lượng CTĐT.

1. Tiếp tục cập nhật các CTĐT trong khu vực và quốc tế để đảm bảo tính hiện đại và hội nhập quốc tế của CTĐT. Đảm bảo hơn về mặt tiến độ khi rà soát, điều chỉnh CTĐT, có sự tham khảo, đối sánh CTĐT với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước khi xây dựng CTĐT mới. Định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. CDR cần được diễn đạt bằng các động từ dựa trên thang bậc nhận thức của Bloom để dễ quan sát, đánh giá. Đánh giá, rà soát và đề xuất điều chỉnh CDR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận quốc tế. Thiết kế tờ rơi, quảng bá về CTĐT, môn học theo nhiều giao diện mới qua các hoạt động thi quảng bá của SV về Trường và Khoa Hóa học.

2. Tăng cường bài tập, áp dụng nhiều phương pháp dạy học dự án, dạy học trải nghiệm và chưa đi sâu về cơ chế của một số vấn đề Hóa học mới xuất hiện gần đây. Trong hoạt

động rà soát CTDH, chưa tham khảo hết được tất cả các CTDH liên quan ở các nước trên thế giới.

3. Tăng cường tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà tuyển dụng và với xã hội. Chương trình còn bắt buộc SV lên lớp vẫn còn nhiều, chưa xây dựng các nội dung dạy học online.

4. Thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của SV theo CDR đồng bộ ở tất cả các học phần. Đa dạng hoá phương pháp kiểm tra đánh giá ở các học phần đồng thời tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của SV kết quả đánh giá học tập một cách thường xuyên hơn.

5. Thay đổi quy hoạch vị trí việc làm dựa trên đầu SV và môn học nhằm đảm bảo sự đồng đều trong phân công giờ dạy đối với GV, cán bộ dạy môn cơ sở và môn chuyên ngành; Đảm bảo đồng đều số lượng đề tài nghiên cứu giữa các các bộ môn.

6. Tăng cường sự phối hợp giữa đội ngũ nhân viên phòng thí nghiệm của Khoa với các đơn vị trong trường, đảm bảo kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên. Có những giải pháp cụ thể về vị trí việc làm đối với đội ngũ GVTH cũng như tiêu chuẩn cụ thể về thi đua khen thưởng đối với đội ngũ này, đảm bảo quyền lợi cho GVTH.

7. Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan và có các phân tích/dự báo về nhu cầu nhân lực trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. Tăng cường giúp SV chủ động trong phối hợp công tác thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình. Thường xuyên lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm.

8. Đề nghị Nhà trường ưu tiên đầu tư các nguồn ngân sách phục vụ cho công tác đào tạo như hệ thống thiết bị máy móc nghiên cứu và xây dựng phòng thực hành chất lượng cao.

9. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá nhu cầu thực tế của CTĐT theo CDR; chủ động hơn trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có cả các nhà tuyển dụng, chuyên gia (đặc biệt các chuyên gia đang giảng dạy ngành Sư phạm Hóa học ở các nước tiên tiến) và các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích cho quá trình dạy-học; khuyến khích các GV trong khoa tổ chức dự giờ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của GV; tổ chức tọa đàm, seminar với chuyên gia quốc tế về việc công bố các nghiên cứu về phương pháp DH/giáo dục trên tạp chí quốc tế; tổ chức seminar tập huấn cho giáo viên các phương pháp dạy học tích cực; các GV đăng kí thực tập, kiến tập phương pháp dạy học mới; tổ chức họp rút kinh nghiệm và lấy ý kiến phản hồi của SV; thường xuyên việc lấy ý kiến khảo sát của các nhà tuyển dụng về CTĐT.

10. Xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, nhà tuyển dụng. Thông qua các báo cáo phản hồi, Khoa đưa ra các kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo.

Tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát kế hoạch học tập của SV thông qua việc liên hệ chặt chẽ giữa cố vấn học tập, giáo vụ Khoa và SV. Thiết kế CTĐT hợp lí; tăng số lượng các môn học chuyên ngành trong học kì 3 để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thực hiện việc đối sánh về thời gian tốt nghiệp để phục vụ việc cải tiến CTĐT. Tổ chức hoạt động tư vấn tìm kiếm việc làm, tập huấn các kĩ năng mềm cho SV năm cuối trong hoạt động phỏng vấn, viết đơn xin việc; đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động Ngày hội việc làm. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động liên kết các các nhà tuyển dụng (các trường phổ thông, viện nghiên cứu, vv. .) để đưa thông tin tuyển dụng đến SV nhanh và hiệu quả hơn. Thường xuyên duy trì việc kết nối với SV sau tốt nghiệp.

3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Mã: SPH

Tên CTĐT: Sư phạm Hóa học

Mã CTĐT: 7.14.01.12

	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 1.1					X		
Tiêu chí 1.2					X		
Tiêu chí 1.3				X			
Điểm tiêu chuẩn 1	4,67						
Tiêu chí 2.1					X		
Tiêu chí 2.2				X			
Tiêu chí 2.3				X			
Điểm tiêu chuẩn 2	4,33						
Tiêu chí 3.1					X		
Tiêu chí 3.2				X			
Tiêu chí 3.3				X			
Điểm tiêu chuẩn 3	4,33						
Tiêu chí 4.1					X		
Tiêu chí 4.2				X			
Tiêu chí 4.3				X			
Điểm tiêu chuẩn 4	4,33						

	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 5.1					X		
Tiêu chí 5.2						X	
Tiêu chí 5.3					X		
Tiêu chí 5.4						X	
Tiêu chí 5.5					X		
Điểm tiêu chuẩn 5	5,40						
Tiêu chí 6.1					X		
Tiêu chí 6.2					X		
Tiêu chí 6.3					X		
Tiêu chí 6.4					X		
Tiêu chí 6.5					X		
Tiêu chí 6.6					X		
Tiêu chí 6.7					X		
Điểm tiêu chuẩn 6	5,00						
Tiêu chí 7.1					X		
Tiêu chí 7.2				X			
Tiêu chí 7.3					X		
Tiêu chí 7.4					X		
Tiêu chí 7.5				X			
Điểm tiêu chuẩn 7	4,60						
Tiêu chí 8.1					X		
Tiêu chí 8.2					X		
Tiêu chí 8.3					X		
Tiêu chí 8.4					X		
Tiêu chí 8.5					X		
Điểm tiêu chuẩn 8	5,00						
Tiêu chí 9.1				X			
Tiêu chí 9.2					X		
Tiêu chí 9.3					X		

	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 9.4					X		
Tiêu chí 9.5					X		
Điểm tiêu chuẩn 9	4,80						
Tiêu chí 10.1					X		
Tiêu chí 10.2					X		
Tiêu chí 10.3					X		
Tiêu chí 10.4					X		
Tiêu chí 10.5					X		
Tiêu chí 10.6					X		
Điểm tiêu chuẩn 10	5,00						
Tiêu chí 11.1					X		
Tiêu chí 11.2					X		
Tiêu chí 11.3				X			
Tiêu chí 11.4					X		
Tiêu chí 11.5				X			
Điểm tiêu chuẩn 11	4,60						

18. Số điện thoại liên hệ: + 02438330841; E-mail: chem@hnue.edu.vn

Website <http://phys.hnue.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1951

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT được KĐCL): 2012

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT được KĐCL): 2016.

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT: Khoa Hoá học ra đời cùng với sự thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường ĐHSPT Hà Nội), theo Nghị định số 276-NĐ, ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục, với nhiệm vụ ban đầu là đào tạo giáo viên khoa học Hoá học, phục vụ cho sự nghiệp giáo dục trong cả nước, và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học công nghệ và khoa học giáo dục. Trải qua 73 năm xây dựng và phát triển, Khoa Hóa học – Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội đã đạt được những thành tựu to lớn về giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Điều này được thể hiện qua những con số ấn tượng với gần 15 nghìn sinh viên, học viên tốt nghiệp, trong đó có khoảng 120 tiến sĩ, hơn 2000 thạc sĩ.

Với những thành tích đạt được, Khoa Hóa học Trường ĐHSPT HN đã vinh dự được nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba năm 1981, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2001, là một trong hai khoa đầu tiên của cả nước trong khối các Trường Đại học và Cao đẳng được tặng danh hiệu Tập thể học sinh Xã hội Chủ nghĩa. Trong lịch sử xây dựng và phát triển của Khoa Hóa học, có 03 Thầy Cô đã được vinh danh NGND, 07 Thầy Cô được vinh danh NGUT, 09 Nhà giáo được tặng thưởng Huân chương lao động, 09 Nhà giáo được nhận Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, 86 Thầy Cô được trao tặng huy chương Vì sự nghiệp giáo dục và rất nhiều các Thầy Cô được tặng thưởng Bằng khen của Bộ Trưởng BGD và ĐT.

Hiện tại khoa có 6 bộ môn: Hóa Vô cơ, Hóa Hữu cơ, Hóa lí, Hóa Phân tích, Hóa Công nghệ - Môi trường và Phương pháp giảng dạy. Ngoài ra trong khoa còn 01 Trung tâm Phân tích và chuyển giao công nghệ.

Khoa có 04 hệ đào tạo cử nhân là: CNSP Hóa học, CNSP Hóa học CLC, CNSP Hóa học đào tạo bằng tiếng Anh và cử nhân Hóa học; 06 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ (Hóa học vô cơ, Hóa học hữu cơ, Hóa lí thuyết và hóa lí, Hóa học Phân tích, Hóa Công nghệ - Môi trường và Lí luận và Phương pháp dạy học môn Hóa học) và 05 chương trình đào tạo tiến sĩ (Hóa học vô cơ, Hóa học hữu cơ, Hóa lí thuyết và hóa lí, Hóa học Phân tích và Lí luận và Phương pháp dạy học môn Hóa học).

Khoa có nhiệm vụ Đào tạo giáo viên Hóa học THPT có trình độ Đại học, đào tạo nâng chuẩn giáo viên Hóa học THCS từ trình độ Cao đẳng lên Đại học bằng các hình thức Liên thông, Từ xa, Tại chức. Biên soạn giáo trình giảng dạy cho các trường ĐHSPT, CĐSP, Sách giáo khoa Hóa học cho các bậc THPT và THCS. Đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ thuộc các chuyên ngành Hóa học vô cơ, Hóa học hữu cơ, Hóa lí thuyết và hóa lí, Hóa học Phân tích,

Hóa Công nghệ - Môi trường và Lí luận và Phương pháp dạy học môn Hóa học. Bồi dưỡng thường xuyên giáo viên Hóa học THPT, THCS, cán bộ giảng dạy Cao đẳng, Đại học môn Hóa học trên toàn Quốc; Bồi dưỡng Đội tuyển học sinh giỏi Hóa học Việt nam cho các kỳ thi Olympic Hóa học Quốc tế

Đào tạo

Hiện nay, Khoa Hóa học đào tạo 02 ngành cử nhân sư phạm Hóa học bao gồm: Ngành cử nhân sư phạm Hóa học từ năm 1951, và ngành cử nhân sư phạm Hóa học giảng dạy Hóa học bằng Tiếng Anh từ năm 2014 và 01 ngành cử nhân hóa học từ năm 2005. Khung chương trình các ngành đào tạo được xây dựng dựa trên thế mạnh truyền thống trong hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và giảng dạy của Khoa, Khung chương trình cũng được tham khảo với khung chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Hóa học của nhiều cơ sở đào tạo giáo viên uy tín trên thế giới như Đại học K- Leuven- Vương Quốc Bỉ, Đại học Chung Cheng, Đại học Chiao-Tung- Đài loan, Đại học ISUCT (LB Nga).

Khoa Hóa học là một trong những cơ sở đào tạo đầu tiên của Việt Nam triển khai chương trình đào tạo sau đại học từ năm 1980. Các chương trình đào tạo sau đại học được phát triển dựa trên thế mạnh truyền thống của khoa về hoạt động nghiên cứu và học tập với nhiều giảng viên có trình độ cao tốt nghiệp tại nhiều quốc gia có nền khoa học phát triển và sự hợp tác chặt chẽ trong đào tạo và nghiên cứu với các trường Đại học các Viện nghiên cứu đầu ngành tại Murdoch (Australia), Đức, Nhật Bản, Seoul University (Hàn Quốc), Đài Loan, Hàn Quốc, Bỉ, ISUCT (LB Nga), Universiti Tunku Abdul Rahman, Malaysia.

Nghiên cứu khoa học

Khoa Hóa học luôn là một trong những đơn vị có đóng góp lớn vào hoạt động nghiên cứu khoa học của trường ĐHSP Hà Nội trong suốt quá trình phát triển của Nhà trường. Trong 5 năm qua (2019-2024) đã có 98 đề tài các cấp được nghiệm thu thành công (trong đó có 15 đề tài cấp Nhà nước, 64 đề tài cấp Bộ, 19 đề tài cấp cơ sở); 358 bài báo khoa học đã được công bố trên các tạp chí, hội thảo (175 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 154 bài trên các tạp chí trong nước và 29 bài tại các hội thảo trong nước và quốc tế); Nhiều sinh viên đạt giải nhất, nhì cấp Bộ về NCKH; Khoa hiện nay đang liên kết, hợp tác chặt chẽ trong nghiên cứu khoa học với các trường Đại học, Viện nghiên cứu ở các nước trên thế giới: Mỹ, Pháp, Đức, Thái Lan, Philipin, Nhật Bản, Ba Lan, Đài Loan, Hàn Quốc, Bỉ, Nga.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục đại học và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng)

Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục đại học:

Trường ĐHSPHN chính thức được thành lập ngày 11/10/1951 theo Nghị định của Bộ Quốc gia Giáo dục. Trong quá trình phát triển, Trường mang nhiều tên khác nhau như Trường Sư phạm Cao cấp, Trường ĐHSPHN 1, Trường ĐHSP-ĐHQG Hà Nội và Trường ĐHSPHN như ngày nay. Hiện nay, Trường có 648 giảng viên, 129 giáo viên và 259 viên chức hành chính. Trong đó có 10GS, 126 PGS và 436 TS (bao gồm cả GS và PGS).

Tính đến nay, Trường có 24 khoa đào tạo. Trường có 4 trường trực thuộc: Trường

THPT Chuyên ĐHSP HN; Trường THPT&THCS Nguyễn Tất Thành, Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành và trường Mầm non Búp sen xanh; có 3 Viện nghiên cứu là Viện Khoa học tự nhiên, Viện Khoa học Xã hội; viện GD&ĐT Quốc tế; hơn 30 trung tâm nghiên cứu và chuyển giao KH-CN và khoa học giáo dục trực thuộc.

Trường có 39 CTĐT hệ chính quy, trong đó: 24 CTĐT giáo viên, 7 CTĐT cử nhân khoa học ngoài sư phạm, 7 CTĐT cử nhân sư phạm CLC; 42 CTĐT không chính quy (đào tạo tại chức và đào tạo từ xa), trong đó: 38 CTĐT giáo viên phổ thông, 4 CTĐT cử nhân khoa học ngoài sư phạm; 1 CTĐT cử nhân (Ngôn Ngữ – Văn hóa Việt Nam) liên kết với nước ngoài. Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường và Khoa như sau:



Ở bậc sau ĐH, có 51 CTĐT ThS, 43 CTĐT TS và một số CTĐT ThS, TS (Toán, Hóa, Lí...) liên kết với các trường đại học nước ngoài. Trường là cơ sở đào tạo sau đại học đầu tiên ở Việt Nam.

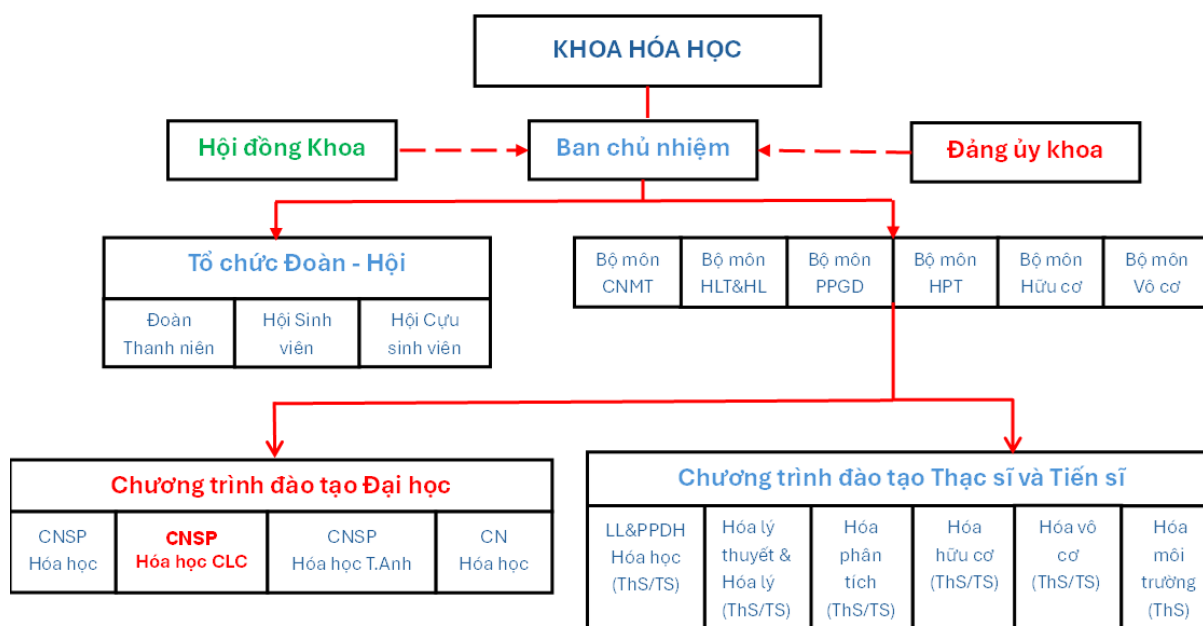
Đến nay, Trường đã đào tạo được hơn 91.000 cử nhân khoa học, hơn 15.000 thạc sỹ và hơn 1.200 tiến sỹ.

Trường ĐHSPHN còn là một trung tâm NCKH lớn. Chỉ tính từ năm 2000 đến nay, Trường đã có hơn 100 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước; gần 600 đề tài và nhiệm vụ cấp Bộ, trong đó có hơn 50 đề tài trọng điểm, gần 850 đề tài cấp Trường. 23. Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường và Khoa như sau:

Nhiều GV đã vinh dự được nhận những giải thưởng khoa học cao quý như: Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng khoa học Nhà nước, Giải thưởng quốc tế Cosmos, Giải thưởng Nhân tài đất Việt. Việc công bố các kết quả nghiên cứu KHCN trên các tạp chí khoa học quốc tế ngày càng nhiều. Trường ĐHSPHN đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý: Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới năm 2004. Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì; Huân chương Hồ Chí Minh lần thứ nhất năm 2001 và lần thứ hai năm 2011, Huân chương Độc lập hạng Nhất lần thứ 2 năm 2016.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa Hóa học

Khoa Hóa học có 6 bộ môn với nhiều phòng thí nghiệm hiện đại cho giảng dạy và nghiên cứu được lãnh đạo bởi Hội đồng khoa học và đào tạo, và Ban chủ nhiệm khoa. Sơ đồ tổ chức của Khoa được trình bày trên Hình 0.3



Hình IV.2. Sơ đồ hệ thống tổ chức và đào tạo của Khoa Hóa học.

Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa có 13 thành viên (đều có học hàm GS, PGS và TS) đại diện cho các đơn vị thành viên và các hướng nghiên cứu chính của Khoa.

Ban chủ nhiệm khoa bao gồm 03 thành viên gồm 01 chủ nhiệm Khoa và 02 phó chủ nhiệm Khoa.

06 đơn vị trực thuộc khoa bao gồm: 06 bộ môn (Hóa Vô cơ, Hóa Hữu cơ, Hóa lí, Hóa Phân tích, Hóa Công nghệ - Môi trường và Phương pháp giảng dạy) và Trung tâm Phân tích và chuyển giao công nghệ Giáo dục. Các đơn vị thành viên đều có cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại và các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo, nghiên cứu và rèn luyện nghề

đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa.

Các tổ chức đoàn hội khác như: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu sinh viên, Hội hưu trí,... đã tích cực tham gia vào các hoạt động của Khoa.

24. Danh sách Ban lãnh đạo CSGD và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban Lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn

(Riêng Ban Lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ			Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục							
1. Hội đồng trường							
1	Nguyễn Văn Hiền	1975	PGS	TS	Chủ tịch HĐT	0913363623	hiennv@hnue.edu.vn
2. Ban Giám hiệu							
1	Nguyễn Đức Sơn	1970	PGS	TS	Hiệu trưởng	0913303387	nguyenducson@hnue.edu.vn
2	Nguyễn Văn Trào	1973	PGS	TS	Phó Hiệu trưởng	0983755469	traonv@hnue.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT							
1. BCN Khoa							
1	Đặng Ngọc Quang	1974	GS	TS	Trưởng khoa	0979537986	quangdn@hnue.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thu Hà	1986	PGS	TS	Phó trưởng khoa	0364738682	hantt@hnue.edu.vn
3	Dương Quốc Hoàn	1976	PGS	TS	Phó trưởng khoa	0986778213	hoandq@hnue.edu.vn
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội							
2.1. Đảng ủy							
1	Đặng Ngọc Quang	1974	PGS	TS	Bí thư Đảng ủy	0979537986	quangdn@hnue.edu.vn
2	Lê Hải Đăng	1968	PGS	TS	P.Bí thư Đảng ủy	0983839947	danglh@hnue.edu.vn
3	Lê Văn Khu	1979	PGS	TS	Đảng ủy viên	0905442774	khulv@hnue.edu.vn

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ			Điện thoại	Email
4	Dương Quốc Hoàn	1976	PGS	TS	Đảng ủy viên	0986778213	hoandq@hnue.edu.vn
5	Nguyễn Bích Ngân	1981		TS	Đảng ủy viên	0835377769	ngannb@hnue.edu.vn
2.2. Công đoàn							
1	Lê Hải Đăng	1968	PGS	TS	Chủ tịch CĐ	0983839947	danglh@hnue.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thanh Thúy	1987		Th S	Phó chủ tịch CĐ	0344588118	ngannb@hnue.edu.vn
3	Lê Huy Nguyên	1967		Th S	Ủy viên	0913062361	thuyptt@hnue.edu.vn
4	Lê Hữu Dũng	1979		Th S	Ủy viên	0915878897	dunglh@hnue.edu.vn
5	Nguyễn Thị Hồng Vân	1978		Th S	Ủy viên	0363099886	vanth@hnue.edu.vn
2.3. Đoàn Thanh niên							
1	Trần Ngọc Dũng	1994		TS	Bí thư LCĐ		dungnn@hnue.edu.vn
3. Các phòng ban							
4. Các bộ môn							
1	Vũ Quốc Trung	1972	PGS	TS	Trưởng BM	0904518801	trungvq@hnue.edu.vn
2	Nguyễn Thị Minh Huệ	1972	PGS	TS	Trưởng BM	0944566456	huentm@hnue.edu.vn
3	Nguyễn Thị Thanh Chi	1977	PGS	TS	Trưởng BM	0989069204	chintt@hnue.edu.vn
4	Phùng Thị Lan	1982		TS	Trưởng BM	0385170209	lanpt@hnue.edu.vn

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ			Điện thoại	Email
5	Phạm Thị Bình	1981		TS	Trưởng BM	0989264281	binhpt@hnue.edu.vn
6	Nguyễn Bích Ngân	1981		TS	Trưởng BM	0835377769	ngannb@hnue.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo TS: 05

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 06

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 04

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 17

IV. Cán bộ, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

33. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT (bổ sung GVTH, cán bộ khoa và giáo vụ khoa)

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	22	25	47
I.1	Cán bộ trong biên chế	0	0	0
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	21	25	47
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	1	0	0
	Tổng số	22	26	48

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại GV

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	GS, Viện sĩ	1	1	0	0	0	0
2	PGS	16	0	16	0	0	0
3	TS khoa học	0	0	0	0	0	0
4	TS	20	19	0	01	0	0
5	ThS	08	08	0	0	0	0
6	Đại học	1	0	0	0	0	0

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	46	28	16	01	0	0

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 46 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100 %

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với PGS theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu bảng 35 được lấy từ bảng 34 nhân với hệ số quy đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	GS, Viện sĩ	5,0	1	1	0	0	0,0	0,0	5,0
2	PGS	3,0	16	14	02	0	0,0	0,0	48,0
3	TS khoa học	3,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
4	TS	2	20	19	0	1	0,0	0,0	40,0
5	ThS	1	8	8	0	0,0	0,0	0,0	8
6	Đại học	0,3	1,0	1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,3
	Tổng		46	43	02	01	0,0	0,0	101,3

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	GS, Viện sĩ	1,0	2,17	1,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0	0,0
2	PGS	16,0	34,78	10	6,0	0,0	2	9	3,0	2,0
3	TS khoa học	0,0	0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
4	TS	20,0	43,48	11	9	01	01	17	1	1,0
5	ThS	8,0	17,4	3	5	01	1,0	3	3	0,0
6	Đại học	1,0	2,17	1	1	0,0	0,0	1	1	0,0
	Tổng	46,0	100	26,0	21,0	2	4	30,0	8,0	3,0

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 45,23 tuổi.

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 80,43% (37/46 GV có trình độ TS, bao gồm 1GS, 16PGS và 20TS)

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17,8%

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	18,92	64,86
2	Thường sử dụng (60-80% thời gian của công việc)	56,76	35,14
3	Đôi khi sử dụng (40-60% thời gian của công việc)	24,32	0
4	Ít khi sử dụng (20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020	640	160	4	160	A00: 20.25 XTT5: 26.6	20.25 26.6	0
2020-2021	762	378	2.01	378	A00: 22.25 XTT3: 69.8	22.25 69.8	0
2021-2022	913	318	2.87	318	A00: 99	99	0
2022-2023	1501	122	12.03	112	A00: 25.8 D07: 26 B00: 26 XTT2- a2: 96.2	25.9	0
2023-2024	1708	58	29.44	55	A00: 26.13 D07: 26.36 B00: 26.68	26.39	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	6	16	13	11	10
2. Học viên cao học	60	42	68	69	55
3. Sinh viên đại học	160	378	318	230	159
Trong đó:					
Hệ chính quy	160	378	318	230	159
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

5. Học sinh TCCN					
Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...	0	0	0	0	0
	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: KHÔNG CÓ

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	17289	17289	17289	17289	17289
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	367	547	715	715	715
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	159	151	126	126	126
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	6,12	6,12	6,12	6,12	6,12

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	55	42	52	53	48
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	17%	12%	14%	10%	7%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	5	13	7	6	7
2. Học viên tốt nghiệp cao học	49	62	50	36	70
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	75	125	114	106	163
Trong đó:					
Hệ chính quy (Đợt 1)	3	26	8	3	28
Hệ chính quy (Đợt 2)	55	79	80	58	81
Hệ chính quy (Đợt 3)	17	20	26	6	54
Hệ chính quy (Đợt 4)				39	(Chưa có)
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	75	125	114	106	163
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	98,86	96,30	92,11	81,11	78,82
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:	A	A	A	A	A

A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:	A	A	A	A	A
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:	A	A	A	A	A
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này.					

B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây: (gồm cả đề tài cán bộ chủ nhiệm và tham gia do Trường ĐHSPHN là cơ quan chủ quản, tính theo năm VD: 2019-2020 thì tính năm 2019).

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	27	25	20	35	41	296
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	42	31	23	30	31	157
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	1	1	0	0	2
4	Tổng		71	57	44	65	72	455

Cách tính: Cột 9 = cột 3* (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 455 điểm

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị

thực hiện CTĐT: $455/44 = 10,34$

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	0	0	0
2	2020	0	0	0
3	2021	0	0	0
4	2022	0	0	0
5	2023	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học do Trường ĐHSPhN là cơ quan chủ quản trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	10	16	18	
Từ 4 đến 6 đề tài	8	13	1	
Trên 6 đề tài	11	10	0	
Tổng số cán bộ tham gia	29	39	19	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Sách chuyên khảo	2,5	2	2	1	1	0	15
2	Sách giáo trình	2,0	1	0	0	13	1	30
3	Sách giáo khoa phổ thông	1	1	0	0	5	7	13

4	Sách tham khảo	2	2	2	2	17	29	104
5	Sách hướng dẫn	1	2	1	2	0	5	11
	Tổng		8	5	5	36	42	172

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 172

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $172/44 = 3,91$

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	3	16	4	9
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	2
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	4
Tổng số cán bộ tham gia	3	16	4	15

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tạp chí KH quốc tế (Q1-GKH 1-1)	2,5	3	3	4	33	35	195
2	Tạp chí KH quốc tế	1,5	20	29	24	31	48	228
3	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	25	29	33	63	36	186
4	Tạp chí/tập san của cấp trường	0,5	3	6	4	17	28	29
	Tổng		51	67	65	144	147	638

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 638

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $638/44 = 14,5$

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus...)	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	15	22	23
Từ 6 đến 10 bài báo	11	12	5
Từ 11 đến 15 bài báo	6	0	0
Trên 15 bài báo	3	1	0
Tổng số cán bộ tham gia	35	35	28

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	0	1	1	0	3
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	1	1	6	0	4,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		2	1	2	7	0	7,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục đại học vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 69,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,92

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	6	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	6	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường).

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)	Giải pháp hữu ích
2019-2020	1	1
2020-2021	1	1
2021-2022	1	1
2022-2023	2	0
2023-2024	3	3

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của CSGD (tính bằng m²): 7.900 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 7900 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 1.700 m² Nơi học: 3.700 Nơi vui chơi giải trí: 2.500

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 2200

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 10,32

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo này được sử dụng tại TT TT-TV: 320

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 86.

Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 27

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 7

- Dùng cho người học học tập: 20

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 20/715

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 46

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 95,83 %

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 80,43%.

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 17,8%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 1595.

Tỷ số người học chính quy trên GV (%): 34,67

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 89,44% (trung bình trong 5 năm)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 4,1.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

.....
Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KH-CN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu (%): 2,88.

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (%): 0.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu (%): 4,39.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu (%): 11,97.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu (%): 1,92.

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy (%): 0,08.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy (%): 10,32.

Tỷ số diện tích KTX trên người học chính quy (m²/người): 5,31.

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan